

HƯỚNG TƯ

huyền
trong



cung cấm

tập 2



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Chương 11

Phong tình Nam Bắc triều

I. Mỹ nhân Thốc Phát

Vào thế kỷ thứ 4, người Tiên Ti sống du mục tại vùng Hà Tây, thủ lĩnh là Thốc Phát Ô Cô. Năm Lân Gia thứ 6 (Công Nguyên năm 394), Thốc Phát Ô Cô nhận tước quan của Hậu Lương Lữ Quang, nhanh chóng kiêm nhậm các bộ. Năm Long Phi thứ 2 (Công Nguyên năm 397), Thốc Phát Ô Cô tự xưng Tây Bình vương, niên hiệu Thái Sơ, tuyên cải Võ Uy vương, đô Bình Tây. Lại dời đô đến Lạc Đô, sử gọi là Nam Lương.

Thốc Phát Ô Cô uống rượu say té xuống ngựa gãy xương mà chết. Trước khi chết, Ô Cô lập di chiếu, để đệ đệ Thốc Phát Lợi Lộc Cô kế vị, nắm giữ quân chính, Lợi Lộc Cô lại truyền ngôi cho đệ đệ Thốc Phát Nhục Đàn, Nhục Đàn kế vị năm 402 Công Nguyên. Sau đó, Nhục Đàn xưng thần với Tần, xuất nhậm Lương Châu thứ sử, chiếm hữu Cô Tạng. 6 năm sau, tức năm Hoằng Thủy thứ 10 (Công Nguyên 408), Nhục Đàn đánh bại quân Tần, phục xưng Lương vương. Sau đó bị Bắc Lương Tử Cừ Mông Tôn đánh bại, dời đô Lạc Đô.

Thốc Phát Nhục Đàn hết sức hiếu chiến, sau khi đại bại lại tây chinh Át Phạt. Kết quả, giành thắng lợi lớn, bắt được hơn 40 vạn ngựa, trâu, dê. Tây Tần vương Khất Phục Xí Bàn nhân lúc Thốc Phát Nhục Đàn xuất chinh Át Phạt, tấn công đột ngột vào đô thành của Nhục Đàn. Binh Tây Tần phá cửa tiến vào thành, thái tử Thốc Phát Hồ Đài, vương hậu Chiết Khuất thị, vương tử, vương nữ bị bắt làm tù binh, còn gấm vóc lụa là và tất cả sản vật đều bị cướp sạch. Tướng sĩ của Thốc Phát Nhục Đàn nghe tin đô thành bị phá, ai nấy hoảng sợ, lần lượt bỏ chạy, không muốn tây chinh cùng với Thốc Phát Nhục Đàn, đến cuối cùng, bên cạnh Thốc Phát Nhục Đàn chỉ còn lại 4 tướng quan.

Thốc Phát Nhục Đàn lại đuổi 3 tướng quan đi, chỉ giữ lại tâm phúc ái tướng Âm Lợi Lộc, cùng nhau chạy về Tây Tần, đi thăm vợ con mình. Nhưng Tây Tần vương Khất Phục Xí Bàn đã cử đại thần lúc trước của Thốc Phát Nhục Đàn, ra đón Thốc Phát Nhục Đàn, đồng thời long trọng đón tiếp Thốc Phát Nhục Đàn đến đô thành của Tây Tần, làm nhạc phụ của Khất Phục Xí Bàn.

Thì ra, sau khi Khất Phục Xí Bàn cướp bóc đô thành Lạc Đô của Nam Lương, trở về Tây Tần cử hành lễ hiến tù binh một cách long trọng. Vương hậu Chiết Khuất thị của Thốc Phát Nhục Đàn tóc đã bạc phơ, nhưng lại ung dung trấn tĩnh, đoan trang nhã lệ. Thái tử Thốc Phát Hồ Đài khôi ngô tuấn tú, là một nhân tài. Khuất Phục Xí Bàn rất kính phục và ngưỡng mộ vương hậu và thái tử, nhưng điều làm cho Khuất Phục Xí Bàn phải động lòng là, con gái nhỏ 16 tuổi của Thốc Phát Nhục Đàn, Thốc Phát thị với mái tóc dài đen mượt. Thế là, Thốc Phát Nhục thị được giữ lại trong tầm cung. Thốc Phát xinh đẹp lại rất kiên cường. Khuất Phục Xí Bàn là một anh hùng, rất trọng nghĩa khí, Khuất Phục Xí Bàn nói, chỉ cần Thốc Phát thị đi theo ông, thì sẽ xá tội chết cho phụ thân của nàng, sẽ cử người đi đón ông ấy, nuôi trong cung, để ông ấy và vợ con được đoàn tụ; hơn nữa, ca ca Thốc Phát Hồ Đài của Thốc Phát thị cũng sẽ nhận được sự đối đãi rất tốt. Thốc Phát thị cân nhắc lợi hại, đồng ý theo hấn, hai người ân ái thương yêu nhau.

Khuất Phục Xí Bàn có được Thốc Phát thị, quả nhiên thực hiện lời hứa. Ông xây phủ đệ hoa lệ cho phu thê Thốc Phát Nhục Đàn, sau đó lại phong Thốc Phát Nhục Đàn làm Phiêu kỵ đại tướng quân, Tả Nam công. Không bao lâu, Thốc Phát thị được lập làm vương hậu. Điều đó làm cho phu nhân chính thức của Khuất Phục Xí Bàn là đại Thốc Phát thị nổi giận.

Đại Thốc Phát thị được gả cho con tin Khuất Phục Xí Bàn đang làm con tin tại Nam Lương khi ca ca của Thốc Phát Nhục Đàn là Thốc Phát Lợi Lộc Cô tại vị. Sau đó, quan hệ hai nước căng thẳng, Khuất Phục Xí Bàn một mình chạy về Tây Tần. Sau khi Thốc Phát Nhục Đàn kế vị, thấy đại Thốc Phát thị ở góa rất đau khổ, cũng rất đáng thương, nên cử sứ thần đưa đại Thốc Phát thị đoàn tụ với Khuất Phục Xí Bàn, đồng

thời còn tặng thêm rất nhiều đồ vật làm của hồi môn.

Đại Thốc Phát thị thấy tiểu muội của mình được phong vương hậu, địa vị cao hơn mình, còn mình chỉ được phong làm Tả phu nhân, thấy bất bình trong lòng. Đại Thốc Phát thị bèn tung tin nói xấu, quạt gió tạo lửa, làm cho Khuất Phục Xí Bàn quyết định tặng một mâm rượu độc cho Thốc Phát Nhục Đàn vào ngày sinh nhật của Thốc Phát Nhục Đàn, đầu độc chết ông. Thốc Phát thị được tin về cái chết của phụ thân, khóc đến mức chết đi sống lại. Ca ca của nàng Thốc Phát Hồ Đài được biết đó là rượu độc do Xí Bàn sai người đem đến, nghiêng răng uất hận, nói nguyên nhân cái chết với vương hậu Thốc Phát, vương hậu thề rằng nhất định phải báo thù. Thốc Phát vương hậu bàn mưu tính kế, nói kế hoạch này với chị họ mà mình thấy là đáng tin cậy là Đại Thốc Phát thị.

Đại Thốc Phát thị vui mừng trong lòng, mật báo với Xí Bàn. Xí Bàn thế nào cũng không dám tin, bèn cử người bắt huynh muội của vương hậu Thốc Phát. Huynh muội vương hậu Thốc Phát nói thẳng không che giấu, mắng Xí Bàn lòng lang dạ sói. Xí Bàn nóng tính nhất thời, xử tử huynh muội vương hậu. Một khoảng thời gian rất lâu sau đó, Xí Bàn cứ hồi hận mãi về điều đó.

Sau này, Xí Bàn chết đi, con trai của ông là Khuất Phục Mộ Vị kế vị. Đại Thốc Phát thị không chịu được sự cô tịch vắng lặng, nhanh chóng thông dâm với đệ đệ của Mộ Vị là Kha Thù La. Sau khi biết tin này, Mộ Vị hết sức tức giận, bèn nói là phải giáo huấn Kha Thù La. Đại Thốc Phát thị bí mật mưu sát Mộ Vị, chạy đến nước địch. Nhưng không thành công, ngược lại bị Mộ Vị cử người bắt giữ. Kha Thù La bị đánh một trận tơi tả, được miễn chết. Đại Thốc Phát thị bị ép uống rượu độc tự vẫn.

II. Lâu Chiêu Quân con mắt tinh đời gặp Cao Hoan

Lâu phu nhân tên là Lâu Chiêu Quân, là con gái của Tăng tư đồ Lâu Nội Can. Nhà họ Lâu là nhà giàu có trong trấn Hoài Sóc. Bộc dịch nhiều vô kể, trâu ngựa đầy chuồng. Lâu thị từ nhỏ đã thông minh xinh đẹp, nổi tiếng gần xa. Nhiều cường tộc hào môn trong trấn đều đến cầu thân, Lâu thị nhất nhất từ chối. Lâu thị ôm chí lớn trong lòng, nàng muốn lấy một vị anh hùng, nàng miệt thị những công tử trắng hoa, càng không muốn sống cuộc sống của quý phu nhân chẳng biết làm gì. Sau này, quả nhiên nàng phát hiện ra một vị anh hùng, đồng thời gả cho chàng khi chàng còn nghèo khó, giúp chàng kiến tập vương nghiệp. Vị anh hùng đó chính là Cao Hoan.

Lâu thị phát hiện Cao Hoan khi đang dạo chơi trong thành. Khi đó, Cao Hoan là một sĩ tốt, quần áo bần hàn, vừa hơn 20 tuổi, đi quân dịch tại đầu thành. Nhưng Lâu thị lại phát hiện vị sĩ tốt bần hàn này có khí thế hiên ngang, khí anh hùng lẫm liệt, cho rằng đó chính là trượng phu mà mình cần tìm. Sau đó, Lâu thị quan sát nhiều lần, càng khẳng định người đàn ông đó sau này nhất định sẽ thành sự nghiệp. Thế là, Lâu thị bèn bảo thị nữ của mình đi thăm dò. Chuẩn bị rất nhiều tiền bạc, tặng cho Cao Hoan, để chàng đến cầu thân.

Mỹ nhân và tiền tài bất ngờ đến, đương nhiên làm cho Cao Hoan vui mừng khôn xiết. Cao Hoan đem tiền bạc của Lâu thị đến Lâu phủ cầu hôn, Cao Hoan nhanh chóng được toại nguyện. Lâu thị trở thành vợ của Cao Hoan. Nàng đem hết toàn bộ của hồi môn giúp Cao Hoan tạo dựng sự nghiệp tương lai. Quả nhiên Cao Hoan phát đạt từng bước từng bước một.

Tổ tiên của Cao Hoan cũng từng làm quan, vì phạm tội, bị xung quân đến biên trấn, người nhà cũng phải đi theo. Đến đời phụ thân của Cao Hoan. Cao Hoan nghèo đến mức nhà chẳng có vách. Cao Hoan dần dần trưởng thành, bệ vệ đường hoàng, hiệp nghĩa hào hùng, nhưng do bần cùng, nên chỉ được làm quân sĩ sau khi phục dịch. Cao Hoan lấy được Lâu thị, dùng của hồi môn của Lâu thị nhanh chóng tổ chức một đội binh mã, do chàng làm thủ lĩnh. Tiếp đó, Cao Hoan kết giao hào sĩ, anh hùng trên khắp thiên hạ.

Trước tiên, Cao Hoan đầu quân cho Đỗ Lạc Châu, không chịu được cách sống của Đỗ Lạc Châu, muốn giết chết hắn để mình lên thay thế. Sự việc bị bại lộ, đành phải dẫn theo vợ và một trai một gái chạy trốn, đầu hàng Cát Vinh. Sau khi đầu hàng Cát Vinh, Cao Hoan lại không vừa ý, chạy sang đầu hàng Nhĩ Chu Vinh. Lâu thị vẫn bên ba theo Cao Hoan, quét phân ngựa, nấu cơm, may vá đôi hài rách cho chàng, Cao Hoan hết sức cảm động. Trải qua bao nhiêu trắc trở vất vả, cuối cùng Cao Hoan cũng lập được nghiệp lớn, phế lập hoàng đế Bắc Ngụy, giữ chức đại thừa tướng, thái sư, trở thành nhân vật nắm giữ thực quyền quản lý quân chính, tạo hàng loạt điều kiện tiêu diệt Đông Ngụy xây dựng Bắc Tề. Con trai thứ hai của Cao Hoan là Cao Tường lập nên Bắc Tề vào năm Vũ Định Đông Ngụy thứ 8 (năm 550).

Lâu thị trợ giúp Cao Hoan kiến lập vương nghiệp, Cao Hoan cũng biết rất rõ tài năng hơn người của Lâu thị. Khi gặp chuyện lớn, Cao Hoan luôn bàn bạc với Lâu thị; khi xuất chinh, Cao Hoan cũng giao hết mọi chuyện trong nhà cho Lâu thị. Lâu thị trưởng thành trong nhà giàu có, sau này lại được bá làm Bột Hải vương phi, nhưng Lâu thị sống tiết kiệm giản dị, khác với mọi người: “Hậu Cao Minh nghiêm đoạn, tiết kiệm giản dị, khi ra ngoài, tùy tùng không đến mười người, tính tình đôn hậu, không ghen tuông đố kỵ, thê thiếp của Thần Võ (tức Cao Hoan) được nàng đối xử rất tốt”.

Một lần, Cao Hoan dẫn quân Tây phạt. Lâu thị nửa đêm sinh đôi một trai một gái, tùy tùng bên cạnh thấy rất nguy hiểm, cầu xin đi báo cho Cao Hoan. Lâu thị không đồng ý, nói với tả hữu rằng, “Vương xuất thống đại binh, làm sao có thể vì ta mà rời khỏi quân doanh? Sinh tử có mệnh, có đến cũng chẳng thể thoát được”. Sau này, khi nghe được những lời này, Cao Hoan cảm khái không thôi.

Cao Hoan rất sủng ái Lâu thị, tình cảm hai người mặn nồng. Lâu thị sinh cho Cao Hoan 6 trai và 2 gái. Trong đó, con trai thứ 2 Cao Tường được phong làm Tề Tuyên đế, con trai thứ 6 Cao Diễn được phong làm Hiếu Chiêu đế, con trai thứ 9 Cao Trạng được phong làm Vũ Thành đế. Theo sử sách viết, khi Lâu thị mang thai 6 con trai và 2 con gái này, nàng mơ thấy những giấc mơ lạ, “Mang thai Văn Nhượng (con trai trưởng Cao Trùng) mơ thấy một đoạn rồng; mang thai Văn Tuyên (con trai thứ Cao Tường) mơ thấy rồng lớn, đầu đuôi thuộc trời đất, miệng rộng kinh người, khí thể ngất trời; mang thai Hiếu Chiêu lại mơ thấy nhu long đứng xuống đất; mang thai Vũ Thành lại mơ thấy rồng đang tắm biển; mang thai Ngụy Nhị hậu, mơ thấy ôm mặt trăng; mang thai 2 vương Nhượng Thành, Bác Lăng, mơ thấy chuột chạy vào áo”.

Tuy rất sủng hạnh Lâu thị, nhưng Cao Hoan vẫn giống như những anh hùng thành công khác, cũng rất thích nữ sắc, nhất là khi sự nghiệp ngày càng huy hoàng, xuất chinh tứ phương giành được thắng lợi lớn, bắt được rất nhiều con cái quý tộc xinh đẹp, Cao Hoan cũng không thể cầm lòng, thu nhận các mỹ nhân vào hậu cung, cưỡng ép làm thê; chiến bại Nhĩ Chu Bắc, bắt con gái của Tướng Châu trưởng sử Du Kinh vào tẩm cung; làm chủ Lạc Dương, nạp hoàng hậu Ngụy Hiếu Trang, hoàng hậu Kiến Minh làm thê thiếp; về đến Nghiệp Thành, lại bắt đi vương phi của Ngụy Nhậm Thành là Phùng thị, vương phi Thành Dương Lý thị; và cả Thượng Đảng thái phi Hàn thị và Vương thị, Mục thị, Trịnh thị...

Lâu thị không chấp nhất, rất thoải mái về việc Cao Hoan quảng nạp nữ sắc. Tuy nhiên, mỹ nhân nhiều, hậu cung đương nhiên khó mà an ninh. Cao Hoan phụng Hiếu Tĩnh đế Nguyên Thiện Kiến dời đô Nghiệp Thành, chiếm được mỹ phi Trịnh Đại Quân của Ngụy Quảng Bình vương, Trịnh thị rất dâm ô, giới phong tình. Cao Hoan vừa có được Trịnh thị thì lưu luyến không rời, hết sức sủng ái. Sau khi dâm lạc, Cao Hoan vẫn phải lãnh binh xuất chinh. Trịnh thị dâm hứng vô tận, làm sao chịu được cảnh đêm dài giường trống? Thế là, Trịnh thị mên con trưởng của Cao Hoan – Cao Trùng tuổi mới 14 mà bệ vệ đường hoàng. Rất nhanh, Trịnh thị cấu kết làm bậy với Cao Trùng, hai người dâm lạc điên cuồng.

Cao Hoan về cung, một tí nữ mật báo rằng Trịnh thị và con trưởng thông dâm. Cao Hoan giận dữ, đánh Cao Trùng 100 trượng, giam lỏng lại, chuẩn bị phế vị thế tử của hắn; đồng thời giam lỏng Lâu thị, xử tội nàng quản giáo con trai không nghiêm, bảo ngày sau sẽ không gặp mặt nữa. Cao Trùng cầu sự giúp đỡ của Tư Mã Tử Như, Tư Mã Tử Như là bạn chí thân của Cao Hoan, ông dẫn dắt Cao Hoan mà chẳng để lộ tung tích, hỏi Cao Hoan: Ai là người ra tiền cho ông chiêu binh mãi mã? Ai là người nuốt lệ trị thương cho ông? Và ai là người từng mũi kim từng mũi chỉ may lại đôi giày rách của ông trên đường Bình Châu? Có được tất cả vinh hoa phú quý của ngày hôm nay, làm sao có thể quên đi vị đại đức ân nhân đó! Cao Hoan như tỉnh cơn mê, thế là, phu thê cha con lại hòa hảo như xưa. Nhờ thế mà tránh được một bi kịch gia đình.

Nước Nhu Nhu (Nhu Nhiên) ở phía bắc binh cường tướng mạnh, là kẻ thù lớn nhất của Đông Ngụy. Cao Hoan và quần thần bàn bạc, chuẩn bị thông qua cầu thân để hai nước hòa hảo, để biên cương an ninh. Cao Hoan bèn phái sứ thần đi đến Nhu Nhu, cầu hôn cho con trai Cao Trùng. Không ngờ Nhu Nhu kha hãn A Na Hoài nói, nếu cao vương tự lấy vợ, thì có thể gả con gái cho. Điều đó nghĩa là, Cao Hoan phải phế chính thất, mới được lấy vị công chúa này.

Cao Hoan thấy khó xử: Mình đã hơn 50 tuổi, cả ân lẫn tình đều nặng với phu nhân Lâu thị, con trai đã trưởng thành, lúc này mà lấy công chúa của nước địch làm chính thất, vậy thì làm sao được! Nhưng, biên cương thì thế nào đây? An nguy quốc gia thế nào đây? Cao Hoan do dự. Sau khi nghe tin này, Lâu thị nói với Cao Hoan: “Đại kế quốc gia, mong bệ hạ đừng do dự”. Lâu thị chính là muốn Cao Hoan đừng do dự nữa, hãy lấy công chúa Nhu Nhu làm chính thất, mình tự nguyện từ bỏ vị trí chính thất.

Nhu Nhu công chúa đến, Lâu thị quả nhiên tránh khỏi chính cung, lui đến cung khác. Cao Hoan “Hồ thẹn mà báỉ tạ”, cảm động không thôi. Lâu thị lại nói với Cao Hoan: “Bi tướng hữu giác, nguyên tuyệt vật cố”. Nghĩa là nói, Cao Hoan khó khăn lắm mới được gặp nàng một lần, nàng lại toàn lo đại cục, để ông

mau chóng trở về, tránh công chúa phát hiện, sẽ nổi giận, xuất phát từ an nguy của quốc gia, mong ông đừng đến nữa.

Lâu thị không chỉ thông minh sáng suốt hơn người, lo cho đại cục, lại rất đôn hậu nhân ái, giữ mình trong sạch, sử sách gọi nàng là “nhân ái từ bi có nhiều con, không lo cho bản thân, tự dệt vải, may tặng cho mỗi người một chiếc quần và một chiếc áo bào. Tay may trang phục quân đội, bên cạnh tướng soái. Anh em tự lo đạt công danh, những thân thuộc khác đều không hề xin thưởng phong tước vị, mỗi lời nói đều cẩn thận từng chút, vì nghĩa chứ không vì quyền lợi riêng”.

III. Ngọc thụ hậu đình hoa

Phi tần mà hậu chủ nam triều Trần Thúc Bảo sủng ái nhất là con gái nhà binh Trương Lệ Hoa. Trương Lệ Hoa gia cảnh bần hàn, cha anh đều làm nghề dệt. Khi Trần Thúc Bảo làm thái tử, Trương Lệ Hoa được chọn vào hậu cung. Khi đó, Trương Lệ Hoa mới 10 tuổi, làm kì sử, tức tỉ nữ bên cạnh Cung Lương Đế.

Một lần, Trần Thúc Bảo đến thăm Cung Lương Đế, nhìn thấy Trương Lệ Hoa xinh đẹp mê người. Trần Thúc Bảo không kiềm chế được, sủng hạnh nàng. Sau đó, Trương Lệ Hoa mang thai, sinh ra thái tử Trần Thâm sau này. Sau khi kế vị, Trần Thúc Bảo phong Trương Lệ Hoa làm quý phi, cùng được sủng hạnh như Cung quý tần, Khổng quý tần. Trương Lệ Hoa trời sinh thông minh trí tuệ, được sủng ái nhất.

Thủy Hưng vương Trần Thúc Lăng phản loạn, hậu chủ Trần Thúc Bảo bị thương, nằm dưỡng thương tại Thừa Hương điện. Khi đó, Liễu thái hậu sống tại Bách Lương điện của chính cung hoàng hậu, Thẩm hoàng hậu Tô Vô kiến sủng, đến sống tại Cầu Hiền điện. Hoàng hậu, phi tần đều không được đến chăm sóc, chỉ có quý phi Trương Lệ Hoa, được đặc chỉ hầu hạ hậu chủ Trần Thúc Bảo, hơn nữa được ra vào mọi lúc. Có thể thấy tình cảm giữa Trần hậu chủ và Trương Lệ Hoa rất sâu đậm. Trương Lệ Hoa tài sắc song tuyệt, rất hiểu lòng người, rất được hậu chủ sủng ái, hậu chủ say mê nàng thật sự.

Năm thứ 2 Trần hậu chủ kế vị, tức năm Chí Đức thứ 2 (năm 584), 3 lầu các Lâm Xuân, Kết Kì, Vọng Tiên được xây trước điện Quang Chiêu, mỗi lầu các cao mấy chục trượng, phòng ốc mấy chục gian, cửa sổ, lan can, đều được làm bằng gỗ trầm hương. Trên mặt trang sức thêm vàng ngọc, châu thủy, bên ngoài treo rèm châu. Trong phòng có nhiều loại như giường ngọc, trướng ngọc, đồ chơi bằng ngọc châu và đồ dùng phục sức, hoa lệ vô cùng, “như xưa đến giờ chưa từng có”. Mỗi lần gió nhẹ thoảng qua, hương thơm nhẹ nhàng bay vào, tỏa khắp cả phòng. Lý Diên Thọ nói: “Buổi sáng mặt trời chiếu rọi, buổi tối ánh trăng rọi xuống hậu đình. Nơi đó đã được tạo thành núi, dẫn nước làm hồ, cây cối toàn cây lạ, và đủ loại hoa được.”

Trần hậu chủ sống tại Lâm Xuân các, Trương quý phi sống tại Kết Kì các, Cung quý tần và Khổng quý tần sống tại Vọng Tiên các, 3 lầu các này nối liền với nhau, ăn thông qua nhau. Ngoài ra có 7 người được kiến sủng là Vương mỹ nhân, Lý mỹ nhân, Trương thực viện, Bích thực viện, Viên chiêu nghi, Hà tiếp như, Giang tu dung, thỉnh thoảng cùng nhau đến 3 các, cùng nhau vui chơi, xem Viên đại xá có tài văn học trong số các cung nhân là nữ học sĩ, đến trợ hứng về văn thơ mọi lúc.

Trần hậu chủ mỗi lần có khách đến, đều lệnh cho nhiều mỹ nữ, quý phi, quý tần ra hầu yến, để những nữ học sĩ mỹ nhân này ngâm thơ làm phú với các quan khách, rồi phối nhạc, giao cho cung nhân truyền hát trong cung. Hậu chủ thường tuyển chọn hàng trăm, hàng ngàn người trong số các mỹ nữ trong cung để họ học những bài hát mới. Những ca khúc chính trong hậu cung của hậu chủ bao gồm “Ngọc thụ hậu đình hoa”, “Lâm Xuân nhạc”, “Hoàng hạc lưu”, “Kim thoa lưỡng biên thù”...

Lời của ca khúc thường miêu tả nét đẹp của người con gái, mà phần lớn là miêu tả Trương quý phi, Khổng quý tần xinh đẹp tuyệt thế. Hậu chủ chìm đắm trong đó, đương nhiên ngày càng suy nhược, cuối cùng mê muội, làm gì biết đến an nguy quốc gia? Triều Trần tan nhà mất nước cũng là điều tất nhiên thôi.

Trương quý phi tuyệt sắc đến thế nào? Sử sách ghi rằng, nàng “tóc dài 7 thước, đen như mun, lại sáng mượt mềm mại. Hết sức thông minh trí tuệ, có thần thái, ai nhìn cũng phải ngất ngây, nhất là khi nàng nằm trên chiếc giường ngọc. Rất hiểu lòng người, tài năng vô cùng. Hậu cung cung nữ không ai không khen tài đức của nàng”. Một cô gái tài sắc song tuyệt như thế, lại biết thuật mê hoặc người, đương nhiên được quán sủng tại hậu cung.

Vốn ra hậu chủ không có lòng với chính sự, có được mỹ nhân nỡ nà như thế, lại càng bỏ lơ chính vụ, không màng đến triều chính, có khi đến lại đưa theo Trương quý phi lên triều, để nàng ngồi trên gối, cùng nhau nhiếp chính. Tình trạng hoang đường của ông được ghi lại rất rõ trong sử sách. “Hậu chủ bỏ bê chính sự, bá quan khởi tấu, lại do hoạn quan Thái Lâm Nhi, Lý Thiện Độ giảng giải. Hậu chủ lên điện ngồi vào long kỷ, lại để Trương quý phi ngồi lên gối. Bên ngoài có việc, quý phi nhất thiết phải biết rõ trước, thế là càng được sủng ái, quán tuyệt hậu đình. Còn gia quyến của hậu cung, không tuân thủ pháp chế, nhưng nghe theo quý phi, quý phi lại lệnh cho Lý, Thái khởi tấu sự việc trước, sau đó mới ung dung lắng nghe. Đại thần có người không theo, đều bị trừng phạt. Thế là, quyền hành nằm trong tay Trương, Khổng, không chế 4 phương. Tông tộc nội ngoại, đều được tuyển dụng. Đại thần chấp chính, cũng bị trừng trị. Hoạn quan được sủng ái, cầu kết trong ngoài. Hành vi đúng sai, thưởng phạt vô thường, kỷ cương rối loạn!”

Quân nhà Tùy tấn công vào thành Khắc Đài, Trần hậu chủ dẫn theo Trương quý phi cùng trốn trong giếng. Quân Tùy bắt sống hai người. Tấn vương Dương Quảng hạ lệnh chém đầu Trương Lệ Hoa, treo làm gương giữa cầu Thanh Khê.

Chương 12

Chuyện tình của hậu phi cung nhà Tùy

I. Độc Cô thị nhân hậu – thê tử duy nhất của hoàng đế

Trong lịch sử hai ngàn năm tập quyền chuyên chế của Trung Quốc, chỉ có hai vị hoàng đế cả đời không lập phi tần thân thiếp, chỉ có một thê tử tức phối ngẫu hoàng hậu, hai vị hoàng đế chung tình này chính là Tùy Văn đế Dương Kiên và Minh Hiếu Tông Chu Hữu Đường trời sinh bản tính nhân hậu.

Một người phụ nữ có thể trở thành thê tử duy nhất trong cuộc đời của hoàng đế, quả thật rất hiếm thấy trong lịch sử cung đình Trung Quốc, đó cũng là kì tích nhân gian. Hậu cung Trung Quốc hết sức chú trọng mỹ nữ như mây, xinh đẹp là chính, thực hiện chế độ một vợ một chồng trong tình hình này dường như là chuyện không thể – Nhưng trên thực tế lại thực hiện được, đó cũng là một ngoại lệ, bởi vì vai trò của nhiều đời hoàng đế Trung Quốc và chế độ nhiều đời của hậu cung căn bản không có điều kiện để thực hiện chế độ một vợ một chồng.

Như thế, người phụ nữ có thể trở thành thê tử duy nhất của hoàng đế thật sự là người thành công trong số các cô gái trong lịch sử Trung Quốc, cũng chính là người may mắn trong số các cô gái – nàng phải có được cá tính rõ ràng về tố chất và giáo dục, là sự thành công của cá tính, mà sự may mắn của nàng lại chính là gặp được người chồng chung tình.

Thê tử duy nhất của Tùy Văn đế Dương Kiên hoàng hậu Độc Cô thị là con gái của Độc Cô Tín, bạn thân của Dương Trung, người Hoa Âm, Hoảng Nông. Dương Trung là khai quốc công thần, một trong tám trụ cột của Bắc Chu, quan đến chức đại tướng quân. Độc Cô Tín cũng là khai quốc công thần, một trong tám trụ cột của Bắc Chu, quan đến đại đô đốc, đại tư mã, thụ phong Hà Nội công. Con trưởng của Dương Trung cường tráng và dũng cảm, một nhân tài thật sự, tướng mạo uy nghiêm. Mà Độc Cô thị là con gái nhỏ nhất trong số 7 con gái của Độc Cô Tín, xinh đẹp thanh tú, thông minh lanh lợi, luôn có ý kiến riêng, rất có cá tính.

Độc Cô thị được gả cho Dương Kiên khi 14 tuổi, một đôi phu thê thiếu niên với mối tình chớm nở, ân ái mặn nồng, dung hòa hạnh phúc. Dương Kiên mang chí lớn thề nguyện rằng sẽ không nạp thiếp, cả đời chỉ yêu Độc Cô thị, để con cái có cùng một mẹ. Độc Cô thị đang tuổi dậy thì, xinh tươi như hoa như ngọc, cũng rất dịu dàng cung kính, thể hiện tư thế của một hiền thê lương mẫu, trở thành mẫu mực về hôn nhân nổi tiếng gần xa.

Chị gái của Độc Cô thị được gả cho Minh đế Vu Văn Thụ của Bắc Chu làm hoàng hậu, con gái trưởng của người được gả cho Chu Tuyên đế làm hoàng hậu; chị thứ tư của Độc Cô thị gả cho Lý Bính, sinh ra Lý Uyên, tức Đại Đường khai quốc hoàng đế. Độc Cô thị vốn là hào môn cự tộc, trải qua 3 triều Chu, Tùy, Đường, là hoàng thân ngoại thích, tôn vinh hiển quý, không ai sánh bằng. Cho nên, sử gia cảm thán: Tự cổ dĩ lai, vị chi hữu dã!

Sau khi Bắc Chu Tuyên đế Vu Văn Bân chết đi, tiểu ngự chính Lưu Phương và nội sử thượng đại phu Trịnh Dịch Kiều đọc chiếu, để Dương Kiên nắm giữ việc binh mã trong ngoài, phò tá Vũ Văn Xiển mới 8 tuổi, tức Bắc Chu Tĩnh đế. Dương Kiên tổng quản đại quyền, binh quyền trong tay, những người phản đối trong nước không phục, lần lượt chống đối. Ngự chính trung đại phu Nhan Chi Nghị biết đi chiếu là giả, kiên quyết không tuân theo mệnh lệnh do trung ương phát ra. Tổng quản Tướng Châu Úy Trì Đồn và cháu trai của hắn là tổng quản Thanh Châu Úy Trì Cẩn thống lĩnh 14 châu khác hợp lại với nhau phản đối Dương Kiên, mấy chục vạn dân chúng tại Ngụy, Triệu cũng phối hợp, chống đối Dương Kiên đang tại Trường An. Dương Kiên ung dung không vội, phân bố và thực hành hàng loạt biện pháp hiệu quả, thu phục lòng người, sau đó phát binh thảo phạt quân phản loạn, giành được thắng lợi.

Ngay vào giờ phút quan trọng khi thống nhất đất nước, Dương Kiên được sự nhắc nhở và giúp đỡ kịp

thời của người vợ thông minh trí tuệ Độc Cô thị, Dương Kiên rất khâm phục và cảm kích – Năm đó, khi Dương Kiên tấn công Cao Chấn chủ, Độc Cô thị kịp thời cho người cảnh giới Dương Kiên: “Đại sự đã thành, đang vào thể cưới hỷ, nhất thiết không thể xuống, xin hãy cố gắng!”. Dương Kiên lập tức cảnh tỉnh, khắc phục từng khó khăn một, cuối cùng được thừa nhận là đế, xây dựng nên vương triều nhà Tùy, trở thành hoàng đế khai quốc vương triều nhà Tùy, định đô Trường An. Độc Cô thị sắc phong làm hoàng hậu.

Tùy Văn đế Dương Kiên làm chủ đế vị, càng sùng ái, thương yêu hoàng hậu Độc Cô thị hơn, mà sự thật là có chút sợ vợ, tức kính nể vài phần vị thế từ có cá tính độc đáo, khí chất hơn người này – một người đàn ông có gan tranh vị và trở thành hoàng đế cai quản thiên hạ lại sợ vợ, chứng tỏ thế tử của ông không phải là người tầm thường, cá tính, tính tình, tình cảm, thủ đoạn của nàng tuyệt đối không ai sánh bằng.

Mỗi lần Văn đế Dương Kiên thượng triều, hoàng hậu Độc Cô thị luôn dậy từ rất sớm, chải gội đàng hoàng, cùng ra ngoài đình với Văn đế. Cho đến phía trước lầu các, hoàng thượng dừng nghỉ tại phía sau hậu điện, Độc Cô thị mới dừng lại, cáo biệt hoàng đế, mắt nhìn chàng đến tiền điện, cho đến khi bóng chàng đã khuất. Sau đó, Độc Cô thị ngồi yên trong các, đợi trượng phu hạ triều, đồng thời cử hoạn quan đứng bên cạnh hoàng đế hầu hạ, quan sát, âm thầm ghi lại những sự kiện quân thần nghị chính trong triều đường, nhất nhất báo với nàng. Hoàng hậu Độc Cô thị đưa ra ý kiến đối với những chính vụ không thỏa đáng, sửa đổi lại sai sót đối với những biện pháp không khả thi. Văn đế âm thầm thừa nhận sự tham chính của hoàng hậu, cũng rất khâm phục tài năng nhìn xa trông rộng của nàng. Đợi hoàng đế hạ triều, hai người lại nhìn nhau, tâm linh thần hội, cảm thấy hết sức hiểu nhau, hài hòa và hạnh phúc, sau đó hai người cùng nhau ngồi kiệu trở về nội cung.

Trong tuyệt đại đa số tình hình, Văn đế và hoàng hậu bàn luận và giải quyết chính sự đều không mưu mà hợp, hai người đều rất kinh ngạc và kính phục lẫn nhau, sự ngưỡng mộ yêu mến ngày càng sâu đậm. Hai người đều là chủ nhân của triều đình, đại thần ngoài triều cũng vui lòng khâm phục tiếp nhận vị hoàng hậu bất phàm này, cho nên mọi người gọi họ là nhị thánh.

Hoàng hậu Độc Cô thị giúp chồng quản lý chính sự, cung thất yên tĩnh, triều đình chính vụ rõ ràng, triều đình thể hiện một cảnh vui vẻ hướng vinh. Hoàng hậu Độc Cô thị hết sức trân trọng giang sơn xã tắc khó có được này, cũng hết sức trân trọng tình cảm của hoàng đế, giữ nghiêm kỷ luật, không vụ riêng tư, nơi nào cũng xuất phát từ góc độ quốc gia, thiên hạ đều thần phục, khen là nhân nghĩa. Biểu huynh của hoàng hậu phạm tội bị chém đầu, Văn đế có chút do dự, lo lắng hoàng hậu phản đối, hơn nữa dự định miễn xá cho vị quốc thích này. Độc Cô hoàng hậu được tin, không chút nề tình mà nói với hoàng đế: “Quốc gia chi sự, yên hà cố tư?”(Chuyện của quốc gia, hà có gì phải nghĩ đến chuyện riêng?)

Về phương diện phu thê, hai người chung tình như một, hết sức ân ái, còn hoàng hậu có vẻ nặng tình hơn, lòng tư cũng rất nặng, ghen tuông thành tính, rất nhiều hậu cung mỹ nữ chỉ có thể oán trời trách đất, rất lâu không được gặp hoàng đế, đành phải chấp nhận vô điều kiện.

May mà trời xanh phù hộ, để đôi đế hậu ân ái chung tình này lần lược có 5 đứa con trai gái, nếu không, hoàng triều sẽ phải lo việc không có người kế vị.

II. Phân lượng của tình

Hoàng hậu Độc Cô thị kiên trì giữ phận phu thê với hoàng đế, chủ trương một vợ một chồng, và rất ghét hành vi nạp thê nạp thiếp, hơn nữa lại kiên quyết phản đối. Nàng cố ý tạo ra không khí gia đình thật tốt, thật êm ấm, tạo thành một môi trường ngoại vi không nạp thiếp, để tình cảm hoàng đế chuyên nhất, không thấy oan ức.

Độc Cô thị mất đi song thân từ khi còn rất nhỏ, hết sức coi trọng tình cảm. Nàng hết sức lễ kính công khanh có song thân đang còn khỏe mạnh; nếu có một vị đại thần thê tử chết đi, nạp thiếp, lại sinh con cái, thì nàng hết sức chán ghét, gần như cưỡng ép yêu cầu hoàng đế giáng chức vị đại thần này; nếu trong số các vương có tin tì thiếp mang thai, nàng sẽ khuyên hoàng đế quở trách.

Chính thất Nguyên phi của thái tử Dương Dũng qua đời, Độc Cô hoàng hậu nghi ngờ do thái tử quá yêu chiều tì thiếp Vân thị nên hãm hại chính thất, nên tỏ ra phần nộ và bất mãn với thái tử, cuối cùng nàng để hoàng đế hạ quyết tâm phế truất thái tử Dương Dũng, lập con thứ Dương Quảng làm thái tử, dẫn đến đời thứ 2 của vương triều nhà Tùy bị diệt vong.

Hoàng đế Dương Kiên tuy có lập lời thề vĩnh viễn không nạp thiếp, nhưng đó là chuyện trước khi người làm hoàng đế. Trong dân gian, bản hàn một thê một thiếp, mãi không nạp thiếp, là chuyện không khó; nhưng một khi cuộc sống khá giả, gia đình sung túc, lại không nạp thiếp, thì có chút khó khăn. Mà một khi đã là hoàng đế, trở thành cửu ngũ chi tôn, lại không thể hưởng thụ sự đãi ngộ về mỹ sắc dành cho hoàng đế, thật sự là quá khó. Hoàng đế Dương Kiên ngày nào cũng phải chịu đựng những thử thách này.

Ngày tháng bình thường trôi qua, quan niệm mà Dương Kiên cố kìm nén ngày càng mãnh liệt. Một hôm, ông gặp được một cung nữ trong Nhân Thọ cung, xinh đẹp tuyệt vời, ông đi thăm dò, được biết đó là con gái của phản thần Úy Tri Hồi. Hoàng đế nhất kiến chung tình, lập tức chiếm hữu nàng. Úy Tri thị xinh đẹp trẻ trung, nết nà mê người, đương nhiên xinh đẹp hơn Độc Cô hoàng hậu đã đến tuổi trung niên. Dương Kiên nhất thời mê muội cô gái trẻ này, không thể kìm nén mình, giải thoát mình. Độc Cô thị cũng rất nhanh phát hiện quan hệ bất thường của trượng phu và Úy Tri thị, nổi giận lôi đình, nàng kết thúc cuộc ngoại tình này bằng phương pháp tàn khốc và đặc biệt nhất – nàng không thể oán trách gì hoàng đế, bèn trút tất cả nỗi hận lên người Úy Tri thị, nhân lúc Dương Kiên thượng triều, phái người giết chết Úy Tri thị; Dương Kiên hạ triều, làm sao cũng tìm không thấy thiếu nữ xinh đẹp, sau đó được biết thiếu nữ đã quy tiên, mà hung thủ chính là hoàng hậu.

Dương Kiên giận không thể tả, nhất thời không thể kìm nén sự phần nộ và cơn giận trong lòng, vừa chạy ra khỏi cung vừa la lớn, lấy một con ngựa phóng đi như điên, chạy khỏi cung thành, chạy một hơi hơn 20 dặm, đến một sơn cốc u tĩnh. Đại thần Cao Dĩnh, Dương Tổ biết tin, sợ xảy ra chuyện, lập tức đuổi theo, cũng chạy đến sơn cốc. Cao Dĩnh, Dương Tổ nhìn thấy hoàng đế dừng ngựa giữa cốc, lập tức bước lên trước giữ ngựa, khuyên giải an ủi hoàng đế. Dương Kiên thở dài rằng: “Trẫm làm thiên tử, lại không có chút tự do!”. Cao Dĩnh khuyên bảo hoàng đế nói: “Bệ hạ là thiên hạ chi chủ, làm sao có thể coi thường thiên hạ đại sự chỉ vì một người đàn bà?”. Hoàng đế nguôi giận dần, cảm thấy lời của Cao Dĩnh rất có lý. Vua tôi giữ ngựa trong sơn cốc đã lâu, nửa đêm mới trở về cung. Độc Cô thị cũng thấy mình có chút quá đáng, vẫn luôn chờ đợi trong các, thấy hoàng thượng trở về, rơi lệ tạ tội. Cao Dĩnh, Dương Tổ hai người liền bước lên khuyên giải. Hoàng đế mượn rượu tìm vui, phu thê hòa giải, ân ái như xưa.

Độc Cô hoàng hậu qua đời năm 50 tuổi. Hoàng đế Dương Kiên không ai quản thúc, bắt đầu hưởng thụ nữ sắc. Sự trác táng quá độ, thân thể Dương Kiên dần dần không còn sức lực, dẫn đến nằm liệt giường không dậy nổi, rời khỏi nhân thế khi 64 tuổi. Dương Kiên bệnh nặng và khi bệnh nguy, nghĩ đến tình nghĩa

của hoàng hậu Độc Cô thị và lợi điểm của việc chung tình, đau lòng nói với nội thị rằng: "Giá thử hoàng hậu còn sống, trẫm sẽ không trở thành thế này!".

III. Mỗi tình vô vọng của Tiêu hoàng hậu hiền tuệ

Cuối thế kỷ 6 Công Nguyên, tăng tôn của Lương Vũ đế, tức cháu của Lương Giản Văn đế Tiêu Cương là Tiêu Qui đầu hàng Bắc Chu sau khi nhà Lương diệt vong, được phong làm Lương vương, đô tại Giang Lăng, sinh con gái Tiêu thị – nàng chính là chính phối của Tùy Dạng đế Tiêu hoàng hậu. Giang Lăng tại Giang Nam, từ Bắc Chu đến Tùy, vẫn là một tiểu vương quốc. Khi đó, địa phương đó có một phong tục, cho rằng con gái sinh tháng 2, vận mệnh chắc chắn không tốt. Mà Tiêu thị lại sinh ngay vào tháng 2. Thế là, chẳng chút do dự, Tiêu Qui đưa Tiêu thị cho một thân thích không có con cái là Tiêu Cực làm con nuôi ngay vào ngày thứ 2.

Khi Tiêu thị 8 tuổi, cha nuôi, mẹ nuôi hết sức yêu mến nàng, sau khi cha mẹ nuôi lần lượt qua đời, Tiêu thị được gởi tại nhà của cậu Trương Kha. Nhà của Trương Kha gia cảnh bần hàn, sống hết sức cực khổ. Khi đó Tiêu thị đã có nét trưởng thành, hoa nhường nguyệt thẹn, dịu dàng nhã nhặn, không ai không khen ngợi khi nhìn thấy nàng.

Tùy Dạng đế Dương Quảng khi đó còn là Tấn vương, Văn đế Dương Kiên chuẩn bị chọn một vương phi cho Tấn vương tại đất Lương, nhưng, những mỹ nữ được chọn tại đất Lương, đều không cát lợi. Đối với vương thất nhà Tùy coi trọng bói quẻ hung cát mà nói, đó là việc không thể bỏ qua. Từ lâu, Tiêu Qui đã nghe nói con gái của mình đẹp đến hoa nhường nguyệt thẹn, sẽ rất may mắn, bèn đón Tiêu thị từ nhà Trương Kha về, đưa cho sứ giả xem bói. Kết quả, quẻ bói cát lợi, Tiêu Qui hết đời vui mừng. Văn đế thăm tra quan sát tỉ mỉ, cuối cùng Tiêu thị được lập làm vương phi.

Tiêu thị từ vương phi được lập làm hoàng hậu, nàng được cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn với Tấn vương Dương Quảng trong vòng 20 năm. Nàng sinh cho Tấn vương 2 con trai, sau khi nàng được lập làm hoàng hậu, con trai Dương Chiêu được lập làm thái tử. Dung mạo, tư thế, khí chất của Tiêu thị khi đó cũng đã rất chín chắn. Nhưng bước vào tuổi trung niên, lại là một đôi vợ chồng già đã sống với nhau 20 năm, đối với Dương Quảng vào ngôi kế vị khi đang tuổi sung sức, hoàng hậu người đã già, héo hon, đương nhiên không thể tạo nhiều hứng thú với ông; hoàng hậu chẳng qua chỉ là chủ nhân cai quản hậu cung mà thôi, muốn tìm hoan tìm lạc, chỉ có thể đi tìm mỹ nữ.

Hơn nữa, Dương Quảng sau khi kế vị đã không còn là Tấn vương tuấn tú đẹp trai, tài trí nhanh nhạy, hiểu lòng người, khiêm tốn lễ nhượng, tận tình của lúc trước. Sự háo sắc, ham công, thích hưởng lạc của ông dần dần lộ rõ. Dương Quảng dùng hết mọi kế sách để lấy lòng Văn đế và mẫu hậu, phé đi thái tử Dương Dũng. Sau khi được lập làm thái tử, Dương Quảng vẫn tiến lùi đúng lúc, cho đến khi Văn đế bệnh nặng, cuối cùng ông không thể kiềm chế sự háo sắc, nên đã sàm sỡ với sủng phi của Văn đế là Tuyên Hoa phu nhân trước khi Văn đế bệnh qua đời.

Dương Quảng ham muốn Tuyên Hoa phu nhân không phải chỉ một ngày. Văn đế bệnh, Tuyên Hoa phu nhân phụng chiếu hầu bệnh. Tuyên Hoa phu nhân Trần thị là con gái của Trần Tuyên Đế, trời sinh thông minh trí tuệ, dung mạo vô song. Sau khi nhà Trần diệt vong, nàng được chọn vào cung, làm tần trong hậu cung. Do Độc Cô hoàng hậu ghen tuông, nên không thể đắc sủng tại hậu cung, duy chỉ có Trần thị thỉnh thoảng được kiến sủng. Khi Dương Quảng là Tấn vương, vốn đã có kế đoạt vị thái tử. Ông muốn Trần thị làm nội gián, do đó thường tiến cống lễ vật. Ông tiến cống những châu báu hiếm lạ như Kim Sà, Kim Đà, để lấy lòng Trần thị. Hoàng thái tử Dương Dũng bị phé, Trần thị cũng góp không ít sức. Độc Cô hoàng hậu qua đời, Trần thị tiến làm quý nhân, được độc sủng, chủ quản nội sự, lục cung cũng được nàng chủ quản. Văn đế Dương Kiên bệnh nặng, di chiếu phong Trần thị làm Tuyên Hoa phu nhân.

Văn đế nằm tại Nhân Thọ cung, bệnh tình ngày càng nặng, lệnh cho Tuyên Hoa phu nhân và thái tử

Dương Quảng đến hầu hạ. Khi trời rạng sáng, Tuyên Hoa phu nhân rời khỏi phòng để thay đồ, thái tử Dương Quảng cũng đi theo sau, sàm sỡ với phu nhân. Tuyên Hoa phu nhân chống lại, vội vàng chạy ngay về cung thất. Văn đế bệnh nằm trên giường thấy vậy, vội hỏi xảy ra chuyện gì? Làm gì mà thần sắc hoảng loạn? Tuyên Hoa phu nhân đầm lệ, và bị hỏi ép, cuối cùng nàng nói: Thái tử sàm sỡ. Văn đế nổi giận lôi đình, giận dữ mắng rằng: Súc sinh như thế làm sao có thể phó thác đại sự, là Độc Cô hoàng hậu làm to rồi! Khi đó Văn đế mới tỉnh ngộ, thái tử Dương Quảng mà Độc Cô hoàng hậu ra sức chọn lại là một nghiệt tử, tuy nhiên, tất cả đều đã quá muộn. Văn đế lập tức triệu bộ binh thượng thư Liễu Thuật, Hoàng môn thị lang Nguyên Nham, dặn dò: Triệu con trai của trẫm. Dương Liễu lập tức triệu thái tử. Văn đế, nổi giận, la lớn: Dương Dũng! Tức chuẩn bị cho gọi thái tử Dương Dũng đã bị phế đến để phó thác đại sự.

Sau khi ra ngoài, Liễu Thuật, Nguyên Nham viết xong chiếu thư, nói với tả bộc xạ Dương Tổ. Dương Tổ ra sức phế thái tử Dương Dũng mà lập Tấn vương Dương Quảng làm thái tử, khi này bèn lập tức nói với thái tử Dương Quảng. Dương Quảng cho gọi các vệ sĩ tầm điện như Trương Hoảng, lệnh cho Tuyên Hoa phu nhân và người hầu hạ hậu cung lần lượt đuổi sang thất khác. Không bao lâu sau, Văn đế băng hà, Dương Quảng không cho phát tang, mà kế đại vị. Khi Dương Quảng phát động chính biến, vẫn còn tơ tưởng đến Tuyên Hoa phu nhân.

Ngay vào đêm phụ hoàng của Dương Quảng là Dương Kiên băng hà, Dương Quảng cưỡng hiếp ái phi của phụ hoàng là Tuyên Hoa phu nhân. Cũng cùng cảnh ngộ, một ái phi khác của Dương Kiên là Dung Hoa phu nhân cũng bị Dương Quảng cưỡng ép. Sau khi kế vị, Dương Quảng càng không kiêng kị ai, làm mưa làm gió, hưởng tận hoan lạc. Từ năm Đại Nghiệp thứ nhất, năm nào ông cũng gọi 2 triệu người xây Đông Đô. Mang đá quý châu báu của vùng phía nam Đại Giang, phía bắc Ngũ Lĩnh, đưa về Đông Đô, Lạc Dương. Thường khoảng 2 ngàn người kéo một cây gỗ, mỗi ngày đi 30 dặm, chi phí cho một cây lên đến hơn chục vạn. Ông cho xây dựng Hiền Nhân cung, nam giáp Tạo Chương, bắc đến Lạc Tân. Đồng thời cho tìm kiếm hoa thơm cỏ lạ, thú vật quý hiếm, làm đẹp ngự uyển. Tây Uyển dài 200 dặm, bên trong có biển 10 dặm, trên biển xây nên 3 ngọn núi tiên Phong Thái, Phương Trượng, Doanh Châu. Điện các trong uyển hết sức xa xỉ. Lại bắt hàng chục vạn người đến phía bắc sửa lại Trường Thành, mở rộng đường đi. Bắt hàng chục vạn dân công của các quận Hà Nam, Hoài Bắc khai thông đường sông, chế tạo thuyền rồng. Ông xuất tuần khắp nơi, tùy tùng đi theo đến hàng ngàn chiếc thuyền, binh sĩ chèo thuyền hơn 8 vạn người, tiêu tốn vô số tiền của. Ông còn tập họp tạp kỹ của khắp nơi về kinh đô. Đường như trong cung có đủ tất cả mọi thú vui trên đời, nên ông thường chơi thả đêm suốt sáng.

Dương Quảng còn mời đạo sĩ luyện đan, phái người đi tìm thuốc trường sinh bất tử, lại hết sức hoang dâm. Lịch sử gọi Dương Quảng hoang dâm vô độ, biệt hiệu đặt cho ông là Dạng đế. Sử sách ghi rằng Dương Quảng lệnh cho thị tòng đặc chế một chiếc xe nhỏ hẹp chỉ nằm đủ một người, Dương Quảng cưỡng hiếp gái trinh bị bắt từ khắp nơi trong chiếc xe đó. Khi Dương Quảng cưỡng hiếp mỹ nữ, bốn góc giường được treo kiếng đồng, để tự mình ngắm nhìn. Ông treo đầy ảnh giao cấu tại nơi mình ở, để học tập quan sát ngày đêm.

Dương Quảng hoang đường dâm lạc như thế, Tiêu hoàng hậu không thể làm gì, bất lực, quá lắm là khuyên giải vài câu. Nhưng Dương Quảng chẳng thèm nghe, vẫn mặc sức lộng hành. Nhưng, Dương Quảng vẫn rất kính trọng Tiêu hoàng hậu. Mỗi lần du hạnh, luôn để Tùy gia của Tiêu hoàng hậu đi cùng. Tiêu hoàng hậu thấy Dương Quảng ngày càng thất đức, không thể cứu vãn, lại không dám thẳng lời khuyên can, thế là, viết bài “Thuật chí phú” bày tỏ nỗi lòng của mình.

Mục đích của Tiêu thái hậu khi viết bài phú này là khuyên giải, can gián Dương Quảng hãy bớt phóng túng. Ai ngờ khi đọc xong bài phú này, Dương Quảng chỉ cười rồi thôi, chẳng để ý gì đến nữa. Dương Quảng cảm thấy, đời người ngắn ngủi và khổ sở, nếu không hành lạc ngay thì còn đợi đến khi nào? Nghiêu Thuấn thì sao? Kiệt Trụ thì lại sao chứ? Chẳng phải cuối cùng cũng đi xuống suối vàng đó sao! Tiêu hoàng

hậu thấy tuyệt vọng, Dương Quảng chẳng thể thay đổi. Tiêu hậu dứt khoát không nói nữa, làm một người bàng quan, may mà hoàng triều không diệt vong sau hai đời.

Sau khi Văn đế Dương Kiên thống nhất thiên hạ, quần hùng diệt vong, bốn bề vui mừng, chỉ có bộ lạc Đột Quyết ở phía bắc, du mục khắp nơi, xưng hùng ngoài ải, thường quấy nhiễu phía nam. Văn đế sử dụng sách lược hòa thân, đưa con gái của tôn thất, hiệu Nghị Thành công chúa, gả cho Khởi Minh kha hãn của Đột Quyết. Từ đó về sau, biên cương phía bắc lại được yên bình. Dạng đế Dương Quảng lại thích lập công lớn, đột nhiên muốn ra ngoài ải giương oai. Ông hạ chỉ lệnh cho hàng chục vạn dân phu vùng phía bắc Hoàng Hà đào thông Thái Hành sơn, xây một con đường rộng lớn thông đến Thái Nguyên. Khi xây xong, Dương Quảng dẫn theo các phi tần dưới hoàng hậu, văn võ bá quan, hơn 50 vạn binh sĩ, hơn chục vạn chiến mã phô trương thanh thế tiến về Thái Nguyên, ngang qua Ung Môn, qua Mã Ấp, đi thẳng về Thảng Châu.

Trước khi khởi hành, Dương Quảng gửi thư thông báo cho Khởi Minh kha hãn của Đột Quyết biết trước. Trường tôn cưỡi ngựa như bay đến ải bắc báo tin. Khởi Minh kha hãn sợ hãi sự hùng mạnh của Tùy triều, nhận tin xong lập tức đưa Nghị Thành công chúa và các tù trưởng đến hành cung Thảng Châu, triều kiến Dương Quảng, đồng thời cung kính hiến dâng 3 ngàn con ngựa. Dương Quảng dương dương tự đắc, để khoe khoang sự giàu có, ông ra lệnh xây một cái nhà lều có thể chứa hơn ngàn người. Nhà lều đó được làm rất nhanh, bên trong có đủ loại nhung lụa, vàng bạc châu báu. Bên ngoài bố trí tinh binh cường tướng. Dương Quảng tổ chức tiệc tùng linh đình trong nhà lều, mời cả Khởi Minh kha hãn và các tù trưởng tham dự. Trên yến, sơn hào hải vị, những món cần có đều có đủ, còn có cả rượu ngon người đẹp, một màn ca múa hoành tráng. Khởi Minh kha hãn và tù trưởng thật sự được mở rộng tầm mắt, khâm phục trong lòng, cung kính chúc rượu Dương Quảng. Dương Quảng hết sức đắc ý, thưởng cho 20 vạn súc gấm vóc. Đại yến kết thúc, Tiêu hoàng hậu lại đích thân đến doanh trường của Khởi Minh kha hãn, đến thăm Nghị Thành công chúa, hai người kết tình thân thiết.

Năm Đại Nghiệp thứ 11, Dương Quảng lại dẫn theo hoàng hậu phi tần và 3 vạn tinh binh tuần du phía bắc, đến xem Khởi Minh kha hãn của Đột Quyết sau khi chết đi, con trai của ông ta Khởi Tất kha hãn thế nào. Không ngờ, Khởi Tất kha hãn lại dẫn 10 vạn tinh binh, bao vây Ung Môn, nơi Dương Quảng đang nghỉ chân. Bị vây khốn trong thành, không ai cứu giúp, chắc phải trở thành tù nhân. Dững khí giương oai giễu võ của Dương Quảng mất ngay, chỉ thấy ông ôm đứa con nhỏ Triệu vương Dương Cảo khóc lóc thất thanh. Tiêu hậu rất bình tĩnh, tấu chuẩn những người có công giữ thành, giết địch được trọng thưởng. Đệ đệ của Tiêu hậu nhậm chức nội sử thị lang Tiêu Thục tấu thỉnh cử một mật sứ, xin Nghị Thành công chúa nay đã là Khởi Tất kha hãn Kha Hách Kính (Phụ nhân) tìm cách giải vây. Sau đó, Nghị Thành công chúa quả nhiên giúp Dương Quảng thoát hiểm. Nhưng, sau khi thoát hiểm, Dương Quảng lại không trọng thưởng như đã nói, chỉ thưởng cho vài người. Còn những người có công đuổi địch như Tiêu Thục, Phàn Tử Cái..., chẳng những không được thưởng, ngược lại bị trục xuất khỏi kinh sư do dám nói thẳng can gián. Từ đó về sau, lòng người ngượng lạnh, triều chính gian nan đi dần xuống vực thẳm.

Dương Quảng đến Giang Đô mặc sức hành lạc, đã vào mê lâu, thì không phân ngày đêm, cả tháng không bước ra. Nhân dân đói khổ khắp nơi, nghĩa binh khởi nghĩa khắp nơi. Lý Uyên chiếm cứ Trường An, Sơn Đông có Đậu Kiến Đức, Tấn Bắc có Lưu Vũ Châu. Lý Mật tấn công vào Lạc Khẩu, mấy kho quan tồn trữ hàng vạn tấn lương thực được mở ra, phân phát cho dân đói nghèo, lòng dân thiên hạ quy phục, binh thế hùng mạnh, chấn động Lạc Dương. Dương Quảng hạ lệnh xây cung Đôn Dương tại Đôn Dương, một khi đô thành hoặc phối đô báo nguy, thì vẫn còn Đôn Dương. Nhưng, tùy tùng đại thần và quan binh, người nhà phần lớn đều ở tại Lạc Dương hoặc Quan Trung, nếu hoàng thượng đến Đôn Dương, chẳng phải sẽ dâng không thành này cho bọn cướp, như thế sẽ chẳng có ngày lấy lại, ai mà chịu cho nổi? Thế là, cấm vệ quân Tư Mã Đức âm thầm sách động, liên lạc với Văn Lộ Thông và nhiều người khác cùng đưa Vũ Văn

Hóa làm thủ lĩnh, chuẩn bị giết chết Dạng đế và Tiêu hậu, rồi tâu phản Trường An.

Hành động phản loạn dần dần lộ rõ. Một cung nữ biết tin, hoảng hốt bẩm báo với Tiêu hậu. Tiêu hậu nghĩ một lúc, để cung nữ trực tiếp báo cho Dương Quảng. Dương Quảng nghe tấu báo, nói cung nữ tung tin đồn, ra lệnh chặt đầu nàng. Từ đó về sau, không ai dám đến tấu báo với Dương Quảng nữa. Dương Quảng ngày càng hoang dã, cả ngày không rời tửu sắc, cả hàng ngàn ti thiếp cũng thường say rượu suốt ngày. Sử sách ghi rằng, Dương Quảng nhìn thấy thiên hạ ngày càng hoảng loạn, bốn biển không yên. Sau khi thoái triều, Dương Quảng đầu đội khăn ngắn, người mặc áo ngắn, chống gậy, đi chậm rãi trong đình, đi đến các quán xá đình đài, suốt đêm đến sáng. Dương Quảng sợ cuộc sống hưởng thụ của mình không còn dài. Một lần, ông nhìn vào gương, tự than thở rằng: Tại sao một cái đầu giỏi như thế, ai lại chặt nó đi? Sau đó, lại có người bẩm báo với Tiêu hậu: Túc Vệ thường vô tình nói ra những lời mưu phản. Tiêu hậu đã tuyệt vọng, bắt lực nói: Sự việc của thiên hạ đã đến nước này, đại thế đã hết, không thể cứu vãn, không cần nói nữa, cần gì phải làm phiền hoàng thượng một cách uổng công như thế?

Tháng 3 năm Đại Nghiệp thứ 14 (năm 618), tả đồn Vệ tướng quân Vũ Văn Hóa Cập phát động binh biến. Dạng đế Dương Quảng treo cổ tự vẫn, con trai Triệu vương bị giết. Tiêu hoàng hậu đợi loạn binh rút lui, thấy hoàng đế, hoàng tử đều chết thảm, không cảm được kêu khóc thảm thiết. Sau đó, nàng ra lệnh cho cung nhân, tháo giường ra, làm thành hai cỗ quan tài, tẩm liệm cha con Dương Quảng, chôn tại hoa viên Tây Uyển.

Dương Quảng vừa chết, Vũ Văn Hóa Cập ra lệnh giết hết con cháu của Dương Quảng, chỉ để lại đứa con thứ 3 của Văn đế, con trai của Dương Tuấn là Tần vương Dương Hạo. Sau đó, Vũ Văn Hóa Cập triệu tập bá quan, giả phụng lệnh Tiêu hậu, lập Tần vương làm đế, còn mình nhậm chức thừa tướng, tổng quản triều chính. Vũ Văn Hóa Cập ép Tiêu hậu trở về Lạc Dương. Đến Từ Châu, đường thủy không thông. Vũ Văn Hóa Cập lệnh cho mỹ nữ, châu báu tài sản để trên xe, còn binh lính phụ trách khiêng binh khí lương thảo. Binh sĩ không ngừng oán thán, âm mưu lập Tư Mã Đức Kham. Vũ Văn Hóa Cập bắt người âm mưu đầu tiên, giết Tư Mã Đức Kham và Văn Lô Thông, binh sĩ chết hơn nửa. Con đường đến phía tây bị Lý Mật cản trở, Vũ Văn Hóa Cập thế đơn lực độc, đành phải chạy đến Hà Bắc ở phía bắc. Từ đó, Vũ Văn Hóa Cập dứt khoát giết chết Dương Hạo, tự xưng đế.

Dương Quảng bị giết, Tiêu hoàng hậu bị ép, tin tức không chân nhưng vẫn biết chạy. Nghị Thành công chúa thề rằng phải báo thù cho Dương Quảng, Tiêu hậu, nên yêu cầu Khởi Tất kha hãn cử sứ giả đến gặp Đậu Kiến Đức đang chiếm cứ Hà Bắc, đòi hắt giết chết Vũ Văn Hóa Cập. Đậu Kiến Đức địch không nổi Đột Quyết, đành phải tuân mệnh, phát binh vây thành, bại binh của Vũ Văn Hóa Cập bị phục kích. Đậu Kiến Đức giết chết cả nhà Vũ Văn Hóa Cập, trình thủ cấp của hắt cho Đột Quyết, Nghị Thành công chúa phát tang cho Dương Quảng, lại phát sứ nghênh đón Tiêu hậu lên phía bắc. Sử sách ghi rằng: Đột Quyết Xứ La kha hãn phái sứ thần đến Lạc Châu nghênh đón Tiêu hậu, Đậu Kiến Đức không dám giữ, Tiêu hoàng hậu bèn bắc tiến Đột Quyết. Năm Đại Đường Trinh Quán thứ 4, Đường diệt Đột Quyết, đón Tiêu hoàng hậu theo nghi lễ triều đình, Tiêu hoàng hậu trở về kinh sư, sống yên lành trong cung.

Chương 13

Hai vị hoàng hậu hiền lành thời Đường

I. Đậu hoàng hậu của Lý Uyên

Hoàng đế khai quốc của Đại Đường là cha con Lý Uyên, Lý Thế Dân. Họ trọng nghĩa khinh tài, kết bạn hào kiệt khắp nơi, được coi là anh hùng kiến công lập nghiệp thời loạn thế, luôn được người đời sau khen ngợi. Tuy nhiên, Lý Uyên, Lý Thế Dân lại ham mê nữ sắc, khởi binh cũng chỉ vì nữ sắc, chuyện này rất hiếm người biết đến.

Lý Uyên, Lý Thế Dân đều háo sắc, khi khởi binh lại sử dụng mỹ nhân kế. Sau khi khởi binh, Bùi Thúc lại tiến dâng mỹ nhân 500 người, gạo 9 vạn đấu, gấm vóc 5 vạn súc, áo giáp 40 vạn cái, dâng tặng cho cha con Lý Uyên hưởng dùng. Giang sơn của Lý Đường được định ra như thế. Tuy cha con Lý Uyên, Lý Thế Dân không được mọi người khen ngợi về mặt nữ sắc, nhưng hoàng hậu chính vị của hai người họ lại tài đức hơn người.

Hoàng hậu của Lý Uyên là Đậu thị người Bình Lăng, Kinh Triệu. Phụ thân Đậu Nghị làm trụ quốc thời Hậu Chu. Vào đời Tùy, Đậu Nghị làm tổng quản Định Châu, Thần Võ công. Sử sách ghi lại rằng khi Đậu thị ra đời, tóc của nàng đã dài qua cổ, khi 3 tuổi tóc đã dài bằng thân người. Đậu thị dần dần trưởng thành, đọc sách học chữ, thích đọc các loại sách như “Nữ giới”, “Liệt nữ truyện”, đọc qua thì không quên. Chu Vũ đế rất thương yêu Đậu thị, đưa nàng vào cung nuôi dưỡng, sủng ái hơn cháu trai của ông.

Đậu thị rất thông minh, thường có cách nhìn hơn người, và rất trọng thân tình. Sử sách ghi lại rằng: Đậu thị nghe nói Tùy Cao Tổ thoái vị, hết sức phẫn nộ lăn từ trên giường xuống, la lớn: Chỉ hận ta không phải là nam nhi, không thể báo thù cho cự gia! Đậu Cự liền bịt miệng nàng, nói: Đừng nói càn, bị diệt cả tộc đấy!

Đậu thị trọng nghĩa nghiêm mặt như thế, căm hận sự thay đổi triều đại như thế, sau này làm sao làm hoàng hậu của Lý Uyên? Tùy đế thoái vị, đại cục đã định, quần hùng lần lượt bị huỷ diệt, bốn biển thần phục. Trước tình hình đó, một cô gái yếu đuối yếu điệu như Đậu thị có thể làm gì? Đậu thị đến tuổi xuất giá, người cầu hôn nhiều không kể xiết. Đậu Nghị bèn nói: Đứa con gái này tướng mạo rất tốt, lại có kiến thức bất phàm, làm sao có thể tùy tiện gả cho người. Rồi vẽ hai con khổng tước giữa tấm bình phong, để người đến cầu hôn mỗi người bắn hai tên, ai bắn trúng mắt của khổng tước thì có thể thành hôn. Người đến cầu hôn lần lượt bị đào thải, con số lên đến hơn mấy chục người, cuối cùng đến lượt Đường Cao Tổ Lý Uyên, 2 cây tên mỗi cây trúng một mắt! Thế là, anh hùng gặp mỹ nhân, Đậu thị thừa nhận đó là số mệnh, bằng lòng gả cho Lý Uyên.

Khi đó, Vô Trinh thái hậu do già yếu nhiều bệnh, nhưng lại rất nghiêm khắc, các chị em đều kính nể. Không ai dám hầu bệnh. Đậu thị hầu hạ thái hậu, một mình cố gắng làm tốt chữ hiếu, thường cả tháng không ra ngoài. Đậu thị chăm sóc hết lòng hết dạ, người trong cung không ai không khâm phục. Đậu thị còn viết chương quy giới, lời văn nho nhã. Lại còn giỏi thư pháp, bắt chước bút tích của Lý Uyên như thật, không ai phân biệt được.

Kiến thức chính trị của Đậu thị được kiểm chứng và phát huy một lần nữa sau khi gả cho Lý Uyên. Khi đó, dưới quyền của Dạng đế, Lý Uyên rất yêu ngựa. Đậu thị thấy vậy, bèn nói với Lý Uyên: Hoàng thượng thích ngựa đến thế, tại sao không hiến tặng cho ông ấy? Giữ lại sẽ có tội, không có lợi ích gì. Lý Uyên không nghe. Không bao lâu sau, quả nhiên Lý Uyên bị xử tội. Lý Uyên thấy chính trị nhà Tùy hỗn loạn, nên tự nghĩ đến an nguy của mình, nhiều lần tiến dâng ưng khuyến ngựa tốt. Dạng đế Dương Quảng quả thật rất thích, phong Lý Uyên làm tướng quân. Qua nhiều lần như thế, Lý Uyên roi lệ nói với con trai: Nếu nghe lời của mẫu thân người sớm hơn thì ta đã được làm tướng quân từ lâu rồi.

Đậu thị sinh cho Lý Uyên 4 con trai: con trưởng là Kiến Thành, con thứ Thế Dân, con thứ ba là

Nguyên Bá, con thứ tư là Nguyên Cát. Khi còn sống, Đậu thị không được phong làm hoàng hậu, bởi vì Lý Uyên vẫn còn nằm dưới quyền của Dạng đế. Trong những năm Đại Nghiệp, nàng từ già cõi đời, chết tại Trác quận, hưởng dương 45 tuổi. Sau khi được thiên hạ, Lý Uyên chiếu nơi chôn cất của Đậu thị là Thọ An lăng, Ích Mục. Sau đó tôn nàng làm Thái Mục hoàng hậu.

Trong số 4 con trai của Đậu thị, người được sủng ái nhất là con thứ Thế Dân. Khi Lý Thế Dân chào đời đã có Nhị Long chi phủ, sử sách ghi rằng hoàng hậu thương yêu Lý Thế Dân nhất trong số các con của mình. Tướng mạo đế quân của Nhị Long chi phủ có lẽ là sự khiên cưỡng của sứ thần, nhưng Đậu thị thương yêu Lý Thế Dân nhất có lẽ là đúng. Bởi vì, trong trận binh biến Huyền Vũ môn, sau khi giết chết huynh trưởng Kiến Thành và tứ đệ Nguyên Cát, ép phụ hoàng Lý Uyên thoái vị, Lý Thế Dân lên làm hoàng đế thứ 2 của đại Đường. Một lần, nhìn vật nhớ người, nhớ đến mẫu thân Đậu thị, đã thút thít rơi lệ. Lý Thế Dân nói với thị thần rằng: Trăm sống tại đây, còn mẫu thân thì đã qua đời rồi, ơn sinh dưỡng không thể báo đáp! Vừa nói, lại lớn tiếng bật khóc, thị tùng tả hữu cũng rơi lệ. Thế là Lý Thế Dân hưởng hậu tại chính điện. Lại có một ngày, Lý Thế Dân hạnh Cửu Thành cung, mơ thấy mẫu thân, như khi vẫn còn sống. Khi tỉnh dậy, Lý Thế Dân buồn bã như người mất hồn. Ngày hôm sau, Lý Thế Dân cho mở kho lương, phân phát cho người nghèo, để báo đức của Đậu thị. Trong Tết Nguyên tiêu, Đậu thị được phong làm Thái Mục Thần hoàng hậu. Từ đó có thể thấy tình mẹ con của họ sâu đến mức nào.

II. Trưởng Tôn hoàng hậu của Lý Thế Dân

Hoàng hậu của Lý Thế Dân là Trưởng Tôn thị người Lạc Dương, là hậu duệ của nhà họ Thác Bạt đời Ngụy. Tổ tiên của Trưởng Tôn thị vốn có họ tôn thất, do hiệu Trưởng Tôn, nên sau đó đổi thành họ. Cao tổ của nàng là Trưởng Tôn Thích là đại thừa tướng, Phùng Lập vương. Tăng tổ Trưởng Tôn Dục là Bình Nguyên công. Tổ phụ Trưởng Tôn Tứ là Tả tướng quân. Phụ thân Trưởng Tôn Thành tự Lý, uyên thông sử sách, là Tỳ Tả Thiệu Vệ tướng quân. Có thể nói Trưởng Tôn thị thuộc hàng thế gia đại quan.

Trưởng Tôn thị thích đọc sách, lấy thiện ác từ xưa đến nay để tự răn mình, thông hiểu lễ pháp. Ca ca của Trưởng Tôn Thanh là Trưởng Tôn Xí là học sĩ của Thông Đạo quán đời nhà Chu, nghe nói Đậu thị từng khuyên giải an ủi nữ Đột Quyết, cảm thán trong lòng, nói với Trưởng Tôn Thanh: Đó là con người rất túc trí, rất hiểu chuyện đời, chắc chắn có con trai kỳ tài, không thể không làm thân. Thế là, Trưởng Tôn Thanh gả con gái cho Lý Thế Dân.

Sử sách ghi rằng, Trưởng Tôn thị có cát nhân dị tướng. Một lần ái thiếp của ông cậu hoàng hậu nhìn thấy một con ngựa dài hai trượng đứng phía sau phòng thất của hoàng hậu, rất sợ hãi, bèn đi bói quẻ, được quẻ Thái cát lợi nhất. Sau này, quả nhiên từ thái tử phi được phong làm hoàng hậu.

Trưởng Tôn thị trời sinh tính tiết kiệm, đồ dùng phục trang hàng ngày chỉ là những thứ được cung cấp theo quy chế. Nàng thích đọc sách, dù là mùa đông lạnh buốt hay mùa hè nắng nóng cũng không bỏ. Khi ngồi trò chuyện với Lý Thế Dân tại hậu cung, chưa hề hỏi đến chuyện chính vụ triều đình. Dù Lý Thế Dân có hỏi, nàng cũng từ chối trả lời, từ tạ rằng: Gà mái báo thức, không phải là chuyện tốt, bệ hạ nghĩ sao? Hỏi nữa, thì kiên quyết không trả lời. Trong hậu cung có người mắc tội, Trưởng Tôn thị nhất định giúp hoàng thượng trừng trị, đợi sau khi hoàng thượng bớt giận, mới tra khảo tỉ mỉ, để tránh oan uổng. Trưởng Tôn thị rất rộng rãi phóng khoáng, không tranh sủng với cung nhân. Hạ tần sinh xong Dự Chương công chúa thì không may chết yểu, nàng coi như người thân, an ủi khuyên bảo. Cho dù cung nữ có bệnh, nàng cũng thường bảo ngự y bắt mạch nấu thuốc cho họ. Trên dưới trong cung đều cảm ơn sự nhân từ của nàng.

Phụ thân của Trưởng Tôn thị là Trưởng Tôn Thanh, mẫu thân là con gái của thứ sử Dương Châu nhà Tùy Cao Kính Đức. Ca ca của Trưởng Tôn thị là Trưởng Tôn Vô Kị, là bạn áo vải của Thái Tông Lý Thế Dân, phò tá có công, được làm Nguyên Công, có thể tự do ra vào nội thất, Lý Thế Dân giữ lại phò tá mình. Khi Trưởng Tôn thị biết được, nàng kiên quyết không đồng ý, nói với Lý Thế Dân rằng: Thiếp tọa trấn hậu cung, đã tôn quý vô cùng, không thể để tông thân của thiếp nắm quyền triều đình, bài học của Lữ thị, Hoắc thị ngoại thích đời Hán vẫn còn, không thể không lấy đó làm gương. Lý Thế Dân không nghe, kiên trì bổ nhiệm Trưởng Tôn Vô Kị làm thượng thư bộc xạ.

Huynh đệ khác mẹ của Trưởng Tôn thị là Trưởng Tôn An Nghiệp, là kẻ vô lối. Khi cha qua đời, hắn đuổi Trưởng Tôn thị và Trưởng Tôn Vô Kị về nhà ngoại. Sau khi được lập làm hoàng hậu, Trưởng Tôn thị không tính toán chuyện xưa, Trưởng Tôn An Nghiệp được làm tướng quân. Sau này, Trưởng Tôn An Nghiệp và Lý Hiếu làm phản, phải chịu tội chết. Trưởng Tôn hoàng hậu khầu đầu tạ tội nói: Trưởng Tôn An Nghiệp phạm phải tội chết, không thể tha thứ. Nhưng, lúc trước hắn đối xử với thiếp không tốt, mọi người đều biết, nếu nay xử hắn tội chết, e rằng người khác sẽ hiểu lầm cho rằng thiếp báo thù riêng, như thế sẽ không tốt đối với bệ hạ. Thế là giảm tội đi đầy biên cương. Thái tử Thừa Can cầu xin tăng thêm đồ dùng lật vật cho đông cung. Trưởng Tôn thị nói: Thái tử chỉ sợ không có danh đức, vật dụng có tác dụng gì?

Năm Trinh Quán thứ 8, Trưởng Tôn thị nhiễm bệnh nguy cấp từ Thái Tông Lý Thế Dân du hạnh Cửu Thành cung. Khi đó, biến cố do Sài Thiệu gây nên đang nguy cấp. Lý Thế Dân phải đi dẹp loạn, Trưởng

Tôn thị cũng đi theo dù đang mang bệnh. Cung Tư can gián, Trưởng Tôn thị trả lời rằng: Hoàng thượng kinh hãi, làm sao mà ta yên lòng? Bệnh tình ngày càng nghiêm trọng. Thái tử Thừa Càn tấu thỉnh đại xá, làm lễ cầu trời để ngăn tai họa. Trưởng Tôn thị nói: Sinh tử của con người có số cả, con người chẳng thể làm gì cả. Nếu tu phúc có thể kéo dài tuổi thọ, ta không làm chuyện ác. Nếu làm việc thiện không có ích cho việc trường thọ, thế thì cầu làm gì? Hơn nữa, đại xá là đại sự quốc gia, Phật lão là dị giáo, đều không nên làm, làm sao chỉ có thể vì ta mà làm loạn cả đại pháp thiên hạ? Thái tử không dám tiến tấu vì chuyện này nữa, chuyển sang nói với đại thần Phòng Huyền Linh. Phòng Huyền Linh chuyển tấu Thái Tông. Thái Tông than thở khen hay. Quần thần lại tấu thỉnh đại xá, để trừ tai họa cho hoàng hậu. Thái Tông ưng chuẩn. Trưởng Tôn thị ra sức ngăn cản nhưng không được.

Năm Trinh Quán thứ 10, bệnh tình của Trưởng Tôn hoàng hậu ngày càng nghiêm trọng, chỉ thoi thóp thở, vĩnh biệt Thái Tông mà nói: Phòng Huyền Linh phụng sự bệ hạ đã lâu, rất có kiến thức, lại có nhiều mưu lược, không có duyên cớ gì nghiêm trọng thì đừng nên lạnh nhạt người ấy. Thiếp nhận hoàng ân đã lâu, vô đức mà được hưởng bổng lộc, rất dễ gây họa, không muốn nhận quan cao, cung phụng triều đình với thân phận ngoại thích là đủ rồi. Khi còn sống, thiếp không làm chuyện gì, khi qua đời đừng nên hậu táng, chỉ mong mộ được tựa núi, đừng sử dụng quan tài quý, hãy lấy vật dụng bằng gỗ và sứ chôn cùng, tiết kiệm là được.

Khi còn sống, Trưởng Tôn thị không tham dự triều chính, khi lâm chung lại quan tâm đến trọng thần, quan tâm chính sự, còn cầu xin Thái Tông lắng nghe lời can gián của trung thần, đừng nghe lời nịnh hót, bớt tuần du phục dịch, nói thế xong, nàng mới có thể nhắm mắt mà chết. Tháng 6 năm đó, Trưởng Tôn thị qua đời tại Lập Chính điện, mới 36 tuổi.

Trưởng Tôn hoàng hậu được hậu thế và sử sách khen ngợi rằng, nàng đã lựa chọn những sự tích của phụ nữ thời xưa viết và thành 10 chương “Nữ tắc”, hơn nữa nàng quả trách Mã hoàng hậu đời nhà Hán không thể kiểm soát nhà ngoại, tham gia vào chính sự, lãng phí xe ngựa, từ đó gây họa cho mình. Trưởng Tôn thị sinh thời cảnh báo cung nhân, nói viết sách này là để tự răn mình trước, cho nên không có điều lệ gì, không để hoàng thượng nhìn thấy. Khi Trưởng Tôn thị qua đời, cung tư biết được cuốn sách này. Thái Tông đau lòng nói với cận thần rằng: Sách này có thể lưu truyền hậu thế, ta đã mất đi trợ thủ đắc lực, thật làm người ta đau lòng! Trưởng Tôn thị qua đời được gọi Văn Đức Thánh hoàng hậu, chôn tại Cửu Lăng sơn, sau thành Hậu Chí. Thái Tông đích thân theo dõi từ đầu đến cuối.

Chương 14

Thời đại nữ hoàng

I. Lời sấm thần bí

Năm Trinh Quán thứ 4, chiêm tinh gia người Thành Đô Tứ Xuyên từng làm Tư quan lệnh triều Tùy và Hòa tinh lệnh đầu đời Đường rồi ẩn cư trong dân gian, là Viên Thiên Cương, đến nhà của Võ đô đốc tại Lợi Châu. Võ đô đốc tức Võ Sĩ Họach, người Văn Thủy Bính Châu, tháng 12 nguyên niên Trinh Quán, được cử đến Lợi Châu nhậm chức đô đốc, chức trách chủ yếu là loại trừ dư đảng của đô đốc tiền nhiệm là Nghĩa An quận vương Lý Hiếu sau khi bị triều đình trừng trị vì tội âm mưu phản loạn. Viên Thiên Cương là nhà chiêm tinh, rất giỏi xem tướng số. Viên Thiên Cương nhìn phu nhân của đô đốc Dương thị trước, rồi nói: cốt pháp của phu nhân, tất sinh quý tử. Đô đốc bèn gọi hai con trai Nguyên Khánh, Nguyên Sảng bước ra. Viên Thiên Cương vừa gặp đã nói: Hai vị công tử này là người giữ nhà, quan có thể làm đến tam phẩm. Đô đốc lại gọi con gái thứ nhất là chị của Võ Tắc Thiên, mai này trở thành Hàn Quốc phu nhân bước ra. Viên Thiên Cương nói: Đứa trẻ này đại phú đại quý, nhưng mạng rất cứng, không lợi cho trượng phu của mình.

Đến lúc đó, đô đốc Võ Sĩ Họach, Dương thị và Viên Thiên Cương đều có chút mơ hồ, chẳng phải Dương thị sẽ sinh quý tử sao? Tại sao chỉ có như thế? Nghĩ chắc còn một thứ gì nữa? Khi đó, nhũ mẫu chạy đến, ôm trong lòng một đứa trẻ, mặc trang phục con trai. Viên Thiên Cương vừa nhìn, giật nảy cả mình, nói ngay: Thần sắc của đứa trẻ này sáng sủa, không thể nói ngay được, hãy để nó đi thử xem sao. Nhũ mẫu để đứa trẻ xuống, để nó đi vài bước trước giường. Viên Thiên Cương vừa nhìn thấy, đã kinh ngạc hết cả hồn, nói: Đứa trẻ này có mắt rồng cổ phượng, là tướng quý nhất trong số quý nhân. Lại xoay người quan sát, càng kinh ngạc hơn nói: Nếu là con gái, không thể đoán được, sẽ trở thành nữ hoàng. Đứa trẻ đó chính là Võ Tắc Thiên.

Hậu thế có “Lý Hường Phong Viên Thiên Cương thôi bói đồ” lưu truyền một lời sấm về Võ Tắc Thiên như sau:

*Nhật nguyệt đương không, chiếu lâm thiên hạ.
Phác sọc mê li, bất văn diệc võ.
Tham biến không ngũ sắc tướng không,
nhất triều trọng nhập đế vương cung.
Di chi bất tận căn do tại,
ốc ốc thần kê chấp thị thùy ?*

Câu sấm này ám thị Võ Tắc Thiên sẽ làm chủ thiên hạ. Không giỏi thơ văn, mà bằng võ hạnh. Sau khi trở thành chủ thiên hạ, lần lượt giết hết con cháu họ Lý, nhưng để lại gốc rễ, có thể phục sinh. Rất nhiều lời sấm trong bộ “Thôi bói đồ” này được lịch sử chứng minh. Nhưng vấn đề là, đó là nguyên tác của Lý Hường Phong hoặc của riêng Viên Thiên Cương hoặc hai người cùng hợp tác làm ra? Hay đó là tác phẩm do hậu nhân sáng tác nhưng lại gắn tên của họ vào? Ta tạm thời khoan bàn luận về vấn đề này. Nhưng, Viên Thiên Cương kiến thức uyên bác, biết trước tương lai, đích thật nổi tiếng trong ngoài triều, kỳ diệu vô cùng vào thời đó. Khi bái kiến Thái Tông tại Cửu Thành cung, ông xem tướng cho rất nhiều đại thần, không ai không được kiểm chứng. Sủng thần của Thái Tông Cao Sĩ Kiêm hỏi ông ngay tại đó, nói muốn làm quan gì? Ông nói, ông không thể làm quan, mệnh của ông sẽ tận vào tháng 4 năm đó. Bá quan ai nấy đều kinh ngạc. Quả nhiên, Viên Thiên Cương qua đời vào tháng 4 năm đó.

Nói về Võ Tắc Thiên, dường như nàng đúng là có tư cách của thánh nhân. Vừa chào đời đã làm cho thiên hạ không yên. Sơ niên Trinh Quán, dân gian lưu truyền một cuốn bí kíp, nội dung viết “Sau 3 triều Đường, nữ chúa Võ vương, đại hữu thiên hạ!” Quyển sách bí mật này âm thầm lưu truyền trong nhân gian,

bị thái sử cục của kinh thành lấy được, không bao lâu sau, báo cho Thái Tông Lý Thế Dân. Lý Thế Dân cai quản thiên hạ, văn tài võ lược, không ai sánh bằng. Nhưng, khi nghe lời tấu báo về cuốn sách mật này, Lý Thế Dân không khỏi kinh ngạc, lo sợ không yên. Lý Thế Dân tin vào nó. Khi ông 4 tuổi, có một vị tướng sĩ đến nhà họ Lý tại Chi Châu, xem tướng giúp ông, nói ông có tư thế của long phụng, thiên tài của đất trời, có thể tể thế an dân vào năm 20 tuổi! Do đó, Lý Uyên đặt tên cho ông là Lý Thế Dân. Nay, lại có lời sấm nói nữ chúa Võ vương, chiếm giữ thiên hạ, điều này không thể không làm ông căng thẳng, lo sợ. Nhưng trên thực tế, nữ chúa Võ vương Võ Tắc Thiên này lại chính do Thái Tông tạo nên, khi nhà Đường trải qua 3 đời, lấy được thiên hạ!

II. Tuyển nhập cung Đường

Năm Trinh Quán thứ 10, Trưởng Tôn hoàng hậu qua đời. Năm thứ 13, Thái Tông ban chiếu: Nội chức còn trống, tuyển con gái nhà lành và có đức hạnh để bổ sung. Năm thứ 14, nữ tài tử Hồ Châu nổi tiếng gần xa tên là Từ Huệ vào cung, được chọn làm tài tử. Năm thứ 15, Thái Tông nghe nói con gái của Võ Sĩ Họach rất xinh đẹp, bèn triệu vào cung. Năm đó Võ thị 14 tuổi. Hậu cung mỹ nữ nhiều như mây, Võ thị vào cung, nét đẹp chẳng có gì đặc biệt. Thái Tông biết nàng tên Võ Chiêu, thấy tên không hay, nên thường tên Võ Mị, từ đó trở đi không màng đến nàng nữa.

Võ Mị có gan có kiến thức, lại rất giỏi tính toán. Trước khi vào cung năm 14 tuổi, mẫu thân Dương thị đau lòng khóc lóc, từ biệt với nàng, nàng lại ung dung như không, nói rằng: Hà tất lại nhi nữ tình trường như thế? Đau đau thương thương thế làm gì? Mẫu thân kinh ngạc không thôi. Sau khi vào cung, sự trù tính và can đảm của Võ Mị được thể hiện bất ngờ trong sự kiện tam vật giáng liệt mã, nàng trở nên nổi tiếng từ đó. Sự việc này được ghi trong sử sách rằng: năm đó Thái Tông có một con ngựa bất kham, vừa mập lại vừa to, không ai có thể cưỡi con ngựa này. Võ Mị tiến tâu nói: Thiếp có thể cưỡi, nhưng phải có 3 thứ, một là roi sắt, hai là qua sắt, ba là kiếm ngắn. Roi quất nó không phục thì dùng qua chụp đầu nó lại, qua chụp không phục thì dùng kiếm ngắn cắt đứt cổ họng của nó.

Sự gan dạ phi thường của Võ Mị tạo nên sự chú ý của Thái Tông, lập tức được triệu hạnh, phong làm tài nhân. Tài nhân là phẩm cấp thấp nhất trong 27 thế phụ, dưới 9 phi, 3 phu nhân trong hậu cung. Sau khi được phong làm tài nhân, bị lạnh nhạt mấy năm, Thái Tông không màng gì đến nàng. Thái Tông tự thấy tài cao, anh minh thần võ, không ai sánh bằng, người phụ nữ mà ông yêu thích đương nhiên không phải là loại hào hiệp, mạnh mẽ. Ông thích loại người phong nhã, yếu đuối, tình cảm dỗi dằn, yếu điệu thực nữ. Do đó, tài tử Từ Huệ được sủng, Võ thị được thưởng danh làm Võ Mị. Nhưng, sự kiện 3 vật trị ngựa bất kham gây sự chú ý của một người khác, đó chính là thái tử nhu nhược Lý Trị. Lý Trị được lập làm thái tử sau khi thái tử Thừa Càn mưu phản bị phế, do yếu đuối, nên hết sức sủng kính và say mê Võ Mị cùng tuổi với mình.

Mùa hè năm Trinh Quán thứ 22, sao Thái Bạch xuất hiện. Thái Tông Lý Thế Dân tìm thái sử lệnh Lý Hưởng Phong, hỏi là hiện tượng gì? Lý Hưởng Phong trả lời nói: nữ chúa chính xương. Lý Thế Dân vẫn canh cánh trong lòng về câu “Nữ chúa Võ vương”, trở nên căng thẳng hơn, hoảng hốt hỏi: Những gì được ghi trong sách bí mật đó, là thật cả sao? Lý Hưởng Phong trả lời: Thần đoán theo thiên tượng, những gì được ghi trong sách bí mật đó đã trở thành sự thật. Nữ chúa đó đang ở trong cung của bộ hạ. Từ nay về sau, chưa đến 3 năm, nàng được cả thiên hạ, dường như giết hết con cháu trong hoàng thất nhà Đường. Lý Thế Dân lạnh cả người, giận dữ nói: Có chút nghi ngờ, giết chết tất cả, người thấy thế nào? Lý Hưởng Phong nói: Đó là số mạng, không thể lẫn tránh. Huống hồ số mệnh của nàng ta rất lớn, giết nhiều sẽ hại đến người vô tội. Nhìn từ thiên tượng, đại thế của nữ chúa này đã thành, hơn nữa lại đang ở trong cung, đã là thân quyến của bộ hạ. 30 năm sau, khi nàng ta già, già đi rồi thì sẽ trở nên nhân ái. Tuy nàng thay đổi quốc hiệu, tự lập làm đế, nhưng dường như không quá cận tâu ráo máng đối với con cháu của bộ hạ. Nay nếu giết chết nàng, nàng sẽ đầu thai chuyển kiếp, lại càng trẻ hơn, như thế, một khi thành thế, sẽ giết hết con cháu Đường thất. Lý Thế Dân thấy có lý.

Lý Thế Dân đương nhiên không thể bỏ qua. Nhưng, lại không thể giết hết kẻ tình nghi, như thế thì sẽ giết quá nhiều người. Vậy nên giết ai bây giờ? Tả Võ Vệ tướng quân Lý Quân Tiễn là người Danh Châu Vũ An, xếp hàng thứ 5, biệt danh Ngũ Nương, từng thảo phạt Lưu Võ Châu, được phong Võ Liên huyện công, canh giữ Huyền Vũ môn. Nếu cứ thế, những người có chữ Võ quả là quá nhiều! Thái Tông cho rằng Lý Quân Tiễn chính là nữ chúa Võ vương, nên giáng chức làm thứ sử Hoa Châu, tiếp đó lệnh ngự sử điều

tẩu, bảo Lý Quân Tiền âm mưu tạo phản, giết chết luôn. Đó là một câu chuyện ngoài lề.

III. Chùa Cẩm Nghiệp

Tháng 5 năm Trinh Quán thứ 23, Thái Tông Lý Thế Dân bệnh chết, hưởng niên 51 tuổi. Thái tử Lý Trị kế vị, trở thành hoàng đế đời thứ 3 của nhà Đường là Đường Cao Tông. Theo tục lệ trong cung, tân hoàng kế vị, hậu cung của tiên hoàng, ngoài bốn vị phu nhân, chín phi tẩn ra, thì 27 thế phụ, 81 ngự nữ đồng loạt bị đưa đến chùa Cẩm Nghiệp làm ni cô. Thế là, một nhóm mỹ nữ trong cung, mặc áo tang màu đen, từng người từng người buồn bã ủ rũ lên đường đến chùa Cẩm Nghiệp. Họ cho rằng vận mệnh của mình bi ai, do đó, nơi mà họ đến là phần mộ sống không có chút hy vọng. Võ Mị cũng rơi vào hàng ngũ áo đen đó, khi đó nàng mới 21 tuổi, đang vào độ tuổi thanh xuân. Lòng nàng cũng là sự tiêu điều hoang vắng, nặng trĩu.

Mùa thu chiều rơi khắp Trường An. Tiếng chuông nặng nề của chùa Cẩm Nghiệp văng vẳng trong huyện thành. Lá rụng tả tơi. Các ni cô tĩnh tọa trong chùa, như dòng nước chết, con người dờ dẩn trong sự cô tịch vắng lặng vô biên. Chỉ có Võ Mị là ngoại lệ. Nàng oán hận trong lòng, người thì trong chùa Cẩm Nghiệp, nhưng lòng lại thỉnh thoảng bay đến biệt miếu của Thái Tông.

Chùa Cẩm Nghiệp được xây tại phường thứ tư đường Tây Đại bên ngoài cửa Khổng Tước, huyện thành Trường An, tức góc đông nam phường An Nghiệp. Nơi này khi xưa là biệt thự của thân quốc công nhà Tùy Lý Mục, khi Lý Mục qua đời, vợ của ông sửa lại nơi này thành chùa tăng Tu Thiện. Phường thứ tư đường Tây Nhị là phường Sùng Đức, có chùa ni Tế Độ. Để cứu độ phụ nữ của Thái Tông làm ni, Đường thất dời chùa Tế Độ ở phường Sùng Đức đến chùa Tu Thiện, và đổi chùa Tế Độ xưa thành Thái Tông biệt miếu, chùa Tu Thiện của ngày xưa nay bị huỷ bỏ. Phường Sùng Đức ở phía tây, phường An Nghiệp ở phía đông, hai phường gần kề với nhau, ở giữa là con đường kéo dài từ nam đến bắc. Cao Tông Lý Trị dâng hương tại biệt miếu của Thái Tông, nhất định sẽ đi ngang qua chùa Cẩm Nghiệp, thăm nom Võ Mị Nương. Đó là tia hy vọng duy nhất của nàng.

Tháng 5 năm Vĩnh Vi thứ nhất, là ngày giỗ đầu của Thái Tông. Cao Tông Lý Trị đến Thái Tông biệt miếu dâng hương. Sau đó, quả nhiên Lý Trị ghé thăm chùa Cẩm Nghiệp, ôm nhau khóc lóc với tài nhân Võ Mị Nương của tiên hoàng Thái Tông. Cảnh tượng cảm động này nhanh chóng được lan truyền khắp kinh sư. Cao Tông Vương hoàng hậu cũng nhanh chóng biết được, và biết rất chi tiết. Vương hoàng hậu ghen tuông trong lòng, nhưng đồng thời lại vui mừng, nảy ra một kế: Tại sao không lợi dụng Võ Mị Nương để tấn công Tiêu Thục phi đang đắc sủng nhất?

Vương hoàng hậu là người đất Kì, Bính Châu, là cháu gái của Ngụy thượng thư Tả phó xạ Vương Tư Chính, xuất thân từ danh môn vọng tộc. Vương gia và Lý Đường hoàng thất có quan hệ hôn nhân nhiều đời. Em gái của Đường Cao Tổ Lý Uyên là Đồng An công chúa được gả cho nhà họ Vương làm vợ của Vương Dục nhậm chức Tuỳ Châu thứ sử, Vương hoàng hậu chính là cháu gái của Đồng An công chúa. Sử ghi rằng, từ tổ mẫu Đồng An công chúa làm Vương hoàng hậu Uyển Thục, để Thái Tông chọn làm Tán Vương phi tử. Nghĩa là nói, Đồng An công chúa nhìn thấy Vương thị thông minh xinh đẹp, dễ thương, bèn nói với cháu trai Lý Thế Dân, thu nạp Vương thị làm Vương phi của Tấn vương Lý Trị. Sau khi Tấn vương Lý Trị kế vị thái tử của Thừa Càn, Vương thị được thăng làm thái tử phi, sống trong đông cung.

Nội quân trong đông cung có 3 cấp phi, lương đệ, bảo lâm, còn có rất nhiều cung nữ. Năm Trinh Quán thứ 17, Lý Trị làm thái tử, Vương thị làm thái tử phi, được sự sủng ái của Lý Trị. Đồng thời, cung nhân Lưu thị, Trịnh thị, Dương thị... cũng thường được sủng hạnh. Năm Trinh Quán thứ 17, Lưu thị sinh Yến vương Lý Trung. Năm sau, Trịnh thị sinh Nguyên vương Lý Hiếu. Năm tiếp đó, Dương thị sinh Trạch vương Lý Thượng Kim. Thái tử phi Vương thị vẫn chưa mang thai, không tránh khỏi sốt ruột trong lòng.

Nhưng điều may mắn là, 3 người Lưu, Trịnh, Dương thị đều là cung nhân, không có danh hiệu gì. Điều làm Vương thị sợ hãi là, năm Trinh Quán thứ 22, Tiêu lương đệ sinh Hứa vương Lý Tố Tiết. Lương đệ chỉ đứng dưới thái tử phi, Tiêu thị lại xinh đẹp, hoàng tử lại rất thông minh khả ái. Điều nguy khốn hơn nữa là, 3 người Lưu, Trịnh, Dương đều không được sủng, còn Tiêu thị lại rất được sủng ái. Sau khi Lý Trị lên ngôi hoàng đế, Vương thị được lập làm hoàng hậu, Tiêu lương đệ một bước trở thành Tiêu Thục phi chỉ đứng sau hoàng hậu. Như thế, Tiêu Thục phi có quý tử lại xinh đẹp động lòng người, trở thành sự uy hiếp lớn nhất đối với Vương hoàng hậu, cũng là một căn tâm bệnh không thể trị khỏi. Thiên tử và nữ ni ôm nhau tại chùa Cảm Nghiệp, không nghi ngờ gì đó là tình sâu như biển, nếu không sẽ không mạo hiểm như thế. Quả nhiên, để Võ Mị Nương chống đối với Tiêu phi, còn mình như ngư ông đắc lợi, chẳng phải làm tội nguyên cả hoàng thượng, cả Võ Mị, cả mình hay sao? Lại đánh bại được Tiêu phi !

Bàn tính này của Vương hoàng hậu được tính toán đâu ra đấy, tuy nhiên trên thực tế, người được hài lòng nhất lại là Võ Mị, mà người thất chí thảm bại nhất lại là Vương hoàng hậu. Tiêu Thục phi cũng thảm hại vô cùng, tông tộc lưu lạc. Vài ngày sau khi Cao Tông và Võ Mị ôm nhau mà khóc, Võ Mị còn phải ở trong chùa Cảm Nghiệp mười tháng, mới được Vương hoàng hậu bí mật đón vào cung. Lý Trị được tin hết sức vui mừng, sủng hạnh Võ Mị, ngày đêm cầu hoan, sủng quán hậu cung. Tiêu Thục phi chỉ biết đau lòng rơi lệ.

IV. Chiến trường không tiếng súng

Sau khi về cung, Võ Mị hết sức cảm kích Vương hoàng hậu, nhưng cũng chỉ là kế tạm thời. Sử sách ghi rằng: Võ tài nhân giỏi tâm kế, tính toán vô cùng. Ban đầu, khiêm nhường cung kính phụng sự Vương hoàng hậu, Vương hoàng hậu hết sức vui mừng, nhiều lần khen ngợi Võ tài nhân trước mặt hoàng thượng, Võ tài nhân nhanh chóng tiến thăng làm Võ chiêu nghi. Võ Mị lễ độ cung kính với Vương hoàng hậu, làm việc cẩn thận, biết Vương hoàng hậu có thể bị lợi dụng, do đó phải đáp ứng những yêu cầu của bà ta. Trời sinh Vương hoàng hậu nhân từ làm gì biết nguyên do bên trong, chẳng những không tăng cường đề phòng, mà ngược lại còn khen ngợi nhiều mặt, để Võ Mị dễ dàng được tiến phong làm chiêu nghi. Tiêu Thục phi đã bị ép xuống, nhưng Vương hoàng hậu lại không biết rằng, bà thoát khỏi một con sói nhưng lại lao vào một con hổ, cuối cùng đành phải chịu hậu quả do mình gây ra.

Khi được phong làm chiêu nghi, Võ Mị đã sinh cho Lý Trị hai con trai. Một là ngũ hoàng tử Lý Hoảng, sinh vào năm Vĩnh Vi thứ 3, một là lục hoàng tử Lý Hiền, sinh vào năm Vĩnh Vi thứ 5. Sau khi Lý Hiền chào đời, Võ Mị được phong làm chiêu nghi. Chiêu nghi là vị trí đứng đầu trong cửu tần, chỉ đứng sau hoàng hậu, quý phi trong hậu cung. Khi đó, chỉ có hoàng hậu, do đó Võ chiêu nghi đứng thứ 2. Khi Võ Mị tiếp tục được sủng ái, hai vị hoàng tử vui vầy bên gối, thì Vương hoàng hậu mới tỉnh ra rằng: Tiêu Thục phi đã hoàn toàn bị đánh bại, không có khả năng uy hiếp gì nữa, và sự uy hiếp thật sự và nghiêm trọng hơn lại đến từ Võ chiêu nghi làm hoàng thượng thất điên bát đảo. Thế là Vương hoàng hậu và Tiêu Thục phi liên minh với nhau.

Tuy nhiên, Vương hoàng hậu, Tiêu Thục phi làm sao có thể là đối thủ của Võ chiêu nghi? Tuy Võ chiêu nghi còn trẻ, nhưng đã trải qua 8 năm gian khổ trong hậu cung của Thái Tông, nhìn thấy tất cả hậu cung, kết được rất nhiều bạn thân. Thêm vào đó, do Thái Tông độc sủng nữ thi nhân tài tử Lý Huệ, ép Võ thị phải khổ tu kinh sử, hiểu được rất nhiều sự tích lịch sử. Như thế, một tài nhân thời Thái Tông, có nhiều kinh nghiệm như thế, làm sao không lão luyện bằng, không lợi hại hơn nhiều Vương thị, Tiêu thị sống trong cung thái tử?

Vương hoàng hậu cho rằng mình đã thay đổi vận mệnh của Võ thị, do đó, Võ thị đương nhiên phải cảm ơn ân đức của mình, phải phủ phục lắng nghe trước mặt mình. Võ thị cũng vì đó mà thấy bứt rứt trong lòng, luôn rối bời và tự mâu thuẫn, hết sức đau khổ. Thường có câu: “Ân như giọt nước, báo đáp bằng cả dòng suối”. Ân đức của Vương hoàng hậu như sông như biển, nên báo đáp thế nào đây? Nhưng sự thật phũ phàng là, mình được sủng ái trong cung, nguy hiểm bốn bề, một khi xảy ra chút biến cố, thì khó mà giữ được tính mạng. Mình phải làm thế nào để củng cố địa vị, bảo đảm được ân sủng? Con đường duy nhất là thay thế chỗ của hoàng hậu, nàng chỉ nghĩ rằng không độc ác không phải trượng phu, chỉ nghĩ rằng sự nhân hậu của phụ nữ không thể thành việc lớn. Hơn nữa, trời sinh Cao Tông Lý Trị nhân hậu hiền lành, rất ít có chủ kiến, dễ bị người khác ảnh hưởng và thao túng, đó là điểm dễ lợi dụng nhất.

Cao Tông sủng ái Võ chiêu nghi hết mực, đồng thời mến cả gia tộc Võ thị, bèn phong phụ thân đã qua đời của Võ thị làm Thái Nguyên quận công, mẫu thân Dương thị làm Thái Nguyên quận quân, đồng thời thưởng một khu phủ đệ trong nội thành Trường An cho cả nhà Võ thị, những người khác cũng lần lượt được thưởng quan chức. Võ chiêu nghi một mặt mê hoặc Lý Trị bằng sắc đẹp, làm hoàng thượng không thể thoát thân, một mặt âm thầm kết bè lũ trong cung, bí mật quan sát hành động của hai người Vương, Tiêu, đồng thời khéo léo nói lại những lời oán thán trách móc của hai người Vương, Tiêu về mình cho Lý Trị nghe. Thế là, Cao Tông Lý Trị dần dần bất hòa với Vương hoàng hậu.

Không bao lâu sau, Võ thị sinh một đứa con gái. Con gái rất xinh đẹp trắng trẻo, rất được Lý Trị yêu

mến. Khi đó, dường như phần lớn triều đình đều đã biết rằng, Vương hoàng hậu thất thế là chuyện tất nhiên, chẳng qua là sớm hay muộn mà thôi, còn Võ thị làm chết con gái của mình rồi đổ tội cho Vương hoàng hậu, và việc Vương hoàng hậu bị phế trở thành hiện thực. Trận biến cố lớn này từ hậu cung lan ra triều dã, liên quan đến hậu tộc, tần phi và cung nữ trong hậu cung lẫn rất nhiều trọng thần trong triều đình, một trận chiến đẫm máu, làm kinh hồn người này chỉ do một tay của Võ chiêu nghi từ từ đạo diễn mà thành. Nàng là người được lợi và là người giành thắng lợi duy nhất trong trận chiến đấu này.

Phế truất Vương hoàng hậu là do mẫu thân của Vương hoàng hậu Liễu thị gây nên. Liễu thị nhìn thấy Võ thị được độc sủng, hoàng hậu lại bị lạnh nhạt, nên ra sức giúp đỡ con gái, bà sử dụng “thuật yếm thắm” (tức thuật chán ghét) để niệm chú Võ chiêu nghi. Từ sự kiện vu cổ thời Hán trở về sau, thuật niệm chú chán ghét cung nhân đã trở thành đại kỵ trong cung. Võ chiêu nghi kịp thời được biết chuyện này, nàng quyết đoán báo với Cao Tông. Thế là, Liễu thị bị trục xuất khỏi hậu cung, không được quay trở lại; trung thư lệnh Liễu Thích bị giáng làm Vinh Châu thứ sử. Như thế, sự việc Vương hoàng hậu bị phế bỏ mà lập Võ chiêu nghi làm hoàng hậu đã thành hiện thực, triều đình cũng vì đó mà chia ra làm hai phái.

Một phái là nguyên lão triều đình, phản đối việc phế bỏ Vương hoàng hậu mà lập Võ chiêu nghi. Đại diện cho họ là các nguyên lão trọng thần triều đình như Trường Tôn Vô Kị, Vu Chí Ninh, Lai Tể, Bùi Hành Kiệm..., và được sự ủng hộ toàn lực của đại tộc phiệt môn, sử gọi là tập đoàn Quan Lũng, duy trì chính tông vương triều Lý Đường. Một phái là tài tử hàn môn mới nổi, căm hận mọi cấp có thể lực môn phiệt nhưng cổ hủ, ủng hộ lập Võ chiêu nghi dưng võ vô kị làm hoàng hậu, đại diện chủ yếu của họ là Lý Nghĩa Phủ, Hứa Kính Tôn, Viên Công Du, Thôi Nghĩa Huyền, được sự ủng hộ của sĩ tử hàn môn khắp nơi, sử gọi là tập đoàn Sơn Đông, khao khát việc chia lại quyền lực, danh tiếng, địa vị.

Phái phản đối lý lẽ hùng hồn. Cho rằng Vương thị làm hoàng hậu giống như giang sơn được giao phó cho Lý Trị, là di thác của tiên hoàng, họ là phò mệnh đại thần có trách nhiệm bảo vệ, duy trì. Còn Võ chiêu nghi lại từng là gia quyến hậu cung của tiên hoàng, tân hoàng lâm hạnh cung nhân của tiên hoàng đã là chuyện rất quá đáng, làm sao có thể đường hoàng lập tài nhân của tiên hoàng làm hoàng hậu chứ? Đó là luân lý không thể chấp nhận được. Huống hồ hoàng hậu mẫu nghi thiên hạ, không có lỗi lầm quá lớn thì không thể phế bỏ. Ngoài ra, còn có một lý do không thể công khai trình biện chính là lời sấm mà Thái Tông vẫn cứ canh cánh trong lòng, “Nữ chúa Võ vương, đại hữu thiên hạ”, từ giờ có thể thấy, Võ vương có phải là Võ chiêu phi không? Các trọng thần biết được người đứng đằng sau vụ này không ai không bàng hoàng hoảng sợ.

Phái sĩ tử hàn môn tán thành lập Võ chiêu nghi làm hoàng hậu do trung thư xá nhân Vương Đức Kiệm dấy lên. Vương Đức Kiệm đoán biết Cao Tông muốn lập Võ thị làm hoàng hậu, nên chuyển báo với Lý Nghĩa Phủ, cùng nhau tấu bẩm lên trên, xin lập Võ chiêu nghi làm hoàng hậu. Võ chiêu nghi thuận thế kéo theo nhóm sĩ tử hàn môn sức lực dồi dào này. Tập đoàn học sĩ bắc môn hình thành xung quanh Võ thị sau này chính là do bọn người này tạo thành.

Hai nhóm người thế lực đều nhau, không ai nhường ai, Cao Tông có chút khó xử. Trên thực tế, muốn phế Vương hoàng hậu, quan trọng nhất là 4 người trong phái phản đối: thái uý Trường Tôn Vô Kị, tả bộc xạ Chư Trục Lương, thị trung Lai Tể, trung thư lệnh Hàn Viện. Phải làm cho họ yên lòng, phong quan tiến tước, thường tặng châu báu, như thế, có lẽ họ sẽ giữ im lặng. Thế là, Cao Tông Lý Trị và Võ chiêu nghi quyết định thử làm xem sao, áp sát thủ lĩnh của nhóm Trường Tôn Vô Kị, xem có hiệu quả gì không. Trước tiên, Lý Trị và Võ chiêu nghi đến thăm nhà Trường Tôn Vô Kị; đồng thời tặng thêm rất nhiều lễ vật, châu báu, tổng cộng 10 xe; lại phong con trai thứ ba do ái thiếp của Trường Tôn Vô Kị sinh làm Triều Tán đại phu. Rượu say thì tai đồ, Lý Trị ám thị, hoàng hậu không có con, trời sinh bất nhân, làm người đổ kị, muốn phế hậu lập chiêu nghi. Trường Tôn Vô Kị cố tình lảng tránh lời nói của ông, không trả lời. Kết quả, đương nhiên là chia tay trong nỗi buồn.

Cánh Võ chiêu nghi tự tay giết chết con gái, sử gia ghi chép rất rõ ràng: Võ chiêu nghi sinh được một con gái. Vương hoàng hậu đến thăm, một lúc sau thì rời khỏi. Võ chiêu nghi len lén làm chết con gái, đặt dưới chân. Hoàng đế đến, Võ chiêu nghi giả như chẳng có chuyện gì, hết sức vui vẻ. Võ chiêu nghi kéo tấm chăn ra, phát hiện con gái đã chết, kinh ngạc hỏi thị nữ: Ai vừa mới đến đây? Thị nữ trả lời: Vương hoàng hậu. Võ chiêu nghi lớn tiếng khóc lóc. Hoàng đế không biết chân tướng sự việc, tức giận nói: Hoàng hậu giết chết con gái của ta, lúc trước đã thường gây sự với Võ chiêu nghi, nay lại như thế, từ đó về sau, Võ chiêu nghi ngày càng đắc sủng. Hoàng đế muốn phế bỏ Vương hoàng hậu. Sau đó, hoàng đế tiến phong Võ chiêu nghi làm Thần phi. Nhóm của Thị trung Hàn Viện đều phản đối. Võ chiêu nghi vu cáo Vương hoàng hậu và mẫu thân của hoàng hậu làm tà thuật, hoàng đế bèn phế bỏ Vương hoàng hậu.

Trường Tôn Vô Kị và người trong nhóm không muốn thỏa hiệp. Cao Tông Lý Trị và Võ chiêu nghi đã leo lên lưng cọp, khó mà leo xuống, đành phải đánh bài ngửa. Trường An lệnh Bùi Hành Kiệm của phái phản đối Võ bị bãi chức, trung thư xá nhân Lý Nghĩa Phủ của phái ủng hộ Võ được thăng làm trung thư thị lang, tham dự triều chính. Lý Trị triệu kiến 4 vị nguyên lão triều đình là Trường Tôn Vô Kị, Chư Trục Lương, Vu Chí Ninh, Lý Tuyên trong nội điện. Chư Trục Lương trước khi đi nói: Hôm nay triệu kiến, chắc chắn là chuyện trong cung. Chủ ý của hoàng thượng đã định, phản đối chắc chắn sẽ bị thưởng chết. Các người không phải hoàng thân thì cũng là công thần, không thể để hoàng thượng phải mang tội giết thân thích và đại thần có công. Ta xuất thân bình dân, không lập công lao gì, có được địa vị hôm nay, là do được sự quan tâm và uỷ thác của tiên hoàng. Nếu không can gián đến cùng, làm sao còn mặt mũi gặp lại tiên đế? Đại thần Chư Trục Lương thật sự đã nhân nhượng vì lợi ích toàn cục, nhân cùng nghĩa tận, ngay cả phải chết cũng không làm cho hoàng thượng mất mặt.

Trường Tôn Vô Kị, Chư Trục Lương, Vu Chí Ninh phụng chiếu vào điện, Lý Huân cáo bệnh không thể đến. Lý Trị nói: Võ chiêu nghi có con trai, muốn lập nàng làm hoàng hậu, các người thấy sao? Chư Trục Lương trả lời ngay: Hoàng hậu là hậu duệ của danh môn. Tiên đế cưới về bằng trọng lễ cho bộ hạ. Khi tiên đế lâm chung, kéo tay của bộ hạ nói với thần: Đôi trai gái tốt này, nay giao cho người, không có lỗi lầm gì lớn, đừng phế nàng. Cao Tông Lý Trị chẳng nói ra lời nào. Di âm của tiên đế vẫn còn vang bên tai, đương nhiên không thể không tôn trọng lời nói của phò thần.

Ngày hôm sau, Lý Trị lại triệu nguyên lão thương lượng. Chư Trục Lương nói: Bộ hạ nhất định phải đổi hoàng hậu, có thể đổi người khác, hà tất phải lập Võ thị? Võ thị hầu hạ qua tiên đế, đó là chuyện mà ai cũng biết, hậu thế làm sao nhìn bộ hạ đây? Thần đã không tuân theo bộ hạ, tội đáng muôn chết. Nói rồi, Chư Trục Lương đặt hốt vào bậc thang trên điện, khấu đầu đến chảy máu mà nói: Xin gửi lại hốt này cho bộ hạ, để thần cáo lão về quê. Đó là lời can gián khéo léo trước điện của quan thần. Cao Tông đương nhiên tức giận, không kiềm được cơn giận, ra lệnh kéo hán xuống. Trường Tôn Vô Kị liền tấu: Trục Lương là có mệnh đại thần của tiên hoàng, không thể dùng hình. Võ chiêu nghi trốn sau hậu rèm, tức giận nói: Tại sao không giết đi thẳng khôn đó!

Không khí triều đình trở nên căng thẳng. Hàn Viện lập tức tấu: Mỹ nhân Đắc Kỉ đã làm khuynh đảo Nghiêu Thương, mỹ nữ Bao Tự diệt vong triều đình nhà Chu, không nghe lời khuyên cáo của hạ thần, e rằng hậu quả không thể lường. Lai Tể cũng tiến tấu: chúa thượng lập hoàng hậu, chỉ tại định vị can khôn, mẫu nghi thiên hạ, nên chọn con gái của danh gia lễ giáo; Hán Thành Đế lập ti nữ làm hoàng hậu, kết quả làm giang sơn điêu đảo.

Phái phản đối cứ liên tục người này đến người khác, khí thế hùng hục.

Hai bên làm đến mức không thể cứu vãn, tình hình càng trở nên căng thẳng. Điều kỳ lạ là, trong phái nguyên lão chỉ có Lý Huân là chẳng nói lời nào từ đầu đến cuối. Lý Trị thấy có chút kỳ lạ, bèn triệu kiến vận hỏi. Lý Huân trả lời: Đó là chuyện nhà của bộ hạ, hà tất phải hỏi người ngoài? Lý Trị kinh ngạc, lập tức tỉnh ngộ. Võ chiêu nghi vỗ lỗ ra, lập tức ra lệnh Hứa Kính Tông ra ngoài trình tấu: Điện xá

ông thu thêm mười đầu lúa mạch, đều muốn đổi thê tử, huống hồ thiên tử muốn lập hoàng hậu? Tại sao phải hỏi ý kiến của người khác?

Tình thế đi theo chiều hướng xấu. Chư Trục Lương bị giáng chức rời khỏi kinh sư, phải đến Đàm Châu. Tiếp đó, Lý Trị hạ chiếu, Vương hoàng hậu, Tiêu Thục phi hạ độc thủ (muru sát con gái của Võ chiêu nghi, sau này đứa con này được truy phong làm An Định công chúa), bị phế làm thường dân. Phái ủng hộ Võ thừa cơ lần lượt dâng tấu, cầu xin lập Võ thị làm hoàng hậu. Thế là, Lý Trị ban bố chiếu thư, lập Võ thị làm hoàng hậu.

Tháng 11 năm Vĩnh Vi thứ 6, Cao Tông Lý Trị lâm triều, đề Lý Huân, Vu Chí Ninh làm chính, phó sứ sắc lập hoàng hậu, phụng ngọc ấn cho Võ chiêu nghi làm hoàng hậu. Bá quan văn võ đồng loạt hô hoàng hậu thiên tuế. Mệnh phụ trong ngoài đều đến yết kiến. Tập tước bá quan, mệnh phụ triều kiến hoàng hậu trong lịch sử bắt đầu từ đó. Tháng giêng năm sau, thái tử Lý Trung bị phế, phong Lương vương, con trưởng của Võ thị là Lý Hoảng được sắc làm thái tử. Từ đó, Võ Tắc Thiên từ tài nhân trở thành chiêu nghi rồi thành hoàng hậu, lập con trai của mình làm thái tử, tất cả mục đích đều đã đạt được.

Võ hoàng hậu hài lòng chưa? Nàng có ngưng tại đó không?

V. Ngày tháng chấp chính

Tháng 10 năm Hiên Khánh thứ 5 (năm 660 Công Nguyên), Cao Tông Lý Trị trúng gió, mắt không nhìn thấy, tấu chương của văn võ bá quan triều đình, Lý Trị giao hết cho Võ Tắc Thiên quyết định. Từ đó Võ Tắc Thiên bắt đầu tham dự triều chính.

Trời sinh Võ Tắc Thiên thông minh, hết sức nhanh nhạy, đọc lướt văn sử kinh truyện, lại giỏi thư pháp, do đó rất được sự sùng ái của Cao Tông. Cao Tông trời sinh nhu nhược, Võ Tắc Thiên làm việc quyết đoán, xử lý chính sự rõ ràng rành mạch, Cao Tông rất hài lòng.

Võ Tắc Thiên bắt đầu xử lý chính sự theo ý chỉ của Cao Tông. Sau này, khi đã nắm quân chính đại quyền trong tay, thì độc hành lạm quyền. Khi Cao Tông muốn thu về hoàng quyền, khống chế triều chính, thì đã không thể. Cao Tông hết sức phẫn nộ, bí mật triệu gặp Tây đài thị lang Thượng Quan Nghi thảo chiếu phế Võ Tắc Thiên.

Tâm phúc thị thần chạy báo ngay cho Võ Tắc Thiên, Võ thị kinh ngạc, nhanh chóng chạy đến trước mặt Cao Tông khóc lóc. Cao Tông thấy hồ thẹn không thôi, bèn lên nói: Ban đầu ta không có ý này, là Thượng Quan Nghi dạy ta đấy. Võ Tắc Thiên hận chết Thượng Quan Nghi. Sau sự kiện đó, Võ Tắc Thiên bảo đại thần Hứa Kính Tông vu cáo Thượng Quan Nghi mưu phản, hạ ngục, xử tử Thượng Quan Nghi. Từ đó về sau, Cao Tông lâm triều nghe chính, Võ Tắc Thiên buông rèm ngồi sau, chính sự dù lớn hay nhỏ, nhất loạt lắng nghe. Trên thực tế, triều đình đại quyền đã thuộc về Võ Tắc Thiên. Cao Tông cũng chỉ chấp tay vái mà thôi. Nên thiên hạ gọi Võ Tắc Thiên và Cao Tông là nhị thánh.

Tháng 12 năm Hoảng Đạo thứ nhất (Năm 683 Công Nguyên), Cao Tông qua đời. Con trai thứ 3 của Võ Tắc Thiên là Anh vương Lý Triết từ thái tử kế hoàng vị, là Đường Trung Tông. Võ Tắc Thiên trở thành hoàng thái hậu, tổng quản triều chính. Hai tháng sau, Võ Tắc Thiên phế Trung Tông Lý Triết làm Lô Lăng vương, lập con trai thứ tư Dục vương Lý Đán làm đế, tức Đường Duệ Tông. Duệ Tông cả ngày sống ngoài điện, không quản triều chính. Triều chính lại do Võ Tắc Thiên xử lý. Võ Tắc Thiên giam lỏng Lý Đán và những đứa con khác trong thâm cung, có người hơn 10 năm không ra khỏi cửa cung đình. Võ Tắc Thiên đổi Đông Đô thành Thần Châu, lập Võ thị thất miếu.

Võ Tắc Thiên biến thiên hạ của Lý Đường thành thiên hạ của nhà họ Võ, ai nấy trong tôn thất nhà Đường đều đang gặp nguy. Võ Tắc Thiên tại vị 16 năm, tháng 11 năm Thần Long thứ nhất (Năm 705 Công Nguyên) chết tại Thượng Dương cung, thọ 82 tuổi. Võ Tắc Thiên là nhà chính trị rất xuất sắc, là nữ hoàng đế tài ba nhất. Trong thời gian bà tại vị, chính trị cả nước ổn định, kinh tế phồn vinh, bốn biển bình lặng. Vào năm Vĩnh Vi thứ 3 (năm 652 Công Nguyên), cả nước có 380 vạn hộ dân, đến khi Võ Tắc Thiên qua đời, dân số lên đến 610 vạn. Võ Tắc Thiên sáng suốt anh minh, đích thân cai trị triều chính, trọng dụng nhân tài, điều khiển thiên hạ, thành công huy hoàng.

Võ Tắc Thiên là người phụ nữ rất có tâm kế. Nàng vào cung khi 14 tuổi, trở thành hoàng hậu năm 32 tuổi, chịu đựng đau khổ trong 18 năm, tâm phúc có đầy hậu cung, rất được sự ủng hộ của cung nhân thị tòng. Cho nên, Võ Tắc Thiên nắm rõ nhất cử nhất động của Cao Tông Lý Trị và Vương hoàng hậu như trong lòng bàn tay, từ đó biết mình biết ta, bách chiến bách thắng.

Võ Tắc Thiên lại hết sức tàn khốc, tuyệt đối không nhe tay đối với phần tử nghịch lại với mình. Nàng lần lượt giết chết hàng trăm quý thích của tôn thất nhà Đường. Đại thần bị giết cũng đến cả hàng trăm nhà. Những thứ sử, lang tướng không phục tùng Võ Tắc Thiên và bị giết cũng vô số. Do Võ Tắc Thiên không thể chịu đựng sự phản bội của thần hạ, thế thì làm sao mà biết được? Thế là mật thám khắp nơi, mật báo thành gió, khóc sủi thượng thư đô sự Châu Hưng chuyên làm đại hình, hàng vạn nam giới anh tuấn được

đắc sủng. Triều đình một phen khiếp sợ, còn bá quan thì không dám nói chuyện khi gặp nhau, mỗi lần thượng triều, quan tướng đều phải từ biệt người nhà bằng câu: Không biết có còn gặp lại nữa không.

Võ Tắc Thiên thống trị bằng chính sách tàn khốc, loại trừ hết những kẻ chống đối mình, đồng thời, lại can đảm sử dụng nhân tài khắp mọi phương diện, để phục vụ cho hiệu quả thống trị vương triều mới. Vào thời Võ Tắc Thiên thống trị đất nước, hệ thống thu hút nhân tài hết sức phong phú. Năm Thùy Cung thứ nhất (Năm 685 Công Nguyên), Võ Tắc Thiên lệnh cho những quan viên trên cử phẩm và những người có tài trong dân chúng đều có thể tự tiến cử mình, để được sử dụng. Do đó, nhân tài trong triều đình rất dồi dào vào thời đại Võ Tắc Thiên chấp chính.

Võ Tắc Thiên là vị hoàng đế rất tiến bộ, biết lắng nghe lời can gián của trung thần, làm việc thiện luôn tay. Năm Cửu Tổ thứ nhất (Năm 700 Công Nguyên), Võ Tắc Thiên tình dục bất tận, muốn tuyển chọn một lượng lớn thiếu niên xinh đẹp để cung phụng trong cung, để mình tự hưởng dụng. Hữu bộc quyết Chu Kính lại can gián chuyện này, nói: Bệ hạ sủng ái huynh đệ Trương Dịch Chi, Trương Xương Tông thì đã đủ rồi, không nên tuyển chọn mỹ thiếu niên. Võ Tắc Thiên cười cười, thưởng cho gấm vóc 100 súc, khen ngợi lời nói trung thành của Chu Kính.

Khi thiên hạ đã giàu có, Võ Tắc Thiên vào tuổi già bắt đầu xa xỉ. Năm Thùy Cung thứ 4 (Năm 688 Công Nguyên), Võ Tắc Thiên huỷ hoại điện Càn Nguyên, đổi làm Minh đường, để tình phu Bích Hòaai Nghĩa chủ quản, hàng vạn nô dịch xây dựng. Minh đường cao 244 thước, rộng 300 thước, có 3 tầng, hiệu là Vạn Tượng thần cung. Phía bắc Minh đường xây 5 bậc thiên đường, để trữ tượng lớn. Thiên đường cao hơn Minh đường, đến bậc thứ 3, thì có thể nhìn thấy Minh đường. Thiên đường vừa mới xây xong, không ngờ bị gió thổi đổ, lệnh cho xây lại, một ngày có đến hơn 1 vạn người đưa gỗ qua sông. Võ Tắc Thiên còn xây hầm dưới Minh đường, hầm sâu 5 trượng, trang trí thành cung điện, bên trong có tượng phật, có thần như sống, mây trắng thỉnh thoảng bốc ra từ dưới đất.

VI. Lạm quyền

Sau khi được lập làm hoàng hậu, quyền vị của Võ Tắc Thiên ngày càng được củng cố.

Võ Tắc Thiên lên như điều gặp gió, một bước lên trời, điều đó cũng đồng nghĩa với việc Vương thị, Tiêu thị tranh sủng với nàng, phải đột nhiên rớt xuống vực thẳm không đáy tăm tối. Sau khi Vương hoàng hậu, Tiêu Thục phi bị phế, họ bị giam lỏng trong trong mật thất của hậu cung. Mật thất bốn bề tường cao, không có cửa sổ, chỉ có một cánh cửa rất nhỏ, trên đó có một cái lỗ rất nhỏ, để đưa thức ăn và đồ dùng hàng ngày vào. Ngoài cửa có người do Võ thị sai đến canh chừng. Vương thị, Tiêu thị bị giam trong đó, ngày đêm không thấy mặt trời mặt trăng, cả ngày chỉ có nước mắt rửa mặt, kể nỗi đau khổ với nhau.

Một hôm, Cao Tông Lý Trị nhớ đến Vương hoàng hậu đã bị phế và Tiêu phi mà mình từng quên đi tất cả khi ân ái với nàng, không biết họ đang ra sao, muốn đến thăm họ. Nội giám dẫn đường cho Cao Tông đến mật thất, nhìn thấy cửa đóng chặt, chỉ có một lỗ nhỏ để đưa đồ ăn thức uống, Lý Trị không cầm được kinh hãi, thấy đau nhói trong lòng. Lý Trị bước đến, nói lớn tiếng: Hoàng hậu, lương đệ, không sao chứ? Các khanh ở trong đó à? Vương hoàng hậu, Tiêu Thục phi nghe thấy tiếng của hoàng thượng, hơn nữa chỉ ở ngoài cửa, hai người vui mừng hết đổi, khóc không thành tiếng, nói: Chúng thiếp chịu tội bị phế làm tì nữ, làm sao còn được tôn xưng như thế! Nói xong, lau nước mắt nước mũi rồi nói tiếp: Nếu bệ hạ còn nhớ đến tình xưa, hãy để chúng thiếp gặp lại mặt trời, xin thương tên cho nơi đây là Hồi Tâm viện. Lý Trị cảm động, nước mắt mờ mờ, nhận lời: Ta tự có cách.

Võ thị lập tức được tâm phúc báo lại sự việc trên, đợi Cao Tông rời khỏi, lập tức sai người đánh Vương hậu, Tiêu Thục phi mỗi người 100 trượng, đánh đến họ máu đỏ thịt rơi. Sau đó, ra lệnh chặt bỏ tay chân của họ, đặt họ trong hũ rượu, giận dữ nói: Để xương của hai lão phu nhân say! Mấy ngày sau, hai người bị bỏ trong vò rượu, mắt đỏ ngầu cả, nhưng vẫn chưa chết. Võ thị bèn ép Cao Tông hạ chỉ thưởng chết. Quan hành hình phụng chỉ đến phòng giam, tuyên đọc chiếu thư. Vương hoàng hậu bái nhận chiếu nói: Bệ hạ vạn tuế, chiêu nghi thừa ân hầu hạ, ta chỉ có chết thôi! Đến trước Tiêu Thục phi, Tiêu Thục phi nghe xong chiếu, lớn tiếng mắng rằng: Võ Mị cái thứ hồ ly, tàn nhẫn như thế! Ta chết đi sẽ biến thành mèo, người Võ thị biến thành chuột, ta sẽ tìm người báo thù đời đời kiếp kiếp! Võ Tắc Thiên được báo về lời chú như thế của Tiêu phi, trong lòng không khỏi sợ hãi, hạ lệnh lục cung không được nuôi mèo. Thời gian trôi qua, Võ thị thường mơ thấy hai người, xoa tóc trùm đầu, máu chảy đầm đìa đến đời mạng. Võ thị hết sức kinh sợ, mời thầy đồng bà cốt về giải, nhưng vẫn cứ thỉnh thoảng mơ thấy hai người, không lâu sau, bèn dứt khoát dọn đến Lạc Dương, cả đời không quay trở lại Trường An. Để thể hiện sự căm ghét của mình đối với 2 người họ, Võ thị hạ lệnh đổi Vương thị thành Mãng thị, Tiêu thị thành Kiều thị, sau khi Trung Tông kế vị mới được lấy lại họ cũ.

Võ Tắc Thiên từ tài nhân được thăng lên từ từ, cuối cùng trở thành nữ hoàng đế, là do từng cơ hội từng cơ hội tạo nên, và nàng đã nắm bắt được từng cơ hội đó, bắt khuất, can đảm tiến về phía trước. Nàng không tin vào thiên mạng, cho đến khi làm nữ hoàng đế, vẫn không biết gì đến bí kíp về nữ chúa Võ vương gì gì đó hoặc quý tướng của mình, nàng chỉ tin rằng thành bại do người. Năm Thiên Thọ thứ 2, tức năm thứ 2 sau khi đổi quốc hiệu thành Đại Chu xưng đế, gia quyến của Lý Ngũ Nương từng bị Lý Thế Dân xử oan vào năm 22 Trinh Quán chính thức đến Võ hoàng đế xin giải oan, nói năm xưa Lý Ngũ Nương bị Thái Tông ngộ sát do ứng vào lời sấm nữ chúa Võ vương, thực tế là chết thay cho Võ hoàng đế vì lời sấm đó là chỉ Võ hoàng đế, và đó là cái chết oan. Võ Tắc Thiên hết sức lấy làm lạ, điều tra lại sự kiện này. Nữ chúa bí kíp quả nhiên còn được giữ lại trong thái sử lệnh, mà những người năm đó và sau này biết đến chuyện này chỉ có Thái Tông, Lý Hưởng Phong và vài vị lão thần. Lời đồn trong nhân gian chẳng qua chỉ như một

con gió, thoảng qua rồi thì chẳng ai nhắc đến nữa. Khi này, Võ Tắc Thiên mới tin vào câu nói, mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên. Tất cả những gì đã có, nếu không phải ý trời sắp đặt thì là gì chứ? Võ Tắc Thiên lập tức hạ lệnh giải oan cho Lý Ngũ Nương, truy phục lại quan tước, cải táng theo đúng lễ thần.

Võ thị trở thành hoàng hậu, đã vừa ý hài lòng, vẫn chưa nghĩ đến chính sự và lâm triều, muốn làm nữ hoàng đế, mà chỉ muốn sinh cho Lý Trị những đứa con xinh đẹp khả ái. Năm thứ 2 sau khi được sắc lập làm hoàng hậu, tức năm Hiên Khánh thứ nhất (Năm 656 Công Nguyên), con trai Lý Hiên chào đời; năm Long Sóc thứ 2, lại sinh Lý Đán; một năm sau, năm Tân Đức thứ nhất, sinh Thái Bình công chúa giống hệt bà. Võ Tắc Thiên chào đời năm Trinh Quán thứ 2, đến năm Tân Đức thứ nhất, được 36 tuổi, trải qua nhiều chuyện như thế, gặp phải nhiều việc như thế, cơ hội vừa đến, trời sinh nàng dám nói dám làm đương nhiên không thể bỏ qua những cơ hội quá tốt đó.

Trời thuận theo lòng người, Cao Tông Lý Trị mắc bệnh chóng mặt, luôn bị đau đầu, không thể đọc được văn thư tấu chương. Mùa thu năm Hiên Khánh thứ 5, Tô Định Phương nhận lệnh thảo phạt Bách Tề, giành thắng lợi, tấu thư chúc mừng chất chồng như núi. Bệnh chóng mặt của Cao Tông Lý Trị bộc phát, nặng đầu, mắt không thấy, thế là, giao văn thư tấu chương cho Võ hoàng hậu 33 tuổi, do nàng xử lý định đoạt. Sử viết hoàng hậu trời sinh thông minh nhanh nhạy, xử lý mọi việc đều rất hợp lý. Võ Tắc Thiên được đẩy từ hậu đài lên sân khấu. Triều đình lại bắt đầu xảy ra nhiều chuyện.

Triều thần biết cách làm việc của Võ hậu, thế là lần lượt dựa vào. Võ Tắc Thiên thừa cơ nuôi dưỡng tâm phúc, bên ngoài lại có Lý Nghĩa Phủ, Hứa Kính Tông, liên tục làm nhiều chuyện lớn kinh người: Phế thái tử Lý Trung, đổi lập con trai của mình Lý Hoảng làm thái tử; phong phụ thân đã qua đời Võ Sĩ Hoạch làm Châu Quốc công, giết chết người cậu của Vương hoàng hậu Liễu Sảng; vu cáo Trương Tôn Vô Kị cấu kết thái tử đã bị phế mưu phản, giết sạch họ. Cao Tông có chút do dự, nói làm sao có thể đối xử với người cậu có ân với mình như thế? Sau cùng, Trương Tôn Vô Kị bị ép giảm tội chết, giáng đến Kiềm Châu. Sau khi đến Kiềm Châu, Võ hoàng hậu lại phái người ép Trương Tôn Vô Kị tự sát, Trương Tôn Vô Kị đã bất hạnh qua đời như thế.

Hàng loạt hành động của Võ hậu làm cho bá quan triều đã không ai không nhìn lại mình, ai nấy đều thuận theo dòng nước. Tuy nhiên, Võ thị cạnh cánh trong lòng, luôn thấy thần hồn bất an, thường mơ thấy ác mộng. Võ thị bèn triệu phương sĩ Quách Hành chân nhân vào cấm cung, làm phép trừ tà. Võ hoàng hậu hành sự chuyên quyền, đương nhiên làm cho trọng thần ngoài triều không hài lòng, họ liên kết với nhau, âm thầm liên lạc, chuẩn bị phế hậu lập người khác. Vào năm Võ hoàng hậu sinh Thái Bình công chúa khi 36 tuổi, được thái giám từng hầu hạ thái tử Lý Trung là Vương Phục Thắng mật báo, báo Võ hoàng hậu triệu đạo sĩ Quách Hành chân nhân vào cung cấm, đề cầu phúc cho người. Sau khi được báo, Cao Tông ra mật chỉ lệnh cho Tây đài thị lang Thượng Quan Nghi điều tra. Thượng Quan Nghi chỉ trích Võ hoàng hậu chuyên quyền lộng hành, lòng dân mất tin tưởng, không thể thừa tống miếu, nên phế bỏ. Cao Tông đã bất mãn với việc Võ thị đắc sủng mà lộng quyền từ lâu, sau này lại phát hiện những gì mà Cao Tông muốn làm đều bị sự khống chế của Võ hậu. Cao Tông hết sức tức giận, và cũng có ý phế bỏ Võ hậu. Nghe thấy lời tấu của Thượng Quan Nghi, ông lập tức ra lệnh Thượng Quan Nghi thảo chiếu thư phế hậu.

Trong lúc ngàn cân treo sợi tóc, cung nữ tâm phúc của Võ hậu chạy như bay đến báo cho Võ hậu. Võ hậu lập tức chạy đến đại điện, gặp mặt Cao Tông, chất vấn tất cả những chuyện này là thế nào? Cao Tông hồ thẹn, ấp a ấp úng. Võ hậu oan ức vô cùng, tiếng khóc nước mắt cùng nhau ào ra, vừa uy hiếp vừa thuyết phục Cao Tông. Cao Tông làm sao chịu được những lời này? Buột miệng nói ngay: Đều do Thượng Quan Nghi dạy ta! Võ hậu tìm ra kẻ đầu sỏ gây ra tai họa, bèn ra lệnh cho Hứa Kính Tông bắt Thượng Quan Nghi. Thế là, Vương Phục Thắng, Thượng Quan Nghi, Lý Trung đều bị giết. Từ đó về sau, Võ thị không dám sơ ý, thường cùng Cao Tông lắng nghe chính sự, một người ngồi ngai vàng, một người ngồi sau bức rèm, chính sự lớn hay nhỏ đều lắng nghe kỹ càng. Như thế, triều đình đại quyền đều tập trung trong tay của

trung cung, Cao Tông chỉ là chấp tay nghe lệnh mà thôi, vì thế mà thiên hạ gọi là Đại Đường nhị thánh.

Cao Tông Lý Trị tại vị 34 năm, 20 năm cuối đường không màng đến chính sự, toàn bộ giao cho Võ hậu xử lý định đoạt. Trước 35 tuổi, Võ hậu đã sinh cho Cao Tông 4 con trai, một con gái, từ đó về sau bắt đầu tham dự chính vụ, say mê quyền lực. Con gái của bà là Thái Bình công chúa hết sức xinh đẹp, không chỉ giống hệt mẹ, mà ngay cả tính cách trong các mặt chuyên quyền cũng hết sức giống mẹ. Thái Bình công chúa dần dần trưởng thành, là một trợ thủ rất đắc lực của Võ hậu trong việc chuyên quyền, bản thân nàng cũng được sủng mà sinh kiêu căng, làm mưa làm gió. Những văn thư do nàng mang đến dù cho vô lý đến đâu cũng được Cao Tông đóng dấu ký tên mà chẳng cần xem qua bên trong viết những gì. Thế là, công chúa phóng đảng phong lưu, tự phong quan chức, mua quan bán tước, chẳng ai làm được gì nàng.

Con trưởng của Võ hậu là thái tử Lý Hoảng rất nhân hậu khiêm tốn lễ độ, rất được Cao Tông yêu mến. Lý Hoảng tiến lui đúng lúc, đón sĩ phu bằng lễ nghĩa, triều dã hết sức coi trọng. Khi Cao Tông bệnh nằm liệt giường, lệnh cho Lý Hoảng giám quốc, bá quan như được an ủi đôi chút. Tuy nhiên, Võ hậu tham vọng quyền lực độc tôn bản thân, quyết không dung thứ cho bất kỳ ai nghịch lại ý chỉ, xâm hại quyền vị, dù đó là thái tử, con trai do chính mình sinh ra! Thái tử Lý Hoảng can gián những chuyện mà Võ hậu xử lý quá đáng, Võ hậu dần dần chán ghét chàng. Hai người con gái của Tiêu Thục phi là Nghĩa Dương công chúa, Tuyên Thành công chúa bị giam lỏng trong cung, đến 40 tuổi cũng chưa được gả đi. Thái tử Lý Hoảng biết chuyện, thấy bất nhẫn trong lòng, bèn cầu xin Cao Tông, gả đi hai người chị cùng cha khác mẹ. Cao Tông đồng ý, Võ hậu lại rất giận dữ.

Cao Tông bệnh chẳng còn sức, một khi băng hà, thái tử rất được lòng người đương nhiên sẽ kế thừa hoàng vị, giám ngự thiên hạ. Như thế, Võ hậu sẽ phải trở về hậu cung, không thể can dự triều chính. Điều này chẳng khác gì cái chết đối với một Võ hậu hết sức tham vọng quyền lực. Do đó, Võ hậu muốn nhẹ nhàng kết thúc sinh mạng nhỏ của thái tử như khi giết chết con gái của mình năm nào, đầu độc chết thái tử Lý Hoảng do mình sinh ra. Thái tử Lý Hoảng chết đi, lập con thứ là Ung vương Lý Hiền làm thái tử. Không bao lâu sau, Lý Hiền lại làm mất lòng Võ hậu, bị phế làm thường dân. Con trai thứ 3 của Võ hậu là Lý Triết được lập làm thái tử.

Võ hậu độc tôn bản thân, có oán tất báo, mặc kệ thù tặc tình thân gì đó. Võ Sĩ Hoạch cưới Tướng Lý thị trước, sinh hai con trai Nguyên Khánh, Nguyên Sảng. Rồi cưới Dương thị, sinh 3 con gái: con gái lớn gả cho Gia Lan Việt Thạch, chịu cảnh góa bụa từ sớm, phong làm Hàn Quốc phu nhân; con gái thứ 2 Võ Tắc Thiên; con gái thứ 3 gả cho Quách Hiếu Thận. Dương thị ngày càng được ân sủng nhờ Võ thị, được phong làm Vinh Quốc phu nhân. Dương thị vốn là cháu gái của Quan Đức thân vương đời nhà Tùy là Dương Hùng, là con gái nhỏ nhất của Thuý An cung hầu Dương Sĩ Đạt, cũng xuất thân từ danh gia vọng tộc. Tuy nhiên, gả cho Võ Sĩ Hoạch làm kế mẫu của huynh đệ Nguyên Sảng, tình hình rất bất lợi. Nhất là sau khi Võ Sĩ Hoạch chết đi, huynh đệ họ Võ làm gì coi trọng Dương thị và 3 con gái của bà? Chịu đủ mọi ức hiếp tủi nhục, họ đành phải nhẫn nhục chịu đựng, nước mắt nuốt ngược vào trong.

Võ thị một bước lên trời, Dương thị thở phào nhẹ nhõm, huynh đệ họ Võ cũng lần lượt được quan cao chức trọng: Nguyên Khánh làm Tông Chính thiếu khanh, Nguyên Sảng làm Thiếu phủ thiếu giám, con trai của huynh Duy Lương làm Tư vệ thiếu khanh, Duy Vân làm Tri Châu thứ sử. Một hôm, Dương thị bày tiệc mời huynh đệ họ Võ. Rượu thấm, Dương thị nói với Duy Lương: Các người còn nhớ chuyện xưa chứ? Hôm nay nói thế nào? Đó có nghĩa là sẽ tính lại nợ cũ. Duy Lương không biết nguy hiểm đang đến gần, không chỉ không quỳ phục tạ tội, ngược lại còn nói: May mà được đứng trong triều đình với vị trí con cháu của công thần, nhờ là quốc thích nên được tiến tước, hết sức vui mừng. Dương thị giận dữ, châm biếm Võ hậu giả vờ nhường nhịn, điều Dương Lương và những người khác đi nơi khác để thể hiện sự vô tư của mình.

Võ thị đương nhiên hiểu rõ điều đó. Từng màn từng màn thù cũ hiện lên trước mắt, Võ thị nghiền

rằng nghiêng lợi. Rất nhanh, Duy Lương xuất nhậm Thủy Châu thứ sử, Nguyên Khánh đi Long Châu, Nguyên Sáng đi Hào Châu. Nguyên Sáng làm việc tại đó không bao lâu thì chết tại Chấn Châu. Nguyên Khánh biết rằng tiền đồ vô vọng, uất ức mà chết sau khi đến Long Châu. Hàn Quốc phu nhân là chị của Võ hậu, tự do ra vào cấm cung, rất có nét nên được Cao Tông sủng ái. Sau khi Hàn Quốc phu nhân chết đi, con gái được phong làm Ngụy Quốc phu nhân, muốn được phong tần, Võ hậu không đồng ý. Võ hậu đổ ky ganh ghét cháu gái Ngụy Quốc phu nhân, gắp dịp phong Thái Sơn, Võ Duy Lương, Võ Duy Vận đều đồng loạt trở về kinh sư. Võ hậu độc chết Ngụy Quốc phu nhân, vu tội cho Duy Lương, Duy Vận, giết sạch gia đình họ. Sau khi Ngụy Quốc phu nhân chết đi, con trai của nàng Mẫn Chi đeo tang, Cao Tông hết sức đau lòng và vận hỏi nguyên cớ, Mẫn Chi khóc mà không trả lời. Võ hậu nổi giận đùng đùng nói: Bệ hạ nghi ngờ thiếp! Thế là căm ghét Mẫn Chi, không bao lâu sau, Mẫn Chi chết. Từ đó, thân thích dường như bị giết hết. Võ hậu lại đối xử rất khác với phụ mẫu của mình. Mẫu thân Dương thị di dời từ hai nước Tấn, Vệ, chết vào năm Hàm Hanh thứ nhất, truy phong Lỗ Quốc phu nhân. Chiếu bá quan văn võ trên cửu phẩm và họ hàng thân thích 5 đời đến viếng, an táng tại Hàm Dương với vương lễ, cho ban kiểm, bảo tượng, cỗ xuy. Thiên hạ đại hạn, Võ hậu thỉnh cầu tị vi, bá quan khó giữ. Võ hậu lập tức tặng phụ thân quá cố của mình Võ Sĩ Hoạch làm thái úy kiêm thái tử thái sư, Thái Nguyên quận vương; mẫu thân Dương thị Lỗ Quốc trung liệt phu nhân làm vương phi.

Khi Thái tử Lý Hoảng chết oan tại Hợp Bích cung, mọi người đã biết đó là hành vi của Võ hậu. Con trai thứ Ung vương Lý Hiền lập làm thái tử, hết sức sợ hãi. Lý Hiền làm một bài hoàng đài qua từ để cảm ngộ mẫu thân:

Chung qua hoàng đài hạ, qua thực tử li li.

Nhất trích sử qua hảo, tái trích sử qua hi.

Tam trích ưu vị khả, tứ trích bao màn qui.

(Trông đưa chuột dưới đài, đưa chín trái nhiều.

Hái một lần đưa sẽ tốt, hái lần hai đưa sẽ thừa.

Hái lần ba rất đáng lo, hái lần bốn chỉ ôm dây leo về.)

Võ Tắc Thiên chỉ vì dục vọng cá nhân và quyền vị, không tiếc hái lần thứ tư để rồi cuối cùng ôm dây leo về nhà. Minh Sùng Nghiêm được Võ Tắc Thiên yêu mến bị giết do sử dụng bùa chú tà thuật, Võ hậu nghi ngờ đó là hành vi của Lý Hiền, bèn sai người vu cáo Lý Hiền háo sắc, lục soát được hàng trăm con rối trong chuồng ngựa ở đông cung. Cao Tông muốn khoan xá Lý Hiền, Võ hậu không đồng ý, nói: Làm thái tử mà lại ôm lòng phản nghịch, trời đất không dung, phải vì đại nghĩa diệt thân, làm sao có thể xá tội được! Thế là phé làm thường dân, ép con trai thứ hai của mình phải tự sát, lập Ung Châu Mục Anh vương Lý Triết làm thái tử.

Năm Thượng Nguyên thứ nhất, Võ hậu tiến hiệu thiên hậu, kiến nghị 12 việc, Cao Tông nhất nhất nghe theo. Không bao lâu sau, Cao Tông muốn hạ chiếu, nhường vị cho Võ hậu. Tể tướng Hách Xử Tuấn ra sức can gián. Cùng lúc với việc củng cố quyền vị, Võ hậu không quên mua chuộc lòng người, sử gia ghi rằng bà thể hiện sự khoan dung độ lượng, mua chuộc lòng người. Bà nói với Cao Tông, nay quần thần nạp nửa lương bổng, bá tánh tính tiền nhân khẩu, để nuôi binh ở biên cương, e rằng bốn bề vong thương hư thực, xin hãy bãi bỏ tất cả. Cao Tông ưng chuẩn, quần thần, bá tánh đương nhiên hết sức vui mừng.

Năm Nghi Phượng thứ 3, năm 678 Công Nguyên, quần thần, phiên đi đứng hầu tại cửa Quang Thuận. Cao Tông vầng đầu hoa mắt. Thị y Trương Văn Trung, Tàn Minh Hạc nói: Gió đi ngược, châm cứu tại phần đầu cho ra máu là khỏi bệnh. Võ hậu tức giận nói: Thật đáng chém đầu! Thánh thể hoàng đế có chỗ để lấy máu sao? Thị y dập đầu xin tha tội. Cao Tông than thở nói: Y sư bàn về trị bệnh, làm gì có tội? Ta choáng đầu hoa mắt, cứ để họ trị đi vậy! Sau khi thị y châm cứu, Cao Tông vui mừng nói: Ta nhìn thấy rồi! Võ hậu bái tạ từ sau rèm rằng: Trời thưởng cho ta đại sư! Tặng thưởng châu báu ngọc ngà.

Năm năm sau, tức tháng 12 năm Hoằng Đạo thứ nhất, Cao Tông qua đời, thái tử Lý Triết kế vị, hiệu Đường Trung Tông, Võ hậu trở thành hoàng thái hậu, tổng quản triều chính.

Sau khi Lý Triết kế vị, muốn để hậu phụ Huyền Trinh làm thị trung. Trung thư lệnh Bùi Viêm cố tranh. Lý Triết nổi giận nói: Ta giao thiên hạ cho Huyền Trinh có gì không được! Còn tiếc thị trung sao? Một tháng sau, Võ thái hậu phế Trung Tông Lý Triết, giáng xuống làm Lộ Lãng vương. Lý Triết chất vấn: Con có tội gì? Võ thái hậu lạnh lùng nói: Người muốn giao thiên hạ cho Huyền Trinh, không có tội sao? Thế là, Lý Triết bị giam lỏng tại nơi ở. Con trai thứ 4 của Võ thái hậu là U vương Lý Đán trở thành hoàng đế, chính là Duệ Tông, ở cung riêng, không được can dự triều chính. Võ hậu lại giam lỏng Lý Đán và những đứa con khác trong cung, không cho ra khỏi cửa cung hơn 10 năm. Đổi Đông Đô thành Thần Châu, lập Võ thị thất miếu. Những người trong gia tộc họ Võ được dùng đến, cháu trai Võ Thừa Tự làm trung thư lệnh, tổng quản triều chính.

VII. Hành vi bất thủy trong thâm cung

Khi đó, Võ thái hậu đã 60 tuổi, quyền lực ổn định, muốn làm gì thì làm. Có thể nói Võ thái hậu càng già càng dẻo dai, càng mãnh liệt trong sinh hoạt tình dục. Khi Cao Tông bệnh liệt giường vào cuối đời, Võ hậu đang tuổi sung mãn đã câu kết với thái y Trình Cứ, hai người thông gian trong thời gian dài. Trình Cứ là người tình ổn định của Võ hậu. Sau đó, Lạc Dương đột nhiên xuất hiện một người giả điên giả khùng, tên là Phùng Tiểu Bảo. Hắn khôi ngô đảm độc, lan truyền khắp Lạc Dương. Con gái của Cao Tổ Lý Uyên là Thiên Kim công chúa đưa hắn vào phủ, chịu đựng không nổi, bèn lấy lòng Võ Tắc Thiên, đưa hắn vào hậu cung. Võ Tắc Thiên hết sức hài lòng, đổi tên hắn thành Bích Hoài Nghĩa, cạo đầu làm tăng, làm chủ trì chùa Bạch Mã, tự do ra vào cung cấm.

Bích Hoài Nghĩa từ một tên vô lại đột nhiên được nâng cao đầu trong cung, ai nấy cũng hết sức tăng nịnh hắn, tất cả đều do quyền lực và sự dâm dục của Võ Tắc Thiên tạo nên. Trong thời kỳ Bích Hoài Nghĩa được sủng ái nhất, trượng phu của con gái của Võ Tắc Thiên - Thái Bình công chúa là Bích Siêu phụng sự Bích Hoài Nghĩa theo lễ phụ tử. Võ Thừa Tự, Võ Tam Tư quyền khuynh triều dã, chí thân của Võ Tắc Thiên cũng phải cung kính nhường hắn. Ngựa của Bích Hoài Nghĩa được cung chu cấp, có người chuyên phụ trách. Võ Tắc Thiên còn lệnh cho Bích Hoài Nghĩa chỉ huy hàng vạn người, xây dựng Minh đường. Khi Minh đường xây xong, Võ Tắc Thiên phong Bích Hoài Nghĩa làm Uy Vệ đại tướng quân, Lương Quốc công.

Bích Hoài Nghĩa tự đắc đến thế, uy phong đến thế, không ít người trong cung thêm muốn, và từ đó cũng biết đến sự dâm dục của Võ Tắc Thiên, từ đó hiểu rõ con đường tốt nhất để lấy lòng Võ Tắc Thiên. Thượng thực phụng ngự quan Liễu Mạc, tiến cử con trai Liễu Lương Bình của mình với Võ Tắc Thiên, nói hắn có làn da trắng trẻo, lông mày rậm, oai vệ đường hoàng, tráng kiện vô cùng. Còn có không ít người tự tiến cử, Võ Tắc Thiên chọn ra những người ưu tú để chiêu hạnh.

Võ Tắc Thiên có mới nới cũ, dần dần xa lánh Bích Hoài Nghĩa. Ngự y Thẩm Nam Cầu thay thế cho Bích Hoài Nghĩa, trở thành niềm vui mới của Võ hậu. Sau khi bị thất sủng, Bích Hoài Nghĩa oán hận trong lòng, đã tính bực phát, nổi lửa đốt Minh đường. Võ Tắc Thiên áy náy trong lòng, nhưng vì tìm niềm vui mới, vẫn kiên quyết loại bỏ Bích Hoài Nghĩa. Thế là, Võ hậu mật chiếu Thái Bình công chúa, chọn một số cô gái khỏe mạnh, đứng hầu trong điện, đợi Bích Hoài Nghĩa vừa đến, trói gọn hắn lại. Tiếp đó, lệnh thân tín Võ Ưu Ninh, Tổng Tấn Khanh dẫn tráng sĩ giết chết Bích Hoài Nghĩa, sau đó dùng xe chở rác kéo xác của Bích Hoài Nghĩa về chùa Bạch Mã.

Võ Tắc Thiên lại tuyển chọn nhiều mỹ nam, tự ý dâm lạc. Vào tuổi già, Võ Tắc Thiên sủng ái huynh đệ Trương Dịch Chi, Trương Xương Tông. Võ Tắc Thiên thiết kế Khổng Hạc phủ có nhiều cửa cho huynh đệ họ Trương, để Trương Dịch Chi là giám phủ, vị tam phẩm. Trương Dịch Chi biệt danh Ngũ Lang, Trương Xương Tông biệt danh Lục Lang. Có triều thần khen ngợi Trương Xương Tông: Lục Lang mặt như hoa sen. Nội sử Dương Tái Tư càng vô si hơn, nói: Nếu không, là hoa sen giống Lục Lang!

Võ Tắc Thiên rất hà khắc đối với nam sủng, không chỉ đòi hỏi nam tính mạnh mẽ, dung mạo tuấn tú, còn phải hoàn thiện về mọi mặt. Nhà thơ đời Đường Tống Chi Ván, khi đó là một tùy tùng văn học, tướng mạo bề vệ đường hoàng, hơn hẳn mọi người, lại có văn tài xuất chúng, tự thấy mình nên làm nam sủng của Võ thái hậu. Nhưng, Võ thái hậu chẳng thèm để mắt đến. Tống Chi Ván không cam tâm, viết một bài thơ hay hiển cho Võ hậu.

Võ hậu chỉ cười rồi thôi. Sau đó, trước mặt cận thần, Võ hậu chê Tống Chi Ván, nói: Tống khanh phương diện nào cũng tốt, chẳng qua là mình không biết, có bệnh hôi miệng. Tống Chi Ván hổ thẹn đến

mức tìm lỗ mà chui. Sau này, Tổng Chi Vấn thường ngâm món kê thiết (loại cây thơm), để loại bỏ mùi hôi.

VIII. Thời đại nữ hoàng

Võ thái hậu quan tâm đến hai vấn đề tình dục và quyền vị, và còn sử dụng Châu Hưng, Lai Tuấn Thần để giúp mình lạm quyền. Châu Hưng, Lai Tuấn Thần giết người như rạ, dùng cực hình tàn khốc ép chết vô số thần dân, triều dã nghe tên mà biến sắc. Lai Tuấn Thần biên soạn “La chức kinh”, dạy người làm sao bắt giết vô tội. Cực hình tàn khốc của hắn rất nhiều. Thái tử bị phế Lý Hiền bị giam lỏng tại Ba Châu, Võ hậu phái người ép Lý Hiền tự sát. Hoàng đế bị phế Lý Triết bị giam. Tân đế Duệ Tông Lý Đán lo sợ ngày đêm, khấn thỉnh nhường ngôi cho thái hậu. Thế là, Võ Tắc Thiên thật sự trở thành hoàng đế, xưng Thánh Mẫu Thần Hoàng, lấy tên Tắc Thiên. Sau này đổi tên Triệu, nghĩa là chiếu sáng thiên hạ ngày cũng như đêm, tự xưng Kim Luân hoàng đế, đổi quốc hiệu thành Chu. Lý Đán bị giáng làm thái tử, đổi sang họ Võ.

Anh công Lý Kính Nghiệp và Trường An chủ bác Lạc Bình vương mắc tội bị điều đi Dương Châu. Lý Kính Nghiệp kêu gọi Khuông Hạ Lô Lăng vương khởi binh tạo phản. Lạc Bình vương chống lại Võ Triệu, lan truyền gần xa, khắp nơi hưởng ứng, người tạo phản lên đến hơn mười vạn. Lý Kính Nghiệp phạm sai lầm về chiến lược, không đánh thẳng vào Lạc Dương mà vượt sông lấy Kim Lăng, kết quả binh bại mà chết. Từ đó Võ hậu mở rộng cửa mật báo. Thế là, kẻ mật báo từ bốn phương ào ạt chạy đến, làm người vô tội bị lạm sát vô số, ngay cả tôn thất quý tộc của nhà Đường cũng bị lạm sát đến cùng.

Sau khi Võ hoàng đế qua đời, nên để ai kế hoàng vị đây? Là con cháu của họ Võ hay họ Lý? Dương nhiên nhà họ Võ phải suy nghĩ thật kỹ, bởi vì, một khi Lý thị lâm chính, thế của họ Võ tất sẽ tiêu. Thế là, nhà họ Võ liên danh thỉnh cầu, lập Võ Thừa Tự làm thái tử. Rốt cuộc thì giao phó thiên hạ cho ai trong số các con đẻ và cháu trong họ của mình đây, Võ hậu nhất thời chưa quyết định được. Võ hậu hỏi trọng thần. Thừa tướng Dịch Nhân Kiệt nói, Hoàng Tự là con trai ruột của bệ hạ, bệ hạ giám ngự thiên hạ, đương truyền cho con cháu của mình, làm gì phải lập cháu làm tự? Mẹ con và cô cháu ai thân hơn? Bệ hạ hãy suy nghĩ kỹ, thì sẽ rõ liền.

Thế là, Lô Lăng vương Lý Triết được đưa về Lạc Dương. Lô Lăng vương ở tại Phòng Châu hơn 10 năm, lúc nào cũng lo sợ cho tính mạng, đột nhiên được triệu về Lạc Dương, nhìn thấy mẫu hậu, kích động vô cùng, chỉ biết phủ phục dưới đất, khóc không thành tiếng. Sau khi Lý Triết trở về kinh, thái tử Lý Đán xin nhường vị, thế là, Lý Triết được lập làm thái tử. Võ Tắc Thiên e rằng sau khi bà chết, tôn thất nhà Đường chà đạp họ Võ, bèn buộc con cháu họ Võ và Tương vương Lý Đán, Thái Bình công chúa và thái tử cùng tuyên thệ, cáo thiên địa tại Danh đường, ghi trên kiện sắt, tàng giữ trong sử quán, hòa hảo mãi mãi. Trên thực tế, đó chẳng qua chỉ là tự dối mình dối ta mà thôi.

Năm Thần Long thứ 6, thái hậu 81 tuổi, lão thái long chung, bệnh nằm liệt giường, sống tại Nghênh Tiên viện. Tể tướng Trương Giản Chi và Thôi Huyền Vĩ lập kế sách, thỉnh thái tử dẫn binh vào giết nam sủng của thái hậu là Trương Dịch Chi, Trương Xương Tông. Vũ Lâm tướng quân Lý Đa Tộ dẫn binh đến Huyền Vũ môn, chém chết hai người họ Trương tại bên trái viện. Thái hậu nghe biến đứng dậy. Hoàn Nhan Phạm tiến thỉnh thái hậu truyền ngôi. Thái hậu buồn bã quay về giường, không muốn nghe nữa. Thái tử Lý Triết kế vị, trở lại làm Trung Tông, khôi phục quốc hiệu Đường, đưa thái hậu đến Thượng Dương cung. Hoàng đế đến ở và nghe tấu tại Quan Phong điện. Phế bỏ quan Phụng Thần Phủ (tức Không Hạc phủ), đổi Võ thị miếu tại Đông Đô thành Tông Tôn miếu, đổi hiệu Sùng Ân, trở lại Đường Tông miếu. Vương giả nhà họ Võ lần lượt bị giáng tước. Võ hậu u uất mà chết, di chế gọi Tắc Thiên đại thánh hoàng thái hậu.

IX. Nữ hoàng kế tiếp – Vi hoàng hậu

Võ Tắc Thiên sinh 4 con trai, một con gái: con trai trưởng Lý Hoằng, con trai thứ Lý Hiền, con trai thứ 3 Lý Triết, con trai thứ 4 Lý Đán, con gái nhỏ nhất Thái Bình công chúa. Võ hậu chẳng hề thương yêu 4 con trai của mình, nhưng lại yêu chiều hết mực con gái nhỏ yêu kiều. Nguyên nhân tại sao? Rất đơn giản, là trời sinh giống và không giống. Thái tử Lý Hoằng trời sinh nhân hậu, lòng dạ mềm yếu. Con trai thứ, con trai thứ 3 khoan dung có thừa, uy mệnh không đủ. Con trai thứ 4 gần như khiếp nhược. Còn Thái Bình công chúa thì khác, không chỉ dung mạo giống mẫu thân, mà còn vượt xa các anh trai về sự quả cảm quyết đoán, do đó Võ hậu sủng ái Thái Bình công chúa, chỉ hận nàng lại là nữ nhi.

Thái tử Lý Hoằng thất sủng, tháng 5 năm Thượng Nguyên thứ 2, bị ép chết tại Hợp Bích cung. Tháng 6, lập Ung vương Lý Hiền làm thái tử. Tuy Lý Hiền làm bài “Hoàng đài qua tử” để cảnh tỉnh thái Võ hậu, nhưng vẫn không được Võ hậu chấp nhận, từ đó bị phế thành dân thường rồi bị ép tự sát. Con trai thứ 3 Ung Châu Mục Anh vương Lý Triết được lập làm thái tử.

Lý Triết tên ban đầu là Lý Hiền, là con trai thứ 7 của Cao Tông Lý Trị. Được phong làm Châu vương khi mới 2 tuổi. 21 tuổi được phong làm Anh vương, thụ Ung Châu Mục, đổi tên Lý Triết. 24 tuổi được Võ hậu lập làm thái tử. Khi Lý Triết sống trong đông cung, tuyển Vi thị trong sổ hàng vạn người làm phi. Khi Lý Triết được phong Anh vương đã tuyển chọn Triệu thị người Trường An làm phi trước Vi thị. Triệu thị môn đệ hiển quý. Tổ phụ Triệu Trác, có công vào thời Võ Đức, nhận Hữu lĩnh quân tướng quân. Phụ thân Triệu Hoàn, Thượng Cao Tổ Thường Lạc công chúa. Đáng tiếc Võ hậu không thích Triệu thị, nên giam lỏng Triệu thị tại tỉnh Nội Thị, cha nàng Triệu Hoàn từ Định Châu thứ sử, phò mã đô úy giáng xuống làm Trích Khóat châu. Sau khi Triệu thị bị giam, cửa chính và cửa sổ bị niêm phong, mỗi ngày chỉ có chút đồ uống. Người canh giữ mấy ngày không để ý đến khói bếp, khi mở cửa ra xem, thi thể đã rã. Triệu thị chết thật thảm khốc.

So với Triệu thị, Vi thị xuất thân hàn môn, số mệnh tốt hơn nhiều. Triệu thị bị giam lỏng đến chết, Vi thị đắc sủng. Vi thị rất có kiến thức, thường thức tỉnh Lý Triết kính cẩn, khoan hòa, phải cẩn thận coi chừng, đề phòng nguy hiểm ngay khi đang sống yên bình, cung kính hầu hạ thái hậu và thân tín xung quanh. 3 năm sau, Cao Tông Lý Trị qua đời, thái tử Lý Triết kế vị trước linh đường, Võ Tắc Thiên làm hoàng thái hậu, tổng quản triều chính, Vi thị lập làm hoàng hậu, năm đó Lý Triết đã 28 tuổi.

Lý Triết làm hoàng đế, muốn thay đổi triều cục đã bị Võ hậu kiểm soát, tạo thành tích với thiên hạ. Ông muốn đề phụ thân của Vi hoàng hậu Vi Huyền Trinh làm thị trung. Trung thư lệnh Bùi Viêm kiên quyết tranh chấp. Lý Triết tức giận, nói lời lẽ. Thế là, Lý Triết kế vị chưa đến 1 tháng, như Vi hoàng hậu từng nói, hậu có thể lập chàng, thì cũng có thể phế chàng, quả nhiên bị phế, trở lại làm Lô Lăng vương, bị điều đến Quân Châu, sau lại bị điều đi Phòng Châu.

Lý Triết đột nhiên bị phế ngôi hoàng đế, không tránh khỏi bản thân hoảng hốt. Chàng luôn nhớ đến cảnh bị phế: Bá quan tụ tập đông đủ tại Càn Nguyên điện, Vũ Lâm tướng quân trình vụ đình, Trương Văn Huân dẫn theo hàng ngàn người vào cung, xếp thành hai hàng thẳng tắp tại đại điện, trung thư thị lang Lưu Vĩ Chi tuyên đọc sắc thư của thái hậu, phế hoàng thượng thành Lô Lăng vương.

Lý Triết bị giam tại biệt cung, bên cạnh chỉ có Vi thị làm bạn. Vi thị nói năng dịu dàng, an ủi khuyên giải Lý Triết, Lý Triết cảm thấy đỡ hơn. 3 tháng sau, Lý Triết bị đuổi đến Phòng Châu (huyện Phòng, Hồ Bắc ngày nay). Cả nhà Lý Triết đành phải thu dọn hành trang, đi về Phòng Châu. Phòng Châu gần núi Võ Đang, hoang vu hẻo lánh, hết sức nghèo nàn. Châu thái thú của Phòng Châu lại nhận được chỉ dụ, chỉ cung cấp những thứ cần thiết nhất trong ngày, chủ yếu là giám sát hành động thường ngày của chàng.

Lý Triết đã quen với cuộc sống giàu có, làm sao chịu đựng nổi cuộc sống thế này? Cả ngày châu mày ủ rũ, than thở. Vì thị ngày ngày khuyên giải, an ủi chàng bằng sự dịu dàng của người phụ nữ. Không bao lâu sau, Từ Kính Nghiệp kêu gọi cứu lấy Lô Lăng vương, tập trung mười vạn hùng binh, khởi sự tại Dương Châu. Phòng Châu trở nên kinh hoàng. Châu thái thú cử trọng binh đến canh giữ, giám sát ngày đêm, cấp sứ của triều đình cũng đến lui thường xuyên.

Lý Triết nóng cả ruột, mỗi lần có cấp sứ đến nơi, mặt mắt hết máu, toát mồ hôi hột, run lẩy bẩy, cứ cho rằng ngày chết đã đến, tức là phải tự sát. Vì thị lại đứng bên cạnh khuyên giải: Họa phúc vô thường, sớm muộn gì cũng như nhau cả, đừng để ý nữa. Phản binh của Từ Kính Nghiệp được dẹp yên, cả nhà Lý Triết mới bình yên vô sự. Để đề phòng bất trắc, Vì thị tự tay chăm sóc ăn ở ngủ nghỉ của Lý Triết, không để người khác nhúng tay vào. Lý Triết rất cảm kích. Vì thị đã sinh cho chàng 1 con trai và 3 con gái, các con cũng còn rất nhỏ, mà Vì thị lại có mang lúc này, trong trong ngoài ngoài đều dựa vào một mình nàng coi sóc. Lý Triết không thể im lặng nữa, thế là, Lý Triết thề với trời rằng: Một khi gặp lại mặt trời, sẽ không hạn chế nàng. Nghĩa là nói, một khi Lý Triết lấy lại ngôi vị, trở lại làm hoàng đế, gặp lại mặt trời thì Vì thị có thể muốn gì được nấy. Vợ chồng Lý Triết sống trong cảnh nguy hiểm, tương thân tương ái, sống đến 14 năm tại Phòng Châu như thế.

Tháng 3 năm Thánh Lịch thứ nhất (năm 698), theo sự thỉnh cầu của Địch Nhân Kiệt, Võ Tắc Thiên lấy cớ Lý Triết có bệnh, cử sứ giả triệu cả nhà họ trở về Thần Châu (kinh đô). Thái tử Lý Đán là em trai của Lý Triết. Khi đó, Lý Đán sống trong cảnh bình yên, nhìn thấy ca ca trở về, bèn thỉnh cầu Võ hậu, xin nhường ngôi thái tử cho Lý Triết. Võ hậu đồng ý. Lý Triết lại làm thái tử lần nữa, con trưởng Lý Trọng Nhuận được phong quận vương, mở phủ lập quan với vị trí hoàng thái tôn, Vì thị cũng được phong làm thái tử phi lần nữa.

Vi thị hiểu rất rõ triều cục khi đó, xung quanh Võ hậu, có 4 người nắm quyền sinh sát, kiểm soát triều đình: một là Thái Bình công chúa, rất được Võ hậu sủng ái, làm mưa làm gió; thứ hai là cháu ruột gọi Võ hậu là cô cô Võ Thừa Tự, Võ Tam Tư, nhất là Võ Tam Tư, anh tuấn khôi ngô, nói năng khéo léo, cái lưỡi không xương của hắn rất được Võ hậu yêu mến; thứ 3 là nữ quan ngự tiền tâm phúc của Võ hậu Lam Đài lệnh sử Thượng Quan Uyển Nhi, xinh đẹp có tài, cai quản chiếu lệnh văn thư trong cung. Ngoài họ ra, chính là nam sủng của Võ hậu. Thế là, Vì thị khuyên cáo Lý Triết hết lần này đến lần khác rằng phải làm việc cẩn thận, phải cung kính đối với sủng thần ái nữ xung quanh Võ hậu.

Thế là Lý Triết kính trên nhường dưới, thân cận với những nhân vật này. Võ Tam Tư tinh anh hơn người đương nhiên chỉ mong lôi kéo thái tử, điều này thật sự là một sự bảo đảm cho mình trong hiện tại hay trong tương lai. Từ đó hai nhà Lý Triết, Võ Tam Tư càng gần nhau hơn, thường tổ chức yến tiệc trong nội thất, gia quyến có mặt đầy đủ. Khi đó, vợ chồng Lý Triết vừa qua tuổi 40, Võ Tam Tư cũng chừng đó tuổi. Võ Tam Tư bề vệ đường hoàng, ăn nói khéo léo, nhanh chóng được Vì thị yêu mến. Vì thị đang tuổi sung mãn, lửa tình đang rực cháy, chính là thời cơ như sói như hổ, hai người trộm tình tằm hoan một cách hết sức tự nhiên, từ đó gắn bó keo sơn, gặp nhau chỉ hận thời gian quá ngắn.

Vi thị thông minh hơn người. Nàng biết hai người họ Võ có vai trò rất quan trọng trước mặt Võ thái hậu, nàng bèn nghĩ đến chuyện liên hôn để củng cố địa vị thái tử cho Lý Triết. Thế là, qua sự sắp xếp và ưng chuẩn của Võ hậu, gả con gái lớn Vĩnh Thái công chúa cho con trai của Võ Thừa Tự là Võ Diên Cơ, gả con gái út 18 tuổi là An Lạc công chúa cho con trai của Võ Tam Tư là Cao Dương vương Võ Sùng Huân. Võ hậu vẫn luôn lo lắng tôn thất họ Lý sẽ đối xử tệ bạc với nhà họ Võ sau khi bà chết, sự liên hôn này làm cho Lý, Võ thân thiết, đương nhiên là không gì tốt bằng.

Lý Trọng Nhuận là con trai độc nhất của Lý Triết và Vì thị, phong làm Thiệu vương, dung mạo tuấn tú, trời sinh khiêm tốn. Chàng và em rể Võ Diên Cơ rất tốt với nhau, tuổi gần nhau, tính tình hợp nhau. Hai người trẻ tuổi sức lực dồi dào, thường bàn luận về triều chính, nhất là đối với hai người họ Trương tự do ra

vào cung cấm, rất không thuận mắt, rêu rao sẽ giết chết hai huynh đệ họ Trương. Khi được báo, Trương Dịch Chi lập tức khóc lóc tấu với Võ hậu. Võ hậu không thể thiếu hai Trương hoan lạc, làm sao chịu đựng được chuyện này? Thế là không hỏi đúng sai thế nào, cũng mặc kệ Lý Trọng Nhuận có phải là con trai độc nhất của thái tử hay không, hạ lệnh bắt giết Lý Trọng Nhuận, Võ Diên Cơ và cả thái tử của Võ Diên Cơ là Vĩnh Thái công chúa. Lý Triết không thể làm gì để cứu vãn, thân làm thái tử, mà chỉ có thể giương mắt nhìn con trai, con gái của mình bị đánh đến chết. Võ Thừa Tự cũng không còn cách nào khác, ngày nào cũng u uất buồn phiền, cuối cùng bệnh liệt giường mà chết.

Võ Tắc Thiên đã 80 tuổi, tóc đã bạc, răng đã rụng, nhưng vẫn không giảm dâm dục, không thể rời xa huynh đệ họ Trương. Nhị Trương được sủng mua quan bán tước, làm mưa làm gió. Tể tướng Trương Giản Chi và trung thần trực ngôn Hoàn Nhan Phạm, Kính Huy, Viên Nộ Kì, Thôi Huyền Vĩ ... âm mưu đổi chủ, lập thái tử Lý Triết, giết chết nhị Trương. Trước tiên có Vĩ An Thạch, Đường Tu Hoàn mật tấu thái tử: Nhị Trương được sủng ái, không làm tròn chức phận của thần dân, sau này tất sẽ tạo phản. Tiếp đó, nhị Trương phụng chỉ hầu bệnh. Thôi Huyền Vĩ tấu thỉnh thái tử vào hậu thang thuốc, cấm cung không cho người khác họ ra vào. Võ hậu không thể quan tâm đến nữa.

Ngày 12 tháng giêng năm Thần Long thứ nhất (năm 705), tể tướng Trương Giản Chi, thiên quan thị lang Thôi Huyền Vĩ, trung đài hựu thừa tướng Kính Huy, tư hình thiếu khanh Hoàn Nhan Phạm, Tương vương tư mã Viên Nộ Kì liên lạc với Vũ Lâm tướng quân Lý Đa Tộ, Hữu Vũ tướng quân Dương Nguyên Đàm, Vũ Lâm tướng quân Lý Thâm, tá uy vệ tướng quân Bích Tư Hành... phát động chính biến cung đình, giết chết huynh đệ Trương Dịch Chi, Trương Xương Tông, ép Võ hậu nhường ngôi, đưa thái tử Lý Triết lên làm hoàng đế. Khi đó, Võ hậu nghe tin bật dậy hỏi: Ai đang làm loạn? Tể tướng Trương Giản Chi trả lời: Nhị Trương mưu phản, thần phụng lệnh thái tử giết chết họ, e bị lộ nên không dám tiên tấu; khởi binh trong cung cấm, tội đáng muôn chết!

Thái hậu thấy thái tử Lý Triết: Là người à! Tiểu tử đã giết, trở về đông cung ngay! Hoàn Nhan Phạm lập tức tiến tấu nói: Thái tử làm sao trở về đông cung được? Khi xưa hoàng thượng giao phó ái tử cho bề hạ, quần thần đều không quên ân đức của tiên hoàng, thỉnh bề hạ truyền vị cho thái tử. Và Lý Triết đã vào ngôi để vị như thế đấy. Mười tháng sau, Võ hậu qua đời.

Lý Triết kế vị, Vi thị được lập làm hoàng hậu. Tiến cử Võ Tam Tư nhậm chức Tư không, vị đồng tam phẩm. Tổng Cảnh làm Hoàng môn thị lang, Đường Tu Cảnh làm Bộc xạ, 5 vị công thần là Trương Giản Chi, Kính Huy, Hoàn Nhan Phạm, Viên Nộ Kì, Thôi Huyền Vĩ đều được thăng quan tiến chức. Mấy vị này muốn giết sạch nhà họ Võ, nhất là Võ Tam Tư. Nhưng Vi hậu và Võ Tam Tư thông gian, nói với Lý Triết, nên được trọng dụng. Võ Tam Tư thừa cơ tiến cử Lam Đài lệnh sử Thượng Quan Uyển Nhi, người thông gian với mình. Lý Triết bị Thượng Quan Uyển Nhi làm dao động, lại yêu mến tài văn của nàng, bèn giữ nàng bên cạnh, từ đó phong làm chiêu dung, nạp vào đội ngũ phi tần của mình.

Võ Tam Tư dần dần được thế, thế lực của họ Võ lại hùng mạnh trở lại. 5 người Trương Giản Chi đều xin giết chết nhà họ Võ. Lý Triết không màng đến. Võ Tam Tư lại xúi giục Vi hậu lừa dối Lý Triết, ly gián 5 người họ. Lý Triết nhu nhược, luôn nghe theo lời của Vi hậu, bèn bãi chính sự của 5 người, phong làm vương, buộc rời khỏi kinh sư. Võ Tam Tư dần dần không chế triều đình, lệnh cho bá quan lấy lại triều đình cho họ Võ, người không phục tùng bị bãi xích, những ai bị ngũ vương xưa đuổi sẽ được phục chức. Năm sau, giết ngũ vương, Võ Tam Tư quyền khuynh triều dã.

Khi đó, thiên hạ do 9 người đàn bà trong hậu cung chi phối: Vi hoàng hậu, Thái Bình công chúa, An Lạc công chúa, Trường Ninh công chúa, Nghi Thành công chúa, Tân Bình công chúa, Định An công chúa, Thành An công chúa, Thượng Quan Uyển Nhi. Thái Bình công chúa là con gái của Võ hậu, còn những vị công chúa khác đều là con gái của Lý Triết, còn có Vĩnh Thọ công chúa đã chết từ lâu, Vĩnh Thái công chúa bị Võ hậu giết chết. Vi hoàng hậu được bảo đảm bởi lời thề năm nào của Lý Triết, đủ sức chi phối

Trung Tông Lý Triết. Nàng học hỏi Võ hậu về mọi mặt. Trung Tông lâm triều nghe chính, nàng cũng buông rèm sau đế, tham dự triều chính. Thái Bình công chúa là muội muội của Trung Tông, kiêu căng lộng quyền thành thói vào thời Võ hậu, Trung Tông cũng chỉ biết nghe theo. An Lạc công chúa nhỏ nhất, được sủng ái nhất, tất cả những gì mà nàng cần nàng muốn không cái nào không được đáp ứng. Tài nữ Thượng Quan Uyển Nhi phong thụ chiêu nghi, liệt vào phi tần, sớm tối bên cạnh đế hậu, rất có sức ảnh hưởng đến triều chính.

Trung Tông Lý Triết đã sống trong đám đàn bà phóng túng dâm dăng này, mặc họ làm gì thì làm, nhất là Vi hoàng hậu, phóng túng đến mức không thể nói. Phụ thân của Vi hậu Vi Huyền Trinh được truy phong làm Thượng Lạc vương, mẫu thân Thôi thị được truy phong làm phi, bản thân Vi hậu buông rèm nghe chính trên điện, có một kẻ phóng túng dâm loạn, mà đã làm cho thiên hạ hỗn loạn, triều dã đều biết, nhưng Trung Tông Lý Triết lại bịt tai không nghe.

Bản thân Lý Triết cả ngày trác táng hưởng lạc, mặc kệ Vi hậu thông dâm với ai. Hàng ngày ông ca hát múa may, đấu gà đua chó, tầm lạc suốt đêm. Ông thích kịch Song Lục, tức 12 tấm xương bài khắc 12 con thú, người thắng cuộc sẽ tính theo số bài. Biết chuyện Vi hậu và Võ Tam Tư thông dâm, ông cũng xem như không biết, cứ mặc sức vui chơi. Có khi, Vi hậu và Võ Tam Tư chiếm cứ cả chiếc giường của Lý Triết, thế mà ông vẫn như không nhìn thấy, không chỉ không cho là vô lễ, mà lại đứng bên cạnh giúp họ tính toán số bài.

Vi hậu chỉ có mỗi một Võ Tam Tư thì không thể thỏa mãn sự dâm dục, bèn tìm kiếm mỹ nam. Có một hòa thượng đến từ Tây Vực, pháp danh Tuệ Phạm, giỏi tà đạo dâm thuật, được bọn quyền quý dẫn vào hậu cung, thông dâm với Vi hậu, Vi hậu hết sức hài lòng, trở thành một người tình cố định. Sau này, mỹ nam ngày càng nhiều, bí mật đưa vào hậu cung, Vi hậu dâm lạc với từng người một. Ngày tháng lâu dần, hành vi bần thiú đó không chân mà lan khắp kinh đô.

Triều thần chỉ biết Vi hậu và Võ Tam Tư thông dâm, không ngờ Vi hậu lại dâm loạn đến thế. Vi thị tông môn có một tiểu quan Vi Nguyệt, nghe tin tông môn có một dâm hậu như thế, bèn mặc kệ sống chết, dâng tấu cáo tội Võ Tam Tư thông dâm trong cung, yêu cầu Trung Tông dọn dẹp hậu cung, giết chết Võ Tam Tư. Trung Tông vừa nghe đã giận điên người, không những không xét hỏi có phải là sự thật hay không mà ngược lại không phân biệt trắng đen, lại xử tử Vi Nguyệt. May mà Hoàng môn thị lang Tống Cảnh can gián, Ngự sử Tô Hướng đứng bên khuyên giải, như thế mới giúp Vi Nguyệt thoát khỏi cái chết. Sự kiện Vi hậu tư thông đã công khai khắp nơi.

Võ Tam Tư và 5 tên cầu tâm phúc của hắn: Binh bộ thượng thư Tông Sở Khách, tướng tác đại tướng Tống Tấn Khanh, thái phủ khanh Kì Xứ Nội, hồng lô khanh Cam Nguyên Giản, ngự sử trung thừa Châu Lợi Dung âm mưu dả kích ngũ cương Trương Giản Chi. Trung thư xá nhân Thôi Đề đầu quân sang Võ Tam Tư, bán đứng ngũ vương Trương Giản Chi. Võ Tam Tư một mặt tiết lộ hành vi xấu của Vi hậu, một mặt thông qua con dâu được Trung Tông sủng ái nhất là An Lạc công chúa tiến ngôn với Trung Tông, tiết lộ hành vi xấu của thái hậu giá họa cho ngũ vương Hoàn Nhan Phạm. Như thế, trong triều hình thành 2 phái đối nghịch nhau: Võ Tam Tư, Vi hậu là thủ lĩnh phái thứ nhất, bao gồm cả Uyển Nhi, các công chúa, triều thần Thôi Đề, Trịnh Phổ Tư, Diệp Tịnh Năng, Tống Sở Khách, Tống Tấn Khanh, Cam Nguyên Giản, Châu Lợi Dung...; ngũ vương chính phái với Trương Giản Chi làm thủ lĩnh, bao gồm Kỉnh Huy, Hoàn Nhan Phạm, Viên Nộ Kì, Thôi Huyền Vĩ, Vương Đồng Giao...

Kết quả của cuộc đấu tranh giữa hai phái là, phái Võ, Vi lấy hậu cung làm căn cứ địa, bên cạnh Trung Tông, giành thắng lớn; ngũ vương như Trương Giản Chi bị trục xuất khỏi kinh sư, lần lượt bị giết. Sau khi ngũ vương chính phái bị tiêu diệt, hình thành sự đấu tranh giữa thái tử và phái Võ - Vi, hai bên đấu tranh giành quyền đoạt vị. Trung Tông có 4 con trai, Lý Trọng Nhuận do Vi hậu sinh ra đã chết từ lâu và Vĩnh Thái công chúa đều bị Võ hậu giết chết, 3 con trai khác của Trung Tông là Lý Trọng Phúc, Lý Trọng Tuấn,

Lý Trọng Mao đều do cung nhân sinh. Lý Trọng Phúc bị giáng đến Ngoại Châu, Lý Trọng Tuấn được lập làm thái tử. An Lạc công chúa là con gái nhỏ nhất của Vi hậu, được Trung Tông và Vi hậu sủng ái nhất, nàng xinh đẹp lanh lợi, được gả cho con trai Võ Sùng Huân của Võ Tam Tư. An Lạc công chúa được Trung Tông, Vi hậu và Võ Tam Tư sủng ái, do đó coi trời bằng vung, muốn thay thế hoàng thái tử, lập hoàng thái nữ, thừa kế đế vị.

Thái tử đương nhiên không thể chịu đựng. Vào năm Trung Tông từ Lạc Dương dời đến Trường An, tức tháng 7 năm Canh Long thứ 6 (Công Nguyên 707), thái tử Lý Trọng Tuấn kết hợp với Vũ Lâm tướng quân Lý Đa Tộ, tướng quân Lý Ân Xung, Lý Thừa Huống, Độc Cô Vi Chi, Thành vương Lý Thiên Lý..., già truyền mật chỉ của Trung Tông, điều Vũ Lâm quân 300 người, bắt giết Võ Tam Tư và đồng đảng của hắn. Cả nhà già trẻ của Võ Tam Tư, Võ Sùng Huân bị giết. An Lạc công chúa trở về nội cung, tránh được cái chết.

Sau khi giết chết Võ Tam Tư, thái tử chia binh canh giữ hoàng môn, cung môn, đích thân dẫn Lý Đa Tộ từ cửa Túc Chương tiến vào cung lòng bắt Thượng Quan Uyển Nhi. Hậu cung một phen Hoàng loạn. Trung Tông, Vi hậu, An Lạc công chúa không thể làm gì. Thượng Quan Uyển Nhi không kinh sợ dù đang gặp biến cố, ung dung nói với Trung Tông, từ con đường nhỏ tại phía tây xông thẳng đến Huyền Vũ môn, nơi đó có Túc vệ binh canh giữ; lấy ngọc ấn lệnh cho Túc vệ binh canh giữ Huyền Vũ môn; rồi phái một cận thần truyền lệnh cho Binh bộ thượng thư Tống Sở Khách, như thế có thể lập tức bình loạn. Thế là Trung Tông chạy đến Huyền Vũ môn, hạ lệnh cho toàn bộ Túc vệ trấn giữ cửa lầu, bảo vệ thánh giá.

Vũ Lâm quân do thái tử thống soái đuổi đến. Thượng Quan Uyển Nhi thấy binh tốt dưới tay thái tử rất ít, bèn tiến tấu Trung Tông, đến trước cửa lầu, tuyên bố thái tử phản nghịch, người giết chết thái tử sẽ được trọng thưởng. Trung Tông tiếp nhận kiến nghị này, chạy ra khỏi cửa lầu, tay cầm quyền trượng, tuyên bố thái tử mưu phản dưới sự bảo vệ của Vi hậu, An Lạc công chúa, Thượng Quan Uyển Nhi. Kết quả, Túc vệ binh tấn công quân phản loạn. Vũ Lâm quân dưới tay thái tử ngã gục. Thái tử Lý Trọng Tuấn, tướng quân Lý Đa Tộ bị giết.

Sau khi bình loạn, Trung Tông vẫn tâm hoan hỷ lạc. Vi hậu, An Lạc công chúa càng phóng túng hơn. Khẩu vị của Vi hậu ngày càng cao, chuyên sủng mỹ nam có chút tài năng. Bà lần lượt thông dâm với trung thư thị lang Thôi Đề, tần kì thường thị Mã Tần Khách, Quang lộc khanh Dương Quân. Thôi Đề phong lưu không dừng, cùng lúc với việc thông dâm với Vi hậu, còn câu kết với Thượng Quan Uyển Nhi, hai người mắt đưa mày lại, kết thành một đôi.

Vi hậu dâm loạn xa xỉ, các công chúa đều học làm theo, không cam chịu sự vắng vẻ cô tịch. Thái Bình công chúa, Trường Ninh công chúa, An Lạc công chúa tiếp nhận sắc phong, tự lập quan thuộc, tự xây đồng đảng. Họ đại tu phủ đệ, moi tiền bồng lộc, cưỡng ép cư dân. Trường Ninh công chúa xây một hồ nhân tạo phía sau phủ đệ, gọi tên Côn Minh trì, cực kì xa xỉ. Trung Tông, Vi hậu đến thăm từng nhà, vui chơi hưởng yến. An Lạc công chúa thấy phủ đệ của Trường Ninh công chúa tráng lệ đến thế, xa hoa vô cùng, than mình không bằng, trở về lập tức xây hoa viên, tạo hồ nước như Côn Minh trì, cực kì xa hoa, ý định muốn vượt qua Côn Minh trì, đặt tên là Côn trì.

Trường Lạc công chúa không chỉ tranh giành với các tỉ muội về mặt vui chơi xa xỉ, mà cũng không muốn thua kém trong việc hoang dâm trộm tình. Nàng chuyên yêu thích mỹ nam, vì yêu mến con trai Võ Diên Tú của tiểu thúc Võ Thừa Tự, nên muốn gả cho chàng. Trung Tông, Vi hậu lại hết sức chiều chuộng nàng, nên có yêu cầu gì cũng đáp ứng, đồng ý làm theo yêu cầu của nàng. Ngày diễn ra hôn lễ, không khí vui mừng tràn ngập trong cung, nhưng khắp các đường phố con hẻm ngoài cung lại chê cười, bàn tán xôn xao về đám cưới này.

Hàng loạt hành vi xấu trong cung diễn ra rầm rộ. Thế mà Trung Tông chẳng biết gì cả, chỉ lo hành lạc. Triều thần và hậu đảng bắt đầu diễn ra những trận tranh giành đấu đá kịch liệt. Đầu tiên là khi Võ Tam

Tư còn sống, tấu chuẩn lên Vi hậu đổi hiệu thành Thuận Thiên hoàng hậu, tự xây tông miếu, thăng phụ thân Vi Huyền Trinh của Vi hậu lên làm Lạc quận vương. Tả thập di Giả Hư ra sức can gián: Không phải là vương phủ họ Lý, cùng nhau viết thư để thiên hạ cùng bỏ! Nay phục quốc đã lâu, lại tự xưng nhà hoàng hậu, họa tiên triều vẫn chưa xa, thật quá đáng sợ! Nếu để hoàng hậu tạ từ, vậy thiên hạ sẽ biết hậu cung khiêm nhường, chẳng phải rất tốt sao? Trung Tông không nghe, Vi hậu cũng không màng đến.

Thái tử bại trận bị giết, Võ Tam Tư chết, Tông Sở Khách được làm Binh bộ thượng thư. Tông Sở Khách kéo theo quần thần xin gia phong Thuận Thiên hoàng hậu cho Vi hậu. Trung Tông đồng ý. Lập tức, trong cung nhanh chóng lan truyền rất nhiều chuyện về sự ăn uống của hoàng hậu. Nghĩa là, Vi hậu luôn được thánh chủ báo trước, có thể ngồi trên thiên hạ. Trung Tông lú lẫn, những triều thần thuận theo Vi hậu chẳng còn kiêng kị điều gì cả.

Thái sử Gia Diệp Chí Trung dâng lên 12 bản “Tang điều ca”, tiến ngôn Vi hậu làm thọ mệnh ngự thiên hạ, nói Cao Tông năm xưa, thiên hạ ca tụng “Đào Lý”; thời Thái Tông, ca tụng “Tần vương phá trận”; Cao Tông ca tụng “Đường đường”; thời Thiên hậu, ca tụng “Võ Mị Nương”; hoàng đế nhận mệnh, ca tụng “Anh vương Thạch Châu”; nay hậu thụ mệnh, ca tụng “Tang điều Vi”, là đức phụng sự của hoàng hậu, cùng tông miếu đại sự. Chí Trung không chỉ vô sự, mà còn được thưởng một khu nhà, gấm 700 đoạn. Thái thường thiếu khanh Trịnh Âm còn nhờ đó mà được ở Lạc phủ. Sở Khách để Triệu Diên Hi bổ sung “Tang điều” thành 98 đời. Hoàng thượng vui mừng, phong Triệu Diên Hi làm Giám nghị đại phu.

Triều thần dao động, bàn tán như thế, Trung Tông cũng bỏ mặc. Thượng Quan chiêu dung bèn mượn chuyện Võ thị nói Vi hậu. Thượng Quan chiêu dung và mẫu thân cùng với Thượng Quan Giá và nhiều tâm phúc được thơm lây, nhận thêm nhiều tiền bạc. Vi hậu lại phong Vu Triệu Long Tây phu nhân, tự do ra vào cấm cung, thế ngang bằng với Thượng Quan chiêu dung. Thế là triều chính lại có cửa tư, có tiền thì có thể mua quan, người thời đó gọi là tà phong quan, việc phong lịch quan chức được sử ghi lại xuất phát từ cấm cung.

Trung Tông muốn ra ngoài thành tuần du, lệnh Vi hậu đi theo. Tháng giêng ngắm trời, Trung Tông và Vi hậu vi phục ra chợ, ung dung thưởng ngoạn, dung túng cung nữ ra ngoài dạo chơi, kết quả cung nữ đều dâm lạc không về. Quốc tử tế rượu Diệp Tịnh giỏi cầm giá, thường thị mã Tần Khách giỏi y thuật, Quang lộc thiếu khanh Dương Quân giỏi nấu nướng, đều được đưa vào hậu đình. Dương Quân, Tần Khách đều thông dâm với hoàng hậu.

Hậu cung hỗn loạn như thế, triều thần không thể bỏ mặc. Năm Cảnh Long thứ 3 (năm 709 Công Nguyên), giám tế ngự sử Thôi Uyển công kích, vạch trần tội của trung thư lệnh Tông Sở Khách, khiến triều chính biến loạn. Tông Sở Khách nổi giận đùng đùng, trước điện tự xưng trung liệt, một lòng vì triều đình. Trung Tông không truy hỏi thêm, còn lệnh cho hai người Thôi Tông kết bái huynh đệ hòa giải. Triều thần thất vọng, gọi Trung Tông là Hòa Sự thiên tử.

Tháng 5 năm đó, Hứa Châu tư binh tham quân Yến Khâm Dung dâng sớ: Hoàng hậu dâm loạn, can dự quốc chính, tông tộc cường thịnh. Trường Lạc công chúa, Võ Diên Tú (chồng sau của công chúa), Tông Sở Khách làm xã tắc lâm nguy. Trung Tông hết sức tức giận, triệu Yến Khâm Dung về đối chất. Yến Khâm Dung liệt kê sự thật của từng chuyện từng chuyện một, Trung Tông không còn gì để nói. Tông Sở Khách thấy tình hình không ổn, bèn giả truyền thánh chỉ, lệnh võ sĩ lôi Yến Khâm Dung ra ngoài đánh chết. Trung Tông buồn bực, cho rằng hành vi của Vi hậu quá đáng, nên có ý phế bỏ Vi hậu.

Vi hậu được báo, hết sức kinh hãi, thế là bí mật bàn bạc với Trường Lạc công chúa. Vi hậu muốn học Võ hậu lâm triều. Trường Lạc công chúa thấy mẫu hậu lâm triều, còn mình làm hoàng thái nữ cũng chưa chắc không được. Thế là, hai mẹ con bỏ độc trong thức ăn, Trung Tông bị đầu độc chết tại Thần Long điện, hưởng dương 55 tuổi.

Chương 15

Thái tử phong lưu Đường Minh Hoàng

I. Tình yêu của hoàng đế

Trong cả một đời của đế vương, có phải cũng từng có tình yêu chân chính? Có mối tình lưu luyến, đau khổ tận tim gan? Đó là vấn đề khiến mọi người phải tốn công suy ngẫm. Đế vương là chúa tể của nhân gian, chẳng nơi nào trong bốn biển không phải là vương thổ cả, không sĩ tốt nào trong lãnh thổ không phải là vương thần cả, trời đất vạn vật đều là tài sản cá nhân của ngài, ăn uống, mỹ nữ, đều là vật chất hưởng bất tận của ngài. Trong mắt đế vương, mỹ nhân không có ý nghĩa gì đặc biệt, mà chỉ là một loại động vật có thân thể mềm mại, để cho ngài mặc ý hưởng lạc, thực chất họ chẳng khác gì một món ăn ngon. Nếu sau một lần hưởng dùng mà ngài vẫn còn thấy thích, thì lần sau còn có thể được mang lên; nếu không thích nữa, thì sẽ không bao giờ xuất hiện trước mặt ngài.

Đế vương luôn có tư thế cao hơn tất cả, cũng giống như ngồi trên ngự giá cao sang vậy. Đối với đế vương, tất cả đều là ngự, tất cả đều được đế vương sở ngự, trong dòng lịch sử lâu đời của Trung Quốc, “ngự” trở thành danh động từ chỉ đế vương chuyên dùng độc hưởng. Trang phục là ngự phục, thức ăn đồ uống gọi là ngự thiện, con đường do đế vương chuyên dùng gọi là ngự đạo, nữ sắc tức là tần ngự của đế vương. Đế vương và cung nữ làm tình gọi là ngự hạnh, phụ nữ được hoàng đế gọi đến hầu hạ gọi là tiến ngự. Những gì gọi là ngự, nhất là phụ nữ, phát triển đến sau này, mỗi đêm dùng tám chăn bọc người phụ nữ khóa thân lại, đưa đến ngự sàng (giường), như thế có khác gì một bữa ăn đêm? Mà tất cả những điều đó đều được coi là quy chế, có văn bản quy định hẳn hoi.

Theo nghĩa thường, trong cả đời đế vương có thân phận đặc biệt thì không thể có sự tồn tại của tình yêu. Nhưng trên thực tế, trong lịch sử đế chế lâu dài, lại có một ngoại lệ cá biệt, hoặc là nói quan niệm đế vương không thể có tình yêu chân chính hơi vi phạm sự thật lịch sử, đó chính là tình yêu giữa Đường Huyền Tông và Dương quý phi, tình yêu giữa vua Thuận Trị đời nhà Thanh với Đồng Ngạc phi. Giữa họ, chẳng lẽ chỉ là ngự và được ngự? Tình yêu là trái tim nghiêng về nhau của hai bên trên vị trí bình đẳng, mà ngự và được ngự lại là hưởng lạc và được hưởng lạc, hưởng thụ và được hưởng thụ. Nếu nói hoàng đế tồn tại tình yêu với một cô gái nào đó, có nghĩa là hoàng đế không phải làm hoàng đế, mà khi hoàng đế đang làm một con người bình thường như mọi người.

Hoàng đế trước tiên là người, sau đó mới là hoàng đế có thân phận đặc biệt. Làm người, hoàng đế cũng có tình cảm, muốn yêu người, và cũng cần có tình cảm, muốn được người yêu. Nếu không, ông đứng quá cao, đơn độc một mình, cai quản thiên hạ, nơi cao không thể thắng cái lạnh. Hoàng đế tuy có bốn biển, nhưng lòng của hoàng đế lại rất yếu đuối, không ai cô độc hơn hoàng đế, lạc lõng hơn hoàng đế, cần có sự an ủi hơn hoàng đế. Hoàng đế vốn là phàm thai, tình cảm cũng cần có một nơi để cất giữ, sau khi ông ta hiểu, ông ta cần có tình cảm của người phụ nữ, ông ta nhất thiết sẽ hạ mình xuống như những người bình thường khác, sau đó mới được tình yêu chân thật và sự an ủi thật lòng. Khi hoàng đế bị chân tình lay động, ông sẽ không kìm lại được mà tự động cởi bỏ chiếc áo hoàng đế, dốc toàn tâm toàn ý vào dòng chảy của tình yêu, yêu say mê đắm đuối bằng cả tấm lòng, trái tim, thân phận, hoàng quyền, thiên hạ, tất cả đều là con số không, nội tâm đi vào sự ám cúng không gì sánh bằng của con người. Chỉ có khi đó, hoàng đế cảm thấy mình được sống thật sự, không cô độc, cũng không trống vắng.

Nhưng, từ lâu nay, điều nan giải khuấy nhiễu con người là, không thể phân biệt rõ rệt cuộc giữa hoàng đế và sủng phi là tình yêu, hay là bị sắc đẹp mê hoặc? Hay là cả hai? Bởi vì, từ xưa đến nay, không có một vị hoàng đế nào cam tâm bỏ đi mỹ nữ để say mê một cô gái xấu xí. Vậy, giữa Đường Huyền Tông và Dương quý phi thì sao? Cũng là một tình yêu sống chết đó sao?

II. Sáu cung nhan sắc thua hờn phấn son

Đường Huyền Tông Lý Long Cơ là người phong tình, đặc điểm lớn nhất của ông chính là đa tình, hoặc là nói ông là người trọng tình, một gã phong lưu. Ông đối xử với huynh đệ tình như thủ túc, huống hồ đối với một cô gái chung tình trẻ tuổi yêu ông tha thiết? Sử sách ghi lại rằng, sau khi lên ngôi hoàng đế, ông và hai huynh đệ thường đắp chung một tấm chăn lớn ngủ chung với nhau, huynh đệ tình thâm nghĩa trọng, yêu thương lẫn nhau. Huynh đệ của ông có bệnh, ông đích thân nhóm lửa nấu thuốc, lửa đốt phải râu của ông, ông cũng mặc kệ. Một lần, huynh đệ ông đang ăn, đại ca Ninh vương và ông ngồi đối diện nhau, đột nhiên một ngụm cơm phun lên mặt ông, mọi người đều sợ hãi. Huyền Tông nói: “Sao Ninh ca lại nuốt sai họng?” Một người bên hoàng kì hóm hỉnh nói: “Không phải là nuốt sai họng, mà là phun đệ (phun đế) (nghĩa là hất hơi)”. Huyền Tông cười lớn, mọi người cũng thấy câu nói này rất thú vị. Từ đó, phun đế trở thành giai thoại về tình huynh đệ sâu sắc của Huyền Tông.

Tình yêu của Huyền Tông Lý Long Cơ và quý phi Dương Ngọc Hoàn trở thành tuyệt xướng thiên cổ qua bài thơ “Trường hận ca” của Bạch Cư Dị. Từ đó về sau, những người viết lại câu chuyện tình yêu cảm động sâu sắc lòng người này thành tác phẩm văn học nhiều như nấm mọc sau cơn mưa, chủ yếu gồm có “Trần Hồng ‘Trường hận ca’, Lạc Sử ‘Dương thái chân ngoại truyện’, Hồng Sinh ‘Trường sinh đoạn’, Nam Cung Phô ‘Dương quý phi’”. “Trường hận ca” dưới ngòi bút của đại thi nhân, từ nhà Đường đến giờ, làm cảm động không biết bao nhiêu văn nhân, thi sĩ lẫn người thường.

Hán hoàng trọng sắc tư khuynh quốc,

Ngự vũ đa niên cầu bất đắc.

Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành,

Dưỡng tại thâm khuê nhân vị thức.

Thiên sinh lệ chất nan tự khí,

Nhất triều tuyển tại quân vương trắc.

Hồi đầu nhất tiểu bách mị sinh,

Lục cung phấn đại vô nhan sắc.

Xuân hàn tứ dục Hoa Thanh trì,

Ôn tuyển thủy hoạt tẩy ngưng chi.

Thị nhi phù khởi kiều vô lực,

Thủy thị tân thừa ân trạch thì.

...

(Đức vua Hán mến người khuynh quốc,

Trải bao năm tìm chuốc công tai.

Nhà Dương có gái mới choai,

Buồng xuân khóa kín chưa ai bạn cùng.

Lạ gì của tuyết đông ngọc đức.

Chốn ngai vàng phút chốc ngồi bên.

Một cười trăm vẻ thiên nhiên,

Sáu cung nhan sắc thua hờn phấn son.

Trời xuân lạnh suốt tuôn mạch ấm,

Da mỡ đông kỳ tắm ao Hoa.

Vua yêu bạn ấy mới là,

Con hầu nâng dậy coi đà mệt thay!
Vàng nhẹ bước lung lay tóc mái,
Màn phù dung êm ái đêm xuân.
Đêm xuân vẫn vùn có ngần,
Ngai rồng từ đây chậm phần vua ra.
Suốt ngày tháng tiệc hoa vui mãi,
Đêm xuân tàn, xuân lại còn đêm.
Ba nghìn xinh đẹp chị em,
Ba nghìn yêu quý chất nôm một mình.
Nhà vàng đúc, đêm thanh ôm ấp,
Lầu ngọc cao, say ắp màu xuân.
Anh em sướng đủ mọi phần,
Mà cho thiên hạ có lần rẽ trai.
Vẳng tiên nhạc khắp nơi nghe biết,
Làn gió đưa cao tít Ly Cung.
Suốt ngày múa hát thung dung,
Tiếng tơ tiếng trúc say lòng quân vương.
Âm tiếng trống Ngự Dương kéo đến,
Khúc Nghê Thường tan biến như không.
Chín lần thành khuyết bụi tung,
Nghìn xe muôn ngựa qua vùng tây nam.
Đi lại đứng hơn trăm dặm đất,
Cờ thúy hoa bóng phát lung lay.
Sáu quân dùng dằng làm rầy,
Mây ngai trước ngựa lúc này thương ôi!
Ai người nhật thoa rơi bỏ đất,
Ôi Thúy Kiều ngọc nát vàng phai!
Quân vương bùng mặt cho rồi,
Quay đầu trông lại, máu trôi lệ dàn.
Gió tung bụi mê man tản mác,
Đường thang mây Kiếm Các lần đi.
Vẳng tanh dưới núi Nga My,
Mặt trời nhạt théch, tình kỳ buồn tênh!
Đất Ba Thục non xanh nước biếc,
Lòng vua cha thương tiếc hôm mai.
Thấy trắng luống những đau người,
Đêm mưa đứt ruột, canh dài tiếng chuông.
Phút trời đất quay cuồng vận số,
Bánh xe rồng đến chỗ ngày xưa.
Đất bùn chỗ chết còn tro,
Thấy đau mặt ngọc, bây giờ Mã Ngôi!
Đằm vạt áo vua tôi giọt lệ,
Giống dây cương, ngựa té về đông.
Cảnh xưa dương liễu, phù dung,

Vị Ương, Thái Dịch hồ cung vẹn mười.
Phù dung đó, mặt ai đâu tá?
Mây liễu đâu cho lá còn như?
Càng trông hoa liễu năm xưa,
Càng xui nước mắt như mưa ước dream.
Xuân đào lý gió đêm huê nở,
Thu khi mưa rụng lá ngô đồng.
Kìa Nam Uyển, nọ Tây Cung,
Đầy thêm ai quét lá hồng thu rơi?
Vườn lệ cũ những ai còn hát?
Mái tóc coi trắng phớt lạ lưng.
Những ai coi giữ tiêu phòng,
Mây xanh thuở ấy nay cùng già nhẵn.
Trước cung điện nhìn sân đêm tối,
Đom đóm bay gọi mối u sầu.
Ngọn đèn khêu đã cạn dầu,
Khó thay giấc ngủ, dễ hầu ngủ xong!
Tiếng canh tối thùng thùng điểm trống,
Năm canh dài chẳng giống đêm xưa.
Sông Ngân lấp lánh sao thưa,
Trời như muốn sáng, sao chưa sáng trời?
Trên mái ngói sương rơi ướt lạnh,
Trong chăn nằm bên cạnh nào ai?
Cách năm sông thác đôi nơi,
Thấy đâu hồn phách vắng lai giấc nồng?
Khách đạo sĩ Lâm Cùng có gã,
Chơi Hồng Đô phép lạ thần thông.
Xót vì vua chúa nhớ nhung,
Mới sai phương sĩ hết lòng ra tay.
Cười luồng gió như bay như biển,
Trên trời xanh, dưới đất đất đen.
Hai nơi bích lạc, hoàng tuyền,
Dưới trên tìm khắp mơ huyền thấy chi!
Sực nghe nói tìm đi mé bể,
Có non tiên ngoài phía hư không.
Rực ràng cung điện linh lung,
Xa trông năm sắc mây lồng đẹp sao!
Trong tha thướt biết bao tiên tử,
Một nàng tiên tên chữ Ngọc Chân.
Mặt hoa da tuyết trắng ngần,
Dáng như người ấy có phần phải chăng?
Mái tây gõ cửa vàng then ngọc,
Cậy đưa tin Tiểu Ngọc, Song Thành,
Nghe tin sứ giả Hán Đình,

Cửu hoa trong trướng giật mình giấc mơ.
Cầm áo dậy, thần thơ buồn bức,
Mở rèm châu, bình bạc lặn ra.
Bâng khuâng nửa mái mây tà,
Thềm cao xuống chiếc mũ hoa lệch đầu.
Phời tay áo bay màu ngọn gió,
Giống Nghê thường khúc múa năm xưa.
Lệ dàn mặt ngọc lưa thưa,
Cành lê hoa chiu hạt mưa xuân đầm.
Ngừng nước mắt âm thầm buồn bã,
Đội ơn lòng, xin tạ quân vương.
Từ ngày cách trở đôi phương,
Vắng tanh tăm tiếng, mơ màng hình dong.
Nơi để điện dứt vòng ân ái,
Chốn tiên cung thư thái tháng ngày.
Cõi trần ngoảnh lại mà hay,
Tràng An chẳng thấy, thấy đầy bụi nhơ.
Lấy chi tỏ tình xưa thắm thú?
Gửi cành hoa vật cũ cầm xuôi.
Thoa vàng hộp khảm phân đôi,
Nửa xin để lại, nửa thời đem đi.
Chỉ xin nguyện lòng ghi dạ tạc,
Tựa thoa vàng bền chắc không phai.
Thời cho cách trở đôi nơi,
Nhân gian rồi với trên trời gặp nhau.
Ấn cần dặn mấy câu lâm biệt,
Lời thề xưa lòng biết với lòng.
Là đêm trùng thất ngôi chung,
Trường Sinh sẵn điện vắng không bóng người.
Xin kết nguyện chim trời liền cánh,
Xin làm cây cành nhánh liền nhau.
Thắm chi trời đất dài lâu,
Giận này dằng dặc dễ hầu có người).

(Bản dịch của Tân Đà)

Đoạn đầu viết về nàng Dương Ngọc Hoàn xinh đẹp đặc sủng, gia tộc Dương thị cao quan hậu lộc, vinh hoa phú quý, hiển vinh một thời. Đoạn thứ hai viết An Lộc Sơn khởi binh phản Đường, quân thần đại Đường chạy đến Tây Thục, Dương quý phi bị ép chết. Đoạn thứ ba viết về Huyền Tông sau khi từ Tây Thục trở về kinh ngày đêm mong nhớ Dương quý phi. Đoạn thứ tư viết đạo sĩ tìm thấy núi tiên, tìm được Dương quý phi. Đoạn thứ năm viết quý phi nói về chuyện phòng riêng, điểm ra nỗi hận vô tận của bi kịch tình yêu. Ngôn từ được thi hóa thật tinh mỹ, nội dung của nó cũng cảm động lòng người sâu sắc.

Dương Ngọc Hoàn là người Vĩnh Lạc Phổ Châu, nàng là cháu 4 đời của Uông thị đời Tuỳ Lương. Phụ thân Dương Huyền Đàm. Khi trưởng thành, nàng trở thành vương phi của con trai Huyền Tông là Thọ vương Lý Mạo. Nếu Huyền Tông không tham sắc quên lễ, cướp con dâu của mình, ngang ngược chiếm đoạt, thì có lẽ Dương Ngọc Hoàn sẽ sống yên bình suốt cả đời, sống cuộc sống quý phu nhân, theo chồng

con nhàn hạ, nàng sẽ không được người đời biết đến. Tuy nhiên, Huyền Tông vong tình đoạt yêu, thay đổi cuộc sống của nàng, và cũng thay đổi cuộc sống của bản thân, lịch sử của Đại Đường cũng xuất hiện một bước ngoặt nhanh chóng.

Huyền Tông Lý Long Cơ là người phong tình, không chung thủy về tình cảm như mọi người thường nghĩ. Ông lần lượt yêu rất nhiều phụ nữ, kể cả khi đang say đắm Dương Ngọc Hoàn, cũng không thể vong tình với Mai phi Giang Thái Bình, đồng thời còn có một mỹ nữ tên Niệm Nô thường hầu hạ bên cạnh. Khi Niệm Nô ham muốn, sẽ nháy mắt đưa tình với Huyền Tông, Huyền Tông luôn vui vẻ hưởng lạc. Sau này, “Niệm Nô Kiều” trở thành một khúc bài trong cung.

Trước khi kế vị, Huyền Tông nhậm Lộ Châu biệt giá, yêu thích Triệu Lệ phi xuất thân từ nghề ca hát. Sau đó, lại chuyển sang yêu Tiền phi, Hoàng Phổ đức nghi, Lưu tài nhân, cho đến Võ Huệ phi. Võ Huệ phi qua đời khi 40 tuổi, các cô gái trong hậu cung không một ai được Huyền Tông yêu mến! Năm đó, Huyền Tông 52 tuổi. Hậu cung mỹ nhân vô số, cũng không một ai khiến Huyền Tông yêu mến. Đối với một Huyền Tông đa tình mà nói, không nơi đặt tình cảm, không khác nào một cực hình. Thế là Huyền Tông u uất trong lòng, thường nổi giận. Khi đó, có cận thần tấu với Huyền Tông, Dương Huyền Đàm có một con gái, tên Dương Ngọc Hoàn, hiện đang là Thục vương phi, tư chất thông minh xinh đẹp. Huyền Tông nghe tin mà mừng, cũng mặc kệ đó là con dâu của mình, lập tức ra lệnh chiêu nạp cấm cung.

Không thấy không tin, nhìn thấy nàng, Huyền Tông ngây cả người ra: Tư chất phong diễm, biết hát giỏi múa, thông hiểu âm luật, tri thức hơn người, giỏi hiểu lòng người, làm người cảm động. Một cô gái xinh đẹp mỹ miều đến thế, phong tình muôn vẻ đến thế không thể không làm cho người đàn ông chân chính phải cảm động, huống hồ một gã phong lưu như Lý Long Cơ? Sau cơn ngẩn người, Lý Long Cơ tỉnh trí lại, thấy mỹ nữ làm người khác phải thèm thuồng, mà không thể ôm vào lòng ngay, bởi vì đó không phải là vương phi, mà là con dâu của mình, ít nhất phải thay đổi thân phận của nàng trước. Thế là, Huyền Tông ra lệnh, để Dương Ngọc Hoàn làm nữ đạo sĩ trước, phong hiệu Thái Chân, sau đó dẫn vào hậu cung. Chưa đến một năm, đối đãi theo lễ như đối với Huệ phi, cuối cùng độc hưởng chuyên phòng, sủng nhất hậu cung, làm cho phần son lục cung đều phải ghen hơn với nhan sắc.

Thê tử của Thục vương bị phụ hoàng cướp đi, nửa câu cũng chẳng dám nói, chỉ đành nuốt giận nén lời. Để bù đắp, Huyền Tông bèn tuyển con gái của Vi Chiêu Huân làm Thục vương phi. Thục vương ngoài việc nghe theo sự sắp đặt của phụ hoàng, còn có thể làm gì nữa?

Dương Ngọc Hoàn giỏi ca múa, thông hiểu âm luật, hay hiểu lòng người. Huyền Tông cực kỳ yêu thích, dần dần say đắm, không thể tự thoát. Không bao lâu, Dương Ngọc Hoàn được chuyên sủng hậu cung, trong cung gọi nàng là nương tử, theo quy chế thì ngang bằng với hoàng hậu. Đầu năm Thiên Bảo, Dương Ngọc Hoàn được phong làm quý phi. Dương Ngọc Hoàn đắc sủng, gia tộc họ Dương vinh hiển. Phụ thân Dương Huyền Đàm của nàng mất sớm, được truy tặng thái úy, Tể quốc công. Tôn huynh Dương Thiết làm Hồng Lô khanh. Dương Kỳ làm thị ngự sử, lấy Thái Hoa công chúa do Võ Huệ phi sinh và được Huyền Tông yêu quý nhất làm vợ. Dương Triệu tức Dương Quốc Trung cũng được thom lây. 3 người chị của Dương Ngọc Hoàn cũng được hưởng long ân, Huyền Tông gọi họ là di, phong làm Hàn, Biều, Tàn tam quốc, làm phu nhân, tự do ra vào cấm cung, có thể nói là “ân sủng danh tiếng chấn động thiên hạ”. Mỗi lần mệnh phụ nhập ban, có 3 vị phu nhân ở đó, công chúa Trì Doanh kiều ngạo và mọi công chúa khác đều không dám ngồi.

Cả nhà Dương thị hiển vinh, thật đúng là “tỉ muội huynh đệ giai liệt thổ, khả liên quang thái sinh môn hộ” [Anh em sướng đủ mọi phần, Mà cho thiên hạ có lần (coi) rẻ (con) trai], khi vinh thịnh, được người đời ngưỡng mộ, do đó làm cho quan niệm trọng nam khinh nữ thời đó đột ngột thay đổi. Thế là, có hai bài ca dao truyền trong kinh sư, lan đến cả triều đình: Sinh nữ đừng đau buồn, sinh nam đừng mừng vội; nam không phong hầu nữ làm phi, nhìn nữ lại thấy nhà về vang. Bài ca dao này rất giống với bài ca dao được

lan truyền khắp nơi vào thời Hán Vũ đế sủng hạnh Vệ Tử Phu: Sinh nam không mừng, sinh nữ không giận, không thấy Vệ Tử Phu bá chiếm thiên hạ đó sao.

Làm thế nào mà Dương Ngọc Hoàn xinh đẹp mê người đến thế, làm cho Huyền Tông thần hồn điên đảo, "xuân tiêu khổ đoản nhật cao khởi, tông thử quân vương bất tảo triều?". (Đêm xuân vắn vùn có ngắn, ngai vàng từ đây chậm phần vua ra). Đương nhiên có nguyên nhân, chủ yếu là Dương Ngọc Hoàn trời sinh xinh đẹp, làm cho người ta mê mẩn, nàng tập trung đủ mọi yếu tố sắc, tài, nghệ, trí. Dương Ngọc Hoàn xuất thân từ gia đình quan viên nhỏ, phụ thân Dương Huyền Đàm chẳng qua chỉ là tư hộ tại Thục Châu. Phụ thân mất sớm, được gởi tại nhà thúc phụ. Năm Khai Nguyên thứ 23, được sắc làm Thục vương phi, chỉ mới 13 tuổi, nhưng chỉ làm vương phi trong 5 năm. Khi triệu nàng tiến cung, Huyền Tông đã 52 tuổi, còn nàng chỉ mới 18.

Sử sách ghi rằng, khi Dương Ngọc Hoàn vào cung, Huyền Tông gặp nàng lần đầu, nàng mặc quần áo của đạo sĩ, bím tóc bị giấu đi, trang điểm nhẹ nhàng, thêm vào khí chất cao quý, cử chỉ nhã nhặn, nhìn quanh sinh tình, nét diễm lệ sống động như Lý phu nhân làm nghiêng nước nghiêng thành thời Hán Vũ đế, Huyền Tông không kiềm được nổi vui mừng, không thể tự kéo mình ra, ra lệnh nàng nói rộng dây lưng, tắm trong dòng suối nước nóng, để nàng để lộ thân thể ngọc ngà. Làn da Ngọc Hoàn trắng như tuyết, nõn nà như ngọc, sau khi tắm trong dòng suối, lại càng mềm mại hơn, yêu kiều hơn, dung nhan thay đổi hẳn, sáng rõ trước mọi người. Cảnh mê hồn người này diễn ra ngay trước mắt Huyền Tông, Huyền Tông không thể không bị mê hoặc bởi sắc tình như thế. Khi chính thức tiến kiến, Huyền Tông lệnh cho dàn nhạc diễn tấu khúc "Nghê thường vũ y", Dương thị nhảy múa. Vào ngày định tình, Huyền Tông tặng cây trâm vàng cho Ngọc Hoàn, lại đích thân cài vật trang sức được đặc chế từ các vật quý hiếm lên trên mái tóc mượt mà của nàng. Cùng giường chung gối, mây mưa trăng gió, Huyền Tông thấy như sống trong mơ, ý hợp tình thâm.

Nếu Huyền Tông không phải vì làm dịu tâm tư của con trai Thục vương, thì hôm tiến kiến, ông chỉ hận mình không thể sắc Dương Ngọc Hoàn làm quý phi, làm gì phải đợi đến năm Thiên Bảo thứ 4! Huyền Tông từng vui lộ ra mặt nói với cung nhân rằng: Ta được quý phi, như được báu vật! Ông còn hứng chí sáng tác một khúc nhạc, tên "Đắc bảo tử". Từ đó về sau, Huyền Tông và quý phi đi cùng xe, ở chung phòng, tiệc chỉ một bàn, tắm cung chỉ một phòng.

Từ sau khi được độc hưởng ân sủng, Dương Ngọc Hoàn càng xinh đẹp mê người, kiêu diễm không ai bằng, và càng hiểu lòng người hơn, làm hài lòng Huyền Tông. Ngoài dung mạo xinh đẹp, rạng rỡ, thì sở trường thứ hai mà Dương Ngọc Hoàn hấp dẫn Huyền Tông bên cạnh không rời chính là trời phú cho trí thông minh, cá tính nhanh nhạy. "Trường hận ca truyền" gọi nàng: Tài cao trí tuệ, thông minh hơn người, không thể nghĩ ngờ.

Tài nghệ tuyệt vời về âm nhạc, ca múa cũng là một điểm mạnh để nàng hấp dẫn Huyền Tông. Huyền Tông yêu thích nghệ thuật âm nhạc, Dương Ngọc Hoàn lại được trời phú cho khả năng siêu thường về lĩnh vực này, hai người bắt đầu tình đầu ý hợp, yêu nhau tha thiết vì có cùng chung sở thích. "Nghê thường vũ y khúc" là tác phẩm hay do Huyền Tông sáng tác khi đang đắc ý, Ngọc Hoàn có thể múa theo nhạc, nhất là trong khi đang mơ màng trong cơn say, điệu múa phong lưu, tuyệt vời, không chút sai sót, làm cho Huyền Tông khen ngợi hết lời, dẫn đến tri âm. Huyền Tông cảm thấy, chỉ có Ngọc Hoàn thông minh hơn người mới lĩnh hội được cảnh ý trong khúc nhạc, thể hiện ẩn tình sâu xa tú nhã trong ca khúc bằng điệu múa hoàn mỹ nhất.

Ngọc Hoàn không chỉ giỏi nhảy múa, mà còn là một tay đàn tì bà tuyệt vời. Tì muội của nàng và chur vương, quân chúa đều báii nàng làm sư phụ. Cây tì bà của Ngọc Hoàn nóng ắm như ngọc, sáng đẹp vô cùng, trên mặt có khắc đôi phụng đang bay lượn. Mỗi lần Ngọc Hoàn ôm đàn diễn tấu thì tiếng đàn vang xa, du dương nhẹ nhàng, lại như thê lương ai oán, bay đến cả trời xanh. Ngoài giỏi tì bà, Ngọc Hoàn còn

giỏi đánh đàn đá, rất thích tiếng đàn đá lạnh lùng. Ngọc Hoàn chế khúc tấu nhạc, ngay cả Thái Thường Thi chuyên cung cấp nhạc cụ và Lê Viên kỹ cũng không thể sánh bằng kỹ nghệ của nàng, từ đó có thể biết thiên phú của nàng cao đến mức nào. Huyền Tông biết Ngọc Hoàn giỏi đánh đàn đá, hơn nữa lại càng thích tiếng đàn đá hơn, bèn lệnh cho lấy ngọc Lam Điền, tạc thành cây đàn đá, làm thành chuỗi ngọc trên vương niệm, tặng cho Ngọc Hoàn sử dụng và thưởng ngoạn. Ngọc Hoàn vui mừng và cao hứng, bèn sáng tác ra khúc “Lương Châu”, làm chấn động một thời, được truyền bá khắp nơi.

III. Mỗi tình chân thật của quý phi

Huyền Tông và Ngọc Hoàn quấn quýt nhau, chìm đắm trong dòng sông tình yêu. Nhưng, thân làm hoàng đế, quân quân thiên hạ, Huyền Tông cũng có lúc khó tránh khỏi trái tim cất cánh, trêu hoa ghẹo nguyệt. Hậu cung giai nhân vô số, Ngọc Hoàn không thể chấp nhận tất cả. Nhân lúc niềm vui yến tiệc chưa tan hết, phải tranh thủ du xuân cả đêm. Hậu cung giai nhân hơn 3 ngàn, 3 ngàn người được một người sủng ái. Kim phòng trang điểm xinh đẹp đợi đêm đến, ngọc lâu yển bày ra giữa đêm xuân. Đó chính là Ngọc Hoàn yêu kiều.

Một khi Ngọc Hoàn phát hiện Huyền Tông có niềm vui mới, dù chỉ là tơ tưởng nhỏ nhoi, bệnh ghen tuông của nàng lại tái phát, nổi giận đùng đùng. Có một lần làm ồn ào quá, khiến Huyền Tông nổi giận, lệnh cho Cao Lực Sĩ đưa nàng về nhà. Nhưng, chỉ qua được nửa ngày, Huyền Tông lại hối hận không thôi. Bên cạnh Huyền Tông không có quý phi, luôn thấy thiếu một thứ gì đó, đứng ngồi không yên, hồn phách không biết đi đâu mất. Sơn hào hải vị bày trên bàn, nhưng Huyền Tông lại chẳng thiết gì. Huyền Tông buồn rầu oán hận, cơn tức giận vô cớ trong lòng lại được trút vào đám hoạn quan trong cung. Những hoạn quan hầu hạ ông đi không nhanh một chút, thì bị đánh dã man. Cao Lực Sĩ thấy Huyền Tông hành hạ đám hoạn quan, tâm tư thất thường, biết Huyền Tông đang nghĩ gì. Cao Lực Sĩ cẩn thận từng chút, lẳng lặng đón quý phi về hậu cung. Tối hôm đó, quý phi trở về cung, nhìn thấy Huyền Tông, quý phi xuống đất cảm ân. Huyền Tông vừa mừng vừa kinh ngạc, nét mặt u sầu bỗng dần ra, vui mừng không thể tả. Hai người chỉ xa nhau một ngày, cứ như đôi tình nhân xa nhau nhiều năm. Huyền Tông yêu thương nàng hơn, tình nồng như lửa. Từ đó sủng ái càng sâu nặng hơn.

Quý phi Ngọc Hoàn còn thích ăn trái vải, hơn nữa yêu cầu trái vải đưa từ Lĩnh Nam xa xôi về phải giữ được độ tươi khi đưa đến Trường An. Để làm hài lòng quý phi, Huyền Tông không tiếc phái người theo con đường nhanh nhất đưa trái vải từ Lĩnh Nam về Trường An. Lĩnh Nam và kinh sư cách nhau hàng ngàn dặm, người cưỡi ngựa đưa trái vải đến kinh sư thường vì đi cho nhanh nên chết do mệt mỏi trên đường. Người trước ngã thì người sau tiếp. Phía ngoài Trường An, cánh cổng thành lần lượt được mở, cuối cùng một con ngựa nhanh nhất, đạp lên từng cuộn bụi hồng, phóng như lao về Trường An. Con ngựa này đưa những gì thì chẳng ai biết được. Nhìn thấy ngựa phóng như bay về Trường An, quý phi mỉm cười. Ngoài quý phi ra, người trong cung ngoài cung chẳng ai biết con ngựa nhanh như bay đó là chuyên đưa trái vải đến.

Năm Thiên Bảo thứ 9, quý phi lại bị Huyền Tông bỏ mặc. Lần này, là vì nàng không an phận dẫn đến. Huyền Tông coi trọng tình nghĩa huynh đệ, thường đắp chung chăn, ngủ chung với huynh đệ. Quý phi thanh xuân đang thịnh, làm sao chịu được cảnh cô đơn? Quý phi bị bỏ mặc lần này, là do Trung Ninh vương. Quý phi và chư vương quá thân mật. Chư vương Trung Ninh vương giống Huyền Tông về rất nhiều mặt, thích âm nhạc và du lạc cưỡi ngựa bắn tên. Quý phi và Ninh vương rất thân mật, đủ để làm Huyền Tông nổi giận. Quý phi còn trộm lấy ống sáo ngọc mà Ninh vương yêu thích. Huyền Tông phẫn nộ, xem ra lỗi lầm lần này của quý phi khó mà cứu vãn được.

Ca ca của quý phi là Dương Quốc Trung lại càng sợ hãi, không biết lần này có được giải quyết êm thấm, ổn thỏa như lần trước hay không. Nhưng, điều Dương Quốc Trung có thể khẳng định là, Huyền Tông tuyệt đối không quyết giết chết quý phi. Chỉ có đặt nàng vào chỗ chết trước thì mới mong có đường sống. Dương Quốc Trung nghĩ ra một kế. Thế là, Dương Quốc Trung nhờ người tiến tấu với Huyền Tông, nói phi tử đã phạm phải tội chết, xin hoàng thượng hãy nghĩ lại nàng từng được hưởng thánh ân mà để nàng chết trong cung, đừng để ra ngoài chịu nhục. Huyền Tông ở vào thế yếu hận rồi bởi, và nội tâm đang

dần vật, không biết nên xử lý quý phi thế nào, nghe xong lời nói này, đột nhiên thấy đau đớn trong lòng, ăn uống không yên, triệu trung nhân Trương Đạo Quang đến tuyên chỉ.

Quý phi ở ngoài Trường An ngày đêm không yên, không biết điều gì đang chờ đợi mình. Nhìn thấy trung sứ Trương Đạo Quang do Huyền Tông phái đến, bèn khóc lóc nói: Tiểu nữ tội đáng muôn chết, tuy nhiên, ngoài da tóc ra thì những thứ khác đều do hoàng thượng thương cho, nếu nay phải chết, không biết làm sao báo hậu ân của hoàng thượng. Nói xong, lấy dao cắt đi một lọn tóc, nói: Lấy cái này gửi hoàng thượng. Trung sứ không dám bạo gan hành sự, lập tức chuyển trình Huyền Tông. Huyền Tông nhìn thấy lọn tóc, nước mắt như mưa, nhớ lại ân ái, vẫn hòa hảo như xưa. Quý phi hiểu rõ tính cách của Huyền Tông như trong lòng bàn tay. Huyền Tông cũng vì đó mà lâm hạnh nhà của chị nàng là Thái Quốc phu nhân và Dương Quốc Trung, thưởng hai nhà vạn lượng.

Huyền Tông và Ngọc Hoàn tình cảm vui vẻ, ý hợp tâm đầu. Trước mặt Ngọc Hoàn, Huyền Tông không phải là hoàng đế gì, mà chỉ là một người đàn ông đa tình. Yêu ghét giao nhau đối với thê tử. Trước mặt Huyền Tông, Ngọc Hoàn cũng không giống như những phi tử thừa cơ nịnh bợ, mà là người vợ yêu kiều quan tâm gia đình, dám nói dám cười, dám đánh dám gây, gợi cảm, quyến rũ vô cùng. Mấy lần chia hợp, đều là Huyền Tông nhượng bộ. Bình thường Huyền Tông không có tư thế cao quý đối với quý phi, mà giống như một người chồng tốt bụng đối với thê tử không biết cách xử sự của mình. Huyền Tông hạ triều, đến nơi ở của quý phi, cũng giống như người chồng đi làm về nhà, dung hòa hòa mỹ.

Mùa đông tuyết bay đầy trời. Gió đông lạnh run, mọi nơi đông thành băng. Dưới hiên nhà kết thành từng sợi băng óng ánh như ngọc. Huyền Tông hạ triều tối trở về, thấy quý phi đứng tại đó, đang vui chơi với thứ óng ánh như sao đó một cách thú vị, không kiềm được sự tò mò, hỏi: Đang chơi gì thế? Quý phi cười cười: Đùa băng! Huyền Tông cười nói với cận thần: Phi tử thông minh, quả là đáng yêu!

Huyền Tông và quý phi dạo chơi trong cung. Mỗi lần đi đến nơi hoa đang nở rộ, Huyền Tông thấy hoa từng đóa diễm lệ, muốn hái xuống gắn trên tóc của quý phi. Ngự uyển ý xuân chứa chan, ngàn đóa hoa đào đang nở rộ. Huyền Tông ngắt xuống một cành, tặng cho quý phi ví như hoa tươi đang nở. Tháng 8 mùa thu khí hậu mát mẻ, Thái Dịch trì gọn sóng nhỏ lẫn tăn, hoa sen trắng nở rộ. Quân thần Huyền Tông thường ngoạn bên bờ, không ai không khen ngợi. Qua một lúc, Huyền Tông chỉ vào quý phi nói với quý thích rằng: Hoa sen trắng có thể so bằng đóa hoa biết nói này của ta sao?

Quý phi Dương Ngọc Hoàn yêu kiều, gợi cảm vô cùng, thể hiện ở mọi mặt, dường như không điểm nào không có. Nàng có sức hấp dẫn tự nhiên mà người đàn ông không thể cưỡng lại, là điểm mà không mỹ nữ nào cạnh tranh được, cũng là điểm mà thực nữ Giang Thái Bình không thể làm được.

Huyền Tông thích tìm hoan với quý phi. Huyền Tông như say như si tham luyến trong bữa tiệc giường gối, dẫn đến dễ bỏ bê buổi triều sớm. Thế mới có câu, “đêm xuân ngắn ngủi, vua ra triều muộn”. Huyền Tông và quý phi chung chăn không chỉ vào buổi tối, hai người thường chung chăn vào buổi sáng. Mùa hè nóng bức, Huyền Tông và quý phi tránh nắng tại Hưng Khánh trì, đắm lạc suốt đêm, ban ngày vẫn không rời khỏi bữa tiệc giường gối.

Bên ngoài cửa sổ tắm cung, các cung tần tựa vào lan can, nhìn đôi uyên ương đang vui chơi. Huyền Tông có được quý phi nỡ nà, trong màn trướng, nói với cung tần ngoài cửa sổ rằng: Các người thích đôi uyên ương trong nước, làm sao sánh bằng uyên ương dưới chăn ta? Huyền Tông và quý phi tham hoan, thị tòng thay nhau nịnh hót, dâng hiến xuân dược. Bọn nịnh thần đắc sủng, triều chính ngày càng không được kiểm soát.

Trong số các nịnh thần dâng xuân dược, người khéo léo nhất chính là An Lộc Sơn. Để nịnh hót và lấy lòng Huyền Tông và quý phi, An Lộc Sơn tiến dâng một loại xuân dược, gọi là trợ tình hoa hương. Kích cỡ của hạt hương này như hạt gạo, màu đỏ nhạt. Mỗi lần tắm hoan giường gối, ngậm một hạt, trợ tình phát hứng, sức lực không mỏi. Sau khi Huyền Tông đắm lạc đến thần hồn điên đảo, thần bí nói với quý phi

rằng: Đó cũng giống như Thận Huyệt Giao thời Hán.

Nam Phương cũng tiến dâng một loại trái cây trợ tình, gọi là Hợp Hoan quả. Tên gọi và hình dạng của Hợp Hoan quả tạo hứng thú cho Huyền Tông và quý phi. Họ ở bên nhau, cùng nhau thưởng ngoạn, vui vẻ đến mức không thể buông tay. Huyền Tông nói với quý phi một cách khiêu dâm: Loại quả này thật biết ý người! Ta và nàng sống bên nhau, cho nên hợp hoan! Thế là, hai người nới rộng dây áo, ngồi bên nhau, cùng ăn quả Hợp Hoan, vui vẻ hoan lạc vô cùng. Để giữ kỷ niệm, Huyền Tông còn ra lệnh cho họa công, vẽ lại cảnh tiêu hồn này của họ.

Dương quý phi thật ra không phải là một phụ nữ dạng thực nữ. Nàng mập mạp, tham uống, diễm lệ mà yêu kiều. Huyền Tông từng trêu ghẹo về sự mập mạp của nàng. Có một lần, Huyền Tông ngồi xem “Hán Thành đế truyện”. Quý phi đi từ phía sau đến, sửa lại cổ áo cho ông, hỏi rằng: Đang xem sách gì thế? Huyền Tông cười nói: Đừng hỏi, nàng biết lại sắp nổi giận. Quý phi ngồi bên cạnh Huyền Tông, hai người cùng nhau xem. Chỉ thấy trên sách viết rằng: Hán Thành đế được Phi Yến, thân hình mềm mại hơn gió, sợ nàng bay mất, để bèn tạo bồn thủy tinh, lệnh cho cung nhân nắm kéo mà ca múa. Huyền Tông nói đùa với quý phi rằng: Nàng lại để mặc cho gió thổi! Quý phi mập mạp, nặng nề, quyết không để gió thổi đi, Huyền Tông nói thật hài hước.

Thân hình mập mạp cũng là một nỗi buồn của quý phi. Mùa hè chịu khổ tắm nước nóng, cho đồ nhiều mồ hôi, uống nước không ngừng. Mỗi lần đến mùa hè, nàng bèn ngâm một con cá ngọc vào miệng, để nó làm nhuận phổi. Quý phi ăn mặc mỏng manh, các thị nữ vây quanh nàng, tay quạt không ngừng, nhưng vẫn không thể giải cơn nóng. Thân hình của nàng càng lúc càng mỹ miều, làm cho Huyền Tông ngày càng điên đảo.

Huyền Tông yêu thương quý phi đến mức không thể hơn nữa. Có một lần, Huyền Tông lâm ngự Càn Chính lâu, khiến giáo phường nhạc công hết sức vui mừng. Trong giáo phường có một Vương đại nương, giỏi đeo gậy trăm thước, hình dạng giống như phương trượng, cứ thế mà nhảy múa. Khi đó, Lưu An nhậm chức bí thư tỉnh sửa chữ, 10 tuổi mà đã thông minh hơn người, Huyền Tông bèn triệu chàng vào trong lâu. Quý phi ngồi trên gối của Huyền Tông, Huyền Tông trang điểm phấn son cho nàng. Quý phi lệnh Lưu An vịnh Vương đại nương đeo gậy. Lưu An ngâm rằng:

Lầu tiền bách hí cạnh tranh tân, duy hữu trường can diệu nhập thần.

Thùy vi kì la phản hữu lực, độc tự khiêm khinh cánh trước nhân.

Huyền Tông, quý phi và tần phi nghe xong cười lớn, tiếng cười vang ra ngoài cung, bảo bài thơ này ứng rất tốt, do đó thưởng cho gấm vóc lụa là.

Huyền Tông bày yến mời chư vương tại điện Mộc Lan. Khi đó, mộc lan đang nở. Quý phi nhân lúc say rượu, múa một khúc “Nghê thường vũ y”, cả trời vui mắt, mới biết trở tuyết gió về, có thể trở trời chuyển đất. Huyền Tông mơ thấy 10 vị tiên nữ, sáng tác khúc “Tử vân hồi”. Huyền Tông lại mơ thấy long nữ, sáng tác khúc “Lăng ba”, khi hai khúc sáng tác xong, thưởng cho đệ tử của Nhi Xuân viện và Lệ viện và chư vương. Khi đó đang là đầu năm Tân Phong. Huyền Tông và quý phi nhớ lại, nên tập trung tổ chức vui chơi tại Thanh Nguyên tiểu điện: Ninh vương thổi sáo ngọc, Huyền Tông đánh trống, quý phi đàn tì bà, Gia Hòa Tri gõ nhịp... Vui chơi từ sáng đến trưa, vui vẻ lạ thường, không nơi nào sánh bằng.

Khi đó, chỉ có quý phi và bát ti, nữ đồ đệ học đàn tì bà Thái Quốc phu nhân là ngồi xem ngay ngắn. Nhạc hết, Huyền Tông nói đùa: Tiểu thần cung chức nhạc tịch, nay có hân hạnh hầu hạ phu nhân, xin thưởng một khăn đội đầu. Thái Quốc phu nhân nói: Há có Đại Đường thiên tử, di không tiền dùng? Thế là đưa ngay 3 trăm vạn. Quý phi cũng hỏi Nữ Linh A Man: Nhà ngươi bản cùng, không có gì hiến cho đại sư, ta sẽ thưởng giúp ngươi! Lập tức lệnh cho thị nữ Hồng Đào Nương, lấy vòng ngọc bích tặng cho A Man.

Cần Chính điện, Mộc Lan điện tằm hoan, Huyền Tông đều không thể rời xa quý hi. Ham rượu, thưởng hoa, chính là thú vui của Huyền Tông và quý phi. Thích uống rượu đương nhiên không phải là

hành vi của người thực nữ, nhưng vào đời Đường thời đó, thịnh uống rượu, tôn sùng hào hoa xa xỉ, rượu được liên kết với tất cả. Quý phi say rượu ngây thơ đáng yêu, nét mỹ miều động lòng người trở thành một bức tranh đẹp mà người đương thời và hậu thế say mê thưởng thức. Nhưng thân hình của quý phi mập mạp, đêm tối say rượu, buổi sáng tỉnh dậy lại thường đau phần phổi, do đó nàng thường chạy ra hậu viện vào lúc sáng sớm, với lấy cây cỏ, hít lấy nước hoa, để nước hoa nhuận lại phổi.

Những năm Khai Nguyên, cấm cung trồng thực được, cũng chính là mẫu đơn, có màu đỏ, màu tím, màu đỏ nhạt, màu trắng. Những đóa mẫu đơn này rất đẹp, Huyền Tông rất yêu thích, nên ra lệnh dời chúng đến phía đông Hưng Khánh trì, trước đình Trầm Hương. Hoa cỏ nở rộ, Huyền Tông du ngoạn hoa viên, quý phi chậm rãi đi theo. Huyền Tông lệnh cho đệ tử xuất sắc trong Lệ viên, phổ nhạc thập lục sắc. Lý Qui Niên tay ôm cây đàn, chuẩn bị tấu nhạc. Huyền Tông chặn lại nói: Thường tên hoa, đối với mỹ phi, làm sao có thể sử dụng lại nhạc từ cũ? Thế là lệnh cho Lý Qui Niên giữ lấy hoa, tuyên thưởng hàn lâm học sĩ Lý Bạch, lập tức sáng tác 3 lời nhạc. Lý Bạch hoan hỉ nhận lệnh, cơn buồn ngủ chưa hết, mà đã cầm bút viết:

*Vân tường y thường hoa tường dung,
xuân phong phát hạm lộ hoa nùng.
Nhược phi Quần Ngọc sơn đầu kiến,
Hội hướng Dao Đài nguyệt hạ phùng.
Nhất chi hồng diễm lộ ngưng hương,
Vân vũ Vu sơn uống đoạn trường.
Tích vắn Hán cung thùy đắc tự,
khả liên Phi Yến ý tân trang.
Danh hoa khuynh quốc lưỡng tương hoan,
Trường đắc quân vương đối tiếu khan.
Giải thích xuân phong vô hạn hận,
Trầm Hương đình bắc ý lan can.
(Thoáng bóng mây hoa nhớ bóng hồng
gió xuân dịu dặt, giọt sương trong.
Vị chẳng non Ngọc không nhìn thấy,
Dưới nguyệt đĩa Dao thử ngóng trông !
Hương đông mọc đượm, một cảnh hồng.
Non Giáp mây mưa những cực lòng.
Uớm hỏi Hán cung ai mảng tượng,
Điểm tô nàng Yến tốn bao công ?
Sắc nước, hương trời, khéo sánh đôi,
Quân vương nhìn ngắm những tươi cười.
Sầu xuân man mác tan đầu gió,
Cửa bắc đình Trầm đứng là nơi.)
(Bản dịch của Ngô Tất Tố)*

Lý Qui Niên vui mừng dâng lên lời thơ, Huyền Tông hết sức vui mừng, lập tức lệnh cho đệ tử Lệ viên phổ nhạc, cùng nhau ca hát, Lý Qui Niên cất lên tiếng hát. Quý phi tay cầm ly pha lê thất bảo, đổ rượu nho Lương Châu, nụ cười chứa đầy ý ca. Huyền Tông đích thân cầm sáo ngọc, tấu nhạc chung với họ. Theo ghi chép, tại cuộc vui này, Lý Bạch bị Cao Lực Sĩ làm nhục, bèn ly gián quý phi, nói Lý Bạch lấy Triệu Phi Yến so với người, chẳng phải là làm hồng người sao! Quý phi hết sức phẫn nộ. Sau đó Huyền Tông 3 lần mời Lý Bạch làm quan cao, nhưng cuối cùng do quý phi nên không nhận lời.

Trầm Hương đình là nơi Huyền Tông và quý phi thường tập trung vui chơi. Quý phi mập mạp, ham uống rượu, Huyền Tông lại càng thích trạng thái say rượu của quý phi. Một lần, Huyền Tông ngồi trước đình Trầm Hương, ra lệnh cho gọi quý phi đến. Khi đó, quý phi vẫn say chưa tỉnh. Cao Lực Sĩ phụng chỉ bèn ra lệnh cho thị nữ diu quý phi đang say rượu chưa tỉnh đến Trầm Hương đình. Huyền Tông đưa mắt nhìn nàng, nhưng thấy quý phi say rượu không hóa trang, tóc tai bù xù, đến trước mặt Huyền Tông mà không thể làm lễ bái kiến. Huyền Tông cười nói: Có phải là phi tử say đâu, mà là hải đường chưa tỉnh đấy chứ!

IV. Chết ở dốc Mã Ngôi

Cuộc sống của quý phi như thiên đường nhân gian. Nàng sống cuộc sống vinh hoa phú quý, vô ưu vô lo trong hậu cung. Chỉ về mặt trang phục, riêng số người thuê thừa phục vụ cho một mình quý phi cũng đến hơn 700 người. Cuộc sống dư giả của quý phi và sự sùng ái đặc biệt của quân vương đều tập trung trên một người, là một người phụ nữ, xưa nay có bao nhiêu người được như thế? Tuy nhiên, mọi thứ đều cũng phải có lúc kết thúc. Thịnh cực tức suy, đó là quy luật tự nhiên, quý phi cũng không chạy khỏi số mệnh này.

Năm Thiên Bảo thứ 14 (Công Nguyên năm 755), An Lộc Sơn, người được Huyền Tông, quý phi nhận làm con nuôi, khởi binh phản Đường. An Lộc Sơn nổi danh vì giết chết Dương Quốc Trung, đưa Biều Quốc phu nhân, quý phi... vào danh sách tội nhân. Tai ương từ trên trời rơi xuống, đại Đường phải đón nhận vận mệnh bất hạnh, Huyền Tông và quý phi cũng không thoát khỏi chiếc lưới này.

An Lộc Sơn phản loạn, kinh sư chấn động. An Lộc Sơn nổi tiếng vì giết Quốc Trung, liệt kê tội trạng của 3 người Dương Quốc Trung, Biều Quốc phu nhân, quý phi, cận thần không dám dâng tấu. Huyền Tông muốn để hoàng thái tử giám quốc, từ đó truyền ngôi, bản thân ông lãnh binh thân chinh. Huyền Tông lập mưu với Quốc Trung, Quốc Trung hết sức sợ hãi, trở về phủ đệ nói với ti muội, rằng: Chúng ta đang lâm nguy, nay thái tử giám quốc, sẽ tranh giành đến cùng với nương tử! Ti muội khóc lóc kể với quý phi. Quý phi kiên quyết phản đối, như thế mới chịu thôi.

Khí thế của phản binh ngày càng mạnh, Đồng quan thất thủ. Huyền Tông và hậu cung phi tử chạy theo phía tây đến Ba Thục. Chạy đến đèo Mã Ngôi, đại quân đột nhiên ngừng lại. Tây Hựu Long võ tướng quân Trần Nguyên Lễ sợ xảy ra binh biến, nói với quân sĩ: Nay thiên hạ đại loạn, hoàng thượng chạy về phía tây, đều do Dương Quốc Trung tạo nên! Nay không giết Dương Quốc Trung, làm sao tạ tội với thiên hạ! quân sĩ cùng nhau hét: Có ý này từ lâu! Thỏ Phiến và sứ giả thân thiện tại Trạch môn, bao che Quốc Trung. Các quân sĩ hô to: Dương Quốc Trung và người Phiến mưu phản! Chư quân bao vây Trạch môn, hợp sức giết Dương Quốc Trung.

Huyền Tông ra khỏi Trạch môn, khảo lược quân. Quân sĩ lược quân không giải vây. Huyền Tông thấy kỳ lạ, hỏi thân cận là nguyên do gì? Cao Lực Sĩ trả lời: Họ Dương có tội, tướng sĩ giết chết hần. Nhưng, quý phi là em gái của hần. Quý phi vẫn còn, làm sao không sợ hãi? Xin hoàng thượng quyết định! Huyền Tông không còn gì để nói, im lặng đi đến Trạch Môn. Bên trong có con hẻm nhỏ. Huyền Tông không nhẫn tâm đến thẳng hậu cung, đứng thẳng tay cầm chặt cây trượng, bản thân hồi lâu không muốn đi vào.

Kinh triệu tư lộc Vi Ngạc tiến tấu nói: Xin bệ hạ cất ân, để quốc gia an ninh. Huyền Tông đã mất đi khả năng tư duy và khả năng phán đoán, giống như một nông phu bị dã thú đuổi đến đường cùng, chỉ biết chạy trốn điên cuồng, những chuyện khác đều không quản không nghĩ, và cũng không thể nghĩ. Tóm lại, tất cả đều không do mình làm chủ. Huyền Tông không biết mình đã dạo chơi ngoài hành cung bao lâu, sau này cũng không biết làm sao mình có thể đi vào hành cung. Huyền Tông mặt trắng bệch, không nói gì cả, quý phi hiểu rõ tất cả. Nàng biết rằng, nàng đã là người thất thế, hôm nay chính là ngày tàn của mình.

Huyền Tông dìu quý phi bước ra cửa sảnh, đến cửa tường phía bắc dành cho ngựa đi. Khi biệt li, quý phi bật khóc, nói với Huyền Tông: Hoàng thượng bảo trọng, thiếp phụ quốc ân, chết không hối hận, xin để thiếp lễ Phật vậy! Huyền Tông đau đớn vô cùng, ông như đứng giữa 2 giới âm dương, nói tiếng được tiếng mất: Mong phi tử thọ sinh nơi đất lành. Cao Lực Sĩ phụng chỉ thắt cổ quý phi bằng vải lụa dưới cây lê trước Phật đường. Sau đó, gói lại tử thi bằng tấm nệm, chôn bên lề đường. Quý phi vừa tắt thở, ngựa thần tốc đưa trái vải từ phương Nam vừa đến. Huyền Tông nhìn thấy trái vải, thở dài nói với Cao Lực Sĩ: Để ta

cúng nàng! Cúng xong, lục quân vẫn không giải vây. Thi thể của quý phi để trong đình, lệnh cho Trần Nguyên Lễ và mọi người đến xem. Nguyên Lễ nâng đầu nàng lên, nhìn đích thật là quý phi, và đã chết thật sự, lục quân lập tức giải vây.

Khi chết, quý phi chỉ mới 38 tuổi. Huyền Tông tay cầm trái vải, ngồi trên ngựa nói với cận thần Trương Dã Hồ: Từ đây đến Kiếm Môn, trên đường đi hoa thơm chim hót, non xanh nước biếc, chẳng phải làm người ta càng tưởng nhớ đến phi tử thêm!

Tài liệu liên quan viết rằng, trước đó có một bài thơ của thuật sĩ Lý Giả Châu truyền đến kinh sư: Yên thị nhân giai khứ, hàm quan mã bất quy; nhược phùng sơn hạ quý, hoàn thượng hệ la y. Yên thị nhân là chỉ những tướng sĩ đến từ Kiếm Môn của An Lộc Sơn. Hàm quan mã bất quy là chỉ Ca Thục Hàn bại tại Đồng quan. Nhược phùng sơn hạ quý, quý tức Ngôi, chi Mã Ngôi Trạch. Hoàn thượng hệ la y, tên thời con gái của quý phi là Ngọc Hoàn, chết do Cao Lực Sĩ thất cổ bằng vải lụa. Hơn nữa quý phi thường lấy bím giả làm trang sức, và thích mặc váy vàng, cuối thời Thiên Bảo, kinh sư có bản đồng dao: Bím giả ném vào sông, váy vàng theo dòng nước. Đó có lẽ là lời kể của người nhiều chuyện, nhưng kể rất sinh động, rất thật.

V. Nước mắt của Mai phi

Mai phi họ Giang, tên Thái Bình. Người Phổ Điền Phúc Kiến. Phụ thân của Mai phi khiêm tốn, làm nghề y từ đời này sang đời khác. Khi Mai phi 9 tuổi, đã thông Nhị Nam, nói với phụ thân: Con tuy là con gái, nhưng lấy đó làm chí! Phụ thân thấy hết sức kỳ lạ, bèn đặt tên cho nàng là Thái Bình. Những năm Khai Nguyên, hoạn quan bên cạnh Huyền Tông là Cao Lực Sĩ đi sứ Mân Việt (tức Phúc Kiến và Quảng Châu), phát hiện ra Mai phi vừa độ tuổi cập kê. Cao Lực Sĩ thấy nàng xinh đẹp mỹ miều, bèn đưa nàng về cung, hầu hạ Huyền Tông Lý Long Cơ.

Giang Thái Bình là thực nữ phương nam điển hình, rất thích đọc sách, giỏi viết thơ làm văn, tự cư tài nữ. Tuy Giang Thái Bình văn tài bát đầu, nhưng tính cách điềm tĩnh, ngày thường trang điểm nhẹ nhàng, mặc trang phục thanh nhã. Giang thị thích nhất là hoa mai. Ngoài cửa nơi nàng ở, trồng đủ các loại mai. Huyền Tông đặc biệt viết cho nàng chữ “Mai đình”, treo ngoài cửa. Mỗi lần hoa mai nở rộ, Giang Thái Bình thường hoa phú thơ, lưu luyến bồi hồi trước hoa mai, cho đến tận đêm khuya vẫn đứng dưới hoa, không nở rời xa. Huyền Tông thấy sở thích của nàng nên gọi đùa nàng là Mai phi.

Sau khi Giang Thái Bình vào cung, Huyền Tông rất sủng ái nàng. Khi đó, tam đại cung Minh Khánh Hưng tại đại nội Trường An và hai cung Thượng Dương tại đại nội Đông Đô, có hơn 4 vạn cung nhân. Từ khi Huyền Tông có được Giang Thái Bình, ông xem 4 vạn cung nhân này như cỏ dại bụi đất. Những mỹ nữ thích tranh giành ghen tuông trong cung cứ than mình không bằng, cam tâm chấp nhận số mệnh.

Mai phi có 8 bài phú được lưu truyền mạnh trong cung là “Tú lan”, “Lệ viên”, “Mai hoa”, “Phụng dịch”, “Tiện đao”, “Kì song”. Đến nay, những bài phú này đã thất truyền. Mai phi không chỉ giỏi thơ văn, mà còn thông hiểu nhạc cụ, giỏi ca múa, và rất thông minh lanh lợi. Có một lần, Huyền Tông và Mai phi chơi đấu cờ, chư vương đứng bên cạnh nhìn, Mai phi thắng nhiều lần. Huyền Tông cười nói với chư vương: Mai này tinh thật! Thường sáo bạch ngọc, làm kinh hồng vũ, nhất tọa quang huy. Nay đấu cờ cũng thắng luôn cả ta!

Mai phi nghe Huyền Tông nói thế, bèn ứng khẩu ngay: Trò chơi hoa cờ, may mắn thắng được bệ hạ. Nếu luận trị quốc thiên hạ, uy phục bốn biển, thiếp làm gì so được? Huyền Tông nghe xong như say như mơ, long nhan vui vẻ. Rất rõ ràng, Mai phi là thực nữ đọc sách hiểu lý, đẹp bên ngoài lẫn bên trong. Tình cảm giữa nàng và Huyền Tông không thân cũng không sợ, ôn hòa, mềm mỏng.

Mai phi bước vào cuộc đời của Huyền Tông sớm hơn Dương quý phi một bước, trước sau cũng đi theo Huyền Tông, cho đến khi khói lửa nổi dậy, không biết kết thúc nơi nào. Phong cách điềm tĩnh, tú nhã của Mai phi làm cho Huyền Tông hết sức kính phục, bị điên đảo vì đó. Tuy nhiên, Dương quý phi đầy đặn, mái tóc dài mê hồn, đẹp lừng lờ xuất hiện đột ngột trong cung, Huyền Tông ngăn ngừa cả người, Mai phi cũng rơi vào cảnh khốn đốn. Phong cách của Mai phi và quý phi có chút khác nhau, tính cách lại hoàn toàn khác nhau. Mai phi văn nhã ốm yếu, hình dáng mảnh mai thon thả, yếu ớt đến nỗi gió thổi cũng ngã, tính tình mềm mại dịu dàng. Quý phi lại mập mạp, nghiện rượu, tính tình hẹp hòi, thiên chất nhanh nhạy. Hai người như nước với lửa, đối địch với nhau trong cung. Hai người tranh sủng, Mai phi Giang Thái Bình không thể địch nổi Dương quý phi về mặt khí thế.

Giữa hai mỹ nhân, Huyền Tông chẳng nở xa rời ai. Nhưng rõ ràng Huyền Tông bị quý phi Ngọc Hoàn lôi cuốn nhiều hơn, nhưng thường nhớ đến Mai phi. Ông hy vọng hai người hòa hợp với nhau, và ngây thơ ví hai người như hai vị thê tử sống chung rất tốt với nhau như hai nữ của Nghiêu, hai phi của Thuần – Nga Hoàng, Nữ Anh. Tuy nhiên, đó chỉ là giấc mơ mà thôi.

Huyền Tông thật sự yêu quý phi đến mức si mê, vận mệnh của Mai phi đương nhiên nằm trong tay

của quý phi, thái độ có ta không có ả, có ả không có ta của quý phi ép Huyền Tông đưa ra lựa chọn cuối cùng, bắt đắ dĩ, Huyền Tông phải bỏ rơi Mai phi. Mai phi bị lạnh lùng, dờn đến Thượng Dương đông cung. Không biết trải qua bao nhiêu ngày đêm, một buổi tối nọ, Huyền Tông đột nhiên nhớ đến tình xưa của Mai phi, nhớ đến ân ân ái ái ngày xưa, thế là Huyền Tông phái tâm phúc họa quan, âm thầm đón Mai phi về.

Trên đường đi, mọi hành động đều âm thầm lặng lẽ, không dám đốt đèn, để tránh quý phi Dương Ngọc Hoàn phát hiện, làm ồn ào lên. Mai phi được đưa đến Thuý hoa tây các, hai người ôn lại tình xưa, nói với nhau về nỗi nhớ nhung, đau buồn không thể tả. Mai phi càng đau lòng hơn, nước mắt như mưa. Sau khi ân ái, hai người cùng nằm bên nhau. Trời vừa sáng, Huyền Tông giật mình thức giấc, thị ngự kinh hãi tâu báo: Quý phi đã đến trước lầu các, làm thế nào?

Quý phi đã biết được sự vụng trộm này. Huyền Tông hết sức sợ hãi, hoang mang ôm lấy Mai phi, giấu nàng giữa các tấm vách ngăn. Quý phi nổi giận dưng dưng, xông vào hỏi tội ngay: Mai tnh ở đâu? Huyền Tông khoác áo đứng bên cạnh, hoang mang nói: Ở đông cung. Quý phi nghiến răng nói: Xin đưa ả triệu đến, cùng đến Ôn Tuyền với thiếp! Mai phi đang ở đó, làm sao tuyền đến? Huyền Tông đành phải nói: Nàng ấy đã được đưa đi xa, không tới lui nữa. Quý phi kiên quyết chất vấn lần nữa, Huyền Tông liếc mắt qua lại, nhìn xung quanh mà không đáp.

Quý phi nhìn quanh phòng, như hồ đang vỗ môi, nhìn thấy dưới ngự giường có một đôi giày nữ. Quý phi không kiềm được phần nộ, chất vấn: Tối qua ai đến hầu hạ bệ hạ? Rượu say đến sáng vẫn không lâm triều? Bệ hạ nên ra gặp quần thần, thiếp sẽ đợi ở đây! Huyền Tông hồ thẹn vô cùng, kéo tấm chăn đắp lên người, nhắm mắt nói: Hôm nay có bệnh, không thể thượng triều. Quý phi nổi giận dưng dưng bỏ đi.

Huyền Tông định thần lại, gọi Mai phi bước ra, ai ngờ Mai phi đã được họa quan đưa về đông cung. Huyền Tông buồn bực thành giận, không trút được giận, bèn ra lệnh chém đầu họa quan đó. Huyền Tông nhặt lại đôi giày và đồ trang sức của Mai phi, cho người đưa đến chỗ Mai phi. Mai phi nước mắt chưa khô, nói với sứ giả: Hoàng thượng sẽ bỏ rơi ta mãi mãi? Sứ giả trả lời: Không phải bỏ rơi người, mà sợ làm cho Ngọc Hoàn nổi giận. Mai phi cười thâm hại nói: Sợ ta động đến cơn giận của người mập, chẳng phải bỏ rơi ta là gì.

Làm sao làm cho Huyền Tông hồi tâm chuyển ý, nói lại tình xưa với mình, ân ân ái ái, trở về bên mình lần nữa? Mai phi trầm tư suy nghĩ, nhớ đến Trần hoàng hậu bị Hán Vũ đế bỏ rơi, và cũng nhớ đến “Trường Môn phú” do Tư Mã Tương Như sáng tác. “Trường Môn phú” tuy không làm Vũ đế hồi tâm chuyển ý, nhưng thật sự cảm động được Vũ đế, có lẽ nên thử một lần, biết đâu lại may mắn thì sao? Tài tử thời nay rất nhiều, chỉ cần Cao Lực Sĩ giúp đỡ, chắc sẽ tìm được Tư Mã Tương Như ngày nay, biết đâu chừng có cơ may.

Cao Lực Sĩ đại thọ, Mai phi mừng cả ngàn lượng vàng, nói lên tâm nguyện của mình, xin Cao Lực Sĩ tìm người làm phú như “Trường Môn phú” của Tư Mã Tương Như, để làm lay chuyển hoàng thượng. Cao Lực Sĩ đang cố sức lấy lòng Dương quý phi, và sợ cơn giận của quý phi, đành phải giả báo với Mai phi rằng không biết ai viết phú cả. Giang Thái Bình đau đớn trong lòng, u buồn không thôi, tự mình chấp bút viết bài “Lầu đông phú”, gửi đến tay Huyền Tông, đồng thời cũng bị quý phi nhìn thấy. Quý phi tức giận nói Huyền Tông: Giang phi dung tiện, lấy thơ phú tuyền ngôn oán vọng, hãy thưởng chết cho ả! Huyền Tông im lặng rất lâu, cuối cùng chẳng nói một lời.

Sau khi đưa lên “Lầu đông phú”, Giang Thái Bình ngày ngày mong chờ Huyền Tông cảm động, trở lại bên cạnh mình. Một hôm, nàng nhìn thấy sức tiết từ Lĩnh Nam đến, bèn hỏi người hầu bên cạnh: Trạch sứ từ đâu đến? Là Mai sứ không? Họ trả lời nàng: Là sứ giả cống quả cho Dương quý phi. Giang Thái Bình nghe xong đau khổ bật khóc.

Huyền Tông tại Hoa Ngạc lâu, sứ thần nước ngoài đến, bèn lệnh cho người thường một chuỗi trân

châu cho Mai phi, định là hồi đáp bài “Lầu đông phú”. Mai phi nhìn thấy trên châu, không thấy hoàng thượng, đau đớn không thôi, viết một bài thơ, bảo sứ giả đưa về cùng với chuỗi trên châu. Huyền Tông mở ra, đọc xong, buồn buồn không vui, lệnh cho đông phủ phổ nhạc bài thơ, đặt tên “Nhất học châu”. Tên khúc nhạc bắt đầu từ đó. Nhưng từ đó về sau, Huyền Tông và Mai phi như người chân trời người góc biển, không thể gặp mặt nhau, họ chỉ biết chôn chặt tình cảm của mình xuống tận đáy lòng.

Sau cuộc biến loạn An Lộc Sơn, Huyền Tông dẫn quý phi chạy về phía tây đến Ba Thục, quý phi chết tại đèo Mã Khôi. Bình loạn xong, Huyền Tông trở về phía đông. Không ai biết tin tức gì của Mai phi Giang Thái Bình. Trở về hoàng cung, Huyền Tông tìm không thấy Mai phi, đoán là nàng lưu lạc phương khác khi bình loạn, hạ chiếu tìm kiếm nàng khắp nơi. Phàm những ai biết được tung tích của Mai phi, được thăng hai bậc quan, thưởng tiền trăm vạn. Tuy nhiên ngày tháng trôi dần, không có kết quả gì. Huyền Tông lại lệnh cho phương sĩ làm phép thuật, mong tìm thấy Mai phi, nhưng cũng không có kết quả gì. Có vị hoạn quan thấy Huyền Tông đau buồn, bèn đưa ra bức vẽ chân dung của Mai phi. Huyền Tông nhìn ảnh nhớ người, lòng đau như cắt. Bức vẽ giống như thật, nhưng không thể nói chuyện, không phải là người sống. Huyền Tông đau khổ, đề vài câu trên bức tranh, nước mắt đau lòng tuôn rơi ào ào. Sau đó, ông ra lệnh cho người khắc tượng Mai phi. Sau này, Huyền Tông nằm mơ, trong mơ như nhìn thấy Mai phi khóc trong rừng trúc, lấy tay áo che mặt, giống như hoa đẹp che đi một lớp sương mù. Huyền Tông đến gần Mai phi, Mai phi lên tiếng nói: Khi bệ hạ xuống mộng trần, thiếp đã chết trong tay của kẻ địch, những người thương tiếc thiếp chôn thiếp cạnh cây mai trên bờ đông hồ. Huyền Tông tỉnh dậy, lập tức cho người đến đào bên bờ hồ Thái Dịch, không tìm thấy. Huyền Tông đột nhiên nhớ ra bên cạnh hồ Ôn Tuyền có hơn mười cây mai, không biết có ở đó không? Huyền Tông dẫn người đi, quả nhiên phát hiện được hài cốt của Mai phi, bên sườn phải có vết dao. Huyền Tông đau đớn khóc lóc không ngừng.

Chương 16

Loạn thể nhu tình

I. Từ hoàng hậu đến ni cô

Đại Đường thoi thóp hơi tàn trong sự hoảng loạn của quân đội cát cứ các phiên trấn và tai họa từ họa quan. Hoàng Sào dẫn hùng binh trăm vạn, quét sạch nửa Trung Quốc, công kích Trường An, giang sơn Đại Đường chia năm xẻ bảy, có thể nói là hữu danh vô thực. Sau khi Hoàng Sào bị tiêu diệt, quân đội cát cứ các phiên trấn chia cắt khắp nơi, tự lập làm vương. Thế lực lớn nhất trong phiên trấn có hai nhánh. Một là Lương vương Chu Ôn chiếm cứ Hà Nam, khống chế thiên tử Đường Chiêu Tông, đã tâm muốn truồng, thay thế nhà Đường bất cứ lúc nào; hai là Tấn vương Lý Khắc Dụng chiếm cứ tại Sơn Tây, tuy trung thành với nhà Đường, nhưng nhà Đường hữu danh vô thực, không thể hiếu trung với Lương vương Chu Ôn đang kiểm chế thiên tử. Do đó, hai thế lực Lương - Tấn giết hại lẫn nhau, trở thành kẻ thù không đội trời chung.

Chính phi Lưu thị của Tấn vương là người Đại Bắc. Khi Lý Khắc Dụng phong Tấn vương, Lưu thị được phong làm Thái Quốc phu nhân. Thứ phi của Tấn vương Tào thị là người Thái Nguyên. Lưu thị thông minh nhanh nhạy, túc trí đa mưu, thường từng chinh theo Tấn vương, nhưng Lưu thị không có con. Tấn Vương tính tình tàn bạo, nhưng lại rất kính yêu hai phi tử. Tào thị lần lượt sinh cho Tấn vương 4 con trai: con trưởng Lý Tồn Huân, sau này chính là Trang Tông; con thứ Lý Tồn Bá, phong Vĩnh vương; con thứ 3 Lý Tồn Ác, phong Thân vương; con trai thứ 4 Lý Tồn Phi, phong Nhã vương.

Con trai trưởng Lý Tồn Huân từ nhỏ đã theo cha xuất chinh, ra vào chiến trường, nhiều lần phá địch lập công. Lớn lên, giỏi cưỡi ngựa bắn cung, dũng cảm hơn người, lại siêng đọc sách sử, tinh thông văn nghĩa, giỏi âm nhạc, ca múa, hí kịch, rất được Tấn vương yêu mến. Tấn vương Lý Khắc Dụng đánh bại Mạnh Phương Lập tại Hình Châu, bày tiệc suốt 3 đêm, chiêu đãi văn võ. Đào kép tiền tấu “Bách niên ca”, hát đến đoạn nói về tuổi già, giọng ca u sầu thâm thiết. Khi đó Lý Tồn Huân đứng bên cạnh, chỉ mới 5 tuổi. Lý Khắc Dụng vuốt râu than thở, tiếp đó chỉ vào Lý Tồn Huân, cười nói: Ta già rồi, thằng bé này là kỳ tài? 20 năm sau, nhất định nó sẽ thắng cả ta!

Khi Lý Tồn Huân 11 tuổi, theo cha đại phá Vương Hành Du, theo sứ thần đi về kinh sư. Đường Chiêu Tông kinh sợ trước tướng mạo của Lý Tồn Huân, thưởng cho ly rượu uyên ương và cái khay ngọc, đặt tay vào sau lưng cậu, nói: Đứa trẻ này rất có kỳ tài, sau này chắc chắn sẽ phú quý, đừng quên nhà ta nhé! Tháng giêng năm Mậu Lương Khai Bình thứ 2 (Năm 908 Công Nguyên), Lý Khắc Dụng qua đời, con trưởng Lý Tồn Huân kế vị Tấn vương tại Thái Nguyên, khi đó mới 24 tuổi.

Khi Tấn vương Lý Khắc Dụng đoạt Tang Châu, Định Châu, ban sư Tấn Dương, ái tướng của Lý Khắc Dụng là Viên Kiến Phong dẫn đội Hắc kỵ đến Ngụy Châu cướp bóc, cướp về một cô gái, hiến cho Tào phu nhân. Cô bé đó chỉ mới 6 tuổi, họ Lưu, không tên, rất thanh tú khả ái. Tào phu nhân rất thích, đặt tên là Kim Quý, giữ bên cạnh. Sau này cô bé này chính là Lưu hoàng hậu của Nam Đường Trang Tông Lý Tồn Huân.

Lý Tồn Huân thừa kế làm Tấn vương, lập kế đánh cùng giết tận thúc phụ Lý Khắc Ninh và con nuôi của phụ vương có ý định phản đối mình, từ đó xây dựng khát vọng về uy quyền. Tiếp đó giả vờ điều động binh lính, đột kích Lộ Châu, đánh bại quân Lương, giành thắng lợi hoàn toàn. Ngay cả Chu Ôn cũng không thể không than thở rằng: Cùng sinh con trai như nhau, mấy đứa con của ta, chẳng khác nào heo chó!

Nói về mẫu thân Tào thị của Tồn Huân và chính thất Lưu thị. Lưu thị thông minh nhanh nhạy, giúp đỡ Lý Khắc Dụng đánh thiên hạ, nhiều lần lập công. Lưu thị không có con, trời sinh khoan hậu, hiền mà không đồ kị. Lưu thị thường nói với Lý Khắc Dụng: Tào thị có tướng sinh quý tử, hãy đối xử với nàng ấy cho thật tốt! Tào thị được phong làm Tấn quốc phu nhân, sinh con trai Tồn Huân, nên được chuyên sủng. Tồn Huân kế ngôi cha, rất hiếu thảo với Tào thị, cứu Triệu, phá Yên, lấy Ngụy Bắc, chiến đấu với quân

Lương trên sông hơn 10 năm, dù chiến sự có căng thẳng đến đâu, năm nào chàng cũng về thăm mẫu thân 3, 4 lần.

Tồn Huân vừa là thiên tài về quân sự, vừa là thiên phú kỳ tài về âm nhạc, ca phú. Chàng rất thích ca hát, diễn kịch, hơn nữa còn có thể tự phổ tự hát. Năm thứ 2 sau khi chàng kế vị Tấn vương, một lần trở về Tấn Dương thăm mẫu thân, mẫu thân Tào thị hết sức vui mừng. Ngày hôm sau, Tào thị mời chính thất Lưu thị cùng đến hưởng yến, ra lệnh chọn vài thị nữ biết hát để trợ hứng, tổ chức yến tiệc tại nơi ở của Lý Tồn Huân, để tẩy trần cho con trai. Rượu nồng người say, Lý Tồn Huân hát một bài, giọng ca hùng dũng mạnh mẽ, được tất cả khen ngợi.

Mấy ca nữ biểu diễn kế tiếp, ai nấy cố gắng trở hết tài của mình, cho đến Lưu Kim Quý. Lý Tồn Huân nhìn thấy rất rõ. Lưu Kim Quý lúc này đã là tài nhân, thân hình thon thả, thanh tú văn tĩnh, đẹp chim sa cá lặn. Giọng hát của Lưu Kim Quý rất trong trẻo. Hát xong, nàng lại thổi tiêu, gõ trống, biểu diễn hoàn mỹ không chút sai sót. Lý Tồn Huân thật sự bị Lưu Kim Quý mê hoặc, không ngừng khen ngợi, mắt cứ nhìn thẳng vào nàng. Tào thị hiểu được tâm ý của con trai, tiệc rượu chấm dứt, giữ Lưu Kim Quý lại, thưởng cho con trai.

Trước đó, Lý Tồn Huân công phá Giáp thành của quân Lương, được thê tử Hầu thị của Phù Đạo Chiêu, chiếm làm của mình, sủng nhất hậu cung, trong cung gọi là Giáp Trại phu nhân. Lý Tồn Huân xuất chinh, thường để Hầu thị đi theo. Khi này Lý Tồn Huân đã có hai phu nhân chính thức, chính thất là Vệ Quốc phu nhân Hàn thị, thứ thất là Yến Quốc phu nhân Y thị. Hàn thị, Y thị đều là thiên kim nhà quan, gả cho Lý Tồn Huân, vẫn chưa có con, tình cảm của Lý Tồn Huân đối với họ chỉ bình thường.

Sau khi có được Lưu Kim Quý, Lý Tồn Huân lập tức phong làm Lưu mỹ nhân, được sống một mình trong đình viện, hầu hạ riêng cho nàng. Sau đó, phong Lưu Kim Quý làm Ngụy Quốc phu nhân. Không bao lâu, Lưu Kim Quý sinh con trai Lưu Kế Ngập. Lý Tồn Huân cho rằng con trai rất giống mình, hết sức yêu quý. Từ đó Lưu thị được chuyên sủng hậu cung, thế chỗ cho Hầu thị. Trong vòng hơn 10 năm chiến đấu trên sông, vẫn do Lưu thị dẫn quân thị giá. Lưu thị túc trí đa mưu, lại hiểu lòng người, cẩn thận tỉ mỉ. Do đó Lý Tồn Huân không thể rời khỏi nàng, những tần phi khác cũng vì thế mà không được tiến sủng.

Phụ thân của Kim Quý là Lưu Sơn, râu tóc màu vàng, tên Lưu Khuê, làm nghề y, buôn bán thảo dược, tự hiệu Lưu Sơn Nhân. Viên Kiến Phong cướp bóc Thành An, cướp Lưu thị đi khi nàng 6 tuổi, Lưu Sơn Nhân chỉ biết đứng trơ mắt nhìn mà chẳng làm được gì. Sau đó, Lưu Sơn Nhân lưu lạc khắp nơi. Khi này, Lưu Sơn Nhân nghe nói con gái của mình đã phú quý, độc sủng hậu cung, ông bèn xin vào cung yết kiến. Lý Tồn Huân triệu Viên Kiến Phong đến, hỏi khi bắt đi Lưu thị, bên cạnh Lưu thị còn những ai? Viên Kiến Phong trả lời: Khi thần bắt được Lưu thị tại lũy bao phía bắc Thành An, có một ông lão râu tóc màu vàng ôm lấy nàng.

Lý Tồn Huân ra lệnh cho Lưu Sơn Nhân vào yết kiến, để Viên Kiến Phong nhận người. Viên Kiến Phong gật đầu nói chính là ông ấy. Tuy nhiên, lúc này Lưu Kim Quý đang tranh sủng với mấy vị phu nhân khác, cố gắng lật đổ đối phương, và tiêu chuẩn là cao môn vọng tộc. Mà Lưu Sơn Nhân xuất hiện lúc này, hiển nhiên không đúng lúc. Lưu Sơn Nhân áo quần lam lũ, mặt vàng ốm yếu, đột nhiên bước đến nhận con gái, Lưu thị không khỏi phẫn nộ, nói: Khi tôi ly hương, tôi đã biết chuyện, còn nhớ phụ thân của tôi đã bị loạn quân giết chết. Khi đó tôi ôm thi thể khóc to rồi mới bỏ đi, ông nông dân già này làm sao lại đến đây nhận thân! Lưu thị không nhận phụ thân của mình, còn thừa cơ trút giận, để rửa sạch bản thân, ra lệnh cho tùy tùng đuổi Lưu Sơn Nhân ra khỏi cửa cung, đánh đến khi ông ấy nứt da nẻ thịt, nuốt hận mà bỏ đi.

Tháng 4 năm 922 Công Nguyên, Lý Tồn Huân xưng đế tại Ngụy Châu, quốc hiệu Đường, sử gọi là Hậu Đường, làm Đường Trang Tông. Sau khi kế vị, Trang Tông muốn lập Lưu thị làm hoàng hậu, nhưng danh phận của chính thất Hàn phu nhân và thứ thất Y phu nhân trên Lưu thị, tranh chấp không được, nên tạm gác chuyện này sang bên. Trang Tông tôn mẫu thân Tào thị làm hoàng thái hậu, và đích mẫu chính

thất Lưu thị làm hoàng thái phi. Thái phi Lưu thị danh phận dưới thái hậu, Lưu thị bèn đến bái tạ Tào thị. Tào thái hậu lúng ta lúng túng, hồ thẹn. Lưu thị lại rất tự nhiên, thành thật nói rằng: Mong rằng con trai cai trị trường cửu và bình yên, sau khi ta chết đến hầu hạ tiên quân, cũng thấy an lòng, còn nói gì nữa?

Danh phận của Tào thị, Lưu thị rõ ràng, chuyện của hoàng hậu vẫn chưa quyết. Tể tướng Đậu Lô Cách, khu mật sứ Quách Sùng Đạo biết rõ chủ ý của Trang Tông, bèn thượng tấu xin lập Lưu thị làm hoàng hậu, Trang Tông đương nhiên hết sức vui mừng. Năm Quý Mùi tức Đồng Quang thứ 2 (năm 924 Công Nguyên), Trang Tông ngự Văn Minh điện, chính thức sắc phong Lưu thị làm hoàng hậu. Ngày tháng sắc lập Lưu thị, có người nói là tháng 2, có người nói là tháng 4, cũng có sử sách ghi là năm Đồng Quang thứ 4. Trên thực tế, “Đường Trang Tông ký” là đáng tin nhất, là tháng 2 năm Quý Mùi, Đồng Quang thứ 2, tể tướng Đậu Lô Cách dẫn đầu văn võ bá quan lên thỉnh lập trung cung, xin lập Ngụy Quốc phu nhân Lưu thị làm hoàng hậu. Trang Tông chấp nhận tấu thỉnh, ra lệnh sở tư chọn ngày chuẩn bị lễ sắc phong. Tháng 4 năm Kỷ Mão, Trang Tông lâm ngự Văn Minh điện, sắc phong Lưu thị làm hoàng hậu. Lưu thị nhận sắc phong, ngồi trên xe, đi bái kiến thái miếu. Hàn thị, Y thị phần nộ bất bình, nhưng không còn cách nào khác. Trang Tông sắc Hàn thị làm Thục phi, Y thị làm Đức phi.

Lão tướng quân nhà Đường Châu Đức Uy vong trận, tướng nhà Đường Lý Kế Đạo phản bội đầu hàng Lộ Châu, đại tướng Khê Đan lại xâm phạm U Châu, Đường thất nguy trong gang tấc. Lương Mạc đế Chu Hữu Chân cử Đoàn Ngưng làm soái, binh lính Đoàn Ngưng chia 4 ngả đường, chuẩn bị tiêu diệt Hậu Đường bằng 5 vạn quân. Đường Trang Tông hết sức buồn phiền. Khi đó, tướng của Lương là Khang Diên Hiếu dẫn binh đến hàng, báo cáo thực hư của quân Lương. Trang Tông Lý Tồn Huân dẫn tinh binh tiến thẳng đến Lương đô Biện Kinh, đi qua Tào Châu, như vào chỗ không người. Lương Mạc đế thấy đại thế đã mất, ra lệnh cận thần Hoàng Phổ Lân kết thúc sinh mạng của mình vào ngày thành bị phá.

Ngày 10 tháng 10 năm Đồng Quang thứ nhất (năm 923), thành Biện Kinh bị phá, Hoàng Phổ Lân dùng dao bén kết thúc cuộc đời của Lương Mạc đế Chu Hữu Chân, rồi tự vẫn. Năm 16 lịch sử nhà Lương diệt vong từ đó. Sau khi vào thành, Trang Tông thấy Mạc đế nằm trong vũng máu, hết sức đau buồn, ra lệnh Hà Nam dẫn lễ táng Lương Mạc đế. Ngày thứ 3 Biện Kinh thất thủ, đại tướng Đoàn Ngưng của nhà Lương dẫn binh đến nơi. Đoàn Ngưng thấy Lương chúa đã chết, đại thế đã mất, nên đầu hàng Trang Tông.

Trang Tông diệt Lương khi chỉ 38 tuổi, đang độ tuổi sung sức. Đột nhiên nước địch diệt vong, kẻ thù giết tận, ông không biết mình nên làm gì tiếp theo? Thế là chìm đắm trong hậu cung. Sau khi dời đô đến Lạc Dương, bèn lập Lưu thị làm hoàng hậu, sắc phong Hàn thị làm Thục phi, Y thị làm Đức phi.

Trang Tông dần dần suy nhược ý chí, ngày đêm chìm đắm trong hoan lạc. Ông thích ca hát, âm nhạc, nhất là say mê hí kịch, ngày nào cũng coi việc tập luyện diễn kịch là thú vui, bản thân ông cũng tham gia vào đó. Hoạn quan, đào kép thừa cơ làm loạn triều chính, Lưu hoàng hậu cũng thừa cơ đó mà sử dụng trung cung. Lưu hoàng hậu xuất thân hàn vi, lại được lập làm hoàng hậu, cứ cho rằng đó là Phật Tổ trợ giúp, nên hết sức tin Phật. Đồng thời, do xuất thân hàn vi nên Lưu hoàng hậu biết rõ giá trị của đồng tiền, thế là ngoài việc hưởng lạc, phóng túng, còn bắt chấp thu đoạn chiếm đoạt tiền bạc châu báu.

Lưu hoàng hậu có hai con đường tập trung tài sản chính: một là cử sứ đi khắp nơi, làm thương gia, lũng khắp chợ, tất cả những loại rau củ hoa quả, thích gì thì ép mua ép bán cho bằng được, bảo là trong cung cần, đã là công dụng, ai dám nói nửa chữ không? Như thế, chẳng cần bao lâu, tiền tài cuồn cuộn đổ vào, tài sản ngày càng tăng lên. Con đường thứ 2 là từ triều dã bá quan. Bá quan muốn được thuận buồm xuôi gió làm quan, không bị bãi quan mất chức, thì phải làm vui lòng Trang Tông, mà Lưu hoàng hậu lại rất quan trọng trong cuộc đời của Trang Tông, do đó, quan viên thông minh mỗi lần tiến cống, luôn là 1 lễ 2 phần, một phần tiến cống cho hoàng thượng, một phần tiến cống cho hoàng hậu. Được sự cổ vũ của Trang Tông và hoàng hậu, làn sóng này càng lúc càng lớn, đến mức hàng hóa trong cung chất cao như núi. Lưu hoàng hậu đương nhiên rất đắc ý, ngày nào cũng chép sách phật, tặng cho tăng ni. Từ đó Trang Tông

cũng kính phụng Phật sự.

Một Hồ tăng vào cung, Trang Tông dẫn hoàng hậu và các con đến bái hầu nghênh tiếp. Tăng nhân du thường Ngũ Đài sơn, Trang Tông cử trung sử cung cấp thức ăn, cho chỗ trú ngụ tốt nhất, thiên hạ xao động. Tăng nhân Thành Huệ tự xưng có thể cho mưa giáng long. Thành Huệ đến Trấn Châu, trưởng quan tại đó là Vương Dung không hiểu lý, Thành Huệ nổi giận, xuất cuồng ngôn: Ta có độc long năm trăm, chỉ cần một con bóc đá, cả người trên núi cũng biến thành con ba ba! Năm sau, quả nhiên sông Hồ Đà nước lớn, mưa bão thành nạn, nước ngập cả thành Trấn Châu. Dân trong châu hoảng sợ, cho rằng Thành Huệ biết giáng long thần thật. Trang Tông nghe xong tấu báo, nhanh chóng dẫn hoàng hậu, phi tử, các con đến tham bái. Thành Huệ ngày càng lấn lướt, xem hoàng thượng chẳng ra gì, ngồi đó không đứng dậy. Từ đó về sau, tất cả mọi người đều kính bái Thành Huệ và tăng nhân, chỉ có mỗi mình Quách Sùng Đạo là không bái.

Khi đó, hoàng thái hậu và hoàng hậu đều ở trung cung, giao thông phiên trấn, thái hậu xưng Cáo Lệnh, hoàng hậu xưng Giáo Mệnh, sử giả lưỡng cung liên lạc thường xuyên. Tiết độ sứ Hứa Châu là Ôn Đạo ninh hót Lưu hoàng hậu, cầu xin lấy tư đệ làm phật tử, để cầu phúc cho hoàng hậu. Trang Tông thường đưa hoàng hậu đến tư đệ của Ôn Đạo, Quách Sùng Đạo, Nguyên Hành Khâm, Trương Toàn Nghĩa, uống rượu hưởng lạc. Trang Tông còn lệnh cho Lưu hoàng hậu bái Trương Toàn Nghĩa làm dưỡng phụ. Trương Toàn Nghĩa ngày đêm cử thể thiếp ra vào trung cung, hỏi thăm không ngừng.

Trang Tông tự xưng nghệ danh Lý Thiên Hạ, thường viết các đề tài tập luyện tiết mục, tìm vui trong cung. Một hôm, ông đột nhiên có ý tưởng mới, triệu con trai Kế Ngập đến, quần áo lôi thôi, vai đeo túi thuốc, đến thăm cung hoàng hậu, diễn cảnh Lưu Sơn Nhân tìm con gái. Lưu hoàng hậu vừa tức giận vừa lo lắng, thuận tay với lấy cây quét bụi bàn thờ để trên đầu giường đuổi đánh, cung nữ bên cạnh ra sức ngăn cản.

Tuy Trang Tông mặc sức tìm vui, thậm chí dám lấy hoàng hậu ra làm trò đùa, nhưng nói chung, Trang Tông vẫn rất sợ hoàng hậu. Ví dụ thuyết phục nhất chính là kết cục của ái thiếp. Vị ái thiếp này trẻ tuổi xinh đẹp, tư sắc mê người, rất được Trang Tông yêu mến. Sau đó, ái thiếp còn sinh cho Trang Tông một con trai. Lưu hoàng hậu thấy người đàn bà này là một tai họa, nên cứ canh cánh trong lòng. Một hôm, Trang Tông tổ chức buổi tiệc trong cung, đại thần Nguyên Hành Khâm hầu hạ bên cạnh. Trang Tông buột miệng hỏi Nguyên Hành Khâm: Người mới mất phu nhân, có lấy nữa không? Ta sẽ tuyển giúp người. Lưu hoàng hậu thấy thời cơ đến nên chỉ vào ái phi của Trang Tông nói: Hoàng thượng thương hại Hành Khâm, sao không thưởng nàng ấy? Trang Tông bất ngờ, chẳng biết làm gì, đành phải chấp nhận. Lưu hoàng hậu bảo Nguyên Hành Khâm bái tạ. Nguyên Hành Khâm vui mừng quá đỗi, quỳ lạy 3 lần, sau đó đứng dậy nhìn vào ái thiếp, vịn vai đưa nàng ra khỏi cung. Trang Tông buồn bã không vui, trong lòng dường như bị uất ức, mấy ngày sau bảo bệnh không dậy, không buồn ăn uống.

Lưu hoàng hậu biết Trang Tông thích hí kịch, do đó tuyển chọn đào kép giới hầu hạ Trang Tông, chủ yếu có Cảnh Tiến, Kính Tân Mặc, Sử Nhan Quỳnh, Quách Môn Cao... Lưu hoàng hậu câu kết với họ, lộng quyền làm đủ thứ chuyện. Cảnh Tiến được thăng quan làm Trụ quốc tán kỵ thường thị; Sử Nhan Quỳnh làm Tiết độ sứ, trấn giữ Nghiệp Thành, nắm quyền lực châu Hà Bắc Ngụy Bắc. Tể tướng Đâu Lô Cách chỉ biết nghe theo số mạng, bị các quan đào kép lấn át. Vương triều trở thành thiên hạ của hoàng hậu và quan đào kép. Hoàng tử Ngụy vương Lý Kế Ngập và trung thần Quách Sùng Đạo dẫn binh nam hạ Ba Thục, bình phục Vương Diễn. Quách Sùng Đạo muốn nhân cơ hội này báo trung với Ngụy vương, sau này rời xa bọn đào kép nịnh thần, chinh đốn lại triều đình, không ngờ Ngụy vương lại thích bọn quan đào kép, nói lại những lời nói trung thành của Quách Sùng Đạo cho lâm quân Lý Tùng Kịch. Trung Tông phái tâm phúc lao quân, Quách thị không nghe theo. Kết quả, giám quân, hoạn quan gây chuyện. Lưu hậu mật chỉ, Ngụy vương Lý Kế Ngập chém chết người có công đầu trong việc bình loạn là Quách Sùng Đạo và 3 người con

trai của ông. Gia tộc tại Lạc Dương của nhà họ Quách cũng bị diệt tận gốc.

Từ đó về sau giang sơn Hậu Đường ngày càng xuống dốc. Quách Sùng Đạo vừa chết, có tin đồn Trang Tông muốn thanh trừ bộ hạ của Quách thì, vùng Ngụy Bắc đại loạn. Cẩm quân Lạc Dương bất mãn với việc Trang Tông sủng quan đào kép, xa rời tướng cũ, lòng người dao động. Cuộc sống quân sĩ khổ, Lưu hoàng hậu xa xỉ, khiến cho lời oán thán khắp nơi. Con nuôi Lý Tự Nguyên của Lý Khắc Dụng vào kinh bệ kiến, bị Trang Tông giam giữ. Loạn binh Ngụy Châu nổi dậy, Trang Tông đành phải phái Lý Tự Nguyên trấn áp. Kết quả, Lý Tự Nguyên bình loạn được Ngụy Châu, lại bị áp giải về kinh sư với tội gian thần.

Quân phí chi ra, tể tướng Đâu Lô Cách xin phát tiền bạc trong kho thường cho quân sĩ, cô vũ sĩ khí. Trang Tông lệnh cho Lưu hoàng hậu đưa ra tiền bạc giấu vóc trong phủ. Thời tiết hôm đó thay đổi lạ thường, các ngôi sao phạm thiên khố, có sao rơi vào thiên bội, đại thần giỏi xem thiên tượng tiến tấu: Ngự tiền sắp có binh biến, xin hoàng thượng phân phát tiền bạc để diệt họa. Nhưng Lưu hoàng hậu không nghe, mà nói: Phu phụ ta đoạt được thiên hạ, là nhờ vào thành công, hơn nữa cũng có thiên mệnh; mệnh đã tùy trời, người có thể làm gì ta!

Nhưng, tình hình khi đó đã tương đối nghiêm trọng. Trước đó Trang Tông, hoàng hậu, hoàng tử, hậu cung đến Bạch Sa, săn bắn du ngoạn, đi qua Y Nghiệt, Túc Hợp Giản, tùy tùng quân sĩ hết sức làm than, trên đường bị đói, dẫn đến vệ binh cướp kho thóc, đốt kho lương... Huyện sử sợ hãi, chỉ biết chạy vào rừng. Cẩm quân bất ổn như thế, lúc nào cũng có thể xảy ra biến loạn. Tể tướng Đâu Lô Cách buồn bã lo lắng. Ông và Diên Anh thảo luận thời cục, không có tiền, không biết nên ứng phó thế nào. Lưu hoàng hậu nghe lên, nhưng chỉ đưa ra vài đồ trang sức cũ kỹ, ôm con nhỏ vui vẻ đến gặp Trang Tông.

Lưu hoàng hậu nói: Những gì mà chư hầu tiến cống đã hết, trong cung chỉ có như thế, hãy bán đi và thưởng cho binh sĩ! Tể tướng Đâu Lô Cách thấy tình trạng như thế, biết đại thế đã mất, không thể cứu vãn, bèn hoảng hốt xin cáo lui. Lại có tin Triệu Tại Lễ làm binh biến. Trang Tông phải xuất binh phạt Ngụy, xuất tiền bạc để mua quân. Quân sĩ đau khổ nói, vợ con đã chết đói, được tài sản này thì có lợi ích gì! Trang Tông không còn cách nào khác, đành phải hứa rằng, 500 vạn lượng bạc từ Tây Xuyên vừa đến sẽ phân phát cho quân sĩ.

Trước tình hình này, Trang Tông dẫn binh đến Biện Châu, cho đến Phạm Thủy, ải Hổ Lao, ngăn cản Lý Tự Nguyên tây tiến. Tuy nhiên, quân sĩ từng giá khi xuất hành chỉ có 25 ngàn, khi đến Vạn Thắng, quân sĩ lạc nhau, chỉ còn lại khoảng 1 vạn người. Tiến quân Ưng Từ cốc, đường núi gập ghềnh, đường đi chật hẹp. Trang Tông thấy quan binh tùy giá tay cầm binh trượng, đều an ủi dỗ ngọt, trên đường cứ nói rằng: Được 50 vạn lượng bạc, đều chia cho các người! Nhưng các quân sĩ không màng đến, những người thấy nên chạy thì đều chạy hết, người ở lại thì trả lời: Bộ hạ thưởng quá muộn rồi, những người được thưởng cũng chẳng cảm ân.

Trang Tông chẳng biết làm gì, nước mắt đau khổ rơi xuống. Trang Tông không có cách, đành phải bảo nội khổ sứ Trương Dung Ca lấy dây bào thưởng cho quân sĩ. Trương Dung Ca trả lời, chẳng có gì cả. Quân sĩ nghe tin, ai nấy phẫn nộ, mắng nhiếc Dung Ca: Hoàng thượng đến nước này, đều do các người cả đấy! Nói xong thì rút dao ra muốn giết. Tùy tùng bên cạnh khuyên giải cứu giúp mới thoát khỏi cái chết. Dung Ca khóc lóc nói: Hoàng thượng tiếc tiền, không thưởng cho binh sĩ, nay quy tội cho ta; một khi có biến, ta sẽ tan thân nát thịt, thế là nhảy sông tự tử.

Quân sĩ Mã quân Vương Ôn muốn vào cung hành thích, bị phát hiện và bị giết. Trang Tông nghi ngờ Mã quân không đáng tin, tức giận mắng chửi tâm phúc quan kép hát, phụ trách Mã quân là chỉ huy sứ Quách Môn Cao. Quách Môn Cao sợ hãi, dẫn Mã quân phát động binh biến, tấn công hoàng cung. Trang Tông vội vàng ứng chiến, vùng ngực bị trúng 2 mũi tên, trọng thương, ngã xuống vũng máu dưới hàng lang điện Giáng Tiêu. Trang Tông vẫn chưa chết, môi khô miệng đắng, muốn gặp Lưu hoàng hậu. Lưu

hoàng hậu chỉ ra lệnh huyệt quan đưa thức ăn và thuốc men đến, bản thân nàng lại không đi thăm, chỉ lo thu dọn tài sản, chuẩn bị chạy trốn. Trang Tông do chảy máu quá nhiều, chết ở bậc thang dưới điện.

Lưu hoàng hậu thu dọn xong tất cả tiền bạc châu báu, đựng đầy bao bố, đặt trên lưng ngựa, dưới sự bảo hộ của Lý Tồn Ác, đệ đệ của Trang Tông, rời khỏi Gia Khánh điện, dẫn theo hàng trăm con ngựa chạy khỏi Sư Tử môn thoát khỏi Lạc Dương, chạy thẳng đến Tấn Dương. Trên đường đi, Lưu hoàng hậu và Lý Tồn Ác thông gian, cho đến Thái Nguyên. Khi đến Thái Nguyên, Lưu hoàng hậu không còn nơi nào để đi, bèn cạo đầu làm ni, thoát khỏi trần tục, cho rằng làm như thế sẽ bảo đảm được tính mạng.

Sau khi Trang Tông chết đi, Lạc Dương đại loạn. Lý Tự Nguyên nhanh chóng vào thành, chinh đồn lại triều cương, tuyên bố kế đế vị, xưng Đường Minh Tông. Con trai Lý Kế Ngập của Trang Tông nghe nói kinh thành phản loạn, dẫn binh về cứu, nhưng quân sĩ chạy trốn hơn nửa, đến Vị Thủy thì giải tán. Lý Kế Ngập chạy đến đường cùng, nên tự sát. Sau khi kế vị, Minh Tông thấy Lưu hoàng hậu là một mối họa, bèn cử người đến Tấn Dương, ép nàng tự sát, Lưu hoàng hậu phải kết thúc sinh mạng của mình.

II. Tâm hồn tan nát

Hoàng đế phong lưu Lý Hậu Chủ là vị hoàng đế cuối cùng của Nam Đường vào thời kì Ngũ Đại Thập Quốc của Trung Quốc định đô Kim Lăng. Lý Hậu Chủ tên gọi Lý Dục, là con trai thứ 6 của Nam Đường trung chủ Lý Cảnh. Tên ban đầu của Lý Dục là Lý Tùng Gia, tự Trùng Quang, hiệu Chung Ân. Sau này đổi tên Lý Dục. Lý Dục là hoàng đế phong lưu, ông lãng mạn đa tình cả đời, để lại rất nhiều câu chuyện cảm động lòng người, và cũng để lại rất nhiều bài từ bất hủ để lại thiên cổ. Lý Dục là từ tác gia số một, là cao thủ tình trường, nhưng lại là nhà chính trị không có thứ hạng, cuối cùng lại rơi vào kết cục mất nhà mất nước, rửa mặt bằng nước mắt, và tự an ủi mình bằng bài từ đau xót cảm động lòng người, bước đến đường cùng.

Trung chủ Lý Cảnh là con trưởng của hoàng đế khai quốc Nam Đường Liệt Tổ Lý Thằng. Sau khi nắm quyền, Lý Thằng lần lượt để Lý Cảnh nhậm các chức quan trọng như Binh bộ thượng thư tham tri chính sự, tư đồng đồng bằng chương sự, thái úy phó nguyên soái. Lý Thằng xây dựng Nam Đường, phong Lý Cảnh thành Ngô vương, Tề vương. Lý Thằng có 5 con trai: Lý Cảnh, Lý Cảnh Thiên, Lý Cảnh Trục, Lý Cảnh Đạt, Lý Cảnh Thích. Lý Cảnh là con trai trưởng, nhưng trời sinh nhân hậu, tính tình nhu nhược, say mê thơ văn, Lý Thằng không hài lòng, thấy đó không phải là anh hùng hoàng đế có thể mở mang lãnh thổ trong thời thế loạn lạc này, Lý Thằng nhiều lần muốn bỏ rơi chàng, lập con trai khác.

Chế độ lập trưởng lập đích từ đời ông cha đã đi sâu vào lòng người, các đại thần đều phản đối. Trong chủ trương lập con trưởng Lý Cảnh làm thái tử, Lý Thằng hết sức mâu thuẫn, nhất thời không thể quyết định. Lý Cảnh cũng tự biết mình không phải là thiên tài trị quốc, mỗi lần sắp được lập làm thái tử, chàng đều thành khẩn từ chối. Khi lâm chung, Lý Thằng triệu Lý Cảnh vào hầu, nói với chàng bá tính chán ghét chiến loạn, đừng khởi binh mù quáng, phải nghỉ ngơi cùng với dân chúng, mong anh giữ lại để nghiệp, hòa hoãn với các nước lân cận, để bảo vệ giang sơn xã tắc. Lý Cảnh bèn kế vị tại Kim Lăng, sử gọi Nguyên Tông, Trung Chủ.

Lý Cảnh cần mẫn chính vụ, ra sức mở rộng biên cương, mở rộng 28 châu thành 35 châu, khí thế mạnh mẽ. Lý Cảnh vẫn là một thi nhân, tham công mạo tiến, kết quả mất đất mất thành, đổi nội lại thân tiểu nhân, thế nước xuống dốc dần. Châu Thệ Tông nhiều lần thân chinh Nam Đường, Lý Cảnh bại phía bắc, dời sứ xưng thần, hiến lên cả vùng giang bắc. Lý Cảnh nhu nhược cầu hòa, mới giữ được nửa giang sơn, nắm quyền đến khi chết tại Hồng Châu vào năm 46 tuổi.

Lý Cảnh có 11 con trai, Lý Dục đứng hàng thứ 6, sinh vào năm Thăng Nguyên thứ nhất (năm 937 Công Nguyên). Lý Dục đứng thứ 6, làm sao thừa kế đế vị? Thì ra, 5 vị ca ca của Lý Dục, ngoài đại ca Lý Hoằng Dục sống đến 19 tuổi, còn 4 ca ca khác đều qua đời khi chưa thành niên, còn trưởng huynh 19 tuổi cũng không may mất mạng. Lý Dục kế thừa hoàng vị sau khi trưởng huynh qua đời.

Trưởng huynh Lý Hoằng Dục văn võ song toàn, là vị hoàng tử tài ba. Sau khi 4 vị ca ca rời khỏi nhân thế, Lý Dục trở thành con thứ 2, trực tiếp uy hiếp đến vị trí thái tử của trưởng huynh. Lý Dục có gương mặt anh tài: trán rộng, má đầy, răng đều, đôi mắt sáng rực, người giỏi xem tướng vừa nhìn đã biết đó chính là tướng của đế vương. Lý Dục có tướng nhân tài đương nhiên gây nên nổi oán hận của trưởng huynh Lý Hoằng Dục, Lý Dục biết rất rõ mối hiểm ác này, nên chủ động tránh họa. Lý Dục chuyển sang chú ý thi từ ca phú, say mê văn học, không hỏi chính vụ, cả ngày tay không rời sách, coi đọc sách là trò giải trí.

Trưởng huynh Lý Hoằng Dục được Lý Cảnh sắc lập làm thái tử. Lý Hoằng Dục sợ các đệ đệ cướp đi ngôi vị thái tử của mình, phải tâm phúc hạ độc thủ giết chết thúc phụ Lý Cảnh Trục, giết một người để răn vạ người. Lý Dục biết rõ rằng, từ đó về sau càng phải nhường nhịn ca ca trong mọi chuyện, và phải quan

tâm, nhân ái với các đệ đệ, phải bỏ nhiều thời gian hơn để làm phú ngâm thơ, chuyên tâm thư họa. May mà Lý Cảnh yêu thích thi văn thơ họa, trong cung có rất nhiều thư tịch và thư họa nổi tiếng, Lý Dục lấy được rất nhiều điều bổ ích từ Tàng thư các này, tạo cơ sở vững chắc về mặt thi từ cho ngày sau của mình.

Sau khi thái tử Lý Hoảng Dục đầu độc chết thúc phụ Lý Cảnh Trục, không được bao lâu, đột nhiên chết trong cung. Vị trí hoàng thái tử bỏ trống, theo thứ tự thì ngôi vị này thuộc về một Lý Dục không muốn làm thái tử. Giang sơn xã tắc rất nặng, Lý Dục được phong làm Ngô vương, tham gia chính sự với vai trò thượng thư, rồi được sắc phong làm thái tử, dời đến đông cung. Lý Dục được sắc lập làm hoàng thái tử vào năm Kiến Long thứ 2 (Năm 961 Công Nguyên). Trung Chủ Lý Cảnh không muốn xưng thần với Tống, dời đô đến Nam Xương, sắc phong Lý Dục làm hoàng thái tử, ở lại Kim Lăng giám quốc. Năm đó, Lý Dục 24 tuổi.

Lý Dục tin dùng 2 văn thần, giữ lại bên cạnh, phò tá triều chính, họ chính là Nghiêm Tục, Ân Sùng Nghĩa. Tháng 6 năm Kiến Long thứ 2, Trung Chủ Lý Cảnh qua đời tại nam đô Nam Xương, ngày 29 tháng 7, Lý Dục kế ngôi hoàng đế tại Kim Lăng, đồng thời đổi tên Lý Tùng Gia thành Lý Dục. Lý Dục kế hoàng vị, mẫu thân Chung thị được tôn làm Thánh Tôn hậu. Tại sao Chung thị không xưng thái hậu? Thì ra ngoài tổ phụ tên Lý Thái Chương, kiêng kị từ “thái”, nên Xưng Thánh tôn hậu. Khi 18 tuổi, Lý Dục lấy Châu Nga làm vợ, khi đó tôn thê tử Châu Nga làm quốc hậu, nàng chính là Đại Chu hoàng hậu trong lịch sử.

Lý Dục làm hoàng đế, lệnh thúc phụ và đệ đệ Lý Tùng Thiện ở lại giữ Nam đô, để tâm phúc phò thần Nghiêm Tục đảm nhận trọng trách, do Hữu phó xạ thiên Tư không bình chương sự. Lý Dục kế tiếp nghe theo lời giáo huấn của tổ phụ, không khởi binh, giao hảo với các nước láng giềng. Lý Dục cử trung thư thị lang Phùng Diên Lỗ đi sứ nước Tống, tiến cống 2 ngàn lượng vàng, 2 vạn lượng bạc, lụa là gấm vóc 3 vạn đoạn, biểu thị lòng tôn kính, như tiên đế đã làm.

Tổng thái tổ có ý định xuống Giang Nam, tiêu diệt Nam Đường từ lâu. Thái tổ phái Khu mật sứ thừa chi Vương Văn đến chúc mừng Lý Dục kế hoàng vị. Sứ nhà Tống đến Nam Đường, Lý Dục thay đổi áo bào tím, tiếp kiến sứ thần triều Tống với lễ thần phó, đợi sau khi sứ thần nước Tống rời khỏi mới đổi sang mặc hoàng bào. Năm Khai Bảo thứ 4 (971 Công Nguyên), Tống diệt Nam Hán, đóng quân Hán Dương, uy hiếp trực tiếp đến Nam Đường. Lý Dục và văn võ đại thần lo sợ ngày đêm, biết giao chiến thì tất bị diệt vong. Lý Dục phái thái uý trung thư lệnh Hàn vương Lý Tùng Thiện đến Biện Kinh triều cống, tự xưng là quốc chủ Giang Nam, sau đó không xưng chiếu thư nữa, cúi đầu xưng thần.

Lý Dục cúi gồi khom lưng, đương nhiên tạo nên sự bất mãn mãnh liệt của triều thần chính triều. Nội sử xá nhân Phan Hựu phần nộ thượng tấu, nói về thời chính. Lý Dục mặc kệ không để ý. Phan Hựu lại dâng tấu lần nữa, lời lẽ thành khẩn trung liệt: Ba quân có thể đoạt soái, thất phu không thể đoạt chí, nếu bệ hạ cho rằng hạ thần có tội, xin giáng chỉ giết hạ thần để tạ trong ngoài! Lý Dục hạ chỉ trị tội Phan Hựu. Phan Hựu và bạn thân Hộ bộ thị lang đều bị đưa vào ngục. Phan Hựu tức giận không cùng, giận dữ tự sát. Lý Bình bị dày vò đến tận cùng, cuối cùng tự tử trong ngục.

Năm Khai Bảo thứ 4 (Năm 971 Công Nguyên), Lý Dục phái đệ đệ Hàn vương Lý Tùng Thiện đi sứ sang nước Tống. Tống giam giữ Lý Tùng Thiện, bắt làm con tin. Chớp mắt đã mấy năm. Lý Dục tự tay viết một bức thư, cầu xin đưa Lý Tùng Thiện trở về, nước Tống không đồng ý. Lý Dục ưu tư phần nộ, chỉ biết mượn rượu và thi từ để giải cơn giận. Đại thần văn võ song toàn Hàn Hy Tái vẫn muốn bắc phạt trung nguyên, nhưng Nam Đường ngày càng xuống dốc, Lý Hậu Chủ không mong cường thịnh, Hàn Hy Tái lại trác táng tình sắc, ngày đêm chỉ du lạc với mỹ nhân. Lý Dục cũng muốn đưa Hàn Hy Tái làm thừa tướng, không bao lâu sau, Hàn Hy Tái qua đời.

Năm Khai Bảo thứ 7 (Công Nguyên 974), Tống thái tổ cử Lương Quýnh xuất sứ Nam Đường. Lương Quýnh ngạo mạn nói với Lý Dục: Mùa đông Tống thiên tử làm đại lễ sài liêu (đốt củi), mời quốc chủ đến phụ tay cúng tế. Đâu phải là lời mời của chủ một nước! Lý Dục bị dọa đến tái cả mặt. Không bao lâu

sau, Tống lại phái Lý Mục làm quốc tín sứ xuất sứ Nam Đường. Lý Mục thể lớn áp người, lời nói càng không khách sáo: Hoàng thượng Đại Tống cúng tế mùa đông, mời cùng nhau duyệt tế lễ. Lý Mục còn nói: Quân đội đại Tống đã qua biên giới. Lý Dục thối thác với lý do đang bệnh, van xin khẩn thiết: Tôi thần sự đại Tống, tất cung tất kính, chỉ mong bảo toàn giang sơn xã tắc, không ngờ lại có ngày hôm nay, tôi chỉ có cái chết! Lý Dục làm sao mà chết đi được!

Tống thái tổ phái Đinh Châu đoàn luyện sứ Tào Hàn thống lĩnh đi Giang Lăng; phái Tuyên vi nam viện sứ Tào Bân, thị vệ Mã quân Đô Ngụ hầu Lý Hán Quỳnh dẫn đại quân nam hạ; Hạ Châu thứ sử Điền Khâm Tác cũng phụng mệnh thống soái các bộ tiến binh. Thái tổ phái Nam Đông Đạo tiết độ sứ Phan Mỹ, thị vệ bộ quân Đô Ngụ hầu Lưu Ngộ, thủy bộ cùng tiến. Lý Dục hỗn loạn, vội vàng phái đệ đệ Giang Quốc công Lý Tùng Ích tiến cống 20 vạn đoạn gấm vóc, bạc trắng 20 vạn cân cho Bắc Tống; rồi phái Khởi cư xá nhân Phan Thận Tu tiến cống lụa là 1 vạn đoạn, tiền 500 vạn. Quân Tống tấn công vào Trì Châu, Vô Hồ, tiến sát Kim Lăng.

Phạm Nhược Thuỷ người Trì Châu thi tiến sĩ không đậu, ôm lòng oán hận Nam Đường. Hàng chục lần đưa ra suy đoán về diện tích vùng Thái Thạch, hiến kế xây cầu nổi Thái Thạch cho quân Tống. Quân Tống tiếp nhận, cầu nổi nhanh chóng được hoàn thành, quân Tống dễ dàng vượt qua sông Trường Giang đầy nguy hiểm. Lý Dục hỏi thị thần Trương Kỵ: Quân Tống muốn làm cầu nổi tại Trường Giang sao? Trương Kỵ lắc đầu nói, từ xưa đến nay, chưa hề nghe nói có thể bắc cầu qua Trường Giang! Quân thần cho rằng quân Tống tiến quân như trò trẻ con. Quân Tống nhanh chóng đến dưới thành, Lý Dục ngăn người ra. Lý Dục hạ chiếu triệu Trần Nam tiết độ sứ Chu Lĩnh Bân thống binh Cần vương. Chu Lĩnh Bân dẫn 15 vạn binh rải đều hàng chục dặm từ hồ Phan Dương đến mép sông Trường Giang, cứu viện kinh sư, nhưng thời cơ tốt đã bỏ lỡ. Quân Nam Đường đại bại.

Kim Lăng bị quân Tống vây chặt, cứ thế đến 1 năm. Lương thực trong thành cạn kiệt, người chết vô số. Trương Kỵ viết sách bằng sáp cầu cứu Khiết Đơn, không có kết quả. Lý Dục đi đến đường cùng bèn phái sứ giả giỏi luận biện là Từ Huyền đi thuyết phục Thái tổ Triệu Khuông Dận. Từ Huyền ăn nói lưu loát, nói Lý Dục không có tội, quân Tống đến dưới chân thành, vô cớ cho quân đi đánh. Từ Huyền hỏi Triệu Khuông Dận: Lý Dục như con làm việc cho cha, không có lỗi làm gì, tại sao lại gặp mặt nhau bằng binh lính? Triệu Khuông Dận bình tĩnh hỏi lại: Đã là phụ tử, hà tất phải chia hai nhà? Sau khi Triệu Khuông Dận nói ra ý định thật sự của mình: Làm sao có thể chịu được việc có người ngáy ngủ ngay giường mình! Tháng 11 năm Khai Bảo thứ 8 (Công Nguyên năm 975), quân Tống đánh thắng vào Kim Lăng. Tướng quân Mã Thừa Tín và hàng trăm chiến sĩ đều chết trận. Lý Dục và hoàng hậu, hậu phi đều bị bắt sống.

Khi Kim Lăng bị vây sắp bị phá, Hậu Chủ Lý Dục vẫn không thay đổi thói phong lưu, cầm bút viết bài “Lâm Giang tiên”, 3 câu cuối cùng vẫn chưa viết xong, thành đã bị công phá, thêm đoạn sau vào sẽ thành một bài văn đau thương vì mất nước.

Dù Lý Dục có đau lòng đến đâu, quay đầu lại nỗi hận dâng trào, nhưng giang sơn đã mất, quyền cai trị đất nước chỉ còn trong giấc mơ. Lý Dục từng thề thốt rằng, sẽ đưa vợ con nhảy vào lửa đốt thành mà tự tử vào ngày thành bị phá, nhưng đến khi xảy ra chuyện thì ông lại không có can đảm tự sát, khi quân Tống vào cung, ông dẫn thị tòng 45 người quỳ gối đầu hàng. Cổ vật, châu báu, bút mực, vàng bạc và vô số mỹ nhân trong cung Nam Đường đều thuộc về quân Tống. Đại tướng Tào Bân thấy Lý Dục đầu hàng, cười nói: Sau khi bệ hạ đầu hàng, bổng lộc triều đình có hạn, mà phí dùng của bệ hạ rất cao, triều đình làm sao gánh vác được? Chi bằng bây giờ lấy thêm nhiều tài vật một chút, đem đến Biện Kinh tự mình hưởng dùng, một khi đại quân đến thu dọn, tất cả đều được ghi lại vào sổ sách, e rằng lúc đó có muốn cũng chẳng lấy được gì.

Lý Dục ngây thơ tưởng là thật, thấy nhẹ cả người, lập tức vào cung chuẩn bị hành trang. Thị tòng ra

sức khuyên ngăn không thể về phía bắc, hỏi Tào Bân: Nếu có sơ xuất, ai chịu trách nhiệm? Tào Bân thấy tức cười, lạnh lùng nói: Ra hàng như thế, sẽ không chết. Cả nhà Lý Dục kHỏang 300 người lên thuyền qua sông, bá quan thân quyến cũng đi theo. Đến giữa dòng, Lý Dục quay đầu nhìn cố đô, nước mắt như mưa. Lý Dục đau lòng mắt nhà mắt nước vẫn không thay đổi thói văn thơ, tức cảnh phú thơ, cứ như là viết đoạn kết cho cuộc sống phú quý vinh hoa của mình. Lời thơ hết sức đau buồn.

Huynh đệ và người nhà của Lý Dục chẳng biết nên khóc hay nên cười, đã đến nước này rồi, hoàng thượng vẫn có nhã hứng như thế? Còn muốn ung dung ngồi nhớ lại từng chi tiết? Vừa đến Biện Kinh, Lý Dục dẫn cả nhà đến Phổ Quang tự lễ Phật. Đến tháng giêng năm sau, cả đoàn phi tần quần thần vong quốc Nam Đường của Lý Dục đến Biện Kinh. Tổng thái tử Triệu Khuông Dận ngồi trên ngai vàng tại điện Minh Đức, triệu kiến hoàng đế đường cùng Lý Dục. Lý Dục mặc trang phục màu trắng, đến dưới điện khấu đầu tiến kiến. Thái tử xá Lý Dục vô tội, phong Lý Dục làm Quang Lộc đại phu, Kiểm Hiệu thái phó, Tả Thiên Ngưu Vệ thượng tướng quân, rồi phong Lý Dục làm Vi Mệnh hầu. Khi đó là năm Khai Bảo thứ 9 (Công Nguyên 976), Lý Dục vừa tròn 40 tuổi.

Từ đó Lý Dục bắt đầu cuộc sống tù nhục của người tù, thường bị châm biếm và nhục mạ. Lý Dục đau khổ, thư gởi cho cung nhân cũ tại Kim Lăng viết: Cuộc sống ở đây, cả ngày rửa mặt bằng nước mắt. Khi Tổng thái tử đãi tiệc, tuy hứng triệu Lý Dục làm thơ, ngâm vịnh trước mọi người.

Thái tử qua đời, Thái Tông kế hoàng vị, loại bỏ phong hiệu Vi Mệnh hầu của Lý Dục, tiến tước Long Tây quận công. Nhưng Thái Tông không hề tốt hơn Thái Tổ, thường triệu Lý Dục và tùy tùng vong chủ của Nam Đường, tùy ý châm chọc, bới móc. Hoàng đế cùng đường sống tạm bợ, chỉ có thể là cuộc sống như thế.

Lý Dục nói với Thái Tông, mình là cái xác vong quốc, ngày tháng không nhiều, không có mưu đồ lấy lại đất nước. Điều đó nghĩa là mình đã thần phục. Một trăm lượng vàng bạc đưa đến Biện Kinh, đã tiến cống hết cho Thái Tổ, làm sao Lý Dục chấp nhận được? Thu không bằng chi, thượng tấu than nghèo, Thái Tông hạ chỉ thưởng tiền 300 vạn. Hai năm sau, vào ngày thất tịch mùng bảy tháng bảy, chính là sinh nhật lần thứ 42 của Lý Dục, Lý Dục ra lệnh cho ca kỹ ngày xưa giúp vui trong phủ đệ được Thái Tổ thưởng cho, tiếng ca múa vang khắp gần xa. Thái Tông phẫn nộ. Cận thần lại báo với Thái Tông, nói Lý Dục ngâm thơ làm từ, có câu thế này: Tiểu lâu tác dạ hựu đông phong (Tòa lầu nhỏ này lại có gió đông vào tối hôm qua). Thái Tông triệu đệ đệ Triệu Đình Mỹ, sai hạ độc chết Lý Dục. Vương Chi “Mạc ký” nói, Thái Tông hạ độc chết Lý Dục bằng thuốc Khiên Cơ. Lý Dục là một nhà nghệ thuật kiệt xuất, phong hoa từ nhân, đã rời khỏi nhân gian như thế đấy.

Hoàng đế phong lưu Lý Dục là người tình cảm, cuộc sống tình cảm rất lãng mạn, phong phú, nhiều màu sắc. Năm Bảo Đại 12 (Công Nguyên 954), Lý Dục 18 tuổi, lấy con gái của tư đồ Châu Kinh là Châu Nga làm vợ với thân phận của thái tử. Châu Nga lớn hơn Lý Dục 1 tuổi, tức 19 tuổi. Hai người hết sức ân ái sau khi kết hôn. Châu Nga thuộc dạng quốc sắc, lưỡi như quả đĩnh hương, miệng như quả anh đào, nhìn là thích ngay, làm Lý Dục say đắm. Châu Nga lại thông kinh sử, giỏi cầm kì ca vũ, nhất là tinh thông tì bà, Lý Dục sùng ái nàng đến mức không thể hơn nữa.

Dưới ngòi bút của Lý Dục, Châu Nga có vẻ đẹp chim sa cá lặn, mỹ miều không ai sánh bằng. “Nhất học châu” đã miêu tả vẻ đẹp của Châu Nga một cách rất sinh động, viết về nét đẹp kiều sa mê người của người thiếu phụ phong lưu, cực kỳ sống động.

Sau khi Lý Dục làm hoàng đế, Châu Nga được phong làm hoàng hậu. Châu Nga thông minh đa tài, trời sinh mỹ miều, giới trang điểm, sáng tạo kiểu tóc, kiểu áo, khiến cho Hậu Chủ Lý Dục điên đảo, hậu cung phi tần mỹ nữ tranh nhau bắt chước, lưu hành trong cung, chấn động kinh sư. Châu Nga tinh thông âm luật, nghiên cứu bổ sung vào danh sách ca khúc nổi tiếng đời Đường, rất được sự khen ngợi và thưởng thức của Lý Dục. Lý Dục càng say mê điệu múa ca khúc của Châu Nga, ông miêu tả trong “Văn Khê Sa”.

Lý Dục trác táng hưởng lạc trong tầm cung, say mê ca múa, như say như tỉnh. Lý Dục sống xa hoa lãng phí, vàng bạc châu báu đầy khắp nhà. Ngự uyển trồng đủ loại hoa cỏ, nhất là hoa mai, cả ngàn cây, mùi hương nhẹ nhàng. Khi hoa nở vào mùa xuân ấm áp, khắp nơi trong cung đều ngửi thấy hương hoa, gọi là Cẩm Động Thiên. Các cung nữ phụng chỉ nhặt hoa bỏ vào túi vải lọc, làm cung trắng thiên hà, chúc vạn thọ. Yến tiệc trong cung bất tận, ca múa thâu đêm, say sưa cả tối. Lý Dục viết về những điều này trong “Ngọc lâu xuân”.

Hoàng hậu Châu Nga vui chơi trác táng, ngày nào cũng cùng Lý Dục vui chơi không đủ. Châu Nga thích ca hát, cũng thích rượu ngon, mỹ tửu giai nhân, Lý Dục đương nhiên chìm đắm trong đó, không thể tự giải thoát cho mình. Mùa xuân trăm hoa đua nở, cây cối đâm chồi nảy lộc. Hoàng hậu Châu Nga bới cao bím tóc của mình, ăn mặc mỏng manh, hết sức gợi cảm. Lý Dục háo sắc như háo rượu miêu tả cảnh này trong “Tứ dạ ca”: “Tìm xuân trước khi xuân đến, ngắm hoa đừng đợi lúc hoa sắp tàn”.

Hoàng hậu Châu Nga sống tại Nhu Nghĩa điện, yêu thích mọi loại hương thơm, thiết kế Chu hương cung nữ. Dụng cụ xông hương rất nhiều, những món nổi tiếng cũng có đến hàng chục loại, chủ yếu là Tam vân phượng, tiểu tam thần, vương thái cô, dung hoa đỉnh, bả tử liên, ..., đều làm bằng vàng, bạc, ngọc. Dù cung thất có hoa lệ đến đâu, dù kiêu tóc, kiêu áo, cách trang điểm có đẹp đến đâu, hoàng hậu Châu Nga cũng không thể chống được sự tấn công của bệnh tật, sự si tình của Lý Dục cũng không thể giúp nàng chống lại. Hoàng hậu Châu Nga bệnh liệt giường. Lý Dục nước mắt không ngừng, sớm tối hầu hạ, nhưng bệnh tình không đỡ. Lúc này, đứa con trai mà Châu Nga yêu quý nhất là Lý Trung Tuyên chết yểu, Châu Nga chịu không nổi sự đả kích này, bệnh tình trầm trọng hơn, không bao lâu thì qua đời, tuổi mới 29.

Châu Nga hoàng hậu được chôn cất tại Ý Lăng. Châu Nga hết sức may mắn, tương thân tương ái với Lý Dục hơn mười năm, mà không bị lạnh lòng sau 10 năm ân ái như Trần hoàng hậu của Hán Vũ đế, cũng không nhìn thấy cảnh giang sơn diệt vong, phu thê rơi vào tay giặc. Châu Nga được gọi là Chiêu Huệ hoàng hậu. Sử gọi nàng là Đại Châu hoàng hậu. Châu Nga qua đời, Lý Dục tự xưng là Quan Phu Dục (người chồng góa vợ). Từ đó gợi niềm nhớ nhung. Lý Dục tự làm bài văn tế, cả ngàn chữ, cảm động lòng người. Châu Nga qua đời, Lý Dục hết sức đau lòng, cung thất, hoa cỏ vẫn như cũ, nhưng bóng hình người xưa nay đã không còn, Lý Dục tưởng nhớ giai nhân, viết bài “Trường tương tư”. Đến khi tiếng nhạc làm tỉnh cơn mơ, nước mắt vẫn còn đọng trên má, ngẩng đầu nhìn trăng treo trên cao, nỗi tương tư càng dâng trào, Lý Dục lại viết “Hi thiên điều”.

Hoa anh đào khắp nơi, mùa xuân vừa đi qua. Trăng sáng trên không, lại là một đêm khổ vì nhớ nhung. Trăng sáng chiếu rọi vào gian phòng trống lạnh lẽo, nỗi tương tư càng tha thiết hơn. Lý Dục mượn khẩu khí của hoàng hậu, nói về nỗi tương tư, miêu tả nỗi si tình ai oán hết sức lâm li bi đát. Đó chính là ngày giỗ đầu của Châu Nga, Lý Dục viết lời điếu ai oán động lòng người “Tạ tân tư”.

Lý Dục là người đa tình. Ông si tình với hoàng hậu Châu Nga như thế, nhưng lại không chung tình. Khi sủng ái Châu Nga, Lý Dục đã câu kết làm bậy với em gái của hoàng hậu Châu Nga. Vị tiểu muội này cũng xinh đẹp mê hồn, hoa nhường nguyệt thẹn, tài nghệ xuất chúng, ngâm thơ hiểu động, khiến mọi người đều yêu thích.

Tiểu muội của Châu Nga vào cung nhiều năm, vẫn chưa có danh hiệu, chỉ là vụng trộm. Khi Châu Nga qua đời, Lý Dục hết sức đau buồn. Năm sau, mẫu thân Thánh Tôn hậu Chung thị qua đời, Lý Dục chịu tang. Nguyên niên Khai Bảo (Công Nguyên 968), Lý Dục sắc phong tiểu muội của Châu Nga làm hoàng hậu, sử gọi Tiểu Châu hoàng hậu. Lý Dục thay đổi tình cảm rất nhanh, yêu thương chăm sóc từng chút một cho Tiểu Châu hoàng hậu. Lý Dục cho xây một ngôi đình nhỏ trong ngự uyển hoa, bên ngoài treo vải hồng, bên trong treo nhiều bức tranh đủ màu sắc sặc sỡ, đưa Tiểu Châu hoàng hậu đến du chơi. Hai người gắn bó keo sơn, trác táng hoan lạc, ngày lại đến đêm.

Lý Dục trở thành tù nhân sau khi Nam Đường diệt vong. Tiểu Châu hoàng hậu cũng bị bắt đến Biện

Kinh, Tổng phong nàng làm Trịnh Quốc phu nhân. Hai người như từ thiên đàng hoan lạc đột ngột rơi xuống vực thẳm, cả ngày không có ánh sáng mặt trời. Hoan lạc ngày xưa đã trôi theo cơn gió, còn lại chỉ là nước mắt cho nhau. Lý Dục rất đau lòng cho Tiểu Châu hoàng hậu, nhưng quân vương vong quốc lo cho mình còn chưa xong làm sao chăm sóc được cho kiều thê của mình?

Tiểu Châu hoàng hậu vẫn xinh đẹp như xưa. Là tù nhân, chịu đủ mọi cực khổ dày vò, nhưng nét quốc sắc của Tiểu Châu hoàng hậu vẫn làm rung động lòng người, vẫn được nhiều người yêu mến. Tổng Thái Tông háo sắc thêm muốn Tiểu Châu hoàng hậu, Tiểu Châu hoàng hậu làm sao tránh được tai ương này? Thái Tông lệnh cho Tiểu Châu hoàng hậu tiến cung, biểu diễn riêng cho ông xem. Lý Dục không có biện pháp gì, mắt trân trân đưa thê tử của mình ra khỏi phủ đệ, bị đưa đến hang cọp. Một ngày sau, Tiểu Châu hoàng hậu trở về, vừa gặp Lý Dục, nước mắt của nàng đã tuôn trào, không nói nửa lời. Chịu đủ mọi sỉ nhục, thê tử yêu quý của mình lại bị làm nhục, thi nhân Lý Dục viết bài “Tứ dạ ca” ai oán: “Ai có thể tránh khỏi nỗi sầu hận trong đời? Tâm hồn tan nát, hai hàng lệ rơi. Ta chỉ mong trở về cố quốc, mọi thứ chỉ còn là một giấc mộng”.

Lý Dục 42 tuổi ra đi như một u hồn vào đêm thất tịch cũng chính là sinh nhật của mình. Một tháng sau, Tiểu Châu hoàng hậu u uất đau buồn cũng đi theo Lý Dục. Đó chính là một vị hoàng hậu đến cuối đường, tình cảm chân thật làm cảm động lòng người, kết cục bi thương làm người phải đắn đo suy nghĩ.

III. Hoa Nhụy phu nhân li hận miên miên

Thời kì ngũ đại thập quốc của Trung Quốc có hai phu nhân đẹp tuyệt trần, mọi người so sánh hai người như nhụy hoa trong đóa hoa đẹp, gọi hai nàng là Hoa nhụy phu nhân: một người họ Từ, một người họ Phí. Từ hoa nhụy trời sinh diễm lệ, đa tình, có tài có sắc, sắc giành phần hơn, là phi tử sủng ái của Tiền Thục chủ Vương Kiến. Phí hoa nhụy chim sa cá lặn, quốc sắc thiên hương, tài sắc vẹn toàn, tài giành phần hơn, là phu nhân của Hậu Thục chủ Mạnh Sưởng.

Từ hoa nhụy cao nhã tú lệ, nhưng trượng phu Vương Kiến của nàng lại là tên vô lại. Khi còn trẻ, Vương Kiến làm xằng làm bậy, trộm gà trộm chó, lừa gạt khắp nơi, buôn lậu muối, hoành hành trong thôn, tiếng xấu đồn xa, người trong thôn gọi là Tặc Vương Bát. Vương Kiến là người Vũ Dương Hứa Châu, cũng có người nói là người Thâm Khuru Hà Nam, xuất thân hàn vi. Vương Kiến tự Quang Đồ, tổ tiên làm nghề bán bánh, xưng là Sư Bánh. Vương Kiến không kế nghiệp tổ tông, mà lang bạc khắp thôn quê, du thủ du thực, gây sự khắp nơi, bị quan phủ bắt giam, tống vào trong lao.

Vương Kiến vượt ngục chạy trốn, chạy đến núi Võ Đang, sau đó đầu quân cho Trung Vũ tiết độ sứ Đỗ Thảm Quyền. Năm Quảng Minh thứ nhất, (năm 880), quân khởi nghĩa tấn công Trường An, Đường Hi Tông chạy đến Thục Trung, Vương Kiến theo quân của Trung Vũ vào quan. Ba năm sau, tướng quân Lộc An Hoảng trú binh Hương Nguyên, uỷ thuộc hạ Vương Kiến làm Châu thứ sử. Lộc An Hoảng không giao thực quyền cho Vương Kiến, Vương Kiến bất mãn, cầu kết với quyền hoạn Điền Lệnh Tư theo Hi Tông vào Thục, đầu binh Thành Đô. Điền Lệnh Tư nhận 5 người, trong đó bao gồm Vương Kiến, Tấn Huy làm con nuôi, bá làm ngũ đô như Chư Vệ tướng quân, Hiệu Tuy Giá.

Hà Đông tiết độ sứ Vương Trọng Vinh và Lý Khắc Dụng tiến vào Trường An. Hi Tông chạy trốn lần nữa, uỷ Vương Kiến làm Thanh Đạo trăm chước sứ, bảo hộ Hi Tông chạy trốn. Vương Kiến hộ giá có công, Hi Tông cảm động đến nỗi cởi ngự bào thưởng cho Vương Kiến, nói: Trên bào có vết nước mắt, để làm kỷ niệm vậy. Rồi uỷ Vương Kiến kiêm nhiệm Bích Châu thứ sử, cấm quân tướng soái kiêm nhậm Châu thứ sử. Điền Lệnh Tư thất thế, khu mật sứ Dương Phúc Quang nắm quyền, Vương Kiến bị bài xích, được cử đi nhậm chức thứ sử Lợi Châu Tây Đạo Sơn Nam.

Vương Kiến chiêu mộ dũng sĩ, mở rộng thế lực, binh sĩ tăng lên hàng ngàn. Vương Kiến xuôi theo sông Gia Lăng, tấn công Lương Châu, đuổi đi nguyên thứ sử Dương Mạo Thực, tự lập làm Phòng ngự sứ, kết giao với Kiếm Nam Đông Xuyên tiết độ sứ Cổ Nhan Lăng. Huynh đệ cùng mẹ của Điền Lệnh Tư là Kiếm Nam Tây Xuyên tiết độ sứ sợ Vương Kiến, Cổ Nhan Lăng kết hợp với nhau đối phó Tây Xuyên, nên có chút bất an. Điền Lệnh Tư cười nói: Không sao, Vương Bát là con nuôi của ta, một bức thư thì có thể gọi hần đến. Vương Kiến nhận thư, bèn đưa 2 ngàn tinh binh đến Thành Đô.

Tây Xuyên tham mưu Lý Nghĩa nói với Trần Kính Tuyên: Vương Kiến là tên gian hùng, không thể ở lâu dưới người, hà tất dẫn sói vào nhà? Trần Kính Tuyên hỏi hận, phái người ngăn cản Vương Kiến vào Thành Đô. Vương Kiến xông thẳng vào, đánh bại Hán Châu thứ sử Trương Hạng, tấn công Hán Châu. Binh của Vương Kiến đứng dưới thành Thành Đô, Trần Kính Tuyên phái người chất vấn. Vương Kiến trả lời: Phụ thân gọi ta, chưa vào cửa đã bị người cự tuyệt, buộc ta trở về, không còn cách nào khác, đành phải chiếm Hán Châu của người, để tấn công lấy Thành Đô.

Tháng 3 năm Văn Đức thứ nhất (năm 888), Đường Hi Tông qua đời, Chiêu Tông kế hoàng vị. Vương Kiến lệnh cho mưu sĩ Châu Dương Đại thảo tấu chương, muốn thay triều đình thảo phạt Trần Kính Tuyên. Chiêu Tông phái tể tướng Vi Chiêu Độ làm Tây Xuyên tiết độ sứ kiêm Lương châu chiêu phủ chế trí sứ, triệu Trần Kính Tuyên vào kinh làm Long Vũ thống quân. Trần Kính Tuyên không phụng mệnh. Chiêu

Tông phái Vi Chiêu Độ làm Chiêu thảo sứ, Vương Kiến làm Hành dinh chư quân đô chỉ huy sứ, thống binh 10 vạn chinh phạt, đồng thời bình quân Kiến Vĩnh, uỷ nhiệm Vương Kiến làm tiết độ sứ.

Thành Đô bị vây 3 năm, đánh mãi không hạ được, thế lực Vương Kiến nhanh chóng hùng mạnh. Chiêu Tông hạ lệnh bãi binh Tây Xuyên, triệu Vi Chiêu Độ hồi kinh. Vương Kiến hối thúc Vi Chiêu Độ hồi kinh sư, Vương Kiến nhậm Hành dinh chiêu thảo sứ, canh giữ ải Kiếm Môn, tấn công mạnh vào Thành Đô, Thành Đô bị phá. Đường uỷ Vương Kiến làm Thành Đô doãn, kiểm hiệu tư đồ. Năm Nguyên Phúc thứ 3 (Công Nguyên 903), Đường phong Vương Kiến làm Thục vương. Hậu Lương Khai Bình nguyên niên (năm 907), Vương Kiến xưng đế tại Thành Đô.

Từ hoa nhụy là người Thành Đô, phụ thân tên Từ Canh. Từ Canh có hai con gái, đều là tuyệt sắc mỹ nhân. Sau khi chiếm hữu đất Thục, Vương Kiến ngưỡng mộ hai mỹ nhân họ Từ, nạp hai chị em vào cung. Hai chị em hoa nhường nguyệt thẹn, nhất là cô chị, làm Vương Kiến thần hồn điên đảo. Hai chị em Từ thị, chị được sủng nhất hậu cung, phong làm Hiền Phi, không bao lâu mang thai sinh con trai Vương Tông Diễn, tiến phong quý phi, nàng chính là Từ hoa nhụy. Vương Tông Diễn được phong Trịnh vương, lập làm hoàng thái tử, kế thừa hoàng vị của Vương Kiến. Em gái của Từ hoa nhụy phong Thục phi, cũng sinh một con trai, thụ phong Vương tước.

Vương Kiến chìm đắm trong nữ sắc, ngày đêm tâm hoan với chị em Từ thị. Từ hoa nhụy và Từ Thục phi thừa cơ câu kết với nội quan, triều quan, chuyên quyền hành sự. Từ hoa nhụy giỏi tâm kế, muốn lập con trai của mình – con trai nhỏ nhất Vương Tông Diễn của Vương Kiến làm hoàng thái tử, khuynh đảo triều dã. Từ hoa nhụy trong thi ý quyền biến Phi Long sứ Đường Văn Y thành họa quan, ngoài thì câu kết với tể tướng Trương Các, thế lực không ai bằng. Sau Vương Tông Diễn lập làm thái tử, Vương Kiến bệnh triền miên. Năm Quang Thiên thứ nhất (năm 918), Vương Kiến bệnh nặng, triệu hành dinh phía bắc thảo sứ kiêm trung thư lệnh Vương Tông Bật trở về Thành Đô, nhậm Mã bộ đô chỉ huy sứ, nắm giữ quân quyền.

Trước khi lâm chung, Vương Kiến triệu đại thần vào điện, dặn dò nói: Thái tử quá yếu đuối, không thể đảm đương đại nghiệp, có thể cho ở biệt cung, không nên giết đi, lập làm Hiền chủ; huynh đệ của Từ phi, có thể hiển tước hậu lộc, không thể cho nắm binh quyền. Từ hoa nhụy biết sự tình không tốt, sợ Vương Tông Bật chuyên quyền, cùng với Đường Văn Y phái binh canh giữ cửa cung, kế hoạch khi Vương Kiến vừa chết, thì ra tay giết chết Vương Tông Bật. Hoàng thành sứ Phan Tại Nghênh tiết lộ kế hoạch bí mật cho Vương Tông Bật, Vương Tông Bật dẫn binh vào cung, diệt tấu Vương Kiến. Vương Kiến giáng Đường Văn Y làm Mị Châu thứ sử, lập tức cắt mọi chức quan, đày đến Nhã Châu. Ngày 1 tháng 6, Vương Kiến qua đời, thái tử Vương Tông Diễn kế đế vị.

Vương Kiến qua đời, Vương Tông Diễn tôn chính thất của Vương Kiến Châu thị làm Chiêu Thánh hoàng thái hậu. Vương Kiến qua đời chỉ vài ngày, Châu thị cũng qua đời. Vương Tông Diễn tôn mẫu thân Từ hoa nhụy làm hoàng thái hậu; em của Từ hoa nhụy là Từ Thục phi được tôn làm thái phi. Từ hoa nhụy sắc tài đều có, có tài có trí, thơ văn cũng viết rất hay. Vương Tông Diễn sinh nhật vào lễ Trung Nguyên, Từ hoa nhụy có câu thơ thế này: Pháp Nguyên tự lý trung nguyên tiết, hựu thị quan gia giáng đản thân (Tiết trung nguyên trong chùa Pháp Nguyên, lại là ngày giáng sinh của quan gia).

Thục hậu chủ Mạnh Sướng tuy là hoàng đế vong quốc, nhưng trong vương triều ngũ đại thập quốc ngắn ngủi, thời gian trị vì của ông dài nhất. Mạnh Sướng tên Mạnh Nhân Tán, là con trai thứ 3 của Hậu Thục Cao Tổ Mạnh Tri Tường, thông minh hiểu chuyện, tri thư đạt lễ, nên rất được phụ hoàng yêu mến, từng nhậm chức Kiểm hiệu thái bảo, Đông Xuyên tiết độ sứ, Đông trung thư môn hạ bình chương sự. Năm Minh Đức thứ nhất (năm 934), mấy ngày trước khi qua đời, Mạnh Tri Tường lập Mạnh Sướng làm hoàng thái tử, di chiếu đại thần Triệu Quý Lương, Lý Nhân Hán, Triệu Diên Ân, Vương Xứ Hồi phò tá.

Mạnh Tri Tường qua đời, khu mật sứ Vương Xứ Hồi phái binh bảo vệ cung thành. Mạnh Tri Tường

đã lập Mạnh Sướng làm hoàng thái tử. Vương Xứ Hồi gặp mặt Triệu Quý Lương ngay cả khi trời đã tối, hai người đau khổ khóc lóc. Triệu Quý Lương nói rằng: Khóc lóc cũng chẳng có lợi gì, nên nhanh chóng lập tân đế, để phòng biến loạn. Hai người lập tức triệu tập quần thần, tuyên đọc di chiếu, lập thái tử Mạnh Nhân Tán làm hoàng đế. Mạnh Nhân Tán đổi tên thành Mạnh Sướng, kế hoàng vị ngay trước linh cữu, tại vị 31 năm, hàng Tổng khi 47 tuổi. Mạnh Sướng kế hoàng vị khi chỉ mới 16 tuổi.

Mạnh Sướng quá trẻ, triều chính đại sự do phò tá đại thần định đoạt. Vương Xứ Hồi là khu mật sứ, nắm triều đình đại chính; Lý Nhân Hán, Triệu Diên Ân là tể tướng tiên triều, nắm giữ binh quyền, 3 người kiêu ngạo ngang ngược. Tể tướng Triệu Quý Lương cẩn thận giữ mình, một lòng phò tá Mạnh Sướng, điều đình từ bên trong, xử lý các mâu thuẫn. Mạnh Sướng kế hoàng vị chưa được mấy ngày, Lý Nhân Hán tự kiêu thượng tấu lên Mạnh Sướng, yêu cầu xuất nhậm Phán lục quân chư vệ sự, còn công khai phá vỡ thân tín đến quân cơ trọng địa khu mật sứ, viện học sĩ giám sát việc khởi thảo chiếu thư uỷ nhiệm.

Mạnh Sướng làm gì trước thế lực thế này? Không còn cách nào khác, chỉ đành ưng chuẩn, cử Lý Nhân Hán làm Võ Tín tiết độ sứ, Phán lục quân sự, uỷ nhiệm Bảo Ninh tiết độ sứ Triệu Diên Ân làm Lục quân phó sứ, kiêm nhiệm Thị trung. Lý Nhân Hán khinh thường hoàng thượng, muốn giành lấy quyền lực, tác oai tác quái, đương nhiên gây nên sự bất mãn của triều thần. Phò thần Triệu Diên Ân cũng căm ghét Lý Nhân Hán. Triệu Diên Ân đề Trâu tửu khổ sứ An Tư Khiêm vu cáo Lý Nhân Hán có tà tâm, mật tấu lên Mạnh Sướng, Mạnh Sướng hạ chỉ đề tể tướng Triệu Quý Lương, Triệu Diên Ân điều tra xử lý. Triệu Quý Lương, Triệu Diên Ân lập kế đưa Lý Nhân Hán đến phủ đệ của Triệu Quý Lương, lập tức chém đầu Lý Nhân Hán.

Quyền thần Lý Nhân Hán bị loại bỏ, quyền vị của Mạnh Sướng được củng cố, Triệu Quý Lương, Triệu Diên Ân, ba người phò chính. Phò chính đại thần vẫn nắm trọng quyền trong tay, xiểm nịnh Mạnh Sướng. Mạnh Sướng lớn dần, đương nhiên yêu cầu quyền trả về mình. Năm Quảng Chính thứ 11 (năm 948), Mạnh Sướng bãi đi quyền biết chính sự của Triệu Diên Ân, Vương Xứ Hồi, đích thân xử lý triều chính. Khi đó tể tướng Triệu Quý Lương đã bệnh chết.

Sau khi xử lý chính sự, Mạnh Sướng khuyến khích nông nghiệp, phát triển kinh tế; uỷ nhiệm văn thần đảm nhiệm trưởng quan địa phương, cải tiến sử trị; đã kích tham quan ô lại, nghiêm túc chỉnh đốn triều cương. Mị Châu thứ sử Thân Quý tham ô lộng hành. Thân Quý đắc ý chỉ vào cửa ngục nói với thị tòng: Đó là kho tiền của nhà ta. Mạnh Sướng biết được hành vi bẩn thỉu của Thân Quý, giáng Thân Quý xuống làm Duy Châu tư hộ. Trên đường đi nhậm chức, Mạnh Sướng lại giáng chỉ thưởng chết cho Thân Quý. Bá tính Mị Châu chạy khắp nơi thông báo tin đó, bày tỏ sự vui mừng khôn xiết.

Mạnh Sướng rất coi trọng việc trị quan, đích thân viết bài “Quan Giám”, phát đến khắp các quận huyện, cảnh báo quan địa phương. Sau khi Mạnh Sướng mất nước, Tống thái tổ Triệu Khuông Dận chỉ thưởng thức vong quốc quân vương Mạnh Sướng, trích ra 4 câu trong bài “Quan Giám” của Mạnh Sướng làm châm ngôn xử lý triều chính, lệnh cho mọi địa phương đều phải khắc lên trên đá, đặt trong phủ án, nghiêm túc tuân thủ. Câu nổi tiếng trong “Quan Giám” là: “Lộc các người đang hưởng, là xương máu của dân. Làm quan là cha mẹ của dân, phải hết sức nhân từ”.

Vương triều trung nguyên chính biến không ngừng, triều đại thay đổi, họa ngoài ưu trong. Hậu Thục không có kẻ thù bên ngoài quấy nhiễu, lại chú trọng đối nội, nên kinh tế nhanh chóng phồn vinh, văn hóa phồn thịnh, được tích lũy và phát triển trong 30 năm, thế lực quốc gia ngày càng tăng, làm thiên hạ phải kính nể. Sử sách ghi, ở nước Thục an nhàn lâu dài, một đấu gạo chỉ 3 tiền, con nhà giàu không phân biệt được ngũ cốc, tiền bạc đầy nhà, tiếng ca tiếng đàn không ngưng. Mạnh Sướng còn hạ chiếu khắc cửu kinh trên đá, đề xướng Nho kinh. Năm Quảng Chính thứ 16 (năm 953), Mạnh Sướng ưng chuẩn tể tướng Vô Chiêu Thuần tự lập học quán khắc ấn “Cửu kinh”. Hành động này có công rất lớn đến sự phát triển văn hóa của hậu thế.

Mạnh Sướng tuổi trẻ đắc ý, kế hoạch ra sức quản lý triều chính, thiên hạ ca ngợi công đức cai trị của ông. Mạnh Sướng coi trọng triều chính lẫn hưởng lạc, không quên hưởng thụ nữ sắc, sau này chìm đắm trong tử sắc, mà quên đi nước giàu binh mạnh, bỏ mặc an nguy quốc gia. Mạnh Sướng rất thích mỹ sắc, chuyên tâm nghiên cứu thuật phòng the hưởng lạc nữ sắc, tầm hoan ngày đêm. Năm nào Mạnh Sướng cũng tuyển nhiều mỹ nữ vào cung. Năm Quảng Chính thứ 6 (Công Nguyên 943), Mạnh Sướng hạ lệnh tuyển con gái khắp thiên hạ, những cô gái tuổi từ 13 đến 20 đều được đưa vào danh sách tuyển chọn. Bá tính thần dân xao động, mọi người lần lượt cho gả con gái có độ tuổi đó, gọi là Kinh hôn.

Đại thần đương nhiên bất mãn với thói trác táng ăn chơi của Mạnh Sướng, lần lượt can gián. Huyện lệnh Tân Tân can gián rất kịch liệt. Nhưng Mạnh Sướng bỏ mặc, vẫn tuyển triệu mỹ nữ, bổ sung vào hậu cung. Mỹ nữ đầy cả hậu cung, mọi người ai cũng cho là họa. Những người được Mạnh Sướng chọn ra trong số các cô gái trong cung được gọi là sủng phi, chia làm 14 cấp bậc như chiêu nghi, chiêu dung. Phò thân bị đoạt quyền, Mạnh Sướng uỷ chính cho tâm phúc thị thần, một lòng say mê nữ sắc. Vương Chiêu Viễn là tâm phúc của Mạnh Sướng, nhận chức Tri khu mật viện sự, cùng Doãn Thâm Chính làm nội gián, kết bè kết đảng. Giang sơn Hậu Thục xuống dốc dần.

Phí hoa nhụy là người Thanh Thành đất Thục, trời sinh diễm lệ, xinh đẹp động lòng người. Phí hoa nhụy từ nhỏ đã nổi tiếng vùng quê nhờ vẻ đẹp mê người, tài lẫn sắc đều vẹn toàn, được tuyển vào thềm cung Hậu Thục. Mạnh Sướng thấy Phí thị có tư sắc diễm lệ, tài nghệ xuất chúng, rất được sủng hạnh, gọi nàng là Hoa nhụy phu nhân. Mạnh Sướng ngày đêm chìm đắm trong mỹ sắc của Hoa nhụy phu nhân, ăn chơi trác táng, không thể tự thoát.

Phí hoa nhụy bác học đa tài, giỏi viết cung từ nhất. Cung từ thịnh hành trong cung Hậu Thục. Mạnh Sướng thần hồn điên đảo trong tiếng hát ngọt ngào, hương thơm khắp người của Phí hoa nhụy. Hậu Thục rơi vào sự phồn vinh và xa xỉ. Mạnh Sướng sống phóng đảng, ngay cả ẩm trà cũng dùng thất bảo trang trí. Hậu Thục xa hoa đòi hỏi trọng văn khinh võ, tuy kinh tế giàu có, nhưng không có sức tự vệ, gặp ngoại địch xâm phạm, Hậu Thục sẽ sụp đổ tan tành.

Tổng thái tổ thấy thời cơ đã chín muồi, bèn tích cực bắt tay chinh phạt Thục. Tháng 3 năm Quảng Chính thứ 26 (năm 963), bình định Kinh Nam. Tháng 10 năm sau, Sơn Nam tiết độ phán quan Trương Đình Vĩ khuyên Vương Chiêu Viễn và Bắc Hán bắt tay liên minh, cùng nhau chống phá bắc Tống hùng mạnh, để củng cố địa vị. Vương Chiêu Viễn tiến tấu Mạnh Sướng, Mạnh Sướng phái Triệu Nhan Đạo làm đặc sứ, đem theo lap thư có sứ mệnh bí mật đến Bắc Hán, thương nghị cùng nhau đối phó với Tống.

Ai ngờ Mạnh Sướng dùng sai người. Mật sứ Triệu Nhan Đạo không đi Bắc Hán, lại chạy thẳng đến Biện Kinh, dâng lap thư trình cho Tống thái tổ. Tống thái tổ Triệu Khuông Dận nhìn thấy lap thư, vui mừng nói: Hay lắm, phải thảo phạt Tây Thục. Tống thái tổ triệu tập đại quân, hạ chiếu xuất binh đánh Thục.

Trung Vũ tiết độ sứ Vương Toàn Bản và Thôi Nhan Tiến thống lĩnh đại quân thủy, bộ đến Phụng Châu, Lưu Quang Nhân, Tào Bản ra Qui Châu, cùng nhau công kích Hậu Thục. Thái tổ biết, đại binh đến biên cương, Hậu Thục sụp đổ tan tành. Thái tổ ra lệnh thị tòng, hạ chiếu Bát Tác Tư đi đến vùng đất phía nam Hữu Dịch Môn, xây một dãy phòng tại vùng đất gần Biện Thủy, để giam giữ Mạnh Sướng và hậu phi của ông. Phòng ồ ạt nhanh chóng xây xong, hơn 500 gian, giành cho Mạnh Sướng và thân quyến của ông.

Tống đưa binh chinh phạt, Mạnh Sướng biết đại sự không tốt, lập tức phái Vương Chiêu Viễn làm đô thống, dẫn binh chống lại quân Tống. Vương Chiêu Viễn là người Thành Đô, 13 tuổi đã làm Đông Quách thiền sư, sau được Hậu tiên chủ Mạnh Tri Tường yêu thích, lệnh chàng hầu hạ hoàng tử Mạnh Sướng. Mạnh Sướng và Vương Chiêu Viễn lớn lên cùng nhau, hai người thân thiết vô cùng, tình cảm sâu đậm. Mạnh Sướng kế vị hoàng đế, cho Vương Chiêu Viễn làm tâm phúc, rồi thăng làm Quyền Liêm sứ, Thông Tấu sứ, Tri khu mật sứ sự, quản lý quân chính.

Trời sinh Vương Chiêu Viễn nông nổi, nóng nảy, thường khoe khoang. Mạnh Sướng kể hoàng vị, giao hết chính vụ cho Vương Chiêu Viễn, mầu thân của Mạnh Sướng thật sự không thể chịu được, bèn thức tỉnh Mạnh Sướng, nói Vương Chiêu Viễn làm người nông nổi, không thể giao đại sự, quân chính không thể giao cho, Mạnh Sướng làm việc theo tình cảm, không nghe lời của thái hậu, vẫn trọng dụng Vương Chiêu Viễn. Vào thời Thăng Bình, tất cả làm việc theo bộ, sự khoe khoang của Vương Chiêu Viễn làm hỏng đại sự. Nhưng khi binh đến dưới thành, giao phó toàn bộ sự an nguy của giang sơn xã tắc cho Vương Chiêu Viễn, vận mệnh của Hậu Thục coi như đã định.

Quân Tống như vào chỗ không người, thế như chẻ tre. Vương Chiêu Viễn tỉnh thông binh thư, giới mưu lược, tự so sánh mình với Gia Cát Lượng. Trước khi xuất chinh, Mạnh Sướng phái Lý Hạo mở tiệc tiễn đưa Vương Chiêu Viễn. Vương Chiêu Viễn tay cầm ngọc như ý, nói với Lý Hạo một cách tự phụ: Lần này ta xuất chinh, đâu chỉ dừng ở việc tiêu diệt kẻ địch, ta sẽ thống lĩnh 3 vạn binh mã, lấy lại Trung Nguyên, quả thật dễ như trở bàn tay!

Vương Chiêu Viễn dẫn quân chống địch, chỉ có một hiệp, quân Hậu Thục đã tan tác. Vương Chiêu Viễn, Triệu Nhan Đạo thu phục tàn quân. Quân Tống tấn công vào ải Kiếm Môn, thẳng đến Hán Nguyên. Vương Chiêu Viễn trốn vào kho, bị quân Tống bắt sống. Triệu Nhan Đạo cũng bị bắt sống. ải Kiếm Môn thất thủ, cửa Hậu Thục mở rộng. Mạnh Sướng biết tình hình nguy cấp, hối hận việc uỷ nhiệm trọng trách cho Vương Chiêu Viễn thì đã quá muộn.

Mạnh Sướng hạ chỉ, mở rộng kho phủ, đem vàng bạc gấm vóc, chiêu mộ tướng sĩ, lệnh cho thái tử Mạnh Nguyên Triết thống binh lên phía bắc. Thái tử tính tình nhu nhược, không biết bày binh bố trận, xuất binh chống Tống như trò chơi trẻ con – Chàng đem theo rất nhiều nhạc cụ, ca kĩ và một đám mỹ nhân cung tần đi theo tùy giá, và còn đưa theo mấy chục đào kép làm hộ giá tùy tùng.

Thái tử thống binh đến Cẩm Châu, thám báo nói Vương Chiêu Viễn bị bắt sống, thái tử sợ đến hồn tiêu phách tán. Thái tử sợ hãi bỏ trốn, chưa giao chiến đã chạy về Đông Xuyên, tùy tùng cướp bóc trên đường, bá tính oán thán lầm than. Thái tử được biết hành vi này của Hậu Thục thái tử, cảm thán nói: Mạnh Sướng không có trợ thủ đắc lực, thời gian diệt vong Hậu Thục không còn xa nữa.

Tháng giêng năm Quảng Chính thứ 28 (năm 965), quân Tống đưa quân nam hạ, đến gần Hán Châu. Mạnh Sướng ở đường cùng, hỏi tùy tùng thân cận có kế hoạch gì không. Lão tướng Thạch Quận nói: Binh Tống đi từ đường xa đến, không ở được quá lâu, chỉ có dùng binh kiên trì thủ thành, thì sẽ không còn lo sợ nữa. Mạnh Sướng khóc lóc nói, phụ thân chàng hậu đãi thiên hạ tướng sĩ, áo ấm mỹ thực nuôi quân 40 năm, nay kháng địch, nhưng lại không giết được một kẻ địch nào, nay binh bại, ai đến thủ thành!

Mạnh Sướng đau lòng rơi lệ, cuối cùng vẫn không còn đường thoát, quyết tâm đầu hàng. Mạnh Sướng lệnh cho Lý Hạo thảo thư đầu hàng, chính thức đầu hàng quân Tống, Hậu Thục diệt vong. Từ khi Tống phát binh đến khi Mạnh Sướng đầu hàng, trước sau chỉ cần 2 tháng. Quân Hậu Thục không có ý chí, tướng sĩ hèn nhát, bại vong đương nhiên là chuyện tất yếu.

Điều hết sức buồn cười là, Tiền Thục bị Hậu Đường tiêu diệt; Triệu Tống diệt vong Hậu Thục; khi vong quốc, chúa Tiền Thục Vương Diễn lệnh cho Lý Hạo viết thư hàng; khi chúa Hậu Thục Mạnh Sướng diệt vong, cũng lệnh cho Lý Hạo thảo thư hàng! Cho nên, người Thục thấy hoang đường và kỳ lạ, người nhiều chuyện viết vài chữ trước cửa Lý Hạo vào nửa đêm, sáng sớm Lý Hạo mở cửa ra xem, giật nảy cả mình, rồi lập tức bật cười. Chữ trên cửa là: Thế tu giáng biểu Lý gia. (Nhà họ Lý chuyên sửa thư hàng).

Mạnh Sướng và hậu cung mỹ nữ của ông trở thành tù nhân trong một đêm. Mạnh Sướng và thái hậu, tần phi, mỹ nhân và văn võ bá quan bị giải về Biện Kinh, vào ở trong phủ đệ do Lợi Nhân Phòng xây. Thái Tổ phong Mạnh Sướng làm Khai phủ nghĩa đồng tam tư, Kiểm hiệu thái sư kiêm Trung thư lệnh, thường trực Tàn quốc công, bổng lộc như tiết độ sứ một trấn lớn. Đến Khai Phong được 7 ngày, Mạnh Sướng bệnh chết trong phủ đệ, khi 47 tuổi. Thái Tổ hạ chiếu thư, sắc tặng Mạnh Sướng thượng thư lệnh, truy

phong Sở vương, nhập táng Lạc Dương.

Phí hoa nhụy cũng bị áp giải về Biện Kinh. Phí hoa nhụy lưu luyến không nỡ rời, bị ép rời khỏi đất Thục phồn hoa sinh ra và nuôi dưỡng mình. Nơi này cũng có niềm vui tuổi trẻ của nàng, có hạnh phúc bất tận của nàng, đó là miền đất vui vẻ của đời nàng. nhưng, đã là tù nhân, nay đành phải nghe lệnh. Những gì sẽ chờ đợi mình phía trước đây? Chúa mới sẽ thế nào? Phí hoa nhụy theo quân sĩ áp giải, đến dịch trạm Giả Minh, Phí hoa nhụy u buồn viết bài thơ “Thái tang tử” trên tường của dịch trạm. Nghe nói, Hoa nhụy phu nhân chỉ viết được nửa bài, đã bị quân sĩ hối thúc, vội vàng ra đi. Nửa phần sau là do hậu nhân thêm vào. Học giả đời Minh Dương Thận viết trong “Tư phẩm” rằng, nửa phần sau của hậu nhân viết quá tệ, chẳng qua chỉ là đuôi chó nối tiếp đuôi hổ ly mà thôi!

Tổng Thái Tổ nghe tiếng thơm của Phí hoa nhụy từ lâu, thêm muốn tài khí và mỹ mạo của nàng. Phí hoa nhụy được giải đến Biện Kinh, Thái Tổ lập tức triệu kiến, quả thật là tuyệt sắc mỹ nhân. Cô gái đẹp đến thế có thể viết hàng trăm bài cung từ và vô số thơ văn, Thái Tổ có chút không tin, bèn lệnh cho Phí hoa nhụy viết một bài thơ. Phí hoa nhụy tài sắc vẹn toàn vẫn u buồn im lặng, nhưng xuất khẩu thành thơ:

Quân vương thành thượng thụ giáng kì, thiếp tại thâm cung nãi đắc tri?

Từ thập vạn nhân tề giải áp, tịnh vô nhất nhân thị nam nhi!

(Vua đứng trên thành dựng cờ, thiếp trong thâm cung đâu biết? Bốn chục vạn quân cùng giải giáp, không có lấy một đảng mày râu!)

Tổng Thái Tổ vui mừng, Thái Tổ háo sắc đương nhiên chiếm hữu cô gái tuyệt sắc kỳ tài này. Dần dần, thái tổ say đắm tài tình mỹ sắc của Phí hoa nhụy, không thể tự thoát, bỏ bê chính vụ. Tấn vương Triệu Quang Nghĩa đau buồn trong lòng. Thái Tổ mặc kệ, vẫn trác táng ăn chơi với Phí hoa nhụy. Tấn vương nhiều lần can gián nhưng vô dụng quyết định loại bỏ Phí hoa nhụy. Một hôm, Tấn vương theo Thái Tổ đi săn bắn tại hậu uyển, Phí hoa nhụy thị giá tùy hành. Tấn vương giả vờ nhắm cung vào thú nhưng đột nhiên bắn ngược lại, Phí hoa nhụy kêu lên thảm thiết một tiếng, chết ngay tại đó. Phí hoa nhụy là tài nữ một thời, từng mô phỏng văn phong của Vương Kiến, viết hơn 90 bài cung từ, hiện đang còn giữ hơn 30 bài.

Mẫu thân của Mạnh Sướng hết sức kiên cường. Sau khi Mạnh Sướng qua đời, mẫu thân là Lý thị cũng qua đời. Lý thị làm người nhân hậu, thông hiểu đại nghĩa. Lý thị đến Biện Kinh, Tổng Thái Tổ hết sức coi trọng bà, hạ chiếu xưng bà làm quốc mẫu, thường triệu kiến an ủi, nói với bà: Xin quốc mẫu tự bảo trọng, đừng quá đau lòng, tưởng niệm đất Thục, đợi thiên hạ bình định, ta sẽ đưa quốc mẫu về cố hương.

Lý thị bình tĩnh nói, nhà tại Thái Nguyên, nếu có thể chết già tại cố hương, thì chết cũng không đáng tiếc. Thái Tổ đồng ý bình định xong Lưu Quân bèn phái người đưa bà về quê hương Thái Nguyên. 7 ngày sau, Mạnh Sướng qua đời. Lý thị không khóc, lấy rượu tể người chết, bình tĩnh nói: Người không thể chết tại giang sơn xã tắc, tham cuộc sống qua loa tạm bợ, tự chuốc nhục vào thân; ta vẫn không thể chết đi, chỉ vì có người; nay người đã ra đi, ta sống làm gì? Lý thị tuyệt thực, mấy ngày sau thì qua đời.

Chương 17

Bi ca năm tháng phần hoa

I. Lý Thần phi âm thầm đi hết đời người

Trong hậu cung đời Tống có một phụ nữ, hầu hạ hoàng thượng hàng đêm, hoàng thượng thấy nàng xinh đẹp động lòng người, bèn chiếm hữu nàng. Nàng mang thai, sinh một hoàng tử. Sau khi ra đời, hoàng tử luôn được người khác nuôi dưỡng sau này kế đại vị, làm hoàng đế. Vị hoàng đế này cũng vẫn không biết người phụ nữ này là mẫu thân của mình. Người phụ nữ này cứ sống âm thầm lặng lẽ trong cung. Nàng sinh ra hoàng tử mà không thể nuôi dưỡng, hoàng tử thừa kế đại vị cũng không thể nhận nàng, nàng cứ âm thầm lặng lẽ mà sống như thế, cho đến khi qua đời.

Nàng cam tâm thế sao? Tuyệt đối không phải, mà vì không còn cách nào khác. Ngoài việc âm thầm lặng lẽ, nàng có thể làm gì? Dưới bề ngoài lặng lẽ của nàng, nhất định ẩn chứa một nỗi đau rất lớn, sự u buồn, đau khổ của nàng vô bờ vô bến, như dòng sông chảy mãi không ngừng. Cả dòng sông mùa xuân cũng là nước mắt, cũng chảy bất tận, đầy những u sầu.

Người phụ nữ ấy chính là Lý Thần phi, con trai của nàng chính là Tống Nhân Tông. Lý Thần phi là người Hàng Châu. Tổ phụ Lý Diên Tự, từng làm chủ bác huyện Kim Hoa. Phụ thân Lý Nhân Đức, làm quan đến chức Tả ban điện trực. Ban đầu, Lý thị là thị nữ bên cạnh Lưu hoàng hậu của Chân Tông, xinh đẹp dịu dàng, văn vẻ nho nhã, trầm ngâm ít nói, Lưu hoàng hậu rất thích nàng. Lưu hoàng hậu không có con nối dõi, phái Lý thị đến bên cạnh Chân Tông, hầu hạ giấc ngủ cho Chân Tông. Chân Tông rất thích cô gái xinh đẹp tuyệt trần lại ít nói này. Thế là, Chân Tông lâm hạnh nàng.

Một khoảng thời gian sau, Lý thị mang thai. Chân Tông rất vui mừng, càng sủng ái Lý thị hơn, không rời xa nàng. Một hôm, gió nhẹ ngày đẹp, Chân Tông để Lý thị thị giá du hạnh. Khi lên Thế đài, Lý thị làm nũng, bất ngờ cây trâm trên đầu rơi xuống Thế đài. Lý thị rất buồn bực. Chân Tông cười nhẹ, ra lệnh thị tùng nhặt lên. Chân Tông tự bói một quẻ: Nếu ngọc trâm còn nguyên vẹn, Lý thị ắt sinh con trai. Thị tùng nhặt cây trâm ngọc lên, quả nhiên nguyên vẹn không bị trầy xước. Chân Tông vui mừng như được con trai. Lý thị và các thị tùng không biết xảy ra chuyện gì.

Không bao lâu sau, Lý thị sinh con, quả đúng là con trai. Trong cung vui mừng sung sướng. Lúc này, Chân Tông mới nói cho mọi người biết về câu chuyện cây ngọc trâm. Lý thị và thị tùng mới hiểu rõ nguồn gốc của niềm vui, thì ra là ý trời. Con trai sinh ra vào ngày 14 tháng 4 năm Tường Phù thứ 3 (năm 1010), đặt tên Triệu Ích. Triệu Ích là con trai thứ 6 của Chân Tông: con trưởng Triệu Đề, con thứ Triệu Hựu, con thứ 3 Triệu Chi, con thứ 4 Triệu Chỉ, con thứ 5 Triệu Kỳ.

Con trưởng Triệu Đề, con thứ 3 Triệu Chi, con thứ 5 Triệu Kỳ chào đời không bao lâu đã chết. Chân Tông truy phong thưởng danh cho họ: Triệu Đề phong Ôn vương, Triệu Chi phong Xương vương, Triệu Kỳ phong Khâm vương. Con thứ Triệu Hựu do Quách hoàng hậu của Chân Tông sinh ra, phong Tín quốc công, nhưng bất hạnh qua đời khi 9 tuổi, truy phong làm Châu vương, thưởng ích điệu Hiến thái tử. Quách hoàng hậu qua đời, Lưu thị làm hoàng hậu, nhiều năm không có con nối dõi. Triệu Ích của Lý thị ra đời, Lưu hoàng hậu bèn lấy Triệu Ích làm con trai của mình, nuôi dưỡng kỹ càng, sau đó đổi tên Triệu Trinh. Lý thị được phong làm Sùng Dương huyện quân. Sau đó, Chân Tông thương yêu vô cùng, thường lâm hạnh Lý thị, sau này Lý thị lại mang thai, sinh ra con gái. Lý thị được phong làm tài nhân, sau lên làm Uyển nghi.

Triệu Trinh vẫn không biết mẹ ruột của mình là ai, luôn cho rằng Lưu hoàng hậu là mẹ ruột của mình. Còn thái giám, thị nữ trong cung khiếp sợ sự lạm quyền của Lưu hoàng hậu, không ai dám tiết lộ chút manh mối. Triệu Trinh trời sinh hiền hậu, khoan dung kính lễ. Lúc 4 tuổi, Triệu Trinh được ủy làm Tả Vệ thượng tướng quân, phong Khánh quốc công. Năm sau, làm Trung Chính quân tiết độ sứ kiêm thị trung,

phong Thọ Xuân quận vương. Hai năm sau nhậm Trung thư lệnh. Năm kế tiếp, được lập làm hoàng thái tử khi 8 tuổi, đổi tên Triệu Trinh.

Tháng 2 năm Càn Hưng thứ nhất (năm 1022), Chân Tông qua đời. Triệu Trinh 12 tuổi, thừa kế hoàng vị, làm Tổng Nhân Tông. Lưu thái hậu được tôn làm thái hậu, buông rèm nhiếp chính. Mẫu thân Lý thị của Nhân Tông được phong làm thuận dung, đi đến lăng Vĩnh Định của Chân Tông (tây nam huyện Củng, Hà Nam ngày nay). Lưu thái hậu thấy Lý thị chịu oan ức, lại nhớ Lý thị biết giữ im lặng, bèn phái Lưu Mỹ, Trương Hoài Đức tìm kiếm thân thích của Lý thị, tìm được đệ đệ Lý Dung Hòa của Lý thị, bổ Tam Ban bổng chức. Trên thực tế đó là do Lưu thái hậu có ý sắp đặt, vừa giữ chặt được nàng, vừa bắt nàng làm con tin.

Năm thứ 10 sau khi Nhân Tông kế vị, tức năm Minh Đạo thứ nhất (năm 1032), Lý thị bệnh nặng, tiến vị phong Thần phi. Không được mấy ngày, Lý Thần phi qua đời, tuổi 46. Lý thị vừa chết, Lưu thái hậu như trút bỏ được tâm bệnh. Lưu thái hậu không muốn làm lớn chuyện này, muốn chôn nàng tại bãi cỏ ngoài cung theo tang lễ của cung nhân bình thường cho xong chuyện. Thừa tướng Lữ Di Giản không đồng ý, muốn hậu táng nàng. Lưu thái hậu nhanh chóng kéo Nhân Tông hỏi cung, lẩn tránh vấn đề này. Sau đó, Lưu thái hậu một mình triệu Lữ thừa tướng, hỏi làm gì mà ông lại có hứng với cái chết của một cung nhân.

Lữ Di Giản trả lời, nói ông làm thừa tướng, sự việc dù to hay nhỏ, dù đối nội hay đối ngoại, đều phải tham khảo ý kiến. Lưu thái hậu rất tức giận, chỉ trích ông, nói: Chẳng lẽ người muốn li gián mẹ con ta? Lữ Di Giản trấn tĩnh ung dung, bình tĩnh trả lời, nếu thái hậu không nghĩ đến Lý thị, không nghĩ đến hậu quả, vậy thì thần sẽ không nói gì cả; nếu thái hậu còn nghĩ đến hậu nhân, thì nhất định phải hậu táng cho Lý thị. Lưu thái hậu hiểu được chút ít, nhưng vẫn không tin Nhân Tông hiền hậu khoan dung sẽ thể nào một khi biết được chân tướng sự việc sau khi bà chết, hơn nữa, Lưu thái hậu cũng chẳng coi thị nữ Lý thị của mình ra gì.

Lữ Di Giản cầu xin an táng Lý thị theo quy chế quan nhất phẩm, quản tại Hồng Phúc viện. Đó là quy cách chỉ đứng sau hoàng hậu. Đồng thời yêu cầu khâm liệm Lý thị bằng y phục của hoàng hậu. Ban đầu Lưu thái hậu vẫn không đồng ý, cho đến khi Lữ Di Giản kiên trì giữ ý của mình, phân rõ lợi hại, khi đó mới hạ táng Lý thị theo hậu lễ nhưng có giảm thứ này bớt thứ kia.

Một năm sau, tức năm Minh Đạo thứ 2, Lưu thái hậu qua đời, thọ 65 tuổi. Nhân Tông 23 tuổi đích thân chấp chính. Khi đó, Yến vương tâu với Nhân Tông, rằng Lý thị mới là mẫu thân của người, đồng thời nói rõ Lý thị đã chịu bao nhiêu uất ức, một năm trước bị người hãm hại, ngay cả khi hạ táng cũng chỉ sơ sài cho xong chuyện, thật sự làm người đau lòng. Nhân Tông nổi giận lôi đình, lập tức gào thét khóc lóc, đau thương vô cùng, người trở nên gầy gò ốm yếu, mấy ngày không thượng triều nghị sự.

Sau khi bình tâm lại, Nhân Tông tôn Lý Thần phi làm hoàng thái hậu, thường ích Trang Ý. Nhân Tông đích thân đến Hồng Phúc viện cúng tế sinh mẫu, đồng thời ra lệnh đổi lại quan tài, để em trai của Lý Thần phi mở quan kiểm tra. Quan tài vừa được mở ra, Nhân Tông và mọi người đều kinh ngạc. Quan tài là loại cao cấp, quan tài chứa đầy thủy ngân, Lý thị nằm yên bình trong đó, mặc hoa phục, nhan sắc như vẫn còn sống. Đó chẳng phải là lễ táng cao nhất đó sao? Y phục trên người đều là hoàng thái hậu mới có tư cách mặc. Nhân Tông đột nhiên thở dài, nói thật sự không thể tin được! Nhân Tông ngày càng cho rằng Lưu thái hậu nuôi nấng chàng là người nhân từ hiền hậu, do đó, càng cảm ơn Lưu thị.

Nhân Tông trân trọng hạ táng mẫu thân Lý thị, chôn chung bà tại lăng Vĩnh Định của Chân Tông, miếu xưng Phụng Từ. Lại xây điện Thần Ngự tại cung Cảnh Linh, gọi là Quảng Hiếu tự. Nhận đệ đệ Lý Dung Hòa của Lý Thần phi làm Chương Tín quân tiết độ sứ, Kiểm hiệu thị trung. Sau này, Nhân Tông truy niệm sinh mẫu đã mất, lại không biết làm thế nào đối đãi cho gia tộc họ Lý, bèn gả trưởng nữ Phúc Khang công chúa cho con trai Lý Vĩ của Lý Dung Hòa. Lý Vĩ tướng mạo bình thường, công chúa rất không hài lòng. Hai người vì cãi nhau, nên công chúa chạy về hoàng cung vào lúc nửa đêm, đến trước mặt Nhân

Tông kẻ khổ. Lý Vĩ hoảng sợ vô cùng. Gián quan Vương Đào chủ trương bảo vệ nghiêm ngặt do cửa cung mở vào ban đêm. Ngự sử lại bàn tán nội thần phủ đệ công chúa bất cần. Thế là, Nhân Tông trị tội đô giám Lương Hoài và hơn mười người khác. Từ đó về sau, công chúa ở lại trong cung.

II. Hiệp kỹ tuần tình

Việc qua lại giữa hoàng đế và kỹ nữ không phải là hiếm trong lịch sử Trung Quốc. Từ Tần Hán đến đời Minh Thanh, dường như đời nào cũng có.

Kỹ nữ của Trung Quốc cổ đại bắt nguồn từ cô gái hành nghề, gọi là xướng ưu. Xướng ưu là một loại danh xưng thông tục, chỉ nghề nhân, nghề nhân đương nhiên bao gồm phụ nữ, cũng bao gồm cả nam giới.

Vệ Tử Phu của Hán Vũ đế, Triệu Phi Yến của Hán Thành đế, đều xuất thân từ xướng ưu, do họ có sắc đẹp và tay nghề tuyệt diệu, được hoàng đế sủng ái, do đó không chỉ tiến vào hậu cung, còn đường hoàng ngồi lên ngôi vị hoàng hậu. Chính thất của Ngụy Vũ đế Tào Tháo, cũng xuất thân từ xướng ưu, nàng lần lượt sinh ra Tào Phi, Tào Chương, Tào Thực, Tào Hùng. Tào Phi làm hoàng đế, nàng được làm hoàng thái hậu, sống lâu trăm tuổi. Mẫu thân của thái tử Lý Anh thời Đường Huyền Tông cũng xuất thân từ xướng ưu.

Xướng ưu diễn biến thành 2 loại trong sự phát triển của lịch sử: một loại là nghề nhân chuyên môn bán nghệ (hành nghề). Loại người này thường có tuyệt kỹ, hành nghề mưu sinh, di chuyển và diễn xuất khắp nơi. Một loại khác chính là kỹ nữ, họ có nơi ở cố định, người đời gọi là thanh lâu, suốt ngày bán thân mưu sinh. Loại kỹ nữ gởi thân tại lầu xanh, có người cũng có học qua chút cầm kì thi họa, tự nâng cao giáo dục bản thân, tô điểm thêm cho mình, để hấp dẫn đàn ông hơn. Trong đó, cũng có những kỹ nữ có khí chất thoát tục, cao quý nho nhã, xuất chúng và lại có sắc nghệ song tuyệt. Họ là người vượt trội trong số các kỹ nữ, phẩm chất cá nhân rất cao, không dễ dàng bán thân.

Hoàng đế có hứng với kỹ nữ, và muốn kết giao với họ, hoàng đế như thế đương nhiên không phải là hoàng đế biết tuân thủ mọi quy củ, tuân thủ lễ pháp. Thời kì Lương Tống, câu chuyện tình giữa Vi Tông Bắc Tống Triệu Kiết và kỹ nữ nổi tiếng Lý Sư Sư, Triệu Nguyên Nô, câu chuyện của Lý Tông Nam Tống say mê kỹ nữ nổi tiếng Đường An An vào cuối đời, đều là những câu chuyện tình nổi tiếng trong lịch sử. Nói chung, hoàng đế thích kỹ nữ, say mê danh kỹ, là nhu cầu của sắc tình và nhục dục, vì hoang dâm và trác táng. Nhưng tình yêu giữa Tống Vi Tông Triệu Kiết và danh kỹ Lý Sư Sư lại là một ngoại lệ, hoàn toàn từ nội tâm đến nội tâm, xuất phát từ tri kỉ và tình yêu chân thật. Tình yêu của họ, rất trong sáng, cũng muôn màu muôn vẻ, sự thuần khiết và cao thượng của nó làm cảm động lòng người, không nở trách cứ. Một người Tống vô danh có viết bộ “Lý Sư Sư ngoại truyện”, bàn luận và ghi lại câu chuyện tình yêu ân ái của họ, không hề hư cấu, hoàn toàn là sự thật.

Lý Sư Sư là người Biện Kinh. Phụ thân là một thợ nhuộm bình thường, mẫu thân bất hạnh qua đời khi sinh nàng. Phụ thân vất vả trong con đường nghèo, lấy đậu tương làm sữa, nuôi dưỡng nàng, để nàng được sống. Khi đó Biện Kinh có một tập tục, chính là nếu phụ mẫu yêu thích con cái, nhất định phải xả thân cho Phật tử, để cầu cho con cái cát tường bình an. Lý Sư Sư cũng được phụ thân của nàng đưa đến Phật tử. Trong Phật tử, Lý Sư Sư xinh đẹp thanh tú đẹp đến kỳ lạ, cứ như là Bồ Tát chuyển thế, tăng tử rất yêu quý nàng. Phụ thân của nàng rất vui mừng, lắm bầm, “Là đệ tử của Nữ Chân Phật”, thế là đặt tên nàng là Sư Sư. Lý Sư Sư có một tuổi thơ vô ưu vô lo, nhưng khi 4 tuổi, phụ thân yêu thương nàng nhất lại mang tội bị xử tội chết. Lý Sư Sư không nơi nương tựa, được Lý Lão gọi thân nơi xưởng môn nhận nuôi. Lý Sư Sư lặng lẽ trưởng thành trong xưởng môn, học nữ công và cầm kì thi họa. Dần dần, nét đẹp mê người và tài nghệ cao nhã của Lý Sư Sư vô tình lan truyền khắp kinh sư, trở thành một danh kỹ, tài nghệ vô song, nhà nhà đều biết.

Vi Tông Triệu Kiết xa xỉ, theo đuổi phong nhã và lại thích thanh sắc ngày đêm tầm hoan hưởng lạc trong hậu uyển thâm cung. Nhưng ngày tháng lâu dần, tài tử Triệu Kiết đầy hiếu kỳ và hoan tường chán ngán thú vui hưởng lạc theo lệ này, thậm chí dần dần thấy chuyện làm tình với mỹ nhân trong cung trở nên

vô vị nhàm chán, cho rằng đó là một gánh nặng linh hồn, càng không thể nói đến kích thích hay hứng thú gì cả. Thế là, Triệu Kiết nghĩ đến chuyện xuất cung vi hành, tìm hiểu thế giới bên ngoài, đi tìm người kích thích mới.

Hoạn quan được Triệu Kiết tin dùng là Trương Dịch, việc xuất cung vi hành của Triệu Kiết đều do một tay hắn đảm nhiệm. Trước khi vào cung, Trương Dịch luôn ra vào thanh lâu kỹ quán, rất quen với các má mị của các thanh lâu kỹ quán trong Biện Kinh, càng biết rõ một số danh kỹ của kinh sư, nhất là Lý Lão và Lý Sư Sư. Trương Dịch kể chi tiết với Triệu Kiết, khen ngợi Lý Sư Sư xinh đẹp vô song đến thế nào, dịu dàng tú lệ thế nào, tài nghệ cái thế thế nào. Triệu Kiết dạng tài tử rất thích nghệ thuật và theo đuổi mỹ nhân, nghe xong những lời này, ông không thể không động lòng.

Ngày hôm sau, Triệu Kiết ra lệnh cho Trương Dịch đem theo châu báu trong cung, ông tự xưng là đại thương nhân Triệu Ất, đến thăm viếng Lý Sư Sư. Vì Tông xuất cung khi trời tối, đi giữa 40 tên hoạn quan, ra khỏi cửa Đông Hoa. Họ đi bộ khoảng 2 dặm, đến Trấn An phường. Vì Tông lệnh cho các hoạn quan tản ra, chỉ giữ lại Trương Dịch đi theo. Hai người chủ bộc bước vào cửa phường, đi vào thanh lâu của Lý Lão. Do đại thương nhân tặng rất nhiều lễ vật quý trọng, Lý Lão bèn chiêu đãi Triệu Ất bằng nước trái cây trước, trò chuyện cùng Triệu Ất. Vì Tông mạo danh Triệu Ất chủ yếu là đến xem mỹ nhân, làm gì có tâm trạng uống nước trái cây? Chốc chốc ông lại quay đầu nhìn, chỉ đợi Lý Sư Sư đẹp như tiên. Tuy nhiên, đợi rất lâu, Lý Sư Sư vẫn không xuất hiện.

Vi Tông trò chuyện rất lâu với Lý Lão, được Lý Lão dẫn vào một căn phòng nhỏ trang trí rất trang nhã. Căn phòng được trang trí đơn giản, nhưng trang nhã, ngoài cửa sổ có mấy cây trúc. Vì Tông thần thờ ngòai tại đó, hưng phấn không thôi, chờ đợi mỹ nhân với tâm trạng thoải mái.

Lại một lúc lâu, Lý Lão dẫn Vi Tông vào hậu đường. Trong đường có sơn hào hải vị, bày đầy cả bàn. Lý Lão, Vi Tông nhập tiệc, tuy Lý Lão đón tiếp tận tình, nhưng mỹ nhân vẫn chưa xuất hiện, lại không đến tiếp rượu, Vi Tông càng lúc càng tò mò và không thể hiểu. Cơm xong, Lý Lão mời Vi Tông vào tắm gội, Vi Tông từ chối. Lý Lão nói nhỏ với Vi Tông: Đứa trẻ này trời sinh rất sạch sẽ, đừng lấy làm lạ. Vi Tông không thể làm gì khác, đành phải theo Lý Lão vào phòng tắm.

Tắm xong, Lý Lão lại mời Vi Tông ra hậu đường, tiếp tục ăn uống. Thời gian trôi qua thật chậm chạp, một canh giờ cứ như là một năm. Đợi đến cuối cùng, khó khăn lắm Vi Tông mới được theo gương mặt đỏ au của Lý Lão bước vào phòng ngủ của mỹ nhân. Vi Tông thấp thòm chờ đợi, cho rằng mỹ nhân chắc chắn ở trong phòng. Nhưng khi ông vén bức rèm ra, thì chỉ là một ngọn đèn, đèn đưa trước một bức rèm đỏ, chẳng hề có bóng dáng của mỹ nhân. Điều này hoàn toàn vượt ra khỏi sự tiên đoán của Vi Tông. Vi Tông cố nhẫn nại, càng lúc càng tò mò và say mê. Cứ như thế, ông tựa lưng vào giữa mấy cái giường, chờ đợi sự giáng lâm của một kỹ nữ với thân phận của bậc thiên tử chí tôn.

Lại qua một lúc lâu, Vi Tông mở mắt, nhìn thấy Lý Lão đang đưa đến một mỹ nhân, bước chậm chậm, khoan thai đi tới. Mỹ nhân trang điểm nhẹ nhàng, không thấy dấu son phấn, trang phục thanh nhã, gương mặt trắng lộ ra chút hồng hào, hiển nhiên là mới vừa tắm xong, nét diễm kiều diễm nhã của nàng thật làm người khác yêu mến, mềm mại như phù dung trên nước. Mỹ nhân này chính là Lý Sư Sư. Vi Tông thần hồn điên đảo, không khỏi thần thờ ngơ ngác.

Lý Sư Sư nhẹ nhàng bước vào phòng, nhìn Vi Tông tự xưng phú thương Triệu Ất với ánh mắt khinh miệt, thần sắc hết sức kiêu ngạo, không mỉm cười, cũng không thi lễ. Lý Lão nhanh chóng vui vẻ hòa nhã, nói nhỏ với Vi Tông: Tính tình của con bé này có chút cá biệt, xin đừng trách móc. Vi Tông gật gật đầu, nhưng thật ra chẳng nghe thấy gì cả.

Vi Tông định thần, mắt nhìn đắm đuối, thần sắc phiêu diêu, lấy lại thần khí ung dung của một đẳng thiên tử. Ông mượn ánh nến, nhìn chăm chăm vào dung nhan của mỹ nhân, quả nhiên ánh mắt sợ sệt hiện rõ trong nét u buồn, thật đúng là quốc sắc nghiêng thành! Vi Tông xao xuyến trong lòng, nhỏ nhẹ hỏi thăm

tuổi của nàng, đồng thời bước gần đến bên nàng. Lý Sư Sư chẳng thềm ngó ngang gì. Vi Tông đến gần hơn, hỏi thêm nàng vài điều khác. Nàng vẫn không trả lời, ngược lại thay đổi thế ngồi, chuyển sang ngồi chỗ khác. Lý Lão lại nói nhỏ với Vi Tông: Con trẻ thích ngồi yên lặng, xin đừng lấy làm lạ. Nói xong, Lý Lão bèn đi ra khỏi phòng, đóng cửa phòng lại.

Lý Sư Sư bình tĩnh đứng dậy, lấy cây đàn treo trên tường, ngồi cạnh bàn, đàn lên khúc “Bình sa lạc nhật” như chẳng có ai hiện diện ở đó cả. Nàng đàn chậm chậm nhẹ nhàng, tiếng nhạc du dương, Vi Tông say đắm chìm trong tiếng đàn. Hết một bản đến bản tiếp theo. Khi bản thứ 3 sắp hết, thì ngoài cửa đã vọng lên tiếng gà gáy sáng. Vi Tông như chẳng để ý, tỏ vẻ rất sung sướng và cũng rất hưng phấn. Vi Tông dường như chỉ vì nhìn mỹ nhân, nghe tiếng đàn, lúc này thỏa nguyện bước ra khỏi phòng. Lý Lão chuẩn bị xong điểm tâm, Vi Tông uống chút rượu rồi ung dung rời khỏi đó. Các nội thị đi theo mai phục suốt đêm bên ngoài Trần An phường, nhìn thấy Vi Tông bước ra, bèn vây lấy đưa ông hồi cung.

Sau khi Vi Tông ra về, Lý Lão hết sức không hài lòng. Vị thương nhân này quá hào phóng, lễ vật quý trọng, lại rất lễ độ, tại sao người lại đối xử tệ bạc như thế? Lý Lão trách mắng Lý Sư Sư, nói: Triệu Ất lễ ý không nhỏ, tại sao người lại lạnh lùng với ông ta như thế? Lý Sư Sư khinh bỉ thương nhân, tức giận nói: Chỉ là một thương nhân thôi, tôi phải làm gì cho hắn chứ!

Ngày hôm sau, kinh sư đồn ầm lên rằng hoàng thượng giá hạnh Trần An phường, ban đêm đến thăm danh kỹ Lý Sư Sư. Kinh sư chấn động ngay. Sau khi nghe tin, Lý Lão thất sắc sợ hãi, nghĩ rằng đã đối xử tệ bạc với hoàng thượng như thế, tính mạng cả nhà chắc không còn giữ nổi? Lý Lão sợ đến khóc suốt ngày đêm. Sau khi biết chuyện, Lý Sư Sư hết sức cảm động Vi Tông, bèn ung dung nói với Lý Lão, đừng sợ, nếu hoàng thượng đã đến thăm con, thì làm sao đành lòng giết con? Hơn nữa buổi tối gặp mặt hôm đó, hoàng thượng không bức ép, có thể thấy người rất thương yêu con, điều mà con thấy bất an là, con lưu lạc hạ tiện, tiếng tăm không trong sạch, dấy bẩn cả hoàng thượng, con chết thì cũng đúng tội! Lý Sư Sư thấy hoàng thượng trong sáng, mà mình lại thuộc hạng bản tiện, nàng thật sự yêu Vi Tông từ trong đáy lòng.

Bốn tháng sau, Vi Tông phái Trương Dịch mang theo đàn Sà Phù, đến Trần An phường, thưởng cho Lý Sư Sư. Tiếp đó, Vi Tông lại vi hành Trần An phường, đến thăm Lý Sư Sư vào ban đêm. Lần này, Lý Sư Sư vẫn mặc trang phục thanh nhã, phủ phục trước bậc thang, nghênh tiếp thánh giá. Vi Tông vui mừng vô cùng, bước đến dìu Lý Sư Sư yếu đuối đứng dậy, cùng đi vào đường thất. Vi Tông nhìn quanh, phát hiện cảnh đẹp lần trước nay đã không còn, trong thất được trang hoàng long lẫy, châu báu ngọc ngà. Vi Tông thấy hết sức tiếc nuối.

Lý Lão run lập cập, nhìn thấy hoàng thượng giá đáo, bèn trốn đi. Vi Tông triệu Lý Lão đến, lý Lão run rẩy cả người, sợ đến nỗi không nói nên lời. Vi Tông thích một Lý Lão hay nói nhỏ với mình như lần trước, nói bà đừng nên câu nệ, đừng nên sợ hãi. Lý Lão cung kính bái tạ, thấy hoàng thượng đích thật không trách tội mình, cũng không đòi mạng của mình, nên mới yên tâm.

Lý Lão đưa Vi Tông đến trước lầu mới xây. Lý Sư Sư khấu thỉnh Vi Tông thưởng cho bức hoành. Lúc đó đang là tháng 3, hoa hạnh nở rộ, Vi Tông chấp bút viết 3 chữ lớn: Tuý Hạnh lâu. Lý Lão vui mừng khôn xiết, bày lên tiệc rượu thịnh soạn. Vi Tông lệnh cho Lý Sư Sư ngồi bên cạnh, hầu rượu. Rượu qua 3 tuần, Vi Tông lệnh cho Lý Sư Sư đàn tấu Sà Phù đàn. Lý Sư Sư đàn bản “Mai hoa tam lộ”, tiếng đàn du dương nhưng ai oán, yếu đuối. Vi Tông ngâm nga uống rượu, như say như si, luôn miệng khen đàn giỏi.

Vi Tông nhớ lại bữa ăn đạm bạc lần trước, lần này lại phát hiện đều là món ăn có hình long phụng, chẳng khác gì trong cung. Vi Tông hỏi Lý Lão, đến lúc này, Lý Lão mới bẩm báo như thật: Bà sợ hoàng thượng ăn không quen món ăn đạm bạc, nên bỏ tiền mời đầu bếp của phường ăn thượng hạng đến nấu. Vi Tông nghe xong thấy không vui, tiệc vẫn chưa tàn mà đã quây quả bỏ về.

Sau khi hồi cung, Vi Tông không thể dứt tình với Lý Sư Sư, nhưng hứng thú chất phác đạm bạc đã không còn, ông cũng không muốn đi nữa. Ông thường phái tùy tùng đưa lễ vật cho Lý Sư Sư. Tin đồn Vi

Tông yêu thích kỹ nữ lan khắp kinh sư, rồi lan đến hậu cung. Chính vị hậu cung Trịnh hoàng hậu nhanh chóng biết tin, bèn trình trọng can gián: Kỹ nữ hạ tiện, không thích hợp hầu hạ hoàng thượng, hơn nữa nửa đêm vi hành, e có bất trắc, xin hoàng thượng tự giữ mình. Vi Tông gật gù đầu, thấy rất có lý. Sau đó, suốt mấy năm liền, Vi Tông không đi thăm Lý Sư Sư, nhưng thường xuyên phái người đi hỏi thăm và tặng thưởng lễ vật.

Mười năm sau, Vi Tông lại đến chỗ của Lý Sư Sư, Tuý Hạnh lâu. Ông say sưa ngắm nhìn bức tranh mà mình tặng cho Lý Sư Sư mấy năm trước. Bức tranh đề là: “Kim lạc mã tư phương thảo địa, ngọc lâu nhân tuý hạnh hoa thiên”. Vi Tông ngắm rất lâu, quay đầu lại nhìn thẳng vào Lý Sư Sư đẹp như tiên, than thở rằng: Người trong tranh đã bước ra rồi sao? Vi Tông lâm hạnh Lý Sư Sư, lưu luyến không rời, thưởng tứ bảo văn phòng cho Lý Sư Sư.

Cận thần Trương Dịch thấy được sự say mê của Vi Tông đối với Lý Sư Sư, bèn kiến nghị với Vi Tông: Đào một đường hầm từ trong cung đến phía đông 2,3 dặm, có thể thông thẳng đến Trấn An phường, như thế qua lại dễ dàng, cũng có thể đề phòng bất trắc khi vi phục vào ban đêm. Vi Tông gật đầu đồng ý. Đường hầm nhanh chóng làm xong. Từ đó về sau Vi Tông thường đi qua đường hầm, lâm hạnh Tuý Hạnh lâu, đến bên Lý Sư Sư. Khu vực từ Trấn An phường đến cung thành luôn có rất nhiều ngự lâm quân canh giữ, ngày ngày, Lý Sư Sư cứ ôm ấp sự tri ngộ và tình yêu với Vi Tông trong tâm trạng an nhàn bình tĩnh, ngồi đợi cuộc hẹn với Vi Tông trong Tuý Hạnh lâu Trấn An phường.

Một hôm, Vi Tông mở yến đãi các phi tần. Vi Hiền phi được sủng ái hỏi nhỏ Vi Tông: Lý Sư Sư là người thế nào mà làm cho bệ hạ yêu thương say mê đến thế? Vi Tông bình thân trả lời: Chẳng có gì cả, nếu hậu cung hàng trăm người các người đều ăn mặc thanh nhã, trang điểm nhẹ nhàng, rồi để nàng ấy đứng vào giữa, thì có thể thấy được điểm khác biệt và nổi bật của nàng ấy, nàng ấy có một phong cách tự nhiên, dịu dàng đầm thắm, vượt xa những gì thuộc về dung nhan bên ngoài. Các phi tần đều không còn gì để nói.

Dấu ngựa của quân Kim đã phá vỡ khúc hát yên bình của Đại Tống. Vi Tông, Khâm Tông và 3 ngàn mỹ nhân của hậu cung, từ chi tôn chi quý trở thành tù nhân trong tay giặc chỉ trong một đêm ngắn ngủi. Kinh sư rơi vào tay giặc, Bắc Tống diệt vong. Trong tai biến nước mất nhà tan, Lý Sư Sư xuất đầu lộ diện, gom góp tất cả vàng bạc châu báu mà Vi Tông tặng cho nàng suốt bao năm qua, hiến cho quân lương, hy vọng góp phần cứu vãn được nguy cơ diệt vong. Lý Sư Sư lại nhờ Trương Dịch bẩm báo lại cho Vi Tông đã lui làm thái thượng hoàng, nói nàng tự giữ tiết tháo, nguyện xuất gia làm đạo sĩ. Vi Tông đồng ý thỉnh cầu của nàng, đồng thời thưởng nàng ở tại Từ Vân quan phía bắc thành.

Quân Kim công phá Biện Kinh. Chủ soái ra lệnh lục soát kinh thành. Nhưng liên tục nhiều ngày, không thấy bóng hình của Lý Sư Sư. Sau đó, phản thần Trương Bang Xương dẫn theo thân tín, lần dò tìm được Lý Sư Sư, chuẩn bị hiến Lý Sư Sư cho Kim soái. Lý Sư Sư phản nộ mắng nhiếc Trương Bang Xương: Ta chẳng qua chỉ là một kỹ nữ, may được hoàng thượng yêu mến, thà rằng chết đi để báo ân tri ngộ của hoàng thượng. Người quan cao lộc hậu, triều đình có lỗi gì với người? Sao lại vui mừng khi huỷ diệt xã tắc nhà Tống? Nay lại đầu hàng xưng thần, a dua nịnh hót, làm sao ta có thể làm công phẩm nịnh hót của các người!

Nói xong, Lý Sư Sư từ từ lấy xuống trâm vàng, đâm thẳng vào cổ họng của mình. Nhưng đâm trật, không chết. Lý Sư Sư lại rút cây trâm vàng, bẻ gãy, sau đó nuốt ực xuống cổ. Thế là, một danh kỹ Lý Sư Sư, mỹ nhân ngoài cung được Vi Tông sủng ái và phong làm tài nữ, đã chết đi một cách hào hùng không khuất phục như thế. Rất lâu sau, Vi Tông do nước mất nhà tan, lòng như đã chết, mới nghe tin về cái chết của Lý Sư Sư, biết được nàng đã anh dũng chết đi vì mình, không cảm được nước mất tuôn rơi. Lý Sư Sư thật là một hiệp kỹ anh dũng, tinh thần bất khuất và tự tôn của nàng thật đáng để mọi người ngưỡng mộ.

III. Mỗi tình sinh tử của đế hậu

Vi Tông cực kỳ xa xỉ, hoang dân vô độ. Sau khi ông thân chinh, trọng dụng những người như Thái Kinh, Vương Bộc, Lý Nhan, Đồng Quán, Lương Sư Thành, được người đời gọi là lục tặc (6 tên cướp). Ra sức bài xích đảng cũ, viết tên hơn một trăm người làm gian đảng, khắc đá đặt ngay cửa Đoạn Lễ, đập phá tượng của Lữ Công Trứ, Tư Mã Quang, khiến cho đồng liêu trung thần và những người có họ tên giống với gian đảng đều phải đồng loạt đổi tên. Vi Tông còn xây cung thất rộng lớn, cực kỳ xa xỉ lộng lẫy. Trước tiên Vi Tông xây Tây Cung Cảnh Linh, sử dụng rất nhiều nhân lực để lấy 4600 tảng đá từ núi Thái Hồ, lại lệnh cho Thái Kinh lùng tìm đá hoa lạ hiếm khắp cả nước, tàu thuyền nối đuôi nhau san sát để vận chuyển đá hoa hơn hàng chục chiếc, gọi là Hoa Thạch Cương, cả thiên hạ xôn xao vì nó.

Triệu Kiết lại lệnh cho Hộ bộ thị lang Mạnh Quỹ tạo núi giả tại núi Cảnh Long đông cung, mô phỏng theo núi Phượng Hoàng của Hàng Châu, phải mất 6 năm mới hoàn thành. Vì núi hướng thẳng về phía kinh thành, tức phía đông bắc, cho nên đặt tên là Cấn sơn, Cấn nhạc, cũng gọi là Vạn Tuế sơn. Hoa quý, cây hiếm, đá lạ đưa từ bốn phương đến đều được trồng và đặt trong đó, đá núi muôn loài, từng bách cao ngất, đài điện lầu quán ẩn hiện, hươu nai nhón nhơ ra vào, cảnh quan xinh đẹp kỳ lạ làm mê hồn người.

Lúc này, dân không đủ sống, tiếng oán thán khắp nơi, trong có Phương Lạp, Tống Giang khởi nghĩa, ngoài có Kim, Liêu nhìn hau háu, xâm phạm quấy nhiễu mọi lúc. Có thể nói Đại Tống nguy như trứng để đầu đẳng, đại diện sắp đổ. Năm Vi Tông Tuyên Hòa thứ 7, Kim diệt xong Liêu, quyết định dẫn binh thảo phạt Tống. Tháng 9, Kim phái sứ thần đi sứ Tống quốc, danh nghĩa là thông báo quá trình bắt sống chúa Liêu, thực tế là thám thính quân tình. Tiểu sứ của Kim đến Thái Nguyên gặp Đồng Quán, nói là thương nghị vùng đất giao nhận, trên thực tế là uy hiếp Đại Tống, khiến Tống không phòng bị. Nhưng Triệu Kiết không hiểu chuyện, tin vào cách nói của sứ Kim, bèn phái Đồng Quán đi theo. Tháng 10, Kim chuẩn bị xong xuôi, dẫn binh nam hạ, thế mà Tống chẳng hề hay biết.

Tháng 12, Kim tấn công Yên sơn, liên tiếp công phá Đan Châu, Kế Châu, chiếm Tam Hà, Yên sơn. Sứ Kim đến Thái Nguyên, đề nghị cắt Hà Đông, Hà Bắc, lấy Đại Hà làm ranh giới. Đồng Quán chẳng biết xoay trở thế nào, lập tức chạy về Biện Kinh. Quân Kim lại tiếp tục chiếm lĩnh Sóc Châu, Vũ Châu, Đại Châu, Triết Châu, lại chia đường nam hạ, ép thẳng vào đô Tống Biện Lương. Vi Tông cả kinh thất sắc, triều dã chấn động. Vi Tông lập tức hạ tội viết chiếu, lệnh cho thiên hạ ra sức chống đỡ. Bài hịch của Kim đến ngự tiền, bên trong chỉ trích Vi Tông vô đạo. Vi Tông xem xong nước mắt tuôn rơi, không nói nên lời, chỉ lẩm bầm “bớt giận bớt giận”, quyết định nhường ngôi. Tống cử sứ đi Kim, nói Vi Tông nhường ngôi cho con cháu và cầu hòa. Kim yêu cầu xuất ra 3 vạn lượng vàng. Vi Tông bèn xuất ra 2 cái chum vàng trong nội khố, mỗi cái tương đương 50 lượng, nấu lại thành thỏi vàng tặng cho sứ Kim. Sứ Kim không đồng ý, đòi đại Tống cắt đất xưng thần. Tống sợ hãi không thôi.

Lòng người Biện Kinh dao động. Người chủ chạy, người chủ hàng, người chủ thủ, người chủ trốn chạy tranh nhau kịch liệt. Vi Tông nắm chặt tay khu mật sứ Thái Ưu, đau khổ thất thanh nói, bình thường ta cứng rắn, không ngờ người Kim lại dám làm thế!

Nói xong thì khí huyết tăng lên, làm tắc mạch máu, hôn mê nằm thẳng xuống giường. Cận thần dâng thuốc thang, một lúc sau thì Vi Tông tỉnh lại, lệnh cho tùy tùng chuẩn bị bút mực, viết “Hoàng thái tử có thể kế hoàng vị, để giáo chủ đạo quân lui cư Long Đức cung”. Hoàng thái tử Triệu Hằng kế vị tại điện Phúc Ninh, làm Tống Khâm Tông.

Cánh phía đông của quân Kim đẩy mạnh nam hạ dưới sự chỉ huy của Nam Kinh lộ Đô thống Hoàn Nhan Tông Vọng, thế như chẻ tre, chiếm lĩnh Chấn Định, Khánh Nguyên, Tín Đức, Hàm Đan, tấn công

Lăng Châu vào năm Tĩnh Khang thứ 6 (năm 1126), ép thẳng đến Biện Lương. Quân đội Tống giữ cầu bờ Nam nhìn xa xa thấy quân Kim, vội đốt cháy cầu rồi bỏ chạy. Quân Kim bèn vượt sông bằng bè nhỏ trong 5 ngày 5 đêm, thế mà bên bờ sông chẳng có lấy một binh một tốt chống cự. Hoàn Nhan Tông Vọng cười nói, Nam triều thật sự chẳng có người, nếu có một hai ngàn người thủ tại đây thì ta làm gì dám vượt sông!

Quân Kim vượt qua sông, kinh sư chấn động. Vi Tông chạy về phía nam, cho đến Trấn Giang. Do quân địch đã đến trước mặt nên Khâm Tông đành phải chấp nhận yêu cầu của người Kim, cắt đất, bồi thường. Quân Kim được chiếu thư cắt đất bồi thường của nhà Tống, lui quân về phía bắc. Vi Tông cho là vô sự, bèn dẫn theo phi tần hậu cung, trở về Biện Kinh. Vi Tông, Khâm Tông cho rằng từ bây giờ có thể tiếp tục cuộc sống bình yên của mình. Không ngờ 2 năm sau, quân Kim lại đưa binh nam hạ, công phá Biện Kinh, Vi Tông, Khâm Tông và hậu phi, thái tử, hoàng tử, tông thích đều bị bắt sống.

Vi Tông trước sau có 2 hoàng hậu. Vị thứ nhất chính là Vương hoàng hậu, người Khai Phong, là con gái của Đức Châu thứ sử Vương Tảo, sinh ra Khâm Tông Triệu Hoằng và Sùng Quốc công chúa. Vương hoàng hậu rất độ lượng, trời sinh tiết kiệm. Trịnh phi, Vương phi được sủng, năng vắn đối xử rất tốt, không hề tranh chấp, làm khó gì họ. Năm Đại Quán thứ 2, Vương hoàng hậu qua đời, tuổi chỉ 25. Sau khi Vương hoàng hậu qua đời, Trịnh thị được lập làm hoàng hậu.

Trịnh thị cũng là người Khai Phong. Phụ thân Trịnh Thân, là quan trực tỉnh, do Trịnh thị được phong hậu, nên được phong làm thái sư, Lạc Bình quận vương. Trịnh thị vốn là giáp ban của Khâm Thánh điện, khi Vi Tông háo sắc đa tình còn là Đoan vương, ngày nào cũng đến cung Từ Đức bái Hướng thái hậu, Hướng thái hậu lệnh cho Trịnh, Vương hai giáp ban hầu hạ, Vi Tông yêu thích hai vị Trịnh, Vương tuyệt sắc. Vi Tông kể vị, Hướng thái hậu thường Trịnh thị, Vương thị. Trịnh thị nhập cung, thích đọc sách, thích viết thơ văn, rất được Vi Tông tự cho mình là tài tử yêu mến. Rồi phong Hiền phi, quý phi, được sủng ái nhất hậu cung. Vi Tông cũng thường viết từ chương đối đáp, để hậu cung phổ nhạc.

Năm Chính Hòa thứ nhất, Trịnh thị kế Vương thị làm hoàng hậu. Khi thụ phong, phải sáng chế mũ áo, Trịnh phi nói, hiện nay quốc dụng không đủ, áo mũ quý trọng rất lãng phí, chi bằng để công thợ sửa lại áo mũ cũ khi còn làm phi là được rồi. Trịnh thị lại xin bãi miễn các nghi trượng như hoàng ma trượng, tiểu giá hàm bác. Trịnh hoàng hậu giữ mình nghiêm ngặt, cũng nghiêm khắc với gia tộc. Người tộc Trịnh là Trịnh Cự Trung khu phủ, Trịnh hoàng hậu tiến tấu với Vi Tông, nói ngoại thích không can dự quốc chính, nếu muốn dùng, thì xin nhậm chức tại hậu cung, thế là, Trịnh Cự Trung bãi chức. Sau này Trịnh Cự Trung lại được trọng dụng, Trịnh hoàng hậu tiến ngôn nói, Cự Trung và phụ thân Trịnh Thân thường hay qua lại, mọi người đều nói họ chiêu quyền hối lộ, phục thính hoàng thượng cấm tuyệt, đồng thời cho ngự sử vạch trần tội trạng!

Trịnh hoàng hậu bẩm tính nghiêm trang, cẩn thận, giỏi hiểu lòng người, đối xử với hậu cung rất nhân từ. Tuy nhiên, sự nhân hậu của Trịnh hoàng hậu không cứu vãn được vận mệnh diệt vong của đại Tống. Vi Tông bị ép thoái vị, Triệu Hằng kế ngôi, xưng Khâm Tông, Trịnh hoàng hậu được tôn làm thái thượng hoàng hậu, dời đến Ninh Đức cung, xưng Từ Đức thái hậu. Chu thị người phủ Tường, Khai Phong được lập làm hoàng hậu. Trịnh thị theo Vi Tông chạy xuống Nam Kinh, sau khi quân Kim lui về phía bắc, lại theo Vi Tông về phía bắc. Khi đó, Biện Kinh tin đồn khắp nơi, nói thái thượng hoàng muốn phục vị tại Trấn Giang, thái thượng hoàng hậu từ Đoan môn đi thẳng đến cung cấm, cảnh báo Khâm Tông tăng cường phòng bị. Khâm Tông biết rõ con người của Trịnh thái hậu, cố ý ra ngoài nghênh hầu, hai người gặp nhau mừng mừng tủi tủi.

Biện Kinh bị phá, Trịnh thị theo Vi Tông, Khâm Tông và cả hậu cung trở thành tù nhân của quân Kim. Một đoàn quý tộc bị áp giải, bị đưa đến doanh trại quân Kim trong bụi cát cuộn cuộn. Chúa Kim hạ lệnh, phế Vi Tông, Khâm Tông làm thường dân, ép họ lập tức cởi long bào, đổi trang phục của thường dân. Sử bộ thị lang bị bắt chung Lý Nhược Thuỷ hết sức đau lòng, khóc không thành tiếng, tức giận mắng

người Kim là chó! Người Kim lạnh lùng cắt lưỡi của Lý Nhược Thủy, chặt đầu ông. Lý Nhược Thủy chết thảm trước mặt Vi Tông như thế.

Vi Tông, Khâm Tông tham sống sợ chết, trước cái chết trung dũng của vị cự thần mà không có biểu hiện, phản ứng gì, chỉ biết ngoan ngoãn nghe lệnh. Thái tử bị dẫn đến doanh trại quân Kim, không có phản kháng gì, chỉ biết khóc lóc không ngừng, kêu to: Bá tính cứu ta, bá tính cứu ta! Bụi cát cuốn cuộn, bụi đất mù mịt. Hoàng đế, hậu phi, hoàng tôn, chư vương, công chúa và một đám mỹ nữ của đại Tống hơn 3 ngàn người, tạo thành đội ngũ bị bắt khổng lồ, rời khỏi cung cấm, bước vào con đường lưu vong tại hoang mạc phía bắc. Họ cứ nối đuôi nhau, chịu cát bụi mù mịt, bị quân Kim áp giải trên con đường khổ cực đi về phía bắc, tiến vào hoang mạc.

Phụ trách áp giải 4 người Vi Tông, Khâm Tông và Vi Tông Trịnh hoàng hậu, Khâm Tông Chu hoàng hậu chính là tướng Kim Trạch Lợi. Trên đường đi, Trạch Lợi ngênh ngang kiêu ngạo, nhục mạ để hậu vong quốc của đại Tống bằng mọi biện pháp, giẫm đạp và xỉ vả nhân cách của họ. Đến huyện Tân An, Trạch Lợi và huyện lệnh cùng nhau đãi yến, hứng thú vô cùng. Hắn lệnh Chu hoàng hậu ca hát trước tiệc, để trợ hứng. Chu hoàng hậu làm sao chịu được sự nhục mạ này? Nhưng lại sợ liên lụy đến Khâm Tông, Vi Tông, đành phải nuốt nước mắt, đè nén đau thương, cố gượng thân thể yếu ớt, đau thương mà cất lên tiếng ca ai oán buồn thảm. Trạch Lợi nghe không hiểu, rượu say mơ màng, chỉ thấy rất hài lòng. Hắn nhân rượu hứng, lệnh Chu hoàng hậu hát một bản nữa, kính huyện lệnh một ly. Chu hoàng hậu không thể làm gì, đành phải hát tiếp.

Hai hoàng hai hậu nước mắt đầm đìa, đau khổ vô cùng. Lúc này Trạch Lợi đã say. Hắn vẫy tay, muốn Chu hoàng hậu đến ngồi bên hắn, cùng uống rượu với hắn. Chu hoàng hậu làm sao chịu chấp nhận? Trạch Lợi đứng dậy, dùng bạo lực kéo Chu hoàng hậu. Chu hoàng hậu giãy giụa đến cùng, kiên quyết không hầu rượu. Trạch Lợi tức giận, thuận tay tát một cái, đánh Chu hoàng hậu hoa mắt choáng váng, ngã quỵ dưới đất. Khâm Tông nhìn đến mức không thể nhìn được nữa, tức giận mắng Trạch Lợi làm sao có thể vô lễ đến thế! Trạch Lợi rút dao ra, chuẩn bị chém chết Khâm Tông. Huyện lệnh Tân An liền khuyên giải, nói thượng lệnh muốn triệu kiến họ, ép chết họ e rằng bất lợi cho tướng quân, Trạch Lợi mới bỏ qua.

Mười mấy ngày sau đến Yến Kinh. Bốn người được sống tạm tại Văn Trung tự. Mấy ngày sau, với thân phận của thường dân, họ triệu kiến Kim thái tông Ngô Khất Mai là đệ đệ cùng mẹ khác cha của Kim Thái Tổ A Cốt Đả, đồng thời là chúa Kim lúc bấy giờ. Ngô Khất Mai tuyên bố miễn chết cho họ, thả về Linh Châu. Sau khi 4 người lui ra, được giam lỏng trong một ngôi nhà đất, mỗi ngày 2 bát cơm mạch, phía trên có vài miếng thịt ôi. Chu hoàng hậu quá đau khổ, chịu tận tui nhục, thêm vào sự đói rét, dẫn đến bệnh liệt giường. Nàng nằm trên đất giá băng, hơi thở khó khăn, chỉ còn thoi thóp. Khâm Tông khóc lóc thỉnh cầu phái thái y đến chẩn trị, nhưng người canh giữ bỏ mặc. 3 ngày sau, Chu hoàng hậu chết một cách đau khổ vô cùng trong ngôi nhà đất, cuối cùng bị người canh giữ cuốn trong một tấm chiếu mang đi, chôn cất sơ sài cho xong chuyện.

Ba người đến Linh Châu. Huyện lệnh tại đó sắp xếp cho họ tại nhà đất, phái một số phán quan, đình dịch canh chừng. Phán quan mượn cớ lòng sục hung khí, thừa cơ hãm hiếp Trịnh hoàng hậu. Trịnh hoàng hậu muốn hầu hạ Vi Tông, đành phải nén tiếng chịu đựng. Họ tự trồng tự làm tại Linh Châu, dầm mưa dãi nắng, trở nên đen đúa, xanh xao tiêu tụy. Nếu có bất kì thần dân cũ nào nhìn thấy e rằng cũng khó mà nhận ra họ chính là đế hậu năm nào. Một năm sau, họ lại bị dời đến Ô Châu, Lai Châu.

Năm Tống Cao Tông Thiệu Hưng thứ 5, Vi Tông, Khâm Tông đã làm tù nhân gần 5 năm. Phía nam loan tin quân Tống đại bại quân Kim, nhóm Vi Tông lại bị giải đến Ngũ Quốc thành, đó chính là nơi cuối cùng trong cuộc đời của họ. Họ sống rất lâu tại Ngũ Quốc thành. Tại đó, cuối cùng Trịnh hoàng hậu cũng ngã xuống, nhắm mắt mãi mãi. Vi Tông, Khâm Tông đau khổ vô cùng. Ngoài sự đau đớn trong lòng, thứ duy nhất mà họ có là nước mắt vừa đắng lại vừa mặn. Không bao lâu sau, Vi Tông không gượng nổi nữa,

mù đi một mắt. Năm thứ 3, Vi Tông mù cả hai mắt. Hy vọng trở về phía Nam lúc này đã tan biến hoàn toàn, giấc mơ trở lại sông núi xưa kia cũng vì đó mà tan như bong bóng. Vi Tông tuyệt vọng. Ban ngày, ông ngồi buồn tẻ, buổi tối nằm trên đồng cỏ, giống như người chết, Vi Tông lặng lẽ chết đi tại tha hương dị quốc như thế, hưởng dương 54 tuổi.

Sau khi Vi Tông qua đời, Khâm Tông vẫn cố gắng sống, hy vọng trở về quốc thổ, dựng lại sông núi. Một mình ông chịu đựng suốt 21 năm.

Năm Tống Cao Tông Thiệu Hưng thứ 26, Kim đế Hoàn Nhan Lượng khởi binh phạt Tống. Khi đại duyệt binh mã, Kim đế để Khâm Tông làm bia tên, bắn tên đến chết, sau đó để đàn ngựa giẫm đạp, thi thể bị kéo và chôn trong bùn đất, tuổi 56. Khâm Tông thật sự quá coi trọng sự sống, chết một cách đau khổ như thế thật sự là nỗi bi ai của đại Tống, làm người khác phải đau lòng thương cảm.

IV. Vi hiền phi

Vi Hiền phi là người Khai Phong. Nàng là phi tử của Tống Vi Tông, là mẫu thân của hoàng đế đời đầu tiên của Nam Tống Tống Cao Tông Triệu Cấu. Khi mới vào cung, Vi thị chỉ là một người hầu hạ hoàng đế bình thường. Cuối đời Vi Tông Sùng Ninh, mới tạo được sự chú ý của Vi Tông Triệu Kiết, được phong làm Bình Xương quận quân. Vi thị xinh đẹp, hiền lành, thông minh, nhanh nhạy, dần dần chiếm được lòng yêu thương của thiên tử phong lưu Vi Tông. Sơ niên Đại Quán, Vi thị tiến phong tiếp như, rồi đến uyển dung. Tháng 5 năm Đại Quán thứ nhất, sinh Triệu Cấu sống tại Đông Kinh hoàng cung.

Năm Tĩnh Khang thứ nhất, tiến phong Triệu Cấu làm Khang vương đi sứ Kim nghị hòa. Triệu Cấu tự Đức Cơ, là con trai thứ 9 của Vi Tông. Khi chàng ra đời, Vi Tông 25 tuổi. Trời sinh chàng thông minh nhanh nhạy, học rộng hiểu nhiều, ham đọc sách, kéo cung hơn 120 cân. Khi đi sứ Kim nghị hòa, chàng vừa tròn 20 tuổi. Do thân mang trọng trách, đại diện cho đại Tống đi sứ dinh địch, nên, sinh mẫu Vi thị của chàng được tiến phong Hiền phi ở Long Đức cung. Hiền phi là bậc thứ 2 trong phi tần, chỉ đứng sau quý phi.

Tháng 11 năm Tĩnh Khang thứ nhất, quân Kim lại tấn công bắc Tống, nam hạ bao vây Biện Kinh. Khâm Tông lệnh cho Triệu Cấu làm đại nguyên soái binh mã Hà Bắc, thống binh vào bảo vệ kinh sư. Triệu Cấu tuyên đọc trước quân, khóc không thành tiếng, binh dân cảm động không thôi. Tuy nhiên, quân Kim rất hung hãn, thế như chẻ tre, Triệu Cấu không thể làm gì. Quân Kim công phá Biện Kinh, Vi Tông, Khâm Tông và phi tần hậu cung hơn 3 ngàn người bị bắt. Vi hiền phi cũng nằm trong số đó.

Tháng 2 năm Tĩnh Khang thứ 2 (năm 1127), Triệu Cấu lĩnh binh 8 vạn, đóng quân tại Tế Châu, Bộc Châu. Sau khi biết tin, người Kim lệnh cho Triệu Cấu về kinh, Triệu Cấu mặc kệ. Tháng 3, Kim lập phản thần của Tống là Trương Bang Xương làm đế, quốc hiệu Đại Sở. Triệu Cấu nghe tin đau đớn, căm hận không thôi. Tháng 4, Kim giải Vi, Khâm nhị Tông và cung nữ hậu phi 3 ngàn về phía bắc. Trương Bang Xương làm cho dân chúng phẫn nộ.

Thị tòng khuyên Triệu Cấu kế vị, Triệu Cấu không đồng ý. Trương Bang Xương bèn nghênh Triết Tông Nguyên Hựu hoàng hậu buông rèm nhiếp chính. Nguyên Hựu hoàng hậu cử sứ nghênh tiếp Triệu Cấu, đồng thời viết thư tay bỏ cáo thiên hạ, xưng Triệu Cấu nhập chủ đại thống, mong muốn trong ngoài hợp sức, cùng định an nguy. Tháng 5, Triệu Cấu lên ngôi hoàng đế tại Nam Kinh (Thương Khuru Hà Nam), đổi Nguyên Kiến Khang, sử xưng Nam Tống.

Vi hiền phi lắm lem bụi trần, nằm trong đội ngũ bị bắt không lờ. Họ lưu lạc hoang mạc phía bắc, đau khổ khôn xiết. Nỗi nhục của tù nhân thật khó mà nói nên lời, huống hồ gì là nữ nhi, chủ nhân hậu cung ăn sung mặc sướng, ái phi diệu hiền được coi là cành vàng lá ngọc của chân long thiên tử. Vi hiền phi cố nén nước mắt, ngậm đắng chịu nhục, sống tạm qua ngày, mong rằng có ngày trở về đại Tống.

Sau khi kế vị, năm Kiến Viêm thứ nhất, Triệu Cấu tôn Vi thị làm Tuyên Hòa hoàng hậu. Phong phụ thân Vi An Đạo của Vi thị làm quận vương, ngoài ra phong quan cho 30 người trong nhà họ Vi. Đồng thời cử sứ đi thăm dò tin tức về Vi thị.

10 năm sau, tức năm Thiệu Hưng thứ 10 (năm 1137), Trịnh hoàng hậu và Vi Tông Triệu Kiết luôn mong chờ được trở về phía nam lần lượt qua đời. Sứ Tống Hà Tô sang sứ nước Kim, sau khi trở về Tống, bẩm báo tin bất hạnh này cho Cao Tông, Cao Tông đau khổ vô cùng. Cao Tông nói với phò thần: Tuyên Hòa hoàng hậu (Trịnh hoàng hậu) tuổi tác đã cao, ta không yên lòng về chuyện đó, khuất phục giảng hòa cũng chính vì đó. Hàn lâm học sĩ Chu Chấn dẫn lại câu chuyện của Đường Kiến Trung, thỉnh cầu tôn Trịnh thị làm hoàng thái hậu, Cao Tông ưng chuẩn. Tiếp đó, thái thường thiếu khanh Ngô Biểu Thần xin làm

theo câu chuyện Gia Hựu, Trị Bình (Gia Hựu, là niên hiệu Nhân Tông. Trị Bình niên hiệu Anh Tông), đợi sau khi kết thúc 3 năm tang lễ, mới cử hành truy phong. Thế là, giáng chỉ công bố thiên hạ trước. Ba đời Trịnh hoàng hậu được truy phong vương tước.

Cái chết của Vi Tông, Trịnh hoàng hậu chấn động rất lớn đến Cao Tông, ông lập tức nghĩ ngay đến mẫu thân Vi thị sinh ra và nuôi dưỡng mình, không khỏi đau thắt ruột gan. 10 năm sống giữa cái sống và cái chết, không nhưng nhớ, tự khó quên. Huống hồ mẹ con họ như thế? Huống hồ mẫu thân của ông bị bắt và bị áp giải đến nước địch với thân phận quý phi, thái hậu, làm gì có ngày được sống thoải mái? Cao Tông chỉ nghĩ về Giang Nam, không nghĩ đến chuyện lấy lại phía bắc, không nghĩ đến chuyện báo thù rửa hận, nhưng ông lại ngày đêm mong nhớ mẫu thân của mình, ông không tiếc giang sơn xã tắc, cứu lại mẫu thân của mình.

Thế là Cao Tông chau mày ủ rũ, lắm ba lắm bả suốt cả ngày. Nếu người Kim đồng ý yêu cầu của ta, để mẫu thân ta trở về phía nam, điều kiện gì ta cũng đồng ý! Tổng sứ nhiều lần giao thiệp, cuối cùng, Tổng sứ Vương Luân trở về đưa tin, nói người Kim đồng ý để Vi thị về phía nam, nhưng nhất định phải đáp ứng 4 điều kiện: Tổng dâng biểu xưng thần với Kim; mỗi năm Tổng phải tiến cống 25 vạn lượng bạc, quyên 25 vạn cuộn gấm; Tổng cắt 4 châu Đường, Đặng, Thương, Tần; Tổng phải giết chết đại tướng kháng Kim là Nhạc Phi.

Cao Tông nhanh chóng đáp ứng 4 điều kiện cực kỳ uất nhục đối với nhân dân Nam Tống và tôn thất vong gia vong quốc của Triệu Tống, giết chết Nhạc Phi – đại tướng đã thu phục phần lớn giang sơn, khiến quân Kim nghe mà khiếp mật, Nhạc Phi và vô số tướng sĩ chinh chiến sa trường tín phụng tận trung báo quốc, hiến thân cho đất nước, nhưng đất nước là gì chứ? Không thể báo quốc, ngược lại bị thứ gọi là “quốc” bán đứng! Những gì mà Cao Tông lấy lại được chỉ là thi thể của Vi Tông, Trịnh hoàng hậu, Hình phu nhân và chỉ mỗi mẫu thân Vi hiền phi còn sống của y.

Cao Tông nói một cách có lý rằng, Ta cai quản thiên hạ, bốn biển giàu có, nhưng ta không thể phụng dưỡng song thân của mình thật tử tế. Phụ hoàng Vi Tông đã ra đi, không còn cách nào khác, mẫu thân thì vẫn còn. Ta lập lời thề rằng, chỉ cần người Kim trả lại mẫu thân cho ta, ta không tiếc chịu nhục giảng hòa. Cao Tông còn ra lệnh cho Tổng sứ Hà Thọ, Tào Tuyên, nói mình trông về phía bắc, nước mắt đã cạn, mong rằng sau khi gặp được chúa Kim, nói với chúa Kim rằng, mẫu thân ở thượng quốc, chẳng qua chỉ là một người già, nhưng đối với Tống thì lại hết sức quan trọng, nhất định phải thuyết phục, làm cảm động chúa Kim!

Tháng 8 năm Thiệu Hưng thứ 12, sau khi Vi hiền phi lưu lạc hoang mạc phía bắc hơn 15 năm, cùng với 3 quan tài, trở về nam đô Lâm An. Cao Tông vui mừng khôn xiết, đại xá thiên hạ, đồng thời cho rằng Tần Cối giết Nhạc Phi có công, tiến phong thái sư, Ngụy quốc công. Hậu cung đại Tống tổ chức yến tiệc chúc mừng vì trở thành thuộc quốc của Kim và đón thái hậu trở về – bên ngoài thâm cung lại đổ không biết bao nhiêu máu và nước mắt của các sĩ tử yêu nước.

Đoàn của Vi hiền phi phải đi mất 4 tháng. Dưới sự bảo hộ của sứ Kim Cao Cứ An, Hoàn Nhan Tông Hiền, họ đi qua Kim sơn, đi thuyền từ Đông Bình, sau đó từ Thanh Hà đến thẳng Sở Châu, vượt qua Hoài Thủy. Cao Tông lệnh cho tham chính Vương Thứ Ông làm phụng nghênh sứ, lệnh cho đệ đệ An Lạc vương Vi Uyên của Vi thái hậu, Ngô Quốc trưởng công chúa, Tần Lỗ quốc đại trưởng công chúa cùng nghênh tại đại đạo Hoài Thủy. Cao Tông đích thân đi giá đến Lâm Bình nghênh đón, dẫn theo thị tòng như Phổ An quận công, tể tướng đại thần, hai tỉnh, tam nha quân quân. Cảnh mẫu tử tương phùng tại Lâm Bình làm cảm động lòng người sâu sắc, hai người ôm nhau khóc lóc, rất mừng nhưng cũng rất đau lòng. Sau khi đến Lâm An, Vi thị được đưa vào hậu đình, ở tại Từ Ninh cung, lại bắt đầu cuộc sống ăn sung mặc sướng, lên tiếng là có người hầu hạ. Chiều thư chúc mừng trong ngoài được gửi đến liên tục, thiên hạ cùng chúc mừng. Cao Tông đưa mẫu thân tiến vào gia miếu, gia tộc họ Vi nhận quan đến hơn 2 ngàn người.

Cao Tông là đứa con có hiếu, nhưng lại là tội nhân phản bội quốc gia, phản bội dân tộc. Khi không thể song toàn cả 2 mặt hiếu với dân trung với nước, quốc gia đòi hỏi thần dân bỏ hiếu tận trung, không hối hận làm một thần dân có trách nhiệm đối với quốc gia. Còn hoàng thượng thì sao? Chẳng lẽ không nên làm thế? Nếu ngay cả những gì mà một thường dân nên làm cũng không thể làm, thì phong làm nhất quốc chi tôn để làm gì? Ông đã mất đi tư cách cai quản thiên hạ.

Vi thị là người vô tội, đáng được tôn kính. Nàng bị bắt tại nước địch 15 năm, không chịu khuất phục, cuối cùng cũng giữ được tự tôn của một hiền phi và thái hậu của một nước lớn. Khi người Kim đồng ý cho trở về Tống, Vi thị sợ người Kim nuốt lời, lập tức cho gọi thị tòng, chuẩn bị khởi hành. Khi đó đang là giữa hè tại sa mạc phương bắc, người Kim không vui vẻ lắm. Vi thị sợ lại xảy ra biến cố, bèn giả bệnh trên đường đi, thỉnh cầu đợi khi mát mẻ chút rồi hãy đi tiếp. Đồng thời, Vi thị vay tiền của sứ Kim, được 3 ngàn lượng vàng, thưởng cho mọi người, thế là, không có lời oán than trên đường đi, mọi việc diễn ra rất thuận lợi.

Vi thị tại sa mạc phương bắc, biết được một số sự tích chống Kim của đại tướng Hàn Thế Trung. Sau khi mẫu tử gặp nhau tại Lâm Bình, Vi thị lập tức đề nghị triệu kiến đại tướng Hàn Thế Trung, hỏi thăm căn cứ trước rềm. Sau khi trở về hậu cung, Cao Tông hầu hạ Vi thái hậu, thường đến nửa đêm cũng không muốn rời. Vi thái hậu bèn nói, con không cần như thế, hãy về sớm chút, thượng triều sớm chút, nếu không e rằng cản trở quốc gia đại sự. Vi thái hậu lại cảnh giới Cao Tông, nói bệ tòng của lương cung nên giống nhau, để tránh có sự phân biệt ta người, để mọi người bàn tán.

Sau khi Vi thị trở về cung, Cao Tông vẫn chưa lập hoàng hậu. Vi thị nhiều lần xin Cao Tông sắc lập, Cao Tông hiểu thảo, xin mẫu hậu giáng đạo thư tay, chuyện bên ngoài triều đình thì mình không nên can thiệp. Khi sắc lập hoàng hậu, Vi thái hậu hết sức thông thuộc tất cả điển lễ nghi chế trong cung, cung nhân không ai không khâm phục. Vì muốn Vi thái hậu trường thọ bình yên, Cao Tông còn cảnh cáo tùy tòng cung nhân, thái hậu tuổi đã cao, báo hi không báo ưu.

Bảy năm sau, tức năm Thiệu Hưng thứ 19, Vi thái hậu 70 tuổi. Hậu cung treo đèn sáng rực, chúc mừng thái hậu vạn thọ, thân thuộc ai nấy được thăng quan 1 bậc. Sau đó, thái hậu sức khỏe không tốt, nhiều tháng không ra khỏi cửa điện. Mẫu đơn nở rộ, Cao Tông bước vào hỏi thăm thái hậu, xin thái hậu thưởng hoa. Thái hậu tay cầm long trượng, chậm bước đến giữa lá xanh hoa đỏ, cảm thấy rất sung sướng. Thế là thái hậu đái yến tại hoa viên, hưởng tận một ngày. Thái hậu đau đốn do bệnh mắt, Cao Tông mời ngự y Hoàng Phổ Đan, chữa lành bệnh mắt cho thái hậu. Thái hậu được hưởng cuộc sống vui vẻ vào lúc cuối đời.

Mười năm tiếp theo cũng trôi qua như thế, tức năm Thiệu Hưng thứ 29, thái hậu 80 tuổi, đại thọ. Trong cung lại tổ chức lễ mừng thọ, thân thuộc họ Vi ai cũng được thăng quan 1 bậc. Phạm là thường dân tuổi trên 90, hoặc phụ mẫu của công sĩ tôn thất đủ 80 tuổi, đều được thụ phong quan chức. Sau đó, thái hậu bệnh liệt giường không dậy, Cao Tông bãi triều, để phò thần cầu trời đất, tông miếu, xã tắc, giữ thái hậu bình an. Ý trời không thể chống, cuối cùng thái hậu chết tại Từ Ninh cung. Thân thuộc họ Vi tiến trật 14 người, thụ quan 3 người.

Chương 18

Vụ án oan “Thập hương từ”

I. Hoàng hậu Tiêu Quan Âm trang nhã cao quý

Hoàng đế đời thứ 8 của nhà Liêu là Liêu Đạo Tông Gia Luật Hồng Cơ. Đại Liêu khi này trên căn bản đã được Hán hóa, các đế vương đều tôn trọng Nho thuật, ngưỡng mộ và tiếp nhận văn hóa Trung Nguyên. Đạo Tông kế vị năm 24 tuổi, thích Nho học, yêu thích thơ văn, có thể tự chế văn làm thơ. Liêu Đạo Tông là hoàng đế giỏi văn giỏi võ của nhà Liêu, do đó lịch sử nói ông tính tình trầm lặng, nghiêm nghị, mỗi lần thượng triều, phụ hoàng của ông là Liêu Hưng Tông đều nghiêm mặt lại. Đạo Tông là con trưởng của Hưng Tông Gia Luật Tông Chân. Hoàng hậu của Đạo Tông là Tuyên Ý hoàng hậu Tiêu thị. Người bị hại chính trong vụ án oan dâm từ “Thập hương từ” này chính là Tiêu hoàng hậu của Đạo Tông.

Tiêu thị tên thời con gái là Quan Âm, là con gái của khu mật sứ Tiêu Huệ, đệ đệ của Khâm Ai hoàng hậu, sinh mẫu của Hưng Tông. Sử viết nàng tư dung quán tuyết, giỏi thơ từ, luận bàn, có thể chế ca từ và ngâm xướng, còn giỏi đàn tì bà. Giữa năm Trọng Hi, Gia Luật Hồng Cơ làm Yên Triệu vương, nạp làm vương phi, tuổi mới 16. Nghe nói, khi mẫu thân mang thai nàng, mơ thấy ô mặt trắng, mặt trắng lên dần, ánh trắng soi rọi khắp nơi, cuối cùng bị một lớp mây đen che lấp rồi biến mất. Tiêu thị ra đời trong cơn mơ thần bí này, tuy vận mệnh không rõ ràng, nhưng thân hình lại hết sức khả ái, mẫu thân của nàng vui mừng trong lòng. Phụ thân của nàng biết được giấc mơ, tâm trạng hết sức nặng nề. Qua nhiều lần suy nghĩ, phụ thân nàng nghiêm mặt nói: Mây đen che lấp mặt trắng, là không đại cát, phạm thiên cẩu tiểu nhân; tiểu nữ giáng sinh vào tháng 5, chính là đại kị từ xưa đến nay; nữ nhi tuy có mệnh quý, nhưng e rằng không có kết cục tốt đẹp. Mẫu thân vừa mới sinh xong kinh hãi, cho dù tâm trạng nặng nề, nhưng quyết không đồng ý đưa con gái vào chùa xuất gia làm ni. Thế là Tiêu thị lớn lên trong gấm vóc lụa là, được giáo dục tốt nhất, 14 tuổi đã là một mỹ nhân nghiêng nước nghiêng thành, tài sắc song tuyệt, khiến cho người thấy mặt không ai không khen gọi nàng là Quan Âm. Mỹ danh của Quan Âm vì đó mà lan truyền khắp nơi.

Tiêu Quan Âm được đưa vào vương cung Triệu Yên vương vào năm 16 tuổi, có đủ mỹ sắc, tài nghệ, danh vọng môn đệ, do đó nhanh chóng được sắc phong làm vương phi. Năm thứ 2 sau khi vào vương cung, Hưng Tông qua đời, Gia Luật Hồng Cơ nhập chủ đại vị, trở thành Liêu Đạo Tông. Tang sự xong xuôi, Đạo Tông bèn lập vương phi Tiêu thị xinh đẹp phong nhã làm hoàng hậu mẫu nghi thiên hạ, tiến hành nghi lễ sắc lập long trọng. Nghi lễ sắc lập được cử hành tại điện Thanh Phong nguy nga. Hoàng hậu xinh đẹp mới 17 tuổi, đầu đeo vương miện vàng được trang trí bằng châu ngọc phi thủy, mặc chiếc bào bằng vải lĩnh trắng cao quý, đeo chiếc ngọc bội dây đỏ, chân mang đôi hài da trang nhã sáng chói, tham gia nghi lễ sắc phong long trọng dưới sự hộ vệ của 16 mệnh phụ. Sự trang nhã cao quý của Tiêu hoàng hậu, làm ngẩn ngơ Đạo Tông trẻ tuổi, càng làm cho trên dưới trong cung phải khâm phục, kính nể vô cùng, mọi người đều chân thành ca ngợi nàng.

II. Đế hậu cùng đi săn

Liêu là đế quốc hùng mạnh do Khiết Đan dựng nên. Khiết Đan là dân tộc du mục, sống rong ruổi theo nơi có đồng cỏ và nguồn nước. Liêu xây dựng được 4 kinh trong quá trình du mục và chinh chiến không ngừng: Lâm Hoàng phủ làm Thượng Kinh, Liêu Dương làm Đông Kinh, Đại Định làm Trung Kinh, U Châu làm Nam Kinh. Các đế vương nước Liêu có tập tục truyền thống được gọi là nại bát. “Doanh vệ chí” viết, tứ thời có nơi riêng, gọi là nại bát. Mùa xuân nại bát tại Áp Từ Hà Loan. Mùa hè nại bát không có chỗ thường xuyên, thường tại núi Thổ Nhi. Mùa thu nại bát tại rừng Phục Hồ. Mùa đông nại bát tại Quảng Bình Định. “Thông giám bổ biên” viết, chế độ Khiết Đan, ở có cung vệ, gọi Hàn Lỗ Tỏa; xuất có hành di, gọi nại bát. Khi Trung thư xá nhân Vương Sư Nho của Khiết Đan vào Tống cúng điệu, Tống Bàng Nguyên Anh tiếp sứ. Bàng thị hỏi Vương Sư Nho, nại bát có ý gì? Họ Vương trả lời: Là ngôn ngữ trong nhà Khiết Đan, ý nghĩa là hành tại (Đi và ở).

Khi hoàng đế nhà Liêu rời kinh sẵn bắn, thường do hoàng hậu hoặc tể tướng ở lại kinh trấn giữ. Khi sẵn bắn sử dụng trường da bò, ngựa lâm quân không được rời nửa bước, cho nên ngựa lâm quân của hoàng đế nhà Liêu được gọi là đại trưởng “bì thất” (nhà bằng da) quân. Mùa thu năm Hội Ninh thứ 2, Đạo Tông dẫn thần liêu, cận thần đến Hắc Sơn tiến hành nại bát mùa thu, lệnh cho Tiêu hoàng hậu xinh đẹp trẻ tuổi thị giá. Trước tiên, họ hành lễ tế núi, giết chết ngựa bạch, trâu hồng, dê đen, mỗi thứ một con, do hoàng đế thống dẫn hoàng hậu, mệnh phụ, cả người trang phục bằng nhung, tế thần núi, sau đó, tấu nhạc uống rượu. Ngày hôm sau bắt đầu sẵn bắn. Trước tiên, bắn nhận trên không trung, người bắn trúng con nhận đầu tiên sẽ hiến nhận cho hoàng đế. Hoàng đế hoàng hậu đãi yến, quần thần đông đủ, gọi là Đầu Nga yến. Trên yến, hoàng đế thưởng lông vũ trên đầu con nhận cho người bắn trúng, trở thành một niềm vinh hạnh đặc thù. Sau đó, hoàng đế tham dự sẵn bắn.

Trong mùa sẵn bắn tại Hắc sơn, Đạo Tông săn được một con hổ, hoàng thái hậu săn được một con gấu. Đạo Tông được quần thần hoan hô khen ngợi khi săn được hổ, tấu thỉnh thưởng tên cho vùng đất này là rừng Phục Hồ. Đạo Tông ưng chuẩn. Từ đó, rừng Phục Hồ trở thành nơi sẵn bắn vào mùa thu của hoàng đế nhà Liêu. Đạo Tông đãi yến quần thần, cùng nhau chúc mừng. Trên buổi tiệc vui vẻ, có ca múa, đấu vật để trợ hứng. Đạo Tông sủng ái Tiêu hoàng hậu, biết hoàng hậu đa tài, bèn lệnh cho hoàng hậu phú thi. Tiêu hoàng hậu suy nghĩ một hồi, ngâm lên rằng:

"Uy phong vạn lý chấn nam bang, đông khứ năng phiên áp lục giang.

Linh khoái đại thiên đô phá đản, ná giáo mãnh hổ bắt đầu hàng".

Phú thi khí thế hùng hồn, uy nghiêm thiên hạ. Đạo Tông và quần thần không ai không tán phục. Đạo Tông khen ngợi không ngừng, truyền khẩu dụ cho cận thần lập tức chép lại bài phú, để vạn dân cùng vui. Quần thần cùng nhau chúc mừng, vui vẻ khắp trời. Từ đó buổi đại yến được đẩy lên cao trào của sự vui vẻ. Đạo Tông càng sủng ái hoàng hậu hơn. Đạo Tông và hoàng hậu ân ái, đáng tiếc cả 3 năm vẫn chưa có con nối dõi. Thái hậu quyết định cử hành lễ tái sinh long trọng và trang nghiêm cho Đạo Tông. Thỉnh tiên đế thần linh hiển linh. Năm thứ 2 sau khi làm lễ tái sinh, Tiêu hoàng hậu mang thai sinh con trai, Đạo Tông thưởng tên là Gia Luật Tuấn.

Gia Luật Tuấn có tiểu tự là Y La Hàn, tướng mạo rất giống Đạo Tông, khi nhỏ thích học, giỏi văn, Đạo Tông hết sức yêu mến, nói: Đứa trẻ thông minh, quả thật là trời phú cho! Năm Thanh Ninh Đạo Tông thứ 9, Gia Luật Tuấn 6 tuổi, được phong làm Lương vương. Năm sau, Lương vương theo Đạo Tông đi săn, 3 phát trúng 3, Đạo Tông rất vui mừng, khen ngợi nói: Tổ tông chúng ta, cưỡi ngựa bắn tên hơn người, uy chấn thiên hạ. Đứa trẻ này tuy còn nhỏ, nhưng không mất uy phong! Sau đó gặp 10 con hươu, Lương

vương bắn được 9 con. Đạo Tông vui mừng đãi tiệc lớn chúc mừng. Một năm sau, Lương vương được sắc phong làm thái tử.

Đạo Tông yêu Tiêu hoàng hậu, và cũng rất yêu hoàng thái tử do hoàng hậu sinh ra. Đáng tiếc gian thần làm bậy, vô cớ tạo ra một vụ án oan dân tử, kết quả chôn vùi Tiêu hoàng hậu, cũng chôn vùi cả thái tử, cũng vì đó mà nước Liêu ngày một xuống dốc, đi đến đường cùng, chỉ truyền được một đời 15 năm thì diệt vong. Vụ án oan dân tử này kỳ lạ, có thể nói là có một không hai trong lịch sử đế hậu.

III. Nguồn gốc tai họa

Nguồn gốc tai họa bắt đầu từ buổi tiệc chúc mừng hoàng thái tử mười tuổi tên bắn trúng 9 con hươu vào mùa săn bắn mùa thu tại Xích sơn. Thái tử được thiên phú như thế, Đạo Tông đương nhiên rất vui mừng, ra lệnh tổ chức đại yến 3 ngày. Tiếng cười nói ăn uống không ngừng trong suốt 3 ngày đêm tại giữa rừng âm u Xích Sơn. Yến tiệc 3 ngày, hoàng tộc đương nhiên tham gia. Người có địa vị cao nhất trong hoàng tộc chính là hoàng thái thúc Gia Luật Trọng Nguyên. Trọng Nguyên là đệ đệ cùng mẹ của phụ thân Đạo Tông Liêu Hưng Tông, năm xưa Hưng Tông được kế hoàng vị, Trọng Nguyên có công dìu dắt, nên rất được Hưng Tông kính yêu. Sau khi Đạo Tông kế vị, lễ kính thái thúc Trọng Nguyên, uỷ ông làm Nguyên soái bình mã thiên hạ. Ba ngày yến tiệc tận hoan, Trọng Nguyên và phi tử Tiêu thị của ông cũng tham gia. Tiêu phi tuy đã luống tuổi, nhưng trang điểm rất đậm, cử chỉ lẳng lơ. Tiêu hoàng hậu trang nghiêm nhìn thấy đương nhiên không hài lòng. Tiêu hoàng hậu bèn một mình triệu Tiêu phi đến trướng tọa của mình, cảnh cáo Tiêu phi rằng: Người là quý gia phụ nữ, hà tất phải làm thế!

Tiêu phi là thục mẫu của hoàng hậu, tuổi lại lớn hơn nhiều, lời cảnh cáo của Tiêu hậu tuy nhẹ nhàng, nhưng làm sao bà chịu nổi? Huống hồ lòng dạ bà hẹp hòi, lại rất hay tính toán. Tai họa đã nảy sinh từ đó. Trước tiên, Tiêu phi quần lấy Trọng Nguyên, muốn ông tìm cách đoạt lại hoàng vị, Trọng Nguyên do dự không quyết. Tiêu phi sinh một con trai, tên là Liệt Lỗ Cổ, tính tình cay độc nham hiểm, lại rất ngông cuồng tự đắc, không coi ai ra gì. Đạo Tông phong Liệt Lỗ Cổ làm Sở vương, bá quan Nam viện khu mật sứ, hơn 20 tuổi đã nắm trọng quyền, cao quý hiển tước, Sở vương càng không nể nang bất kỳ một ai. Tiêu phi xúi giục Trọng Nguyên không thành, bèn chuyển hy vọng sang đứa con trai nắm trọng quyền, chẳng coi ai ra gì của mình. Liệt Lỗ Cổ đương nhiên vui vẻ nhận lời, đồng thời sáng suốt đề ra, muốn lấy lại đế vị, trước tiên phải giám sát mọi hành động của hoàng đế; muốn biết được từng hành động của hoàng đế, thì phải kết giao với cận thần hầu hạ hoàng đế.

Khi đó, cận thần hầu hạ được Đạo Tông sủng ái nhất là Gia Luật Át Tân. Át Tân vốn chỉ là con trai của một người dân du mục, cha của hắn sống bằng nghề chăn dê. Không ngờ một người chăn dê chất phác lại sinh ra một đứa con trai thông minh tuyệt đỉnh, có nhiều quý kẻ. Át Tân thông minh lanh lợi, lại tuấn tú đẹp trai, biết nhìn sắc mặt mà nói chuyện, tỉ mỉ cẩn thận, do đó rất được Đạo Tông yêu thích. Át Tân từ một tên hầu hạ thân cận chuyên quần bút nghiên nhanh chóng được thăng lên làm Bảo hộ thái bảo.

Sở vương Liệt Lỗ Cổ liên lạc với 6 người trong đó có người cậu làm Bắc viện tri sự Tiêu Hồ Mục, Tiêu Diệp Lý Đắc, và Trần Lục, xem là tâm phúc, cùng nhau bàn bạc cách lôi kéo Gia Luật Át Tân làm nội ứng, và hứa rằng sau khi thành công, sẽ phong quan cao chức trọng. Kế hoạch của Liệt Lỗ Cổ là giả xưng phụ thân Gia Luật Trọng Nguyên bệnh nặng, sau khi nghe tin chắc chắn Đạo Tông sẽ nhanh chóng đến thăm nom, đợi Đạo Tông vừa đến, lập tức giết chết, sau đó triệu tập trọng binh đi thẳng đến hoàng cung, đưa phụ thân Trọng Nguyên đăng cơ.

Gia Luật Át Tân tiếp xúc với Sở vương, biết được âm mưu của Sở vương, Át Tân bèn tính từ một góc độ khác: Kế hoạch này chắc chắn thành công, tuy nhiên sau khi thành công, Sở vương khó mà thoát khỏi tội phản nghịch, cả nước cũng sẽ cùng nhau phản đối, Sở vương có thể làm chủ thiên hạ sao? E rằng rất khó. Như thế, cho dù thành công hay thất bại, tính mạng gia đình mình cũng khó mà bảo toàn. Nếu mượn cơ hội này mật báo với Đạo Tông, như thế chắc chắn sẽ được Đạo Tông tin tưởng cả đời, và phú quý tôn hiển chỉ dưới mỗi một hoàng đế, chuyện tốt như thế tại sao lại không làm nhỉ? Thế là Át Tân quyết lập mưu trở giáo.

IV. Ất Tân đắc sủng

Sở vương Liệt Lỗ Cổ tôn công lập kế hoạch, cuối cùng cũng thuyết phục được phụ thân Trọng Nguyên, rồi nghiêm túc thực hiện kế hoạch đã vạch ra, tuyển 200 binh sĩ thân tín, mai phục tại phủ đệ Trọng Nguyên. Khi Đạo Tông đi săn tại Trung Kinh, Tông nhân phủ phái người đến hành dinh bẩm báo, nguyên soái binh mã hoàng thái thúc Trọng Nguyên bệnh nặng. Ất Tân thấy thời cơ đã chín muồi, bèn từ kinh sư chạy thẳng đến hành cung, báo với Đạo Tông. Kết quả không cần nói cũng hiểu, Sở vương Liệt Lỗ Cổ bị giết, Trọng Nguyên rút kiếm tự tử. Đạo Tông hỏi kinh, bắt hết đồng đảng của Trọng Nguyên. Tiêu phi tự vẫn.

Biến cố này giúp cho Ất Tân được sự tín nhiệm của Đạo Tông, một bước lên trời xanh. Đạo Tông ủy hấn làm Bắc viện khu mật sứ, quyền vị cao trọng, đồng thời thưởng phủ đệ hào hoa của Trọng Nguyên cho hấn. Ất Tân theo hầu Đạo Tông nhiều năm, biết rõ tính cách của Đạo Tông. Đạo Tông tính tình đa nghi, từ sau vụ Trọng Nguyên mưu phản, ông càng nhạy cảm hơn, không tin tưởng vào bất cứ thứ gì. Ất Tân được làm tâm phúc, thường thăm dò chuyện riêng tư trong ngoài, tấu báo với Đạo Tông, đồng thời tuyển chọn rộng rãi mỹ nữ, không tiếc ép em dâu của mình ly hôn, hiến tặng cho Đạo Tông. Địa vị của Ất Tân trong triều đình ngày càng ổn định.

Thế lực Ất Tân bành trướng, tiến cử tiến sĩ Trương Hiếu Kiệt và Tiêu Thập Tam làm tư đảng và tâm phúc. Trương Hiếu Kiệt giỏi văn, đa mưu, Ất Tân cử hấn làm Khu mật viện tham sự; Tiêu Thập Tam giỏi võ, quyết đoán, Ất Tân ủy hấn làm Tiền điện phó kiểm điểm, chủ quản chuyện bảo vệ ban đêm. Đạo Tông ngày càng tín nhiệm Ất Tân, nên phong hấn làm Triệu vương, giao cho hấn nhiều việc lớn trong quân, Ất Tân thế khuynh triều dã. Vụ án dâm tử do một tay Ất Tân thao túng và tạo ra.

Đạo Tông thích săn bắn. Ất Tân chọn nhiều ngựa hay cho Đạo Tông, cuối cùng được một con tuần mã cả người trắng phau, sung mãn, chạy nhanh như sét đuổi gió, hiến tặng cho Đạo Tông. Đạo Tông vui mừng khôn xiết, thưởng tuần mã tên Điện Phi. Đạo Tông suốt ngày cưỡi Điện Phi đi săn bắn, vui vẻ vô cùng. Điện Phi của Đạo Tông cực nhanh, chạy hơn 10 dặm, thị vệ bị bỏ xa. Tình hình này, Tiêu hoàng hậu hết sức lo lắng, sợ có bất trắc. Tiêu hoàng hậu biết hành vi của Ất Tân, thấy Ất Tân thân làm tể tướng, không phò chính vụ, mà cứ đưa Đạo Tông du chơi suốt ngày, đó không phải là tướng giỏi, chắc chắn là người đê tiện, tâm tà bất chánh. Thế là, Tiêu hoàng hậu tìm được cơ hội khéo léo tiến tấu với Đạo Tông, hy vọng Đạo Tông không nên chìm đắm trong du săn, càng không nên giao hết chính vụ cho Ất Tân, đề phòng biến loạn Trọng Nguyên sẽ lặp lại.

V. Vụ án oan lớn thứ 2 trong thâm cung (phần đầu)

Lời tiến ngôn của Tiêu hậu gây được sự chú ý của Đạo Tông. Đạo Tông cảnh giác, thấy thái tử đã 16 tuổi, nên tập rèn chính sự, thay thế cho Ất Tân. Đạo Tông hạ chỉ phong thái tử làm Yên Triệu quốc vương, tham dự triều chính, tấu sự của các bộ trình lên thái tử trước. Thái tử nhân ái thiên hạ, chính trực vô tư. Thái tử biết hết mọi hành vi của Ất Tân, đương nhiên không thể chung đường với hắn, do đó nghi ngờ và cảnh giác Ất Tân. Thái tử tham dự quốc chính, bắt đầu tăng cường khống chế Ất Tân. Ất Tân biết rằng một khi thái tử kế vị, hắn sẽ chết không có đất chôn, thế là lập độc kế.

Đạo Tông tại vị 46 năm, chết khi 68 tuổi. Vào tuổi trung niên, Tiêu hoàng hậu phai sắc, Đạo Tông thường đưa ái phi khác tuần hành khắp nơi, đến khắp nơi săn bắn. Thái tử ở lại canh giữ Trung Kinh. Tiêu hoàng hậu trung niên thích tịnh, cũng rất có kiến thức, cũng được giữ lại Trung Kinh. Đạo Tông không còn yêu hoàng hậu như xưa, lại chán ghét nàng can gián, phản đối việc xuất ngoại săn bắn. Do đó, Đạo Tông trở về kinh sư, cũng không đến cung hoàng hậu, mà đi cung thất khác sủng hạnh những mỹ nhân xinh đẹp trẻ trung khác. Hoàng hậu tuổi đang sung mãn, làm sao chịu được cảnh cô độc một mình trong đêm vắng lặng, mong cứu vãn lại tình yêu ngày xưa với Đạo Tông. Nàng đêm khó ngủ, viết bài từ “Hồi Tâm viện”.

Hiển nhiên, hoàng hậu đa tình nhưng lạnh lẽo như một cây củi khô, có chút gượng không nổi. Hoàng hậu viết xong bài từ này, để các đào kép đàn hát. Khi đó, đào kép trong cung chỉ có quan kép Triệu Duy Nhất phổ thành nhạc khúc, có thể diễn tấu đàn hát một cách thành thực, do đó, Triệu Duy Nhất thường được kiến triệu, tự do ra vào cung cấm, ở bên Tiêu hoàng hậu.

Gia Luật Ất Tân đối mặt với sự khiêu chiến của thái tử, biết lành ít dữ nhiều, bèn triệu tâm phúc Trương Hiếu Kiệt, Tiêu Thập Tam bàn bạc đối sách. Qua bí mật bàn bạc, quyết định bắt tay từ hoàng hậu lâu ngày giữ phòng không gối chiếu, tiếp đó lật đổ cả hoàng hậu và thái tử. Bước đầu tiên của kế sách, là gán một tâm phúc bên cạnh hoàng hậu, nắm rõ từng hành động trong ngày của hoàng hậu, tùy cơ hành động. Ất Tân được Đạo Tông tín nhiệm, tiếp nhận phủ đệ của Trọng Nguyên do Đạo Tông ban thưởng, đồng thời tiếp nhận ca nữ trong phủ đệ. Trong số các ca nữ, có một cô gái tên Đơn Đăng, giỏi thổi sáo và gảy đàn tì bà. Đơn Đăng đã xuất giá, chồng là nghệ nhân giáo phường Chu Đình Hạc. Ất Tân bỏ ra nhiều tiền để mua chuộc Đơn Đăng và Chu Đình Hạc, qua một lần bày bố tình tế, đưa Đơn Đăng vào trong cung hoàng hậu, hầu hạ Tiêu hậu thích âm nhạc. Tiêu hậu rất tán thưởng Đơn Đăng, để nàng hầu hạ bên cạnh. Đơn Đăng lấy được sự tín nhiệm của Tiêu hậu, nên thường bẩm báo tất cả những hành động của Tiêu hậu với Ất Tân.

Ất Tân biết hết tất cả các chuyện từ bài từ “Hồi Tâm viện” của Tiêu hậu và kép quan Triệu Duy Nhất ra vào cấm cung. Cũng được biết có lúc Tiêu hậu đối đàn cầm khúc với Triệu Duy Nhất, có lúc lại ban thưởng. Khi Tiêu hậu thấy trống vắng, thường điền phú làm thơ, hoặc chép kinh phạt. Độc kế của Ất Tân đã có diễm khởi đầu. Ất Tân triệu Trương Hiếu Kiệt, Tiêu Thập Tam bàn bạc đại kế. Thế là, Trương Hiếu Kiệt phụng mệnh viết một bài dâm từ “Thập hương từ”. Bài dâm từ viết xong, giao cho Đơn Đăng vào ngày hôm sau.

Đơn Đăng miệng mồm lạnh lợi, rất khôn ngoan. Một hôm, Tiêu hậu thấy buồn vô vị, lại ngồi ngay trước bàn, cầm bút làm thơ. Đơn Đăng biết Tiêu hậu trống vắng, tấm lòng rộng mở đã lâu thì cực kì thêm muốn. Thế là, Đơn Đăng lấy ra bài “Thập hương từ”, đưa cho Tiêu hậu, nói với Tiêu hậu, đây là do chép lại từ bên ngoài, nghe nói là tác phẩm của hoàng hậu nước Tống. Tiêu hậu mở ra xem, bất giác rung mình sợ hãi.

Tiêu hậu như cây khô gặp mưa dầm, đọc rất say sưa thú vị, thấy thoải mái hơn nhiều. Tiêu hậu phát hiện Đơn Đăng còn đứng bên cạnh, nhìn bà một cách vui rạo rực, hỏi viết thế nào? Tiêu hậu từ tốn trả lời, viết hay thì thật là hay, nhưng hơi phóng đãng, không ngờ hoàng hậu nước Tống lại to gan như thế, dám viết bài thơ như thế. Thế là Đơn Đăng cười nói thỉnh cầu, nô tài cũng muốn một bài thơ hay thế này, nếu hoàng hậu có thể viết tay thưởng cho nô tài, thì thật là không gì tuyệt hơn. Tiêu hoàng hậu cười, không nghĩ ngợi gì, chép lại một bản, chép một cách thoải mái. Chép xong, hứng thú vẫn còn, Tiêu hậu lại viết thêm mấy câu thơ phía sau.

VI. Vụ án oan lớn thứ 2 trong thâm cung (Phần cuối)

Đó là vào tháng 10 năm Thái Khang thứ nhất, Đạo Tông ra ngoài đi săn trở về. Ất Tân lệnh cho Đơn Đăng, Chu Đình Hạc đến Bắc viện tấu báo, báo Tiêu hoàng hậu và kếp quan Triệu Duy Nhất thông gian, đồng thời trình lên vật chứng là “Thập hương từ” và bài thơ của Tiêu hậu. Đạo Tông kinh ngạc, tức giận đến mức mặt tái xanh, không bao giờ nghĩ rằng một Tiêu hậu đoan trang có lẽ như thế lại dám làm ra những chuyện này! Sau cơn tức giận, Đạo Tông có chút nghỉ ngơi, hỏi dăm từ dăm thơ này làm sao đến được tay Đơn Đăng? Ất Tân trả lời, Triệu Duy Nhất và Chu Đình Hạc là bạn tâm giao, một hôm, Triệu Duy Nhất say rượu, đưa ra bài dăm từ này, khoe khoang trước mặt Chu Đình Hạc. Chu Đình Hạc không tin, bèn hỏi thê tử Đơn Đăng. Đơn Đăng là thị nữ của hoàng hậu, không rời hoàng hậu nửa bước, chứng thực đúng là có chuyện này. Chu Đình Hạc sợ hãi, bèn chuốc say Triệu Duy Nhất, lấy lại thơ từ, cùng thê tử Đơn Đăng đến Bắc viện trình báo. Đạo Tông tức giận run rẩy cả người. Ất Tân thừa cơ tiến tấu, nói chuyện lớn như thế, vì thần không dám che giấu, lập tức bẩm báo, nhưng chuyện này không nên phô trương, hoàng thượng có thể truyền Đơn Đăng một mình tra hỏi.

Đạo Tông không thể không tin lời nói của Ất Tân. Đạo Tông truyền hỏi Đơn Đăng, lời lẽ y như của Ất Tân, chỉ là càng chi tiết, tỉ mỉ, nhiều màu sắc hơn. Đến cuối cùng, còn nói có lần ả đứng ngoài cửa sổ nghe trộm, chỉ nghe tiếng cười nói từ trong phòng, tiếp đó nghe hoàng hậu nói: Có thể phong người làm Hữu dụng lang quân. Triệu Duy Nhất nói: Nô tài làm sao sánh được chân long thiên tử. Hoàng hậu trả lời: Cái gì mà chân long thiên tử, chỉ là một con rồng lười mà thôi!

Đạo Tông như sét đánh ngang tai, giận đến hoa cả mắt, chẳng nói được một câu. Đạo Tông lập tức triệu Tiêu hậu đối chất. Tiêu hậu chẳng biết gì, thấy kỳ lạ tại sao hoàng thượng lại triệu mình gấp như thế? Tiêu hậu đến cung Kiến Xương, chỉ thấy Đạo Tông ngồi trên ngai vàng với vẻ mặt trầm tư, mắt đờ đờ sát khí, rất hiếm khi thấy đáng vẻ này. Tiêu hậu kinh ngạc hỏi xảy ra chuyện gì? Đạo Tông nổi giận dùng đũa ném “Thập hương từ” về phía Tiêu hậu, lạnh lùng nói: Người tự xem đi. Tiêu hậu nhặt “Thập hương từ” lên, lòng thất lại, nhưng vẫn từ tốn nói ra sự thật: Đó là do thiếp tự chép, chứ không phải do thiếp sáng tác.

Đạo Tông chất vấn từ từ, hỏi đến mức Tiêu hậu ngẩn người ra. Tiêu hậu định thần, mới biết mình đã bị Đơn Đăng bán đứng và hãm hại. Tiêu hậu mắng chửi Đơn Đăng, nói ả ngậm máu phun người, mong Đạo Tông đừng nghe lời nói một phía của ả. Nhưng Đạo Tông lạnh lùng nói, bài thơ này là thân bút của người, viết đến dăm ô như thế, nên giải thích thế nào? Tiêu hậu kể lại quá trình của sự việc một lần nữa, nói trong bài từ có viết về dẫu tằm, đó hiển nhiên là đời Tống, chứ triều đại của mình không có tục trồng dẫu nuôi tằm. Đạo Tông đã cho rằng chuyện này là có thật, có nhân chứng lại có vật chứng, hoàng hậu chẳng qua là đang狡辯 mà thôi. Đạo Tông lại lạnh lùng chất vấn: Bồn triều không có tục trồng dẫu nuôi tằm, thế "phụng hải phao hợp phùng" (ném hải phượng đi mà ôm ấp nhau) trong bài từ thì nên giải thích thế nào? Tiêu hậu bị hỏi đến mức cứng lưỡi không biết nói gì.

Đạo Tông thấy Tiêu hậu không có gì đối đáp, cho rằng là hết lý, vậy thì gian tình chắc chắn có thật! Đạo Tông tức giận vô cùng, thuận tay nắm lấy nụ hoa sắt gắn bên cạnh ngự tọa, tức giận đâm thẳng vào Tiêu hậu. Tiêu hậu tránh được, nụ hoa sắt đâm vào vai, máu tuôn xối xả, Tiêu hậu kêu khóc thất thanh. Đạo Tông mắng Tiêu hậu là tiện nhân, ra lệnh tống nàng vào biệt viện giam lỏng, bắt giam Triệu Duy Nhất do cùng tội với Tiêu hậu. Trước khi đi, Tiêu hậu vẫn ra sức giải thích, chỉ trích Đạo Tông nghe lời kẻ gian, vu oan người tốt, mai này chắc sẽ hối hận. Đạo Tông chẳng hề nghe.

Đạo Tông căn bản cho rằng gian tình là có thật, sau khi giam Tiêu hậu trong biệt cung, giao vụ án này

cho Ất Tân xử lý. Ất Tân phái tâm phúc Trương Hiếu Kiệt xử lý vụ án. Trương thi hành ngũ độc với Triệu Duy Nhất, Triệu chịu không nổi đau đớn, viết bản cung trạng. Ất Tân lại thượng tấu theo sự thật. Triều thần ai nấy đều kinh động, nhưng cũng có người sáng suốt nghi ngờ sự thật của vụ án này, nhất là khu mật sứ Tiêu Duy Tín. Họ Tiêu và mấy vị đại thần gặp Ất Tân, phân trần rõ ràng: Tiêu hậu được mọi người tôn kính bởi hiền đức, đã sinh ra và dưỡng dục thái tử, mẫu nghi thiên hạ, hơn nữa đã có tôn tự, làm sao có thể nghe lời nô tì khiến thái hậu hàm oan? Khu tướng thân làm phò bật, không nghĩ đến chuyện hóa giải, ngược lại làm lớn chuyện, thiên hạ làm sao tin phục! Các đại thần nào biết, vụ án oan lớn này chính do một tay Ất Tân tạo ra.

Ất Tân, Trương Hiếu Kiệt tấu lên bản cung của Triệu Duy Nhất. Đạo Tông thấy bài “Hoài cổ thi” do hoàng hậu đề phía sau bản dăm từ mà có chút nghi ngờ. Đạo Tông nói, “Hoài cổ thi” này là mắng chửi Hán hoàng hậu Triệu Phi Yến, làm sao hoàng hậu lại viết bài này? Từ trước, Trương Hiếu Kiệt đã nghiên cứu rõ đúng là xuất phát từ bài “Hoài cổ thi” của hoàng hậu. Khi đó, họ Trương từ tốn trả lời, đây là bài thơ hoàng hậu nhớ nhung Triệu Duy Nhất. Đạo Tông kinh ngạc lần nữa, hỏi căn cứ vào đâu? Họ Trương nói, câu một và câu ba trong bài thơ đều có 3 chữ Triệu Duy Nhất. Đạo Tông không thể nhẫn nại nữa, lập tức hạ lệnh, tru di tam tộc Triệu Duy Nhất, thưởng cho hoàng hậu tự vẫn.

Sau khi lệnh hành quyết ban xuống, thái tử chẳng lo nghĩ đến chuyện gì khác, lập tức đến trước Đạo Tông cầu xin. Đạo Tông phải tay bỏ đi. Nội quan mang theo một mảnh vải trắng, đến trước Tiêu hậu. Tiêu hậu nước mắt như mưa, trước khi lâm chung, hàng trăm cảm xúc dâng trào, cầm bút viết bài “Tuyệt mệnh từ”, sau đó đóng cửa tự vẫn, tuổi mới 36. Đạo Tông vẫn chưa hả giận, ra lệnh lột sạch trang phục của Tiêu hậu, lấy chiếu cỏ gói thi thể lại đưa về nhà Tiêu hậu. Đó thật sự là sự sỉ nhục lớn nhất. Thái tử được tin mẫu thân tự vẫn, mắng chửi Khu tướng Gia Luật Ất Tân. Phò mã đô úy Tiêu Hạ Mạt là tư đảng của Ất Tân, sau khi Tiêu hậu chết, Ất Tân thuyết phục được Đạo Tông, chọn em gái Tiêu Thân Tư của Tiêu Hạ Mạt vào cung, năm sau, sắc Tiêu Thân Tư làm hoàng hậu. Ất Tân hy vọng Thân Tư sớm sinh hoàng tử, từ đó thay thế cho thái tử. Tuy nhiên, Thân Tư được sủng ái nhiều năm, vẫn không có tằm hơi gì. Ất Tân càng được sủng tin, Đạo Tông phong hấn làm Ngụy vương, bá quan thái sư. Trương Hiếu Kiệt nhậm chức thừa tướng, đồng thời được thưởng quốc tính Gia Luật. Đạo Tông khen ngợi nói: Địch Nhân Kiệt là danh tướng triều Đường, Trương Hiếu Kiệt là tướng tài của ta, có thể đổi tên Nhân Kiệt.

Ất Tân bố trí thỏa đáng, bèn vu cáo thái tử ôm hận trong lòng, kết bè kết đảng, muốn phế Đạo Tông để tự lập. Bè cánh của Ất Tân là Hộ vệ thái bảo Gia Luật Tra Thích tổ giác Đô cung sứ Gia Luật Túc Tấn, hộ vệ Tiêu Hốt Cổ, chuẩn bị liên lạc với thị vệ trong cung, phế bỏ Đạo Tông, đưa thái tử lên ngôi. Đạo Tông được báo, đề thận trọng, lệnh cho Bắc viện đại vương Hòa Lễ Hân, Nam viện đại vương Gia Luật Ngô Ca cùng nhau tra xét. Ất Tân lại lệnh cho tâm phúc Bài ẩn lang Tiêu Hóa Đô Hân ra tự thú, nói hấn từng tham gia mưu phản cùng thái tử, chuẩn bị giết chết Ất Tân, lập thái tử. Đạo Tông tin tưởng, lập tức giam lỏng thái tử, lệnh cho Tả di li tất Gia Luật Yến Ca thẩm vấn.

Gia Luật Yến Ca là đường huynh của thái tử, nhưng lại là bè cánh của Ất Tân. Cuối cùng thái tử tường thuật nói, hoàng thượng chỉ có ta là con trai, ta sẽ được kế vị, tuyệt đối không thể làm những việc phản nghịch, mong huynh đệ niệm tình ta bất hạnh, bẩm báo với phụ hoàng tội phản nghịch là do Ất Tân gán ghép để hãm hại ta. Tiêu Thập Tam ép buộc Yến Ca thay đổi cung từ, nói thái tử nhận tội. Yến Ca suy nghĩ, một khi thái tử bị phế, Đạo Tông lại không có con trai khác, mình có sự ủng hộ của đám Ất Tân, chẳng lẽ không thể thế chỗ của thái tử sao? Yến Ca chấp nhận sự sắp xếp của Ất Tân, Tiêu Thập Tam. Thế là, Đạo Tông phế thái tử làm thường dân, ra lệnh giam tại Thượng Kinh, do Tiêu Thập Tam áp giải. Thái tử bị áp giải đi Thượng Kinh trong chiếc xe tù kín mít, bị giam trong một căn nhà đất cũ nát. Tiêu Đạt Đắc canh giữ Thượng Kinh là tư đảng của Ất Tân. Ất Tân lệnh cho tâm phúc Tiêu Đạt Lễ đến Thượng Kinh, bỏ độc vào trong thức ăn của thái tử. Thái tử trúng độc mà chết, tuổi mới 20.

Chương 19

Trong cung Bắc Mạc

I. Nhận giai nhân bằng giọng nói

Nguyên phi Lý Sư Nhi xuất thân hèn kém, phụ thân Lý Tương, mẫu thân Vương Phán Nhi, đều là tiểu dân hàn vi. Lý Tương phạm tội, cả nhà bị cai quản trong cung. Cuối đời Kim Thế Tông Đại Định, Lý Sư Nhi được tuyển vào cung với tư cách là con gái của giám hộ, trở thành một cung nữ. Cung nữ trong cung rất nhiều, mỗi năm phải chọn ra một số cung nữ thông minh lanh lợi để nhận cung giáo, rồi chọn ra người ưu tú nhất để hầu hạ hoàng đế và hậu phi. Lý Sư Nhi có giọng nói trong trẻo, rất hiểu ý người, hầu hạ rất hết lòng, nên được chọn ra tiếp nhận lớp học cung giáo.

Theo quy định trong cung đời Kim, khi học cung giáo, quan dạy cung giáo và cung nữ phải được ngăn cách bằng tấm bình phong mỏng. Quan dạy cung giáo bên ngoài tấm bình phong, cung nữ bên trong, quan dạy cung giáo và cung nữ không được nhìn mặt nhau. Nếu cung nữ có chữ không biết, hoặc muốn hỏi chữ nghĩa và văn nghĩa, cũng phải đứng bên trong tấm bình phong, dán chữ đó lên tấm bình phong, cho quan cung giáo xem, quan cung giáo giải thích, chỉ dạy cho cung nữ từ phía ngoài tấm bình phong. Cho nên, cung giáo thời Kim, quan cung giáo và cung nữ không bao giờ biết nhau, họ hoàn thành khóa học, truyền thụ kiến thức thông qua âm thanh.

Khi đó, quan cung giáo dạy cho đám cung nữ Lý Sư Nhi tên là Trương Kiến. Trương Kiến biết có một cung nữ tư chất thông minh, rất tài giỏi trong quá trình dạy cung giáo. Chỉ biết tiếng nói độc đáo, trong trẻo của nàng, nhưng không biết vị cung nữ này là ai. Có một lần, Kim Chương Tông đến nơi dạy cung giáo, hỏi cung giáo quan Trương Kiến, trong số các cung nữ học cung giáo, ai giỏi nhất? Trương Kiến trả lời nói: Trong số họ, người có giọng nói trong trẻo là giỏi nhất. Chương Tông bèn chọn ra cô gái này, giữ bên cạnh, nàng chính là Lý Sư Nhi.

Trương Kiến tự Cát Phổ, người Phổ Thành. Sơ niên Minh Xương, ông được chọn làm giáo quan nhờ tài hạnh của mình, rồi được tuyển làm quan cung giáo, ứng cử Hàn lâm văn tự. Kim Chương Tông từng thưởng văn thơ cho Trương Kiến. Do đó Trương Kiến được hiển vinh sĩ lâm. Trương Kiến có con mắt nhìn người, Chương Tông lại tri ngộ Trương Kiến, có thể thấy Chương Tông có con mắt tinh đời và kiến thức tài cao. Trương Kiến tự hiệu là Lan Tuyền lão nhân. Quan cung giáo còn có Mao Mặc, Chu Lan.

II. Từ thực phi đến nguyên phi

Chương Tông thích văn thơ, đối đãi bằng trọng lễ với văn sĩ có tài văn thơ xuất chúng, đương nhiên càng sùng ái không thôi đối với các cô gái tài hoa. Hoạnquan Lương Đạo rất kính trọng Lý Sư Nhi, thần phục nhân phẩm đoan trang, văn tài hoa mỹ của Lý Sư Nhi, ông ra sức khuyên Chương Tông nạp Lý Sư Nhi làm phi. Chương Tông triệu hạnh Lý Sư Nhi, biết cô gái có bề ngoài bình thường này lại thông minh hơn người, thông văn giỏi tự, tri đạt văn nghĩa, tận tâm tận tình. Chương Tông ngày càng sùng hạnh, ngày càng yêu mến Lý Sư Nhi. Năm Minh Xương thứ 4, Chương Tông phong Lý Sư Nhi làm chiêu dung, năm sau tiến phong Lý Sư Nhi làm thực phi. Phụ thân Lý Tương của Lý Sư Nhi cũng được truy tặng Kim Tử Quang Lộc đại phu, Thượng trụ quốc, Lũng Tây quận công. Cả tổ phụ, tăng tổ phụ cũng nhất loạt được truy tặng.

Anh Lý Hỉ Nhi của Lý Sư Nhi từng là tên trộm, lúc này do Lý Sư Nhi kiến hạnh, Lý Hỉ Nhi và em trai Lý Thiết Ca của Lý Sư Nhi cũng được tuyển làm cận thị, hai người này thế khuynh triều dã, phong thái kinh động bốn phương, dẫn đến triều đình xao động, những tên tranh quyền đoạt lợi tranh nhau đến cửa nhà họ. Nam Kinh Lý Bính, Trung Sơn Lý Trước đều liên hệ với huynh đệ họ Lý, bá nhận đồng tông, kết quả được nhậm trọng quan, phú quý vô cùng. Tế Tri Quốc do một lòng trung quốc, xuất nhậm tể tướng, ngày đêm củng cố tài lộc và quyền vị, khiến cho triều đình náo loạn, trên dưới tranh giành.

Kẻ tranh nhau xu nịnh như nước sông tràn bờ, không thể ngăn cản. Nhưng trong triều cũng có vài tảng đá giữ mình trong sạch. Lý Bính nhận Tông nhậm án sát, Lý Trước là hàn lâm, Lý An người Cao Bình lại từ chối nhận đồng tông, luôn đứng thẳng làm sĩ lâm chính trực. Lý An là tiến sĩ lần lượt làm ngự sử trung thừa, lễ bộ thượng thư, chiêu nghĩa tiết độ, sau khi chết được thụy (đặt tên của người chết theo công lao của họ) là Văn Giản, cả đời trong sạch, không nhiễm bụi trần. Nguyên Hảo Vấn nói, Lý An là cựu thần của Thế Tông Phan Đế, văn tài xuất chúng, triệu vào hàn lâm, thụ làm học sĩ, do tài cao học rộng nên độc bộ đương thế. Thơ “Cao Lê bình châu trung hòa quán hậu thảo đình” của Lý An rất nổi tiếng, cũng viết nên nhân phẩm và đạo đức của ông.

Lý An không xu nịnh tranh giành, nhưng cũng không gây chuyện rắc rối. Đại thần trong triều Cơ Đoan Tu, Đồng Sư Trung, Đồ Khắc Thân Ích, Điền Đình Phương đều biết phân rõ thị phi, dám thẳng thắn tiến tấu. Cơ Đoan Tu tự Bình Thúc, người Tế Châu, vốn họ Tông, vì tránh Tông nên phải đổi họ. Đậu tiến sĩ vào thời Thế Tông, sơ niên Thừa An Chương Tông, xuất nhậm ngự sử. Cơ Đoan Tu thượng tấu can gián, hy vọng Chương Tông xa rời tiểu nhân. Chương Tông triệu kiến ông, hỏi tiểu nhân là ai? Ông trả lời, là huynh đệ Lý Nhân Huệ. Lý Nhân Huệ chính là Lý Hỉ Nhi, Nhân Huệ là tên do Chương Tông thưởng cho. Chương Tông giáo huấn Lý Hỉ Nhi, nhưng chỉ có thể thôi. Tình hình can gián của các đại thần khác cũng tương tự như thế.

Khâm Hoài hoàng hậu của Chương Tông qua đời, chỗ trống không ai thay thế. Chương Tông muốn lập Lý Sư Nhi làm hoàng hậu. Nhưng hoàng hậu xưa nay của nhà Kim đều xuất thân từ các danh môn vọng tộc như Đồ Khắc Thân, Đường Khóac, Phú Tế, Xích Xa Lý, Ô Lăng Hà..., còn Lý Sư Nhi xuất thân hàn vi. Đại thần đài giám kiên quyết phản đối. Chương Tông tức giận, nhất loạt giáng quan của ngự sử Cơ Đoan Tu đã 70 tuổi, ngự sử đại phu Trương Vĩ, thị ngự sử Lộ Trạch. Cho dù như thế, triều dã vẫn phản đối, Chương Tông đành phải nhượng bộ, tiến Lý Sư Nhi làm nguyên phi, nhưng thế vị hiển hách, không khác gì so với hoàng hậu.

Hôm đó, Chương Tông đãi tiệc trong cung. Người Ưu là Đại Mao Đầu diễn hề trước ngự tiền. Có người hỏi: Thượng quốc có dấu hiệu may mắn gì không? Đại Mao Đầu trả lời; Người chưa nghe nói

phượng hoàng xuất hiện rồi sao? Lại hỏi: Nghe nói rồi, nhưng không biết là chuyện gì. Đại Mao Đầu trả lời: Phượng hoàng bay khắp bốn phương, mỗi cách bay đều có điềm báo riêng. Nếu bay hướng lên thì mưa thuận gió hòa, bay hướng xuống thì ngũ cốc phong phú, bay ra ngoài thì tứ quốc đến triều, bay hướng vào thì tăng quan tiến lộc. Chương Tông chỉ cười lớn rồi thôi.

III. Hồng nhan tri kỉ

Tại sao Chương Tông lại yêu mến Lý Sư Nhi? Lưu Kỳ viết trong “Qui tiếm chí” rằng, Lý thị làm việc cho thái hậu từ nhỏ, Chương Tông gặp được nàng, hết sức yêu thích, thế là càng ân sủng hơn, được thưởng phòng riêng. Tiếp đó bái làm nguyên phi, thế ngang với chính hậu. Lý thị sắc đẹp tầm thường, nhưng trời sinh thông minh, biết đón ý làm vừa lòng người, do đó được kiến hạnh với Chương Tông. Ban đầu Lý thị không biết nhiều chữ nghĩa, sau này thấy Chương Tông thích văn thơ, nên học văn làm thơ, rất được Chương Tông yêu mến.

Lý thị xây một tòa trang đài phía sau Chiêu Minh quán. Chương Tông thường ngồi đó với Lý thị, thường gió ngấm trăng. Trang đài nhìn thấy sự ân ái của hai người, cũng ghi lại rất nhiều câu chuyện thú vị của hai người họ. Một hôm, Chương Tông ôm ấp Lý thị, ngồi trên đài, tức hứng ngâm rằng: “Nhị nhân thổ thượng tọa” (Hai người ngồi trên đất). Lý thị ứng thanh đáp rằng: “Nhất nguyệt nhật biên minh” (Một mặt trăng sáng bên cạnh). Đó thật sự là tuyệt đối thiên cổ. Câu đối này thật khó mà có được, chả trách Chương Tông sủng ái Lý thị, quán tuyệt hậu cung.

IV. Cầu tự

Khâm Hoài hoàng hậu và các phi tần khác của Chương Tông đều có mấy hoàng tử, nhưng đều chết yểu khi 2, 3 tuổi hoặc mấy tháng. Năm Thừa An thứ 5, Chương Tông lo lắng vì chưa có ai nối dõi kế vị, bèn long trọng cúng tế thái miếu, lăng sơn. Thiếu phủ giám Trương Tế Du tiến tấu, hoàng chư chưa lập, xin thánh chủ sau khi thân hành tế sự, để cận thần đi viếng Nhạc Quan miếu, cúng tế với trọng lễ. Chương Tông bèn hạ chiếu tư không để Bác Châu cúng tế Thái Thanh cung, tiếp đó đi đến Hình bộ viên ngoại lang Nguyên Nhan Khuông. Một năm sau, tức tháng 8 năm Thái Hòa thứ 2, Lý nguyên phi sinh hoàng tử Thác Lân. Quần thần dâng sớ chúc mừng. Chương Tông đãi yến đãi quần thần tại Thần Long điện, quan ngũ phẩm trở lên được ngồi trong điện, dưới ngũ phẩm thì ngồi tại nhà ngang phía đông. Hạ chiếu cho Bình Chương chính sự Đồ Khắc Thân Ích bái tạ Thái Miếu, hựu thừa tướng Hoàn Nhan Khuông bái tạ Sơn Lăng, lại cử sứ đi Bác Châu bái tạ Thái Thanh cung.

Hoàng tử Thác Lân đầy tháng, Chương Tông thưởng tên, phong làm Cát vương. Cát vương là phong hiệu ban đầu của Thế Tông. Sau khi Thế Tông đại định, phong hiệu này không được thưởng cho đại thần nữa, nên mới có cách gọi tam đẳng quốc hiệu vô Cát. Trên thực tế, Cát vương đã là tên gọi thế cho thái tử. Thác Lân đầy 3 tháng, Chương Tông bày rượu tế thần tại Huyền Chân quán, để cầu phúc cho Thác Lân. Tiếp đó, Chương Tông thân ngự Khánh Hòa điện, tắm rửa cho hoàng tử. Đồng thời hạ chiếu tiến rượu chúc mừng theo lễ nghi long trọng dùng trong lễ nguyên đán, quan ngũ phẩm trở lên tiến hiến lễ vật. Nhưng do quá yêu thương, lại cầu phúc nhiều lần, Thác Lân vừa tròn 2 tuổi thì bất hạnh qua đời. Chương Tông và Lý phi đau khổ vô cùng.

V. Một trò lừa bịp

Năm Thái Hòa thứ 8 (năm 1208), hai mỹ nhân hầu hạ hoàng thượng Giả thị và Phạm thị mang thai, nhưng chưa đến ngày sinh, Chương Tông đã bệnh liệt giường. Vệ vương Hoàn Nhan Vĩnh Tế đến thăm Chương Tông. Vĩnh Tế là thúc phụ được Chương Tông kính yêu quý nhất. Chương Tông muốn Vệ vương lập tự, Vệ vương kiên quyết từ chối. Chương Tông trêu đùa nói: Thúc phụ không muốn làm chủ nhân, chẳng lẽ muốn rời khỏi? Nguyên phi hầu hạ bên cạnh, nghe xong lòng đau như cắt, nói với Chương Tông: Đó không phải là chuyện đùa! Tháng 11, Chương Tông bệnh nặng. Nguyên phi và Hoàng môn Lý Tân Hi kiến nghị lập Vệ vương, phái nội thị Phan Thủ Hằng lập chiếu triệu Vệ vương vào cung. Phan Thủ Hằng nói việc lớn thế này nên triệu đại thần thương nghị, bèn triệu Bình Chương Hoàn Nhan Khuông nghị sự. Hoàn Nhan Khuông là trọng thần được Chương Tông đối đãi bằng trọng lễ, từng là thị độc của Hiến Tông, tư cách giả nhất, huân công hiển hách. Sau khi Hoàn Nhan Khuông vào cung, cùng thương nghị Vệ vương kế vị. Chương Tông qua đời, để lại di chỉ: Nội nhân của ta hiện có hai người mang thai, nếu trong số đó có nam, thì lập làm Trữ Nhị. Nếu đều là nam, thì chọn lập một người.

Vệ vương Hoàn Nhan Vĩnh Tế kế vị. Năm đầu tiên ông kế vị, tức tháng 2 nguyên niên Đại An, nội nhân Phạm thị của Chương Tông sẩy thai. Hoàn Nhan Vĩnh Tế liền hạ chiếu thiên hạ, nói rõ nguyên do.

Một cung nhân có mang bị động thai, lại được ban bố chiếu thư trịnh trọng như thế, hiểu dụ thiên hạ, đúng là chưa hề có. 2 tháng sau, Hoàn Nhan Vĩnh Tế hạ lệnh giết chết Nguyên phi Lý thị và cung nhân Giả thị đang mang thai, uỷ Hoàn Nhan Khuông làm thượng thư lệnh, trịnh trọng ban chiếu: Cận thần tố Lý thị lập kế phụ ân, từ tháng giêng năm Thái Hòa thứ 7, Chương Tông tạm thời xa cách, Lý thị và Tân Hí bí mật âm mưu, vì chưa lập vị, lệnh cho cung nhân giả mang thai, kế hoạch lấy con trai người khác ngụy xưng hoàng tự. Đến tháng 10 nhuận năm kia, do Giả thừa ngự bệnh nôn mửa, trong bụng có vật lạ, nên lệnh cho Giả thị nói dối là mang thai, đợi đến khi đủ tháng, đưa con trai của nhà họ Lý vào. Nếu ngày tháng không phù hợp, thì lấy con người khác, lập làm hoàng tự.

Đó thật sự là chuyện xưa nay hiếm thấy. Trước khi lâm chung, Chương Tông đã xác thực hai mỹ nhân Giả thị, Phạm thị đã có mang, trên di chiếu cũng viết rõ ràng rành mạch, thế mà nay mọi thứ đều bị đảo lộn, còn nói từ đầu đến cuối đều là hành vi ngụy tạo của nguyên phi Lý thị. Hoàn Nhan Vĩnh Tế nhân phẩm thế nào, có trung thành thẳng thắn trong việc lớn này không, Lý thị và Giả thị âm mưu nói dối mang thai như trong chiếu thư viết hay không, đó đều không được ghi chính xác trong sử sách, cho đến nay cũng không thể chứng thực, chân tướng cũng coi như không thể biết chính xác. Nhưng có thể đoán rằng, Giả thị, Phạm thị có thể mang thai thật sự. Vĩnh Tế bảo Giả thị nói dối, thật ra nhắm vào nguyên phi Lý thị là chính, sau đó mới chỉ Giả thị, Phạm thị và những đứa con trai mà họ có thể sinh ra. Theo tình hình khi đó mà nói, nguyên phi Lý thị ở trong cung, trong triều nhiều năm, thế lực rất lớn, tư đảng dày đặc, Vĩnh Tế muốn giang sơn ổn định mãi mãi, thì phải loại bỏ nguyên phi. Di chiếu ban bố thiên hạ một khi sinh ra hoàng tử, cho dù là con của Giả thị hay Phạm thị thì đều phải kế hoàng vị, điều này khiến cho Vĩnh Tế đang ngồi trên ngai vàng thấy khó chịu, không thể chấp nhận được. Do đó, có thể suy đoán, sở dĩ Vĩnh Tế chuyện bé xé ra to, sở dĩ ban bố thiên hạ những chuyện riêng trong cấm cung không nên công bố theo hình thức trịnh trọng, mục đích là muốn che đậy lòng dạ đen tối của mình dưới bức bình phong duy trì hoàng thống, điều tra manh mối sự việc, để lừa dối thiên hạ.

Để lừa dối cả thiên hạ, Vĩnh Tế viết trong chiếu thư rằng: Khi nguyên phi Lý thị đang chuẩn bị kế hoạch, Chương Tông không may qua đời, mưu kế nhất thời không thể thi hành; lúc Chương Tông hấp hối, lệnh cho Bình Chương Hoàn Nhan Khuông xử lý trong ngoài sự vụ, trong chỉ viết có hai cung nhân đang

mang thai, đồng thời triệu tiến Bình Chương, người bên cạnh đều nghe thấy lời của người; Lý thị và hoàng môn Lý Tân Hi không dám không tuân chỉ, muốn triệu huynh đệ Lý Hi Nhi, Lý Thiết Ca vào cung, nhưng không kịp; Lý thị bèn lập kế với đề điểm cận thị cục Ô Khố Lý Khánh Thọ, nhưng nhiều lần bàn bạc không định được, nhất thời không nắm được chủ ý; Lý thị được biết cận thị cục phó sứ Đồ Khắc Thân Kha Khắc Tán giả chỉ mời người lập triệu Bình Chương, hơn nữa Bình Chương đã đến bên ngoài Tuyên Hoa môn, nên cùng Bình Chương vào trong, cùng tuân di chỉ, đại sự thế là được định.

Quả đúng như những lời trong chiếu thư, vậy thì nguyên phi Lý thị có chết cũng đáng tội. Vĩnh Tế còn trịnh trọng làm việc này, phái đại thần, tể tướng cùng nhau tra thăm nhiều lần, lần nào thăm vấn cũng như thật. Trước tình hình tội chứng vững chắc, có tấu xin luận tội pháp phải chịu cực hình, nhưng Vĩnh Tế nghĩ năng hầu hạ tiên đế lâu ngày, muốn mở cho một đường sống, miễn nàng tội chết. Nhưng, vương công đại thần, bá quan trong triều đều không đồng ý, chủ trương lập tức xử nàng tội chết, do đó thường cho Lý thị tự vẫn. Vương Phán Nhi, Lý Tân Hi bị chém. Lý Hi Nhi, Lý Thiết Ca bị lấy lại giám tịch, đày đi nơi xa. Những người liên can đều bị xử lý theo pháp luật. Thừa ngự Giả thị cũng được thưởng chết.

Vĩnh Tế đáp tạ thiên hạ bằng chiếu thư dương dương ngàn lời như thế, bản thân đương nhiên có thể ổn định giang sơn mãi mãi, chứ chẳng phải là làm việc thay cho hoàng đế. Ngay cả sử sách giấu kín như bụng cũng không dám nói bừa sự kiện này: Hoặc giả Hoàn Nhan Khuông ham muốn chuyên định sắc công, dẫn đến chuyện này. Chân tướng thật sự của sự kiện này vẫn là một câu đố. Nhưng từ đó về sau, Lý thị không xưng nguyên phi nữa, mà gọi thẳng là Lý Sư Nhi.

4 năm sau, giang sơn của Vĩnh Tế bị lật đổ. Hồ Sa Hổ giết chết Vĩnh Tế, đưa Hoàn Nhan Tuân kế đế vị, làm Kim Tuyên Tông, Vĩnh Tế bị giáng làm Đông Hải quận hầu. Người may mắn trong gia tộc Lý Sư Nhi được phục chức hồi kinh.

VI. Đáp Nạp Thất Lý hoàng hậu

Nguyên Thuận đế Đáp Nạp Thất Lý hoàng hậu Khâm Sát thị, là con gái của thái sư Thái Bình vương Yên Thiếp Mộc Nhi. Năm Chí Thuận thứ 4, Đáp Nạp Thất Lý được lập làm hoàng hậu. Năm đó, Yên Thiếp Mộc Nhi trác táng mà chết. Thuận đế là con trưởng của Minh Tông, ông được thừa kế đại thống, đắc lực với Văn Tông Bộc Đáp Thất Lý hoàng hậu. Văn Tông chết tại Thượng Đô vào năm Tri Thuận thứ 3. Bộc Đáp Thất Lý hoàng hậu theo di mệnh lập con trai của Minh Tông kế vị, nhưng trong việc lập con trưởng và con thứ, quyền thần chủ trương lập con thứ Ý Lân Chất Ban mới 7 tuổi, con thứ kế vị, làm Nguyên Ninh Tông. 43 ngày sau, Ninh Tông bất hạnh qua đời, đại thần xin lập thái tử Yên Thiếp Cổ Tư. Bộc Đáp Thất Lý được tôn làm hoàng thái hậu nói: Thiên vị chi trọng, con ta còn nhỏ, con trưởng Thỏa Hoan Thiết Mộc Nhĩ của Minh Tông vẫn còn tại Quảng Tây, nay đã 13 tuổi, theo lý nên kế vị. Thế là, năm sau lập làm đế. Bộc Đáp Thất Lý tôn làm hoàng thái hậu, lâm triều xưng chế.

Đáp Nạp Thất Lý được thái hoàng thái hậu giúp đỡ và chính thức lập làm hoàng hậu vào năm thứ hai Thuận đế kế vị. Nghi lễ sắc phong rất long trọng.

Khi đế vương sắc lập hoàng hậu luôn khoe khoang khắp thiên hạ, dường như mẫu nghi thiên hạ, không phải nàng thì không được, còn thề thốt sẽ tuyên bố dài lâu. Nhưng, một khi muốn phế hoàng hậu, cho dù có sơ sót, lỗi lầm nhỏ, cũng có thể chỉ cần một bức chiếu thư, trục xuất ra khỏi cung, không phải sống những năm còn lại trong lãnh cung thì phải chết thảm. Năm thứ hai sau khi Đáp Nạp Thất Lý được lập làm hoàng hậu, anh của nàng là ngự sử đại phu mưu nghịch, em trai của nàng Tháp Thích Hải chạy vào cung trốn, nàng lấy trang phục che kín cho em, hy vọng miễn được cái chết, không thành công, kết quả liên lụy bị tội, bị ép rời khỏi hậu cung. Không bao lâu sau, thừa tướng Bá Nhan đầu độc chết nàng tại Khai Bình dân xá.

VII. Sự giáo dục của Hiền hậu

Sau khi Đáp Nạp Thất Lý chết đi, chỗ trống hoàng hậu trong hậu cung trống đi 3 năm, đến tháng 3 năm Chí Nguyên thứ 3, mới lập Bá Nhan Hốt Đô làm hoàng hậu. Bá Nhan Hốt Đô họ Hoảng Cát Thích, là con gái của Dục Đức vương Bột La Thiếp Mộc Nhi, cháu trai của Vũ Tông Tuyên Từ Huệ thánh hoàng hậu Chân Ca. Nghi thức sắc lập hoàng hậu cũng long trọng và nhiệt liệt, văn tự sắc phong cũng ba hoa như xưa. Bá Nhan Hốt Đô được Thuận đế sủng ái, không bao lâu sinh hoàng tử Chân Kim, Chân Kim bất hạnh qua đời khi mới 2 tuổi.

Bá Nhan Hốt Đô hoàng hậu trời sinh tiết kiệm, khiêm tốn, không bao giờ đồ kị vì cô gái khác được sủng, luôn nhẹ nhàng đoan trang, tự giữ lễ pháp. Trong hậu cung nhà Nguyên, ngoài chính hoàng hậu ra, còn có hoàng hậu thứ 2, hoàng hậu thứ 3, chỉ cần hoàng thượng muốn, thì muốn lập bao nhiêu hoàng hậu cũng được. Bá Nhan Hốt Đô chính vị trung cung, hoàng hậu thứ 2 Kì thị ở tại Hưng Thánh Tây cung. Kì thị xinh đẹp đa tình, giỏi trăng gió, rất được Thuận đế sủng ái, do đó, Thuận đế thường tầm hoan suốt đêm tại Hưng Thánh Tây cung, rất ít khi đến hoàng hậu chính cung tại phía đông. Thị nữ hầu hạ bên cạnh hoàng hậu bẩm báo chuyện hoàng đế thường lâm hạnh Hưng Thánh Tây cung với hoàng hậu, ai nấy đều hết sức phẫn nộ, nhưng hoàng hậu lại không màng đến, không có chút oán hận gì.

Hoàng hậu đoan trang dịu dàng, không tham niềm vui nhất thời, mọi việc đều vì đại cục, quan tâm đến sự an nguy của hoàng thượng. Có một lần, nàng theo Thuận đế xuất tuần Thượng Kinh, trú tại Trác Đạo Đồ, Thuận đế muốn lâm hạnh nàng, phải nội quan đến chỗ nàng ở truyền chỉ. Hoàng hậu lại kiên quyết từ chối nói: Màn đêm không phải là nơi bệ hạ nên đến, kiên quyết không đồng ý. Nội cung tới lui 3 lần, 3 lần đều bị cự tuyệt. Thuận đế hết sức khen ngợi, nói đúng là một Hiền hậu.

Thuận đế từng hỏi Bá Nhan Hốt Đô hoàng hậu: Tiền lương do Trung chính viện chi, ai cũng nói là do nàng chi, nàng còn nhớ không? Hoàng hậu trả lời: Thiếp chỉ chi những gì đáng dùng; việc thu chi quan phòng, phải chọn người phụ trách, làm sao mà thiếp nhớ nổi? Thuận đế chỉ là trêu chọc nàng. Nhưng hoàng hậu lại nghiêm túc như thế, từ đó về sau sống tại Càn Đức điện, cả ngày ngồi tại đó, không ra khỏi cửa. Năm Chí Chính thứ 25, cách vương Triều nhà Nguyên sụp đổ chỉ 3 năm, Bá Nhan Hốt Đô hoàng hậu bất hạnh qua đời, tuổi mới 42. Hoàng hậu qua đời, hoàng hậu thứ 2 Kì thị nghe tin nhanh chóng đi thăm, thấy trang phục do hoàng hậu để lại rách nát tả tơi, Kì thị cười cợt nhả, nói: Chính cung hoàng hậu, mà lại mặc trang phục loại này? Có thể thấy hoàng hậu tiết kiệm, chất phác, giữ lễ giữ đạo đến mức độ nào.

VIII. Vận mệnh của vị hoàng hậu cuối cùng

Chính thất hoàng hậu qua đời, hoàng hậu thứ 2 Kì thị được đưa lên làm chính. Kì thị tên Hoàn Giả Hốt Đô, là mỹ nhân tuyệt sắc của Cao Ly. Kì thị xuất thân hèn kém, gia cảnh bần hàn, do nàng được Thuận đế sủng ái, nên 3 đời gia tộc đều được truy phong vương tước. Ban đầu Kì thị do Vi Chính viện Viện sử Thốc Mãn Điệp đưa vào hoàng cung, trở thành một cung nữ trong cung, phụ trách dâng trà, phụng sự Thuận đế. Nàng trời sinh thông minh, biết coi sắc mặt mà nói chuyện, lại rất xinh đẹp mê hồn, biết cách tạo tình cảm. Thuận đế đương nhiên không thể tự kiềm chế, bèn chiếm hữu nàng, ngày đêm sủng hạnh.

Khi Đáp Nạp Thất Lý làm hoàng hậu, kiêu ngạo, đố kỵ thành tính, không thể chấp nhận việc những cô gái khác quấy nhiễu hoàng thượng. Hoàng hậu Đáp Nạp Thất Lý phát hiện Kì thị nũng nịu lấy lòng Thuận đế, nên tức giận, nhiều lần sỉ nhục Kì thị. Đáp Nạp Thất Lý bị hại, Thuận đế muốn lập Kì thị làm hoàng hậu, nhưng thừa tướng Bá Nhan và các quyền thần ra sức bảo không được, kết quả lập Bá Nhan Hốt Đô. Sau khi Bá Nhan bãi tướng, đại thần Sa Thích Ban điều hòa chiết trung, tâu thỉnh lập Kì thị làm hoàng hậu thứ 2, ở tại Hưng Thánh cung, đồng thời đổi Vi Chính viện làm Tư Chính viện, đối đãi tương đương với hoàng hậu.

Tuy Kì thị được sủng ái, sinh ra kiêu ngạo, chế nhạo hoàng hậu trước chúng thần khi hài cốt người chưa khô, nhưng sống trong cung, nàng vẫn tuân thủ lễ pháp, không hề làm xằng làm bậy. Khi trong cung không có việc, nàng lấy “Nữ Hiếu kinh”, sử sách, lật xem hiền hạnh ý đức của các đời hoàng hậu, ra sức học hỏi. Trái cây, sơn hào hải vị do khắp nơi tiến cống cho nàng, nàng đều phái người đưa đến thái miếu trước, sau đó mình mới thưởng dùng. Năm Chí Chính 18, hạn hán lâu ngày, thiên hạ đói khổ, nàng lệnh cho nội quan làm nồi cháo bên ngoài cung, phát cho dân đói, đồng thời lệnh cho các quan sứ cũng phải làm theo. Nàng còn hiển ra vàng bạc gấm vóc của riêng mình, lệnh cho Tư Chính viện lập mộ ngoài cửa 11 tòa thành trong kinh sư, chôn hơn 10 vạn dân chết đói bị vứt xác bên vệ đường, còn để cho tăng nhân siêu độ cho các vong linh.

Khi đó, Thuận đế bỏ bê chính sự. Hoàng tử do hoàng hậu Kì thị sinh ra được lập làm hoàng thái tử. Hoàng hậu thấy Thuận đế không màng chính vụ, sợ mất hoàng quyền, bèn âm mưu cùng thái tử để hoàng đế thoái vị. Hoàng hậu bảo Bộc Bất Hoa tỏ ý với thừa tướng Thái Bình, Thái Bình lần tránh không trả lời. Hoàng hậu triệu Thái Bình vào cung, thường mỹ tửu cho Thái Bình, lần nữa tỏ ý muốn hoàng thượng thoái vị. Thái Bình không đồng ý, thế là, hoàng hậu và thái tử đều hận Thái Bình. Thuận đế biết ý của hoàng hậu, bất giác nổi giận lôi đình. Ông bắt đầu xa lánh hoàng hậu, đến cả 2 tháng, không thấy bóng dáng người. Hoàng hậu Kì thị chỉ biết đau lòng rơi lệ. Tư Chính viện sử Bộc Bất Hoa nhờ có hoàng hậu nên mới được sủng hạnh, từ đó hoàng hậu bị lạnh nhạt, ông cũng bị xa lánh. Hoàng hậu phái ngự sử đại nhân Phật Gia Nô tiến tấu Thuận đế, biện minh Bộc Bất Hoa và hoàng hậu không có liên can gì. Phật Gia Nô chẳng những không cứu giúp Bộc Bất Hoa, ngược lại còn xa lánh hơn. Hoàng hậu biết được, bèn phái ngự sử công kích Phật Gia Nô, kết quả Phật Gia Nô bị giáng chức lưu đày đến Triều Hà.

Gia tộc Kì thị năm xưa hiển hách cao quý, nổi tiếng một thời tại Cao Ly. Không ngờ làm Cao Ly vua nổi giận, vua Cao Ly bèn hạ lệnh giết hết gia tộc họ Kì. Người nhà họ Kì may mắn còn sống sót thì chỉ còn hơi tàn, lưu lạc khắp nơi. Năm Chí Chính 23, Kì thị thân là hoàng hậu nhớ lại thù sâu của gia tộc, bèn nói với thái tử: Tại sao con lại không báo thù cho mẹ? Thế là, lập những người của vương tộc Cao Ly sống tại kinh sư làm vương, để con cái của tộc Kì là Tam Bảo Nô làm nguyên tử, phong Đồng Tri khu mật viện Sự Thôi Thiếp Mộc Nhi làm thừa tướng, phái binh 1 vạn, lại chiêu mộ vệ binh, hùng hùng hổ hổ, chinh phạt Cao Ly. Đại binh vừa qua sông Áp Lục, binh Cao Ly mai phục khắp nơi, giết được binh Nguyên đại bại,

chỉ có 17 tên chạy thoát, trở về kinh sư. Hoàng hậu xấu hổ không cùng.

Tháng 7 năm Chí Chính 24, Bá La Thiếp Mộc Nhi phạm lỗi, hoàng thái tử chạy đến Dục Ninh, hạ lệnh thảo phạt Bá La Thiếp Mộc Nhi. Bá La Thiếp Mộc Nhi nổi giận, xúi giám sát ngự sử Vũ Khởi Tông tiến tấu, nói hoàng hậu làm rối quốc chính, xin hoàng thượng trục xuất hoàng hậu ra khỏi cung. Tuy Thuận đế đối xử lạnh nhạt với hoàng hậu, nhưng vẫn chưa đến nỗi phải trục hậu xuất cung, nên bỏ mặc không màng. Tháng 3 năm Chí Chính 25, hoàng hậu bị giam lỏng tại Chư Sắc tổng quản phủ. Bá La Thiếp Mộc Nhi ép hậu trả cung, đồng thời thu lại ngọc ấn, triệu hoàng thái tử. Rồi trở về nơi bị giam lỏng, lấy lòng Bá La Thiếp Mộc Nhi, tặng cho hần vô số mỹ nữ. Sau khi Bá La Thiếp Mộc Nhi chết, hoàng thái tử vào kinh sư, hoàng hậu lệnh cho Khoách Quảng Thiếp Mộc Nhi đưa thái tử vào thành, chuẩn bị uy hiếp Thuận đế thoái vị. Khoách Quảng Thiếp Mộc Nhi hiểu ý, nhưng khi đến cách kinh thành 30 dặm, lại đưa quân hồi doanh. Hoàng hậu và thái tử hận Khoách Quảng Thiếp Mộc Nhi đến tận xương tủy.

Bá Nhan Hốt Đô hoàng hậu qua đời, Trung thư tỉnh tấu thỉnh đề Kỳ thị làm chính vị hậu cung, Thuận đế không đồng ý. Trung thư tỉnh lại tấu đổi Tư Chính viện thành Sùng Chính viện, lập Kỳ thị làm hoàng hậu, Thuận đế mới đồng ý, thụ Kỳ thị sắc bảo, cử hành nghi lễ sắc hậu rất lớn. Năm Chí Chính 28, Thuận đế dẫn theo hoàng hậu Kỳ thị đi Hòa Lâm ở phía bắc.

Chương 20

Hậu phi cung nhà Minh

I. Phẩm hạnh của Mã hoàng hậu

Trong lịch sử Trung Quốc, nhiều đời hoàng đế khai quốc, có rất nhiều thê tử thông minh tài giỏi, đạo đức xuất chúng, và một trong những phụ nữ điển hình và thành công chính là Mã hoàng hậu, thê tử của Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương. Mã hoàng hậu là người thôn Mân Tử, Túc Châu, Hảo Bắc. Phụ thân Mã Công, mẫu thân Trịnh Âu. Mẫu thân mất sớm, Mã công và hai con gái nương tựa nhau mà sống. Bạch Liên giáo tụ chúng đốt hương, nổi dậy khắp nơi, khói lửa chiến tranh từ Sơn Đông kéo đến tận Hảo Bắc. Đảng Bạch Liên giáo muốn cướp đoạt con gái của Mã Công, Mã Công giết chết chúng, dẫn con gái mặc kệ ngày đêm chạy đến bạn thân Quách Tử Hưng.

Quách Tử Hưng là người Định Viễn, là một tài chủ của vùng. Mã Công chạy đến Định Viễn, ở đó hơn năm, phò thác con gái cho Quách Tử Hưng, muốn ông nhận làm nghĩa nữ. Sau khi Mã Công qua đời, Quách Tử Hưng xem Mã thị như con gái ruột của mình. Mã thị thông minh tài giỏi, rất hiểu lòng người, phu phụ Quách Tử Hưng rất yêu mến nàng. Cứ thế mà Mã thị được sống trong Quách phủ như một tiểu thư.

Chu Nguyên Chương người Hào Châu có 4 huynh đệ, ông đứng thứ 4. Khi Chu Nguyên Chương 17 tuổi, Hào Châu gặp đại nạn, phụ mẫu của ông và 3 người anh lần lượt qua đời, chỉ còn mỗi một người chị đã được gả đi xa. Chu Nguyên Chương đối mặt với thi thể của người thân, kêu gào khóc thét, kêu trời gọi đất. Nhưng, khóc thì giải quyết được gì? Làm sao an táng những thi thể này? Người hàng xóm Lưu Kế Tổ thấy tội cho Chu Nguyên Chương, nên cho ông một mảnh đất gần núi, giúp ông mai táng người thân.

Chu Nguyên Chương đi đến đường cùng, bèn đến chùa Hoàng Giác ở Hào Châu, xuất gia làm tăng. Chu Nguyên Chương xuất gia làm hòa thượng chẳng qua chỉ vì muốn có cơm ăn, ai ngờ vào năm mất mùa làm hóa thượng ăn cháo loãng cũng không phải dễ. Chu Nguyên Chương ở trong chùa không được bao lâu, thì bị ép đi hóa duyên khát thực. Chu Nguyên Chương đi được 3 năm, đôi giày cũng mòn cả, đến vùng Hoài Thủy, đau khổ giãy giụa trong cơn đói nghèo, giữa cái sống và cái chết, và đã chịu không biết bao nhiêu dây vò. Năm Chí Chính 12, Chu Nguyên Chương kết thúc 3 năm du thực, trở về Hào Châu với thân hình mệt mỏi không còn chút sức lực, bấy giờ mới 24 tuổi.

Chu Nguyên Chương vác bộ mặt dày bước vào chùa Hoàng Giác, hòa thượng trong chùa không vui vẻ cho lắm. Chu Nguyên Chương chịu đủ cảnh bị mọi người xem thường, quyết định thấp nén nhang, bói một quẻ trước Phật, rồi xuất du lần nữa. Bắc, Đông, Nam, 3 quẻ đều không cát lợi, Chu Nguyên Chương đã nản lòng thôi chí, nghĩ rằng xuất du không cát lợi, chẳng lẽ ý trời muốn ta tạo phản? Chu Nguyên Chương xao động trong lòng, bói một quẻ về chuyện đó, đúng là đại cát. Chu Nguyên Chương vui mừng, lập tức cởi bỏ cà sa, mặc áo thường dân bước ra khỏi chùa Hoàng Giác, chạy thẳng đến Quách Tử Hưng đang chiếm cứ Hào Châu.

Chu Nguyên Chương sức lực cường tráng, là một tay hảo hán. Doanh tốt ngộ nhận cho rằng Chu Nguyên Chương là gian tế, lập tức trối gô Chu Nguyên Chương, đưa vào doanh trại. Quách Tử Hưng hỏi rõ tình hình, thấy Chu Nguyên Chương cao to lực lưỡng, tiếng nói trong vang, bèn giữ chàng lại. Chu Nguyên Chương thông minh, giỏi giang, nhanh chóng được Quách Tử Hưng khen ngợi, nên từ thân binh thăng lên đến Thân binh cửu phu trưởng cai quản thân binh.

Khi đó, thế lực của Quách Tử Hưng không đủ ngàn người, thuộc hạ dưới trướng bao gồm Bành Đại, Tôn Đức Nha, Triệu Quân Dụng đều có ý đồ xấu xa, tạo thành nguy cơ đối với doanh Quách. Quách Tử Hưng tin dùng Bành Đại, khiến cho Tôn Đức Nha, Triệu Quân Dụng hết sức bất mãn, bèn giam giữ Quách Tử Hưng, chuẩn bị giết chết ông. Chu Nguyên Chương dẫn thân binh cứu được Quách Tử Hưng.

Quách Tử Hưng ngày càng tin tưởng Chu Nguyên Chương. Nhị thái thái của Quách Tử Hưng là Tiểu Chương phu nhân nhìn Chu Nguyên Chương, thấy chàng có tướng mạo phi phàm, đáng tin cậy, bèn kiến nghị liên hôn, gả nghĩa nữ Mã tiểu thư cho Chu Nguyên Chương. Để củng cố quyền vị, Quách Tử Hưng đã tác thành cho mối lương duyên này.

Ngày lành tháng tốt, Chu Nguyên Chương 25 tuổi, lấy Mã tiểu thư nhỏ hơn mình 5 tuổi làm vợ. Mã tiểu thư thân hình thon thả, tư dung tú lệ, nhất là mái tóc đen mượt và làn da như ngọc như ngà, có nét xinh đẹp của đại gia khuê tú. Mã tiểu thư có một đôi chân khá to, sau này được chứng minh đó là đôi thiên túc (chân trời) do trời phú cho giúp Chu Nguyên Chương đánh thiên hạ. Điều khiến cho một Chu Nguyên Chương nửa chữ bè đôi cũng không biết phải kính phục chính là trình độ và thái độ đối nhân xử thế, sự đoan trang, sáng suốt, thông tình đạt lý, hiểu rõ lẽ nghĩa của Mã tiểu thư.

Mã thị biết rằng Chu Nguyên Chương xuất thân hàn khổ, càng biết rõ trên người phu quân mạnh mẽ cường tráng này tiềm ẩn một trái tim anh hùng đầu đội trời chân đạp đất. Nhưng Mã thị càng biết rõ, những người giống như Chu Nguyên Chương muốn làm nên đại sự, nhất định phải học đọc sách ngoài học võ nghệ, hiểu rõ lịch sử, thông thuộc địa lý thì sau này mới làm được quân giám thiên hạ. Chu Nguyên Chương kính yêu vợ mình, đương nhiên nghe theo lời của Mã thị, ngoài chuyện chiến chinh còn phải chú ý học chữ đọc sách. Chu Nguyên Chương rất thông minh, chẳng bao lâu thì biết làm thơ. Chu Nguyên Chương viết một bài “Vịnh cúc hoa”, bày tỏ đầy đủ, rõ ràng ý chí của mình:

"Bách hoa phát thời ngô bất phát, ngô nhược phát thời tề hạ sát."

"Yếu dự tây phong chiến nhất trường, mẫn thân bách thượng hoàng kim giáp".

Đương nhiên, nói thì tương đối dễ, nhưng nếu thật sự muốn cả người mặc áo giáp vàng cai quản thiên hạ, thì phải trải qua không biết bao nhiêu trận chiến đẫm máu và những khó khăn cực khổ không thể tưởng tượng nổi. Quách Tử Hưng chiến đấu kịch liệt với quân Nguyên, tổn thất nghiêm trọng. Khi đến vùng Định Viễn, Chu Nguyên Chương chỉ có 700 binh, trong đó đã bao gồm sau này là khai quốc đại tướng Từ Đạt, Thang Hòa, Đặng Du, đội ngũ này trở thành đội ngũ chính của Chu Nguyên Chương. Chu Nguyên Chương dựa vào đội ngũ này từ yếu đến mạnh, cuối cùng thay đổi được thiên hạ.

Chu Nguyên Chương chiêu đãi anh tài thiên hạ khắp nơi. Văn sĩ Lý Thiệu Trường, mưu sĩ Phùng Quốc Dụng đều đến quy phục. Phùng Quốc Dụng khuyên Chu Nguyên Chương đừng nên lạm sát, đừng tham tài, phải thu phục lòng người, chiếm xong Tập Khánh (Nam Kinh) rồi hãy công phạt bốn phương. Chu Nguyên Chương nghiêm túc tiếp thu kiến nghị có ích, chí khí anh hùng cai quản thiên hạ bắt đầu tỏa sáng.

Chu Nguyên Chương xua đuổi quân Nguyên bằng binh lực của mình, thế lực ngày càng hùng mạnh, sau khi chiếm được Trừ Châu tạo lập căn cứ địa cho mình. Quách Tử Hưng và Triệu Quân Dụng tàn sát lẫn nhau tại Hào Châu, kết quả đại bại, dẫn theo tàn binh bại tướng chạy đến đầu hàng Chu Nguyên Chương, nhập vào đội quân của Chu Nguyên Chương. Quách Tử Hưng muốn xưng Trừ vương để hiệu triệu thiên hạ tại Trừ Châu. Chu Nguyên Chương thấy không thỏa đáng, cho rằng dựng cờ khởi nghĩa quá sớm, cường binh dễ đến quấy phá, tạm hoãn xưng vương là tốt nhất. Quách Tử Hưng thấy Chu Nguyên Chương phản đối ông xưng vương, hết sức tức giận. Thân tín của Quách lại đổ kị Chu Nguyên Chương, xúi giục nói Chu Nguyên Chương có dã tâm. Quách Tử Hưng nghi ngờ Chu Nguyên Chương, tìm cách chia rẽ binh quyền của chàng.

Chu Nguyên Chương rất khó xử, bèn bàn bạc với phu nhân Mã thị. Mã phu nhân khuyên chàng kính cẩn nghe theo Quách Tử Hưng, tác chiến có tù binh cố gắng dâng hết cho Quách Tử Hưng và nhị phu nhân của ông, Mã thị lại điều đình từ bên trong, quan hệ của hai người thay đổi tốt hơn. Theo sử sách ghi lại, khi đó mối quan hệ giữa Chu Nguyên Chương với Quách Tử Hưng và các con họ Quách hết sức căng thẳng. Con trai của Quách thường câu kết hãm hại Chu Nguyên Chương, Quách bèn giam lỏng Chu Nguyên

Chương, không cho ăn uống. Phu nhân Mã thị lên lút đem màn thầu nóng hổi, giấu bên ngực dưới áo lót, đem cho Chu Nguyên Chương ăn. Chu Nguyên Chương vẫn kiên trì sống qua ngày, còn phu nhân Mã thị do màn thầu quá nóng, làm phỏng làn da, ngực bị thối nát. Tình hình tương tự xảy ra nhiều lần, Mã phu nhân cứu Chu Nguyên Chương thoát khỏi nguy hiểm, do đó, sau khi Chu Nguyên Chương được thiên hạ, sắc lập Mã thị làm hoàng hậu, đồng thời nói với đại thần bằng giọng cảm ân: Không có hoàng hậu nhân đức, làm sao có được ngày hôm nay? Phú quý rồi ta làm sao dám quên đi ân nghĩa khi còn bần hàn, quần thần tung hô vạn tuế. Hoàng hậu Mã thị lại nói: Thiếp nghe nói phu phụ hòa hợp thì dễ dàng, quần thần bên nhau thì khó. Bệ hạ không quên thiếp, thiếp chỉ mong bệ hạ đừng quên quần thần bá tính. Nhân đức của hoàng hậu Mã thị ngày càng vang xa.

Năm Chí Chính 15, Quách Tử Hưng qua đời. Khi đó Chu Nguyên Chương 28 tuổi, một mình thống soái toàn quân, đánh khắp thiên hạ. Nửa năm sau, Chu Nguyên Chương vượt qua Trường Giang, xuống Thái Bình, chiếm Tập Khánh, thăm hỏi phụ lão địa phương, chiêu mộ nhân tài, đồng thời phế bỏ tất cả chính sách bạo tàn. Thế là, dân chúng đều đến quy phục. Tiếp đó, Chu Nguyên Chương lấy Ninh Quốc, Vi Châu, Trấn Giang, đổi Tập Khánh làm Ứng Thiên phủ, tự xưng Ngô quốc công, hiệu triệu thiên hạ. Khi đó, Chu Nguyên Chương binh cường tướng mạnh, trong quân có tướng tài Từ Đạt, Thường Ngộ Xuân, nhân tài giỏi sử có Lý Thiện Trường, sĩ tử bút nghiên có Đào An, nhưng thiếu mưu sĩ. Phu nhân Mã thị kiến nghị Chu Nguyên Chương tìm kiếm ẩn sĩ và kì tài, Chu Nguyên Chương lại vui vẻ đón nhận kiến nghị này.

Chu Nguyên Chương tiến binh Kim Hoa Chiết Giang, nghe nói Lưu Cơ người Thanh Điền, Tổng Liêm người Kim Hoa là danh sĩ nổi tiếng Chiết Đông, bèn phái chuyên sứ đem theo vàng bạc mời 2 người họ, đồng thời đãi tiệc tẩy trần. Chu Nguyên Chương kính xưng 2 người là tiên sinh, không gọi thẳng tên. Lưu Cơ hiến kế cho Chu Nguyên Chương: Định đề tại Giang Nam, đưa quân tiến thẳng phía bắc. Quả nhiên từng bước từng bước đều giống như những gì Lưu Cơ đã vạch ra, trước tiên, Chu Nguyên Chương diệt Trần Hữu Lương, sau đó diệt Trương Sĩ Thành, lấy Giang Nam làm căn cứ địa, sau đó đưa quân lên phía bắc. Năm Chí Chính 28, Nguyên Thuận đế binh bại, chạy về phía bắc, nước Nguyên Thuận diệt vong. Chu Nguyên Chương lên ngôi tại Nam Kinh, kiến lập Minh đế quốc, trở thành Minh Thái Tổ. Phu nhân Mã thị được sắc lập làm hoàng hậu.

Mã thị làm hoàng hậu khi đã 35 tuổi, sinh 5 người con trai. Các con dần dần trưởng thành, Mã thị kiến nghị Chu Nguyên Chương tuyển chọn danh Nho dạy học cho các con. Chu Nguyên Chương ủy Tổng Kiêm làm sư phó của các con, dạy học trong cung. Dưới sự chỉ dạy của Tổng Kiêm và Mã thị, Thái tử Chu Biêu nhân đức khoan hậu, trở thành một chư quân hiền minh.

Trong quá trình phát tích, thâm thiếp của Chu Nguyên Chương tăng lên dần dần, cả con gái của Quách Tử Hưng, dưỡng phụ của Mã thị cũng được nhận làm thị thiếp, giúp đỡ Nhị phu nhân. Mã thị khoan dung và chịu đựng sự háo sắc của Chu Nguyên Chương, sau khi nàng cai quản lục cung, đối xử nhân hậu với thị thiếp, yêu mến cung nữ. Trên dưới trong cung đều hết sức kính yêu Mã thị.

Mã thị cần mẫn cai quản bên trong, khi rảnh rỗi thì tìm tòi học hỏi, thường chỉ đạo cổ huấn cho phi tần và cung nữ lục cung. Mã thị cho rằng đời Tống có rất nhiều hoàng hậu hiền thực, lệnh cho nữ sử chép lại gia pháp của nhà Tống, sớm hôm nghiên cứu. Có một cung nữ tiến ngôn nói, gia pháp nhà Tống quá nhân hậu, không đủ mạnh để làm pháp. Mã hậu nghiêm mặt trả lời: Nhân hậu không phải tốt hơn hà khắc sao? Bên cạnh Mã hậu có Phạm thị người Thanh Giang, học tập nữ sử, Mã hậu thường lệnh cho nàng giải thích thư truyện, bàn luận sự tích các hiền hậu xưa nay. Có một lần, Phạm thị giảng về Đậu thái hậu nhà Hán, Mã hậu nghe xong bèn hỏi Phạm thị, Hoàng Lão (Lão Từ) là đạo gì? Làm gì mà Đậu thái hậu lại yêu thích như thế? Phạm thị trả lời, Hoàng Lão đòi hỏi thanh tịnh, chủ trương vô vi dĩ trị, giáo hóa sở cập, thần dân hiếu từ. Mã hoàng hậu lập tức nói, hiếu từ chính là nhân nghĩa, trên đời làm gì có việc bỏ nhân nghĩa mà là hiếu từ bao giờ? Thế là, có bài “Cung từ” thuật lại chuyện này.

Phạm thị là cháu gái của Phạm Quách Thanh Giang, ở góa từ sớm, được tuyển vào cung. Phạm thị rất có văn tài, lại giỏi hội họa, thỉnh thoảng vẽ tranh đề thơ. Phạm thị thường gởi nỗi nhớ quê hương qua các bức tranh. Một lần, Mã hậu thấy bức thi họa do nàng đề, cảm thán tài hoa của nàng, phong nàng làm phu nhân, đồng thời để nàng trở về nhà cho đỡ nhớ quê.

Mã hoàng hậu tự tay chăm sóc ăn uống, nghỉ ngơi của Chu Nguyên Chương, đích thân kiểm tra cơm canh. Các cung nữ khuyên nàng đừng quá lao tâm như thế, nhưng nàng nói, hầu hạ việc ăn uống của trượng phu là bổn phận của người phụ nữ, hơn nữa một khi ăn uống không hợp khẩu vị, bản thân không chăm lo e rằng người khác sẽ gặp tai ương. Mã hoàng hậu thường thông cảm cho người khác như thế. Có khi, cung nữ phạm lỗi, Chu Nguyên Chương nổi giận, Mã hoàng hậu cũng cố ý nổi giận, ra lệnh giao cung nữ phạm lỗi đó cho Cung chính tư. Xong chuyện, Chu Nguyên Chương hỏi nàng, đó là tại sao? Mã hoàng hậu trả lời, thưởng phạt cần phải công chính, khi nhân quân hi nộ, thưởng phạt thường không công bằng, còn giao cho Cung chính tư thì có thể xử tội theo nặng nhẹ, như thế mới công chính liêm minh.

Có một lần, Chu Nguyên Chương và đại thần nghị sự trước điện, thương nghị xong thì ăn cơm trong điện. Ăn uống của Chu Nguyên Chương do hậu cung phụ trách, ăn uống của triều quan thì do Quang Lộc tự phụ trách. Khi đó, Mã thị đến trước điện, ra lệnh mang thức ăn của quan triều ra, tự mình ném thử, kết quả, thức ăn nguội lạnh cả, lại không có mùi vị gì cả. Mã hậu bèn tiến tấu nói, Chiêu đãi sĩ tử thì phải mỏng, nuôi dưỡng hiền thần thì phải dày, nay ăn uống của quan trong triều lại nguội lạnh vô vị, chẳng phải hoàng thượng đang đãi sĩ tử chẳng. Chu Nguyên Chương lập tức triệu Quang Lộc tự khanh Từ Hưng Tổ, trách mắng ngay mặt. Mọi người không ai không khen ngợi Mã hậu.

Chu Nguyên Chương xử lý nhiều vụ án lớn, giết chết hàng loạt công thần. Vụ án Hồ Duy Dung phản nghịch liên lụy đến nhiều người, giết chết hàng vạn quan lại. Con cháu Tống Thận, Tống Trục của thái phó thái tử đại học sĩ Tống Kiên cũng bị liên lụy. Khi đó, Tống Kiên đã về quê ở ẩn. Chu Nguyên Chương cũng không tha cho Tống Kiên, muốn phái người giết chết ông, và bắt giam cả nhà. Thái tử nghe nói muốn giết thầy của mình, đau khổ cầu xin, Chu Nguyên Chương không nghe. Thái tử nhảy sông tự vẫn, được thị tòng cứu sống. Sau khi biết chuyện, Mã hoàng hậu bèn ra lệnh cho ngự thiện phòng dùng toàn đồ chay trong ngày hôm đó.

Chu Nguyên Chương vào cung dùng bữa, phát hiện toàn là đồ chay, hỏi nguyên do gì? Mã hậu trả lời, nhà bá tính bình thường mời một tiên sinh, đều kính lễ từ đầu đến cuối. Tống tiên sinh dạy dỗ các con, thiếp phải ăn chay cầu phúc cho ông. Chu Nguyên Chương biết lại là cầu xin cho Tống Kiên, tức giận ném đôi đũa, dùng dùng bỏ đi. Cuối cùng Tống Kiên được miễn chết, bị đày đến Mạo Châu, sau này, chết tại một mảnh đất hoang.

Năm Hồng Vũ thứ 15, Mã hoàng hậu bệnh nặng. Chu Nguyên Chương ăn ngủ không yên, ra lệnh khắp nơi tế thần linh núi sông, để cầu phúc cho hoàng hậu. Lại tìm kiếm lương y khắp thiên hạ đến trị bệnh. Mã hoàng hậu nói với Chu Nguyên Chương, sống chết đều có số cả, cầu phúc thì có lợi gì? Ngự y chữa trị, nếu thuốc không có tác dụng, mong bệ hạ đừng vì đó mà giáng tội ngự y. Sau đó, bệnh tình Mã hậu nguy kịch, di ngôn trước khi lâm chung: Mong bệ hạ cầu hiền nạp gián, cẩn thận như xưa, con cháu đều hiền, mới được thần dân. Tháng 8, Mã hậu qua đời, ở tuổi 51.

II. Chân tình

Năm Chính Thống Minh Anh Tông 14, Thổ Mộc Bảo đại biến, 50 vạn đại quân do Anh Tông và thái giám sùng tín Vương Chấn thống lĩnh bị quân Ngõa Thích đánh tan, Vương Chấn bị giết, Anh Tông bị bắt. Tin dữ truyền về kinh sư, triều dã chấn động, cảnh chết chóc bao trùm trong cung. Hoàng hậu Tiền thị của Anh Tông lo lắng như thiêu như đốt trong lòng, sau khi định thần lại, Tiền thị quyên ra toàn bộ tài sản trong cung, để quân đi nghênh giá, mong đưa Anh Tông trở về.

Không khí âm đạm bao trùm, cung cấm không có chút tăm hơi. Cung viện lan ra từng tiếng từng tiếng khóc ai oán náo nê, đó là hoàng hậu Tiền thị của Anh Tông. Tiền thị không màng đến ăn uống nghỉ ngơi, ngày đêm chỉ cầu nguyện và khóc lóc, khóc đến khi mệt thì ngất đi. Tiền hoàng hậu cứ thế mà quỳ dưới đất suốt đêm, cầu nguyện cho Anh Tông, ngày tháng lâu dần, kéo dài đến hơn 1 năm. Do chịu lạnh lâu ngày, đôi chân bị dè gập lại, nên cuối cùng đôi chân của Tiền hoàng hậu bị tàn phế. Cũng chính vì ngày đêm lo lắng, khóc lóc đau khổ, một con mắt của Tiền hoàng hậu cũng bị mù.

Tiền hoàng hậu cứ dày vò mình như thế, lúc bắt đầu còn nhớ lại giây phút hạnh phúc khi được sắc lập làm hoàng hậu, lòng càng nhớ đến Anh Tông, càng đau thương hơn. Đó là năm Chính Thống thứ 7, trong cung diễn ra nghi lễ nạp hoàng hậu long trọng, đón Tiền thị người Hải Châu vào cung. Trước tiên là chính, phó sứ phụng sắc bảo chủ trì nghi lễ. Tư lễ giám quan chỉnh đốn lại trang phục, để nghênh đón nữ quan, nữ quan tấu mời hoàng hậu quán phục xuất các. Dàn nhạc nữ đi trước, cung nhân bảo vệ phía sau, từ bậc thang phía đông đến trước hương án. Người chủ hôn hô to: Giới chi kính chi, túc dạ vô vi. Tiền mẫu cũng niệm theo: Miễn chi kính chi, túc dạ vô vi. Sau đó là nghi thức lễ nghi long trọng đưa vào động phòng. Tiền thị khi đó mới 15 tuổi. Nàng hưng phấn cực độ, bên tai thường văng vẳng tiếng hát của người chủ hôn và mẫu thân. 7 năm sau, nàng vẫn không mang thai sinh con, Anh Tông cũng không hề bỏ nàng, mà sủng ái hơn xưa. Mỗi lần nhớ lại những điều đó, Tiền hoàng hậu đều nước mắt tuôn rơi. Dần dần, Tiền hoàng hậu không gượng nổi, không nghĩ gì nữa, trống rỗng trong lòng, trước mắt chỉ là một màu đen tối và nước mắt rơi bất tận.

Tiền hoàng hậu tự huỷ hoại mình như thế. Cuối cùng Tiền hoàng hậu cũng làm cảm động trời xanh, 1 năm sau khi bị bắt, Anh Tông được thả trở về. Tiền hoàng hậu hết sức vui mừng. Tuy nhiên, khi Anh Tông bình yên vô sự nhìn thấy Tiền hoàng hậu, ông đứng thẩn người ra đó, suýt nữa không nhận ra: Chỉ xa hoàng hậu tuổi vừa 20 được 1 năm, mà nàng đã thay đổi hoàn toàn. Khi đó, với mái tóc khô vàng, một con mắt mờ, một con mắt hoàn toàn không thấy gì. Khi Tiền hoàng hậu làm việc gì, phải có thị nữ giúp đỡ, một chiếc chân đã tàn phế.

Anh Tông đau khổ vô cùng. Sau khi trở về, Anh Tông làm thái thượng hoàng, bị giam lỏng tại Nam cung ngoài thành. Nam cung tường cao nhà sâu, cửa bị khóa kín, bên ngoài có lính canh giữ, do Tịnh Viễn Bá Vương Dục chuyên nhiệm trông coi. Anh Tông buồn bã u uất trong Nam cung, chỉ có Tiền hoàng hậu tàn phế hầu hạ bên cạnh, chăm lo ăn uống, giải buồn giải sầu cho ông. Cuộc sống trong Nam cung hết sức thiếu thốn, ăn uống kham khổ. Với tâm thần tàn, Tiền hoàng hậu không ngừng than vãn, bảo người đem ra ngoài bán để cải thiện cuộc sống. Anh Tông và Tiền hoàng hậu nương tựa nhau mà sống như thế, trải qua 8 năm trong Nam cung, cho đến khi Anh Tông phục vị.

Tiền hoàng hậu vẫn không có con nối dõi, Chu quý phi trong cung sinh con trai cho Anh Tông, Anh Tông và Tiền hoàng hậu nhất trí đồng ý, lập làm hoàng thái tử. Anh Tông bệnh nguy, trước khi lâm chung còn quan tâm đến Tiền hoàng hậu, di mệnh: Sau khi Tiền hoàng hậu thiên cổ vạn tuế, cho mai táng cùng ta. Anh Tông rất ngu xuẩn trong chính trị, nhưng về mặt tình cảm thì không hề đồ chửi nào. Khi đó, đại học sĩ

Lý Hiền ghi chép lại di mệnh này.

Sau khi Anh Tông chết, thái tử Chu Kiến Thâm kế vị, trở thành Minh Hiến Tông. Sau khi Hiến Tông kế vị, trên thì tôn hiệu lưỡng cung, dưới thì bàn bạc với đình thần. Hiến Tông tôn sinh mẫu làm hoàng thái hậu, Tiền hoàng hậu làm Từ Ý hoàng thái hậu. Bấy giờ thái giám Hạ Thời can cứ mẹ đẻ của Hiến Tông là Chu quý phi, truyền dụ đình thần độc tôn quý phi làm hoàng thái hậu. Đại học sĩ Lý Hiền, Bành Thời ra sức can ngăn, cho rằng như thế không được. Do vậy nên mới đồng tôn lưỡng cung. Khi xây Dục Lăng cho Anh Tông, Lý Hiền, Bành Thời nghĩ đến di mệnh của Anh Tông, tấu thỉnh xây 3 mộ. Hiến Tông thương nghị với hạ đình. Thái giám Hạ Thời nhận ý chỉ của Chu thái hậu, kiên trì không được, kết quả chấm dứt vụ thương nghị này.

Tháng 6 năm Thành Hóa thứ 4, Tiền hoàng hậu qua đời. Chu hoàng hậu không muốn tuân theo di mệnh của Anh Tông, muốn để mình được chôn chung với Anh Tông. Hiến Tông không biết làm thế nào, lại thương nghị với hạ đình. Đại học sĩ Bành Thời nói: Chôn chung trong Dục Lăng, chủ phù miếu, là định lễ. Ngày hôm sau, Hiến Tông triệu hỏi, Bành Thời vẫn đối đáp như thế. Hiến Tông thẳng thắn nói: Chẳng lẽ ta không biết? Chẳng qua là nghĩ đến ngày sau mẫu thân sẽ thế nào? Bành Thời trả lời: Hoàng thượng hiểu sự lưỡng cung, đó là chuyện nên làm. Hợp với lễ nghĩa, mới là đại hiếu. Thương Các cũng nói: Không chôn cùng, e rằng hại đến thánh đức. Lưu Định cũng phụ họa theo: Hiếu nghe nghĩa, không nghe mệnh. Hiến Tông trầm ngâm một hồi lâu, than thở nói: Không biết nên nghe mệnh hay nghe hiếu đây?

Đại học sĩ Bành Thời kiên quyết tấu xin cho Tiền hoàng hậu chôn cùng với Anh Tông, chủ trương chôn Tiền hoàng hậu bên trái lăng, bên phải để dành cho Chu thái hậu sau khi thiên thu vạn tuế. Các đại thần lại tranh luận, Hiến Tông lại hạ đình nghị. Sử bộ thượng thư Lý Bình, Lễ bộ thượng thư tập trung 99 đình thần cùng nhau bàn bạc, nhất trí tán đồng kiến nghị của Đại học sĩ Bành Thời. Cuối cùng, Hiến Tông nói: Các người nói rất đúng, nhưng ta nhiều lần tấu thỉnh thái hậu, không có câu trả lời. Vì (phạm) lễ thì bất hiếu, vì thân cũng bất hiếu. Ngày hôm sau, Thiêm sự Kha Tiềm, Cấp sự Trung Ngụy Nguyên đều dâng sớ. Ngày thứ 3, Lễ bộ thượng thư tập hợp mọi người cùng nhau thượng tấu, kiên trì giữ nguyên kiến nghị. Trung chi vẫn mặc kệ đình thần hợp nghị, vẫn một mình làm theo ý của thái hậu, chọn nơi chôn khác. Về mặt lễ và tình, Hiến Tông nghiêng về tư thân tư tình. Trung chi truyền ra, bá quan quỳ khóc bên ngoài cửa Văn Hoa. Hiến Tông lệnh cho quần thần lui ra. Quần thần chỉ khấu đầu, kiên quyết không được thánh chỉ để Tiền hoàng hậu chôn cùng với Anh Tông, thì không dám lui. Từ giờ tự đến giờ thân, Hiến Tông không còn cách nào khác, đành phải chấp nhận yêu cầu của quần thần, quần thần tung hô vạn tuế. Tháng 7 năm đó, thượng Tiền thái hậu tôn thụy: “Hiếu Trang hiền mục hoàng huệ hiền nhân cung thiên khâm thánh đức hoàng hậu”, thờ tại thái miếu, chôn cùng tại Dục Lăng.

Nhưng điều đáng tiếc là, nội thần lại phụng chỉ làm bảy khi hợp táng Tiền hậu: Bít lại con đường hầm thông từ mộ của Tiền hậu đến Anh Tông; còn huyệt mộ bên phải để dành cho Chu thái hậu, đường hầm được để thông; hơn nữa phụng tiên điện bái tế, cũng không lập thần chủ của Tiền hoàng hậu. Năm Hồng Trị 17, Chu thái hậu qua đời. Hiến Tông giám ngự biện điện, ra lệnh lấy ra bản đồ Dục Lăng, triệu đại học sĩ Lưu Kiện, Tạ Thiên, Lý Đông Dương, nói với họ: Lăng có 2 đường hầm, một đường thông thoáng, một đường lại bị bít kín, là tay chân của nội thần tiên triều, điều này không hợp lễ. Hôm qua đọc tấu chương của các đại thần như Bành Thời, lời nói trung thành của các đại thần tiên triều, tiên hoàng cũng là vạn bất đắc dĩ mà thôi. Khâm Thiên Giám nói, làm lăng đường tiên đế trên đường hầm, e rằng dao động đến mạch đất, thần thấy có lý. Bị nghẽn thì thiên địa tắc nghẽn, thông thì không khí lưu hành. Lưu Kiện cũng rất tán thành. Hiến Tông lại hỏi Phủ miếu đại lễ. Lưu Kiện trả lời nói, Phụ nhị hậu từ đời Đường bắt đầu, phụ tam hậu từ đời Tống bắt đầu, còn sau đời Hán thì một đế một hậu. Năm xưa định nghị hợp phủ, Hiếu Trang Tiền thái hậu bên trái, Chu thái hậu bên phải, có dẫn câu chuyện Đường, Tống làm chứng, cho nên thần không dám bàn luận thêm.

Hiếu Tông nói, Nhị hậu thì đã không dễ rồi, lại còn tam hậu? Tà Thiên trả lời, Tam hậu tức hoàng hậu, kế hậu, sinh mẫu. Hiếu Tông nói: Sự việc phải có người chuyên môn giải quyết, thái hoàng thái hậu (Chu thái hậu) dưỡng dục ta, làm sao ta dám quên? Đó là tư tình. Từ Tông Tổ đến nay, một đế một hậu, nay nhất loạt đồng táng, hại lễ từ ta bắt đầu. Phụng Tiên điện tế hoàng tổ, đặc tọa chỉ là một cơm một muống mà thôi. Hiếu Mục hoàng thái hậu, là sinh mẫu của ta, đừng tế tại Phụng Từ điện. Nay trước cung Nhân Thọ khá rộng rãi, ta mong phụng thái hoàng thái hậu (Chu thái hậu) đến trước cung Nhân Thọ, ngày sau phụng Hiếu Mục thái hậu sau, tất cả mọi nghi lễ cúng tế đều giống như thái miếu. Như thế, cuộc chiến giữa lễ, tình mới được kết thúc.

III. Sinh tử luyện

Hoàng đế đời thứ 8 của nhà Minh là Thành Hóa hoàng đế Chu Kiến Thâm, tức Minh Hiến Tông. Khi Hiến Tông còn nhỏ, tổ mẫu của chàng tức Tôn hoàng hậu của Minh Tuyên Tông Chu Đam Cơ, cử một cung nữ họ Vạn đến hầu hạ chàng. Vạn thị là người Chư Thành, được đưa vào cung năm 4 tuổi. Vạn thị gương mặt thanh tú, thông minh lanh lợi, sau khi vào cung làm cung nữ được hầu hạ trong cung của Tôn thái hậu, tổ mẫu của Anh Tông. Vạn thị lớn lên trong cung, dần dần trở thành một thiếu nữ thon thả, rung động lòng người. Vạn thị rất được Tôn thái hậu sủng ái, Tôn thái hậu rất thương yêu nàng, ngày tháng lâu dần, nàng trở thành tâm phúc và tiểu đáp ứng hầu hạ bên cạnh Tôn thái hậu.

Chu Kiến Thâm sau này làm Hiến Tông là con trai của Anh Tông Chu Kỳ Trấn. Chu Kiến Thâm ra đời không bao lâu thì được lập làm thái tử. Sau khi Chu Kiến Thâm làm thái tử, Tôn thái hậu bèn cử Vạn thị đến hầu hạ thái tử. Chu Kiến Thâm nhỏ hơn Vạn thị 18 tuổi. Dưới sự chăm sóc tỉ mỉ của cô gái có tuổi tác giống như nhũ mẫu của mình, chàng ngày một trưởng thành, dần dần trở thành một chàng thiếu niên. Trở thành thiếu niên thì bắt đầu bước vào sự u sầu của cuộc đời, tình cảm dao động, dễ bị mê hoặc bởi người khác giới, dễ bước vào vòng xoáy của tình cảm, nhục dục.

Vạn thị thông minh hơn người. Nàng chăm sóc thái tử đã thành thiếu niên, quan tâm chăm sóc tận tình, không lơ là bỏ sót, lại thường để lộ tình cảm dịu dàng như nước của người phụ nữ đang tuổi sung mãn. Thái tử còn thiếu niên nên ấu trĩ, đơn thuần, làm sao chịu được tình cảm dịu dàng như đang trêu ghẹo và sự mê hoặc tình dục của người phụ nữ thành niên này? Không biết là vào ngày nào, khi nào, trong hoàn cảnh nào, Vạn thị dụ dỗ thành công thiếu niên thái tử đa tình đơn thuần này, thái tử chìm đắm trong tình cảm vô hạn của nàng, từ đó không thể tự thoát. Thái tử lưu luyến Vạn thị, hưởng tận sự sáng khoái của tình ái, chìm đắm trong tình cảm và sắc tình của Vạn thị. Vạn thị chăm sóc thái tử như một người mẹ, lại trông chừng chàng như tình phụ và người giám hộ, khiến chàng trác táng sáng khoái, khiến chàng không quan tâm đến những chuyện khác. Sự thành công của Vạn thị không chỉ dừng lại ở chuyện tình cảm và tình dục, nàng dùng ân luyến, hơn nữa lại phối hợp rất tốt. Thái tử trưởng thành dưới sự yêu cầu và bảo vệ của Vạn thị, ngoài việc lưu luyến tình cảm và có nhu cầu tình ái với Vạn thị, còn có đôi chút kính sợ. Thái tử luôn để Vạn thị ý lại vào 3 loại tình này, nên khi thái tử kế vị, Vạn thị tung hoành trong cung, làm mưa làm gió, tựa như một chính cung hoàng hậu.

Chu Kiến Thâm là con trưởng của Anh Tông, cũng phải trải qua vài lần trắc trở do sự hoang đường của Anh Tông. Chu Kiến Thâm tên thật là Chu Kiến Tuấn. Năm Chính Thống 14, Anh Tông bị bắt tại Thổ Mộc Bảo, hoàng thái hậu ra lệnh lập đệ đệ của Anh Tông, con thứ của Tuyên Tông là Chu Kỳ Ngọc tổng quản triều chính, đồng thời lệnh lập con trưởng của Anh Tông là Chu Kiến Tuấn làm hoàng thái tử. Chu Kỳ Ngọc chính thức kế hoàng vị sau khi Anh Tông bị bắt 1 tháng, trở thành Tông Cảnh Thái hoàng đế của nhà Minh, tôn Anh Tông làm thái thượng hoàng. Một năm sau, tức tháng 8 năm Cảnh Thái thứ nhất, Anh Tông lại được Ngõa Thích thả về. Đại Tông Chu Kỳ Ngọc phái một xe 2 ngựa nghênh đón thái thượng hoàng Anh Tông tại Cứ Dung, sau khi đón về kinh, giam lỏng tại Nam cung. Tháng 5 năm Cảnh Thái thứ 3, Đại Tông phế hoàng thái tử, con trưởng Chu Kiến Tuấn của Anh Tông, lập con trai Chu Kiến Tế của mình làm thái tử. Tháng giêng năm Cảnh Thái thứ 8, Chu Kỳ Ngọc bệnh nặng, Võ Thanh hầu Thạch Hưởng, thái giám Tào Cát Tường thừa cơ phát động chính biến, đưa Anh Tông bị giam lỏng tại Nam cung 8 năm về phục vị. Sau khi phục vị, Anh Tông phế Đại Tông Chu Kỳ Ngọc làm Thành vương, dời đến Tây Nội. Không bao lâu Đại Tông qua đời, nguyên nhân cái chết của ông lại trở thành một nghi án trong cung nhà Minh. Sau khi Anh Tông phục vị, con trưởng Chu Kiến Tuấn cũng được phục vị hoàng thái tử, đổi tên

thành Chu Kiến Thâm. 8 năm sau, tức tháng giêng năm Thiên Thuận thứ 8, Anh Tông qua đời, thái tử Chu Kiến Thâm kế vị, là Minh Hiến Tông.

Hiển Tông kế vị khi vừa tròn 16 tuổi, còn Vạn thị làm chàng nghiêng lòng đã 35 tuổi, có thể nói là vợ già chồng trẻ. Nhưng Vạn thị vẫn phong tình như xưa, dung nhan, vẻ đẹp vẫn không hề giảm, hơn nữa phụ nữ độ tuổi này càng mặn mà, càng giỏi phong tình. Vạn thị được Hiến Tông trẻ tuổi si tình và sùng ái, đặc sủng nên sinh kiêu ngạo, tung hoành trong cung, tác oai tác quái. Do Vạn thị nhạy bén, biết nhìn sắc mặt mà nói chuyện, lấy lòng thánh ý, nên, do lời xúi giục của Vạn thị, chính vị hoàng hậu Ngô thị bị phế bỏ. Ngô thị xinh đẹp chẳng hiểu tại sao mình lại như thế.

Ngô thị là người Thuận Thiên. Hiến Tông kế vị vào tháng giêng năm Thuận Thiên thứ 8, tháng 7, qua nghi lễ long trọng, lập Ngô thị làm hoàng hậu. Nói một cách nghiêm khắc, Hiến Tông muốn lập Vạn thị làm hoàng hậu, hơn nữa trong lòng chàng, Vạn thị thật sự là một hoàng hậu chính vị lục cung. Tuy nhiên, triều đình không thể chấp nhận Vạn thị, hoàng thân quốc thích và thần dân bá tính không thể dung nạp một cung nữ lớn hơn hoàng thượng 18 tuổi làm một quốc mẫu đường đường thiên triều mẫu nghi thiên hạ. Do đó, triều đình chọn Ngô thị làm hoàng hậu mẫu nghi thiên hạ, giao quyền cho nàng cai quản lục cung.

Nhưng quyền hành do triều đình giao cho chỉ là quyền không, quyền bính thật sự nằm trong tay hoàng đế. Hiến Tông vẫn sùng ái Vạn thị, coi Vạn thị là hậu cung chí tôn. Sau khi Ngô thị được lập làm hoàng hậu, không thể chấp nhận những hành vi miệt thị hậu vị, không coi ai ra gì của một Vạn thị chỉ là cung nữ. Thế là, có một hôm, Ngô hoàng hậu bắt lỗi Vạn thị, thực thi uy quyền của hoàng hậu, ra lệnh đánh đòn Vạn thị. Vạn thị khóc lóc kể khổ trước mặt Hiến Tông. Hiến Tông làm sao chịu đựng được việc người phụ nữ yêu dấu của mình bị người khác làm nhục? Cho dù đó là hoàng hậu! Hiến Tông long nhan đại nộ, phế Ngô hoàng hậu làm thường dân chỉ một tháng sau khi nàng được lập làm hoàng hậu.

Sau khi Ngô hoàng hậu bị phế, phụ thân của nàng Đô đốc Đồng Tri cũng bị liên lụy, bị giam vào ngục, cuối cùng bị định tội đầy ải ra biên cương. Thái giám Ngưu Ngọc cũng không tránh được tội, bị điều đến Hiếu Lăng trồng rau; tòng tử Thái thường thiếu khanh Ngưu Luân, cháu trai Sử bộ viên ngoại lang Dương Tông Nhất của Ngưu Ngọc lần lượt bị trừ danh; Hoài Ninh hầu Tôn Đường cũng bị bãi chức. Ngô hoàng hậu bị phế, Vương thị được lập làm hoàng hậu. Năm xưa khi Hiến Tông ở đông cung, Anh Tông tuyển chọn 12 vị mỹ nhân cho Hiến Tông, nhưng khi đó Hiến Tông thân làm thái tử chỉ chọn 3 người: Ngô thị, Vương thị, Bách thị, giữ họ lại trong cung. Chứ không như chiếu thư đã viết. Sau khi Vương thị trở thành hoàng hậu, thấy vết xe đổ của Ngô thị, âm thầm chấp nhận để Vạn thị sủng nhất hậu cung, còn mình thì sống lặng lẽ yên bình. Vạn thị ngày càng vô pháp vô thiên, độc sủng chuyên phòng, các hậu cung phi tần khác hiếm được tiến ngự. Thế là, trong cung đình ngự uyển, mọi người thường nhìn thấy trước xa giá của Hiến Tông thường có một phụ nữ trung niên đầy đặn, ả chính là Vạn thị.

Vạn thị sủng quán hậu cung, năm thứ 2 sau khi Hiến Tông kế vị, tức tháng giêng năm Thành Hóa thứ 2, Vạn thị may mắn sinh cho Hiến Tông đứa con trai đầu tiên. Hiến Tông vui mừng khôn xiết, trong lúc hưng phấn cử đặc sứ đi khắp nơi, cúng tế thần linh sông núi, thiên địa. Cũng nhờ đó mà Vạn thị được tấn phong làm quý phi. Nhưng không được bao lâu, hoàng tử bất hạnh chết yểu. Vạn thị hết sức đau buồn, giấc mơ làm hoàng hậu, hoàng thái hậu bỗng chốc tan tành mây khói. Từ đó về sau, tuy Vạn thị ra sức tính toán nhưng vẫn không thể mang thai lần nữa. Vạn thị bèn trút nỗi giận vào hậu cung, mặc sức dâm loạn. Những phi tần mỹ nữ trong cung được Hiến Tông lâm hạnh và mang thai đều bị lãng nhục, bị cưỡng ép phá thai, ai nấy đau khổ sống không bằng chết. Trong hậu cung, hễ nhắc đến Vạn quý phi, không ai không biến sắc.

Hiển Tông không có con trai, chực vị để trống. Hiến Tông không có gì, triều đình đại thần không thể ngồi đó không quản. Bá quan u uất trong lòng ào ạt tiến tấu, trước tiên là khéo léo khuyên hoàng thượng hãy nghĩ đến hậu tự, sau đó dứt khoát thẳng thắn hoàng thượng mở rộng ân trạch, rộng lòng thương yêu hậu cung. Nhất là Kì sự trung Lý Sâm, Ngụy Nguyên, Ngự sử Khang Vĩnh Chiêu..., khuyên nhủ hết sức

khẩn thiết, khiến cho Hiến Tông cảm động. Nhưng cảm động chỉ là cảm động, tình cảm tích lũy nhiều năm không dễ dàng thay đổi được. Muốn Hiến Tông lập tức thay đổi tình cảm, đương nhiên không thể làm được. Thế là, một cơn sóng gió về chuyện hậu tự do triều dã gây nên lại bị bỏ mặc như thế.

Năm Thành Hóa thứ 4, sao chổi xuất hiện nhiều lần. Trời xanh như hiệu được nổi lòng của bá quan nên cho xuất hiện nhiều hiện tượng bất thường như thế. Đại học sĩ Bành Thời, thượng thư Đào Biễn lại tụ họp các quan, tiến tấu về chuyện hậu tự, hy vọng Hiến Tông dừng vì tư tình mà gạt chuyện quốc gia đại sự sang bên. Hiến Tông phản bác nói: Đó là chuyện trong nhà, ta tự có chủ trương! Các đại thần ngăn người ra. Đó đích thật là chuyện trong nhà của hoàng thượng, không ai dám ép hoàng thượng ân ái với mỹ nhân trong cung. Nhưng chuyện người kế vị chẳng phải là chuyện lớn của giang sơn xã tắc hay sao? Vị trí người nối dõi để trống, gốc của quốc gia sẽ không vững, thiên hạ Hôang hốt, chẳng lẽ lại không nguy đến đất nước hay sao? Hoàng thượng nên hiểu rõ điểm này!

Hiến Tông chìm đắm trong tình yêu với Vạn thị, bỏ mặc chính vụ. Người dân lưu lạc nổi dậy khắp nơi. Triều đình xuất binh trấn áp. Tại Quảng Tây, quân Minh trấn áp xong Thổ Ty phản loạn tại đó. Quân Minh giết chết thủ lĩnh Thổ Ty họ Kỷ, bắt con gái của hắn vào Bắc Kinh, đưa vào hậu cung. Kỷ thị trắng trẻo, xinh đẹp, thông minh lanh lợi. Sau khi vào cung, Kỷ thị nhanh chóng thăng làm nữ sử. Kỷ thị ngày một trưởng thành trong cung. Nàng xinh đẹp hơn người, lại có tài văn, nhưng do nàng là hậu duệ của kẻ phản nghịch, nên không có tư cách hầu hạ hoàng đế và hậu phi trong cung. Nàng được giao nhiệm vụ quản lý thư tịch bên ngoài cung.

Hiến Tông thích viết lách, không biết là sự tình cờ trong khi đang đọc sách trong cung hay ngưỡng mộ danh tiếng mà đến, Hiến Tông rung động bởi nét đẹp của Kỷ thị, lâm hạnh nàng. Cũng vì đó mà Kỷ thị mang thai. Hiến Tông lâm hạnh Kỷ thị, chẳng qua là thú vui nhất thời, lâm hạnh xong thì quay lưng quên đi mất, vẫn say mê Vạn quý phi yêu dấu của mình. Vạn quý phi được Hiến Tông sủng ái, ngày càng ngang ngược, lộng hành. Những hoạn quan có chút không để ý đến công việc hầu hạ Vạn quý phi, lập tức bị mắng nhiếc, các thái giám không ai không sợ hãi. Trong hậu cung cũng có mấy cô gái được Hiến Tông lâm hạnh rồi mang thai, đều bị ép uống thuốc phá thai, hơn nữa đều do thái giám tâm phúc của Vạn quý phi giám sát. Kỷ thị mang thai, cũng bị đưa vào danh sách người bị hại, nhưng Kỷ thị lại gặp một cái may trong ngàn cái rủi, dưới sự bao che của thái giám giám sát, dù đã uống thuốc nhưng nàng vẫn sinh một con trai, đó chính là Minh Hiến Tông sau này.

Vạn quý phi uy danh hiển hách, khiến hậu cung run rẩy sợ hãi. Đứa con do Kỷ thị sinh tại Lạc An đường trong lãnh cung, không thấy mặt trời trong 6 năm, và cũng không dám gặp mặt phụ hoàng trong khoảng thời gian đó. 6 năm sau, phụ tử gặp nhau, Kỷ thị dọn về hoàng cung, nhưng không bao lâu bị Vạn quý phi hại chết. Các nịnh thần trong cung như Tiền Năng, Đàm Cẩn, Uông Trục, Lương Phương, Vĩ Hưng..., đều ra sức lấy lòng Vạn quý phi, vợ vét của dân, chắt chiu kho, không ai dám hỏi tội. Vạn quý phi sống trong nhung lụa, thích tà đạo, kết quả hoang phí vô số, kho bạc hậu cung bị vét rỗng. Hiến Tông không màng không hỏi gì đến chuyện đó.

Khi Vạn quý phi 58 tuổi, trở nên hi nộ thất thường. Có một lần, bà nổi giận với cung nữ, tức giận đánh đập cung nữ tàn nhẫn, nhưng do người quá mập, tim mạch không chịu được kích động, hơn nữa sự tức giận xông đến đỉnh đầu, nên bà ngã xuống, và không bao giờ tỉnh lại nữa. Vạn quý phi chết đi một cách nhẹ nhàng và may mắn như thế trong cung. Nghe tin dữ, Hiến Tông đau thắt cả ruột gan, nỗi đau xuất phát từ tận đáy lòng. Hiến Tông không buồn ăn uống, cứ thế kéo dài 7 ngày liên tiếp. Vạn thị được truy tên thụy là Cung Tiêu Đoan Thận Vinh Tĩnh hoàng quý phi, chôn tại Thiên Thọ sơn. Hiến Tông tưởng nhớ Vạn quý phi, thường ngăn ngó một mình. Hiến Tông buồn bã thở dài: Vạn quý phi đi rồi, ta còn sống được bao lâu đây? Hiến Tông u uất ngày đêm, cuối cùng không gượng nổi, chỉ vài tháng sau khi Vạn quý phi qua đời, ông cũng u uất mà chết đi, tuổi 40.

IV. Thế Tông và các hoàng hậu của ông

Minh Thế Tông Chu Hậu Thông thừa kế đại vị với chức phận là Phiên vương, tại vị đến 45 năm.

Thế Tông lần lượt sắc lập 3 vị hoàng hậu: Trần hoàng hậu, Trương hoàng hậu và Phương hoàng hậu.

Trần hoàng hậu là người Nguyên Thành, là con gái của Nguyên Thành huyện học giáo thụ Trần Chính. Khi Trần thị 15 tuổi, do Từ Thọ Trương thái hậu chọn sắc lập làm hoàng hậu của Chu Hậu Thông, khi đó Chu Hậu Thông 16 tuổi. Trần hoàng hậu thanh tú mỹ lệ, thông thuộc kinh sử, đoan trang và nhân nhã. Chu Hậu Thông hết sức yêu mến nàng, hai người ân ái hài hòa, trải qua cuộc sống phu thê hạnh phúc.

Một ngày nọ vào năm Gia Tĩnh thứ 7 (năm 1528), hoàng đế và hoàng hậu cùng ngồi trong điện, Trương phi, Phương phi cung kính dâng trà. Hoàng đế trẻ tuổi, nhìn thấy mỹ phi bàn tay ngọc ngà, nên động lòng, nhìn chăm chăm. Trần hoàng hậu ngồi kế bên thấy vậy, ghen tuông tức giận, ném bỏ ly trà, quày quả bỏ đi. Hoàng đế tức giận vô cùng, Trần hoàng hậu giật mình và phần nộ quá độ bất hạnh sảy thai, ra nhiều máu mà chết.

Sau khi mất đi thê tử yêu kiều, hoàng đế đau khổ không muốn sống. Liên tiếp 10 ngày, ông mặc tang phục ở tại Tây Giác môn, áo đen quần đen ngồi tại Phụng Thiên môn, gờ gối nỗi nhớ nhung. Trần hoàng hậu được an táng tại Yên Nhi cốc, thụy hiệu Trắc Linh. Ngày hạ táng, áo quan xuất vương môn, bá quan dự tang cả ngày. Cấp sự trung Vương Tế Mai can gián, Thế Tông không nghe. Sau đó, Lễ bộ thượng thư tấu thỉnh xin đổi tên gọi dành cho hoàng hậu sau khi mất, khi đó mới đổi tên thụy thành Hiếu Khiết.

Phế hậu Trương thị là hoàng hậu thứ 2 của Thế Tông. Ban đầu, Trương thị được phong Thuận phi, Trần hoàng hậu qua đời, mới từ Thuận phi lập làm hoàng hậu. Trương hoàng hậu thân thể không rõ, nhưng theo suy đoán, chắc rất dịu dàng hòa thuận, không bao giờ làm trái ý hoàng đế thích dâng hương cúng tế, thậm chí để lấy lòng hoàng đế, nàng cũng tham dự cúng tế. Thế Tông chìm đắm trong lễ xưa, suốt ngày tôn thờ không nghỉ. Ông xây Thiên Đàn, Địa Đàn, lại xây Phong vân lôi vũ đàn, sùng tín bọn nói năng hàm hồ như thuật sĩ Thiệu Nguyên Tiết, khiến cung cấm hỗn loạn đen tối, không khí ngột ngạt.

Mỗi lần đến ngày tế lễ long trọng, Thế Tông đều mặc áo chỉnh trang, hoàng hậu cũng mặc lễ phục, cùng đi cúng tế. Ngày tháng lâu dần, Trương hoàng hậu không tránh trời u uất buồn phiền. Thế Tông thấy cúng tế chưa đã, lại dựa theo lễ xưa, muốn Trương hoàng hậu thiêu định tại Đông Giao. Lại lệnh cho lễ thần xây dựng lễ cúng tế Tầm Thần, đồng thời xây Tầm Thần miếu tại Đông Giao. Đến ngày, Trương hoàng hậu dẫn mệnh phụ trong ngoài giá lâm Đông Giao, long trọng tiến hành lễ Tầm Thần, mưa gió không nghỉ. Hôm đó, cuối cùng cũng xảy ra biến cố, khi hàng trăm người của Trương hoàng hậu đang hành đại lễ, trời đột nhiên nổi cơn giông, mưa to gió lớn. Trương hoàng hậu và hàng trăm kim chi ngọc điệp, làm sao chịu được cảnh đó? Kinh hãi, sợ hãi, đôi rét cùng nhau ập đến, tế lễ chỉ đành kết thúc sơ sài. Trương hoàng hậu cũng bệnh luôn từ đó, nằm liệt giường. Trương hoàng hậu đau khổ khôn cùng, quyết định kết thúc loại tế lễ đau khổ như quân dịch vậy, muốn bàn bạc thẳng thắn một lần với hoàng đế.

Thế Tông lại khác người, lúc đó lại phần khích chế ra một bộ tế phục, độc đáo nhất là chiếc mũ, chiếc mũ được gọi là Hương điệp quan, mũ cao 1 thước 5 tấc, làm bằng sa tanh xanh, trên có thêu một bức thái cực đồ. Tế phục là đạo bào màu vàng héo, trên có thêu bát quái. Tế phục của hoàng hậu màu đỏ, trên thêu sóng nước mây văn, mũ cao 1 trượng, màu xanh da trời, trên thêu mây, tên là Thùy Vân quan.

Thế Tông nhìn kiệt tác của mình mà đắc ý muôn phần, lập tức đòi thử. Ông còn làm thêm mấy chiếc Hương điệp quan, thưởng cho đại thần. Lễ bộ thượng thư Nghiêm Cao đội vào, khoe khoang bước vào triều. Các trung thần như Hạ Ngôn từ chối đội loại mũ đạo sĩ này, cho rằng loại mũ này trái với luân thường đạo lý, chẳng ra hình thù gì. Khi đó Trương hoàng hậu vừa lành bệnh, nhưng lại gặp ngay đại lễ

sinh nhật của Ngọc Tiêu để quân, Thế Tông vui mừng hết đổi, ra lệnh Trương hoàng hậu mặc tể phục mới chế, cùng đi cúng tế.

Trương hoàng hậu mặc tể phục, giật thót mình, nhìn mình trong gương mà thần người ra: Người đàn bà giống như bà đồng bà bóng này lại là mình đây sao? Là hoàng hậu một nước mẫu nghi thiên hạ đó sao? Trương hoàng hậu bèn từ chối mặc tể phục. Khi đó, Thiệu Nguyên Tiết lại khác người, sáng tác một cuốn “Thánh nữ huấn” nhằm nhí, cứ 3 ngày tuyên giảng một lần cho các phi tần cung nữ dưới hoàng hậu nghe, khi nghe giảng còn có một bộ nghi thức tể bái rắc rối rườm rà. Trương hoàng hậu thật sự chịu không nổi nữa, bèn thẳng thắn can gián, bày tỏ sự bất mãn vô cùng và kiên quyết phản đối của mình. Thế Tông ra lời khuyên giải, Trương hoàng hậu kiên trì ý kiến của mình. Không bao lâu, Trương hoàng hậu bị giam lỏng trong lãnh cung, phê làm thường dân. Trương hoàng hậu bị giam lỏng 2 năm, cuối cùng u uất mà chết.

Trương hoàng hậu chết đi, âm khí trong cung nặng nề. Mỗi ngày vào lúc mặt trời lặn, hậu cung luôn cảm thấy có luồng khí đen xông lên, làm người kinh hãi. Tiếp đó, trong cung đột nhiên xảy ra một trận cháy lớn. Thế Tông cho rằng Trương hoàng hậu trở về quấy phá, lệnh cho thuật sĩ Thiệu Nguyên Tiết làm phép trừ quỷ. Thiệu Nguyên Tiết đã già, tiến cử thuật sĩ trẻ tuổi Đào Trung Văn. Đào Trung Văn làm phép, đốt nhang đốt giấy, khói dâng cuộn cuộn trong cung. Sau trận âm ỉ này, âm khí trong cung đích thật biến mất. Khi đó, con trai Chu Tài Dục do Vương quý phi sinh vừa tròn 6 tuổi, con trai Chu Tài Hậu do Đỗ phi sinh đã 4 tuổi, Tài Dục lập làm thái tử, Tài Hậu được phong làm Dục vương, hai người ra trái rạ cùng lúc. Thế Tông lệnh cho Đào Trung Văn cúng tế. Cúng tế xong, hai vị hoàng tử ra trái rạ này lần lượt lành bệnh, nhất là thái tử, trái rạ mất hẳn, khiến cho Thế Tông hết sức vui mừng. Thế Tông thấy Đào Trung Văn là nhân vật tài ba, bèn phong hấn làm: thần tiêu bảo quốc tuyên giáo cao sĩ. Thế Tông lại thấy phong hiệu này chưa đủ bày tỏ sự tôn kính của mình đối với Đào Trung Văn, nên lại đổi phong: Thần tiêu bảo quốc hùng liệt tuyên giáo chấn pháp thông chân trung hiếu bình nhất chân nhân. Đến lúc đó, Đào Trung Văn có thể lực nghiêng cả hậu cung, triều đình của Thế Tông hình thành cục diện ngoài có Nghiêm Sùng, trong có Đào Trung Văn, nền chính trị thì không cần nói cũng có thể tưởng tượng ra được.

Thế Tông cả ngày cúng tế cầu phúc, luyện đơn uống thuốc, chỉ cầu cho mình trường thọ, nhưng hậu cung đã không có hoàng hậu chủ sự, lại không có nhiều tần phi được lâm hạnh, đó cũng không phải là một chuyện tốt đối với triều đình. Thế là, đại học sĩ Trương Phù Kính tiến tấu nói: Từ xưa đến nay thiên tử lập hoàng hậu, còn dựng lục cung, tam phu nhân, cửu tần, hai mươi bảy thể phụ, tám mươi một ngự thiếp, chỉ vì muốn có nhiều hậu tự. Bệ hạ xuân thu tràn trề, nên tuyển chọn nhiều thực nữ, để có nhiều hậu tự. Thế Tông tiếp thu ý kiến này, vào tháng 3 năm Gia Tĩnh thứ 10, cùng lúc sắc lập Phương thị, Trịnh thị, Vương thị, Diêm thị, Vi thị, Thẩm thị, Lô thị, Đỗ thị làm cửu tần, đội nón 9 lông, mặc áo thêu hoa cúc lớn, đeo ngọc bội, thoa phấn vàng, nghi thức chỉ đứng sau lễ phong hoàng hậu. Vào hôm sắc lập, Thế Tông mặc áo quân vương, tể cáo thái miếu, tiếp đó để hoàng thượng trao vương miện tại Hoa Cái điện, mời các đại thần cử hành nghi lễ sắc lập long trọng.

Trong số cửu tần, Thế Tông yêu thích nhất Phương thị, Thẩm thị, và Diêm thị. Thế là, Thế Tông lập Phương thị làm hoàng hậu, Thẩm thị phong làm Thần phi, Diêm thị phong làm Lệ phi. Thế Tông say mê cúng tế bái lễ, theo thông lệ, lập hậu xong phải tiến kiến thái miếu thì mới xem như hoàn thành nghi thức. Nhưng Thế Tông quá hưng phấn, ông ra lệnh đại thần hợp nghị hoàng hậu miếu kiến lễ. Đại thần giỏi diễn cổ, đều bước ra từ sách vở diễn cổ, nên để họ nghị lễ theo diễn cổ, quả thật là không còn gì bằng. Các đại thần lập Thừa Tông miếu cho thiên tử, “Lễ kinh” ngày xưa đã có miếu kiến lễ văn, nên nghĩ đến “Lễ kinh”, tra cứu “Đại Minh tập lễ”, định ra tiến trình nghi thức long trọng. Khi đó, Thế Tông lập hậu theo nghi chế, làm náo nhiệt suốt cả 3 ngày.

Ghi chép liên quan đến Phương hoàng hậu không nhiều, cũng rất giản lược, chỉ nói nàng là người Giang Ninh. Còn về năng nhập cung thế nào, được giáo dục thế nào, phẩm chất đạo đức như thế nào, thì

hoàn toàn không có. Nhưng, chỉ nhìn tình hình lâm nguy không loạn, gặp chuyện trầm tĩnh bình tĩnh và kiên quyết quả đoán của Phương hoàng hậu, thì chắc chắn nàng là cô gái hội đủ các yếu tố tài, sắc, thức, đảm, sự kiện điển hình nhất là vụ án suýt nữa Thế Tông bị cung nữ Dương Kim Anh siết cổ chết.

V. Cung biến mưu sát hoàng đế

Thế Tông cũng khao khát trường thọ như những đế vương hưởng tận vinh hoa phú quý khác, rất say mê việc luyện tiên đan trường thọ. Năm Gia Tĩnh 18, Thế Tông dẫn theo Phương hoàng hậu và đạo sĩ Đào Trung Văn nam tuần, chuẩn bị qua sông Hoàng Hà, Trường Giang, leo núi Long Hồ, núi Cửu Hoa, đi tầm đạo cầu tiên. Sau khi đi thẳng đến Hoàng Hà, đột nhiên gặp gió lớn, lửa lạ, nghe lời khuyên của Phương hoàng hậu, Thế Tông mới chịu về cung. Thế Tông không cam lòng, bèn hỏi Đào Trung Văn, trên núi Tung Sơn có đạo sĩ cao tăng nào không? Đào Trung Văn mời đến đạo sĩ già Giám Đạo Hành, niên thọ 80, vẫn cường tráng như thanh niên, tóc đen, gương mặt như trẻ thơ, tinh thần sáng khoái. Thế Tông vừa kinh ngạc vừa vui mừng, liền hỏi tu luyện thế nào? Bí quyết trường thọ là gì?

Giám Đạo Hành bèn nói với Thế Tông, tu luyện đòi hỏi phải tĩnh tâm, phải bỏ bớt dục vọng, sống trong căn nhà tồi tàn thì mới tu tâm được. Thế Tông rất hứng thú về sức khỏe của Giám Đạo Hành, hỏi làm thế nào? Giám Đạo Hành nói sống tại thâm sơn không nhớ nhung, vương bận gì cả, ngày nào cũng dậy sớm đón ánh sáng bình minh, khát nước thì uống sương của thiên đình, do đó tinh khí dồi dào, ruột gan sạch sẽ. Thế Tông vui mừng ra mặt, sau khi trở về cung, tiếp thu kiến nghị của đạo sĩ, phái Đao phi đưa cung nữ lấy nước sương trong ngự hoa viên vào mỗi sáng sớm, để ông hưởng dùng.

Vào lúc bình minh, các cung nữ tay trái cầm ly ngọc, tay phải cầm mâm ngọc, lấy nước sương từ trên những chiếc lá đã được rửa sạch từ trước. Mỗi ngày khoảng 40 người. Sáng sớm trời lạnh gió rét, các cung nữ phải thức dậy khi trời chưa sáng hẳn, quần áo ẩm ướt, đứng trong vườn cây gió lạnh cảm cập, sự thâm đo không cần tưởng tượng cũng hiện rõ mòn mỏi. Nước sương mà mỗi ngày các cung nữ đi lấy được Thế Tông dùng để uống thuốc, quả thật tinh lực dồi dào, tinh thần sáng khoái, Thế Tông cũng vui vẻ và không mệt mỏi nữa. Việc lấy nước sương cũng không thể ngừng lại.

Ngày tháng lâu dần, các cung nữ lấy nước sương khổ cực không cùng, lần lượt ngã bệnh, người không bệnh cũng oán thán không ngừng. Do uống đơn dược nên Thế Tông trở nên ngày càng hi vọng thất thường, động một tí là đánh đập cung nữ. Người lấy nước sương dần dần trở thành hình phạt. Thế Tông trừng phạt những phi tần thất sủng hoặc cung nữ phạm tội. Từ đó, các cô gái trong cung coi việc lấy sương là một cực hình, sợ như sợ hổ.

Nói về mỹ sắc trong cửu tần, Vương Ninh tần là đẹp nhất, nhưng Vương Ninh tần rất giỏi tâm kế, giỏi làm vừa lòng thánh ý, cận kề chăm sóc tỉ mỉ, hơn nữa thuộc lòng thanh từ mà Thế Tông rất thích. Thêm vào đó, Vương Ninh tần phát minh ra tử trầm hương và bánh thơm làm từ gỗ trầm hương trộn thêm chút cám nhưng chưa chế thành, đốt trong lư hương chín lỗ, tỏa ra mùi hương kỳ lạ, làm người lâng lâng, do đó, Vương Ninh tần rất được Thế Tông sủng ái.

Nhưng ưu thế lâu dài của người phụ nữ lại là vẻ đẹp động lòng người, trong số cửu tần, người đẹp nhất và quyến rũ nhất lại chính là Tào Đao phi. Tào Đao phi nịnh hót Thế Tông, dần dần được độc sủng chuyên phòng, quán tuyệt hậu cung. Đao phi ngày càng không thể coi thường. Những phi tần, mỹ nhân khác đương nhiên đổ kị ghen ghét Đao phi, nhất là Vương Ninh tần vừa đắc sủng mà lại thất sủng ngay. Đao phi được sủng sinh kiêu, chẳng coi ai ra gì, thậm chí công nhiên kênh kiệu ra hiệu, trách mắng các cung tần trong yến hội, biết rõ Vương Ninh tần mắng mình, bèn khóc lóc kể tội trước mặt Thế Tông, đương nhiên có thêm chút dầu vào lửa. Thế Tông nổi giận đùng đùng, ra lệnh gọi Vương Ninh tần đến, quát roi thẳng vào người nàng trước mặt mọi người, đánh đến mức nàng nứt da nê thịt, kêu gào khổ sở. Tiếp đó, Thế Tông bèn trừng phạt Vương Ninh tần đi lấy nước sương, nếu có lời oán thán thì lập tức bị xử chết.

Vương Ninh tần nhẫn nhịn chịu đựng, chỉ đành thêm vào danh sách các cung nữ đi lấy sương. Khi đó, trong số cung nữ đi lấy nước sương, có 2 cung nữ tuổi gần 30, một người tên Dương Kim Anh, một người tên Hình Thuý Liên, hai người ý mình tuổi tác đã cao, thường chỉ huy cung nữ lấy nước sương, còn mình thì già bệnh nằm trên giường. Kết quả, hai người bị tố giác, bị đánh một trận tã tời, phải đi lấy sương theo hình phạt. Lấy nước sương 3 ngày một lần, các cung nữ còn có thể nghỉ ngơi, Dương Kim Anh, Hình Thuý Liên do phạm tội nên không thể nghỉ ngơi, nên hai người oán hận khôn cùng. Tiếp đó, lại bị phạt đánh roi mấy lần. Vương Ninh tần là sủng tần bị bỏ rơi, thấy tình hình này, bèn lôi kéo hai người. 3 người cùng nhau ngậm đắng nuốt cay, khóc không thành tiếng.

Ba người giao lưu tình cảm, thổ lộ tâm tư, an ủi lẫn nhau, cảm thấy ấm lòng một chút. Dần dần, lại có Đào Thục Thuý, Dương Ngọc Hương, Quan Mai Tú, Trần Cúc Hoa gia nhập vào hàng ngũ của họ. Họ quan tâm lẫn nhau, bảo vệ lẫn nhau, tìm kiếm hơi ấm, trở thành chị em hoạn nạn có nhau, đồng thời ngày càng căm hận Thế Tông.

Năm Gia Tĩnh 21, Thế Tông 36 tuổi, độ tuổi sung mãn. Thế Tông vẫn say mê đạo thuật trong độ tuổi này, cả ngày bị thuật sĩ bao vây, một lòng cầu tự cầu tiên. Đạo sĩ, hoạn quan câu kết với nhau, thế lực nghiêng cả triều đình. Tấu chương chúc mừng điềm lành ngày nào cũng được gửi đến, Thế Tông bận bịu vô cùng, ngày ngày tiếp nhận linh chi, bạch ung, gia hòa, tuyết lộc. Bè đảng của Nghiêm Sùng là Triệu Văn Hoa muốn được sủng, giả làm một con rùa ngũ sắc hiến cho Thế Tông, nói là linh vật ngàn năm, có được từ Hoa Sơn thâm cốc. Thế Tông đương nhiên rất hưng phấn, ra lệnh nuôi con rùa ngũ sắc này trong ngự uyển trì, thỉnh thoảng dẫn phi tần mỹ nữ đến ngắm nhìn, đồng thời lệnh cho Dương Kim Anh, Hình Thuý Liên phụ trách chăm sóc.

Chẳng bao lâu sau, rùa ngũ sắc chết trong hồ. Hai người Dương, Hình sợ hãi vô cùng. Hai người cầu cứu Vương Ninh tần. Vương Ninh tần hiền kế: Ngày nào lấy nước sương cũng phải đưa đến Khánh Linh cung, nơi ở của Đoan phi; mỗi sáng thức dậy, Đoan phi đều đến ngự thiện phòng đích thân giám sát việc chưng nấu nước sương, hoàng đế thích ngủ sớm, không ai dám đến kinh động; sau khi Đoan phi rời khỏi, trong cung chỉ có 2 người, tìm cách gọi họ ra; hai người các người làm một cái thông lọng bằng dây thừng, siết chết hoàng đế; hoàng đế chết trong tấm cung của Đoan phi, Đoan phi không thể thoát khỏi liên can; hoàng đế chết, trong cung hoảng loạn, ai còn cất công đi coi rùa ngũ sắc?

Dương Kim Anh, Hình Thuý Liên nghe xong ngăn cả người. Phải đi siết cổ hoàng đế? Chuyện này ngay cả nghĩ cũng không dám nghĩ đến. Nhưng, muốn thoát khỏi cái chết, cũng đành phải làm thôi. Hai người chuẩn bị mạo hiểm thử xem, nhưng lại thấy thiếu người. Kết quả, 3 người thương lượng đưa thêm Trương Kim Liên, Vương Tú Lan vào. Tất cả làm theo kế hoạch của Vương Ninh tần.

Tháng 10 năm Gia Tĩnh 21, thời tiết rất tốt, cảnh sắc trong cung mê hồn người. Thế Tông lo tế thần, bận cả đêm, trở về cung Đoan phi lại uống rượu tìm hoan, chìm sâu vào giấc ngủ khi bình minh. Bình minh hôm đó, Vương Ninh tần, Dương Kim Anh, Hình Thuý Liên, Trương Kim Liên, Vương Tú Lan tập trung tại hoa viên. Lấy nước sương xong đưa ly ngọc vào ngự thiện phòng. Dương Kim Anh là chủ lực của lần hành động này, trong kế hoạch, ả là người ra tay. Họ cùng nhau rời khỏi ngự thiện phòng, đến cuối cùng, lẫn vào tấm cung của Đoan phi, trốn trong bụi hoa vẫn chưa có ánh sáng mặt trời rọi đến. Đoan phi đến ngự thiện phòng đúng giờ. Vương Ninh tần đến thăm cung, gọi hai cung nữ ra ngoài. Bốn người Dương Kim Anh bèn chạy vào tấm thất, tất cả tiến hành thuận lợi. Hoàng thượng đang ngủ ngon, Dương Kim Anh rút ra sợi dây thừng đã chuẩn bị từ trước, kết thành một thông lọng, tròng vào cổ hoàng thượng, ra sức kéo căng. 3 người Hình, Trương, Vương cùng nhau xông lên, hai người cầm tay, một người cầm chân.

Dương Kim Anh đổ mồ hôi lạnh ướt cả người, dây thừng siết thế nào cũng siết không chặt, thì ra thất phải một nút chết! Thế Tông tỉnh dậy, ra sức chống cự. Dương Kim Anh cột một đầu sợi dây vào thành giường, ra sức kéo. Thế Tông bị ép vào đó, siết không ra hơi, mắt lồi lưỡi thè ra, miệng kêu ú ớ, thoi thóp

thở. Dương Kim Anh thấy hoàng thượng vẫn chưa dứt hơi, lệnh cho 2 người siết chặt dây thừng, bản thân mình thì bỏ nhào lên, dùng tay siết chặt cổ hoàng đế. Trên giường hỗn loạn, 4 người phụ nữ lại vướng tay vướng chân, sốt ruột trong lòng. Thế Tông lấy lại hơi, ra sức chống lại. Trương Kim Liên thấy tình thế không hay, bèn lẳng lặng lẩn ra khỏi thâm cung khi đang hỗn loạn, chạy thẳng đến phòng của Phương hoàng hậu tại cung Khôn Ninh. Dương Kim Anh trong lúc sốt ruột, rút cây trâm bạc ra, đâm vào chỗ hiểm của hoàng thượng, đâm đến nỗi Thế Tông kêu rú lên.

Vương Ninh tẩn dợt bên ngoài cung, thấy Trương Kim Liên chạy như bay ra ngoài, biết chuyện lớn không hay, bèn để cung nữ tản đi. Một lát sau, Phương hoàng hậu dẫn theo vài tên thái giám và thị nữ chạy như bay đến tẩm cung Đoan phi. Dương Kim Anh nghe tiếng bước chân vội vã bên ngoài biết là có người đến, muốn trốn đi, nhưng bị mấy thái giám xông vào bắt lại. Phương hoàng hậu vào phòng, ngăn người trước tình hình trước mắt: Hoàng thượng bị buộc trên thành giường, đầu tóc rối bù, lưỡi thè ra, mắt lộ ra ngoài, máu tươi chảy khắp vùng hông, thoi thóp thở. Phương hoàng hậu trấn tĩnh ngay, bước lên phía trước cời trói, ra lệnh để hoàng thượng nằm bằng, nhanh chóng triệu ngự y. Đoan phi nghe tin chạy đến, ngay người ra đó. Tiếp đó, Phương hoàng hậu ra lệnh: Canh chừng tất cả mọi người, tăng cường cấm vệ quân, không có lệnh không ai được ra vào.

Thế Tông hôn mê bất tỉnh. Ngự y chạy đến, lập tức cứu chữa, tìm mọi cách giữ lại mạng sống của hoàng đế, đến 2 tháng sau mới hồi phục. Trong thời gian này, Phương hoàng hậu ra sức tìm kiếm kẻ chủ mưu, tra ra Vương Ninh tẩn. Vương Ninh tẩn biết khó thoát khỏi cái chết, bèn lôi tất cả những người mà mình chán ghét vào chung tội với mình, nhất là Đoan phi đáng chết, nói Đoan phi biết âm mưu này, và tham dự vào đó. Phương hoàng hậu ban ra mệnh lệnh, lăng trì xử chết hơn 20 người trong đó có Đoan phi, Vương Ninh tẩn, Dương Kim Anh, tru di gia tộc. Trước khi dụng hình, Đoan phi gào thét kêu oan, mắng Vương Ninh tẩn ngậm máu phun người. Vương Ninh tẩn cười lạnh lùng, thấy rất đắc ý, dường như hình phạt này rất bình thường chứ chẳng phải là án tử.

Ba tháng sau, Thế Tông bình phục, cho rằng Phương hoàng hậu cứu giá có công, sủng ái vô cùng, đồng thời phong phụ thân của nàng Phương Nhuệ làm An Bình Bá. Sau đó, Thế Tông tra hỏi tường tận quá trình của toàn vụ án, hỏi rõ tình hình trước khi chịu hình của Đoan phi, biết Đoan phi đúng là chết oan. Thế Tông nhưng nhớ Đoan phi, thường thấy ác mộng. Sự cảm kích của Thế Tông dành cho Phương hoàng hậu dần dần biến thành thù hận, cho rằng Phương hoàng hậu giết chết Đoan phi yêu dấu của mình. Thế Tông bệnh cũ tái phát, ngày đêm vẫn say mê đạo thuật. Bên ngoài, Thế Tông vẫn đối xử với Phương hoàng hậu theo nghi lễ, nhưng tình cảm lại chuyển sang sủng ái Lệ Phi Diêm thị. Năm năm sau, tháng giêng năm Gia Tĩnh 26, nơi ở của Phương hoàng hậu là Khôn Ninh cung bị cháy, lửa rất mạnh, cháy hừng hực. Cửa cung bị đóng kín, ngoài cung lại không có ai chữa lửa. Thế Tông ở tại Vạn Thọ cung bên cạnh Khôn Ninh cung nhìn thấy lửa cháy, lại không để cung nhân đi chữa lửa, còn nói cháy cung cũ, may mà đã xây một cung mới. Phương hoàng hậu và thị nữ trong cung bị thiêu sống như thế, đó trở thành một vụ nghi án lớn nhất trong cung nhà Minh. Có người cho rằng, trận cháy lớn này có thể do Thế Tông sắp xếp. Nhưng đó chỉ là suy đoán, không có bằng chứng, cũng không thể có chứng cứ gì.

VI. Trịnh quý phi

Minh Thần Tông Chu Dực Quân kế vị khi 10 tuổi, tại vị lâu nhất trong số các đế vương nhà Minh, đến 48 năm. Khi Thần Tông 20 tuổi, sinh con trưởng Chu Thường Lạc, mẫu thân là phi tử Vương thị. Khi Thần Tông 24 tuổi, phi tử sủng ái của ông Trịnh thị sinh hoàng tử Chu Thường Tuần, Thần Tông tiến Trịnh thị làm quý phi. Khi đó, hoàng hậu Vương thị người Dur Đào không có con, lập con trưởng Chu Thường Lạc hay lập con trai của quý phi Chu Thường Tuần trở thành trung tâm tranh luận của triều đình và hậu cung. Trận tranh luận này kéo dài hơn 10 năm, vẫn luôn quấy nhiễu hậu cung và triều chính của Thần Tông. Đó chính là cuộc tranh luận nổi tiếng trong lịch sử vào những năm Vạn Lịch. Cuộc tranh luận này lan ra rất rộng, hậu phi mỹ nữ hậu cung và bá quan triều đình không ai không liên can đến. Xung quanh việc lập tự, âm mưu nổi dậy khắp nơi, quyền lực phân chia từ lần này đến lần khác. Họa môn phái nổi dậy từ đó, và ngày càng lan rộng thành tai họa. Trung tâm của nó là ái phi Trịnh quý phi của Thần Tông và con trai Chu Thường Tuần của nàng, cao trào và điểm nóng của nó chính là vụ án có tên là “Ưu nguy hoàng nghị”.

Trịnh thị người Đại Hưng. Ban đầu, Trịnh thị chẳng qua là một cung nữ, Sơ niên Vạn Lịch, nàng được vào cung làm sai. Trịnh thị diễm lệ, được Thần Tông yêu mến và lâm hạnh, phong làm quý phi. Năm Vạn Lịch thứ 14, Trịnh thị sinh hoàng tam tử Chu Thường Tuần, tiến phong hoàng quý phi. Tháng thứ 2 sau khi Chu Thường Tuần ra đời, cuộc tranh luận nói trên bắt đầu. Khi đó, Thần Tông sủng ái Trịnh quý phi, và lạnh nhạt với mẫu thân của hoàng trưởng tử Vương phi. Triều thần tuân theo nguyên tắc có đích lập đích, không đích lập trưởng, chủ trương lập hoàng trưởng tử Chu Thường Lạc. Nhưng Thần Tông sủng ái Trịnh quý phi, vẫn tránh bàn về việc thái tử, trưởng tử đã 5 tuổi, các triều thần không thể không nghi ngờ: Có phải hoàng thượng có ý lập con trai của Trịnh quý phi? Có phải Trịnh quý phi ý được hoàng thượng sủng ái nên âm mưu lập kế lập con trai của mình làm thái tử?

Phò thần Thân Thời Hành cùng quần thần tiến tấu, thỉnh cầu hoàng thượng sớm lập thái tử, để đáp lại nguyện vọng của chúng dân. Tấu sớ của Thân Thời Hành viết: Sớm lập thái tử, là vì tôn tông miếu, trọng xã tắc. Tiếp theo, Thân Thời Hành nêu ra hàng loạt trường hợp sớm lập thái tử của tổ tông, nói Anh Tông được lập làm thái tử khi 2 tuổi, Hiếu Tông làm thái tử khi 6 tuổi, Vũ Tông chỉ mới 1 tuổi, vẫn tự vẫn còn, không có gì có thể kéo dài nữa; trưởng tử đã 5 tuổi, nhân lúc đang là mùa xuân ngày lành tháng tốt, hạ lệnh cho lễ bộ, sớm lập người kế vị. Thần Tông không muốn lập con trưởng làm thái tử, nhưng lại không tiện thẳng thắn từ chối, thế là viện cớ: Con nhỏ còn yếu, đợi thêm 2,3 năm nữa hãy cử hành.

Triều thần đương nhiên không dễ bỏ qua, biết hoàng thượng cố ý kéo dài, là vì muốn phế trưởng lập ấu. Hộ khoa cấp sự trung Khương Ứng Lâm, sử bộ viên ngoại lang Thẩm Cảnh thượng tấu nói ngay điểm chính: Quý phi tuy hiền tuệ, nhưng lại sinh con thứ, còn Cung phi sinh con trưởng, ứng chủ tông miếu, ngược lại xếp con trưởng sau con thứ sao? Xin thu hồi thành lệnh, trước tiên tiến Cung phi, rồi hãy đến quý phi. Đó chẳng phải công khai làm hoàng thượng khó xử, Thần Tông làm sao có thể chấp nhận lời tấu, ngoài việc nổi giận đùng đùng, làm sao tránh khỏi mất mặt! Thần Tông nổi giận, giáng Khương Ứng Lâm làm Quảng Xương diễn sử, Thẩm Cảnh cũng bị điều khỏi kinh sư. Thần Tông vẫn chưa nguôi giận, hiểu dụ với các thần: Giáng tội họ không phải vì chuyện sắc phong, mà là họ nghi ngờ ta phế trưởng lập ấu, suy đoán thượng ý. Triều ta lập trữ quân, đã có thành hiến từ lâu, ta dám vì ý tư mà huỷ hoại công luận sao! Thần Tông ăn nói rất đường hoàng, cho rằng có thể qua loa cho xong chuyện, nào ngờ Chủ sự hình bộ có mặt tại đó là Tôn Như Pháp lại phản bác nói, Cung phi sinh con trưởng, 5 năm không có tiến phong chi điển, còn quý phi Trịnh thị sinh hoàng tử, lập tức tiến phong hoàng quý phi. Quý phi được tiến phong nhờ

sinh hoàng tử, còn Cung phi lại chẳng được gì trong vòng 5 năm dù cũng sinh hạ hoàng tử, thiên hạ làm sao không nghi ngờ cho được! Thần Tông nghe mà nổi giận, lập tức giáng Tôn Như Pháp làm Triều Dương điện sử, rời khỏi kinh sư. Ngự sử Tôn Duy Thành, Dương Thiệu Trinh cũng tận trung can gián, kết quả cũng bị giáng chức.

Lễ bộ thị lang Thẩm Lý lại tiến tấu ôn hòa hơn, ông thỉnh cầu cùng lúc với khi tấn phong Trịnh phi, phong Cung phi cho Vương thị. Thần Tông không thể nói không, chỉ phê bình nói: Đợi khi sắc lập con trưởng thì hãy tiến phong. Rõ ràng, Thẩm Lý hiểu rất rõ ràng, lời tiến ngôn hợp lý như thế, nên Thẩm Lý không bị giáng chức, cũng không bị giảm bổng lộc. Chính vào lúc bá quan triều đình và Thần Tông xoay quanh chuyện lập tự, thế như nước với lửa, phụ thân Trịnh Thừa Hiến của hoàng quý phi Trịnh thị lại đưa thêm chuyện vào, rước họa vào mình. Trịnh Thừa Hiến đưa ra ví dụ của Vĩnh Niên Bá Vương Vĩ trong cung, thương xót cho phụ thân của y. Các triều thần đang hoài nghi Thần Tông vì tư hại công, ủng hộ Trịnh quý phi, lúc này Trịnh Thừa Hiến tấu thỉnh xin giảm tội đương nhiên không phải lúc. Lễ bộ không hề khách sáo bác lại tấu sớ. Thần Tông vừa tuyên xưng mình quyết không vì chuyện tư mà hại công luận, lúc này đương nhiên không phản đối bá quan vì chuyện này, nhưng lại không thể không biểu hiện gì. Thế là, Thần Tông hạ chỉ, gởi cho Trịnh Thừa Hiến 500 lượng.

Lễ khoa đô cấp sự Vương Tam Dư, ngự sử Hà Trác, Chung Hóa Dân, Vương Thận Đức lại lần lượt dâng tấu lập tự. Thần Tông bỏ mặc. Phụ bật đại thần cũng tấu thỉnh lập tự phong vương, Thần Tông vẫn lần lữa kéo dài. Sơn Tây đạo ngự sử Trần Đăng Vân tấu thỉnh sắc lập đông cung, đồng thời xin lập tức trị tội Trịnh Thừa Hiến. Thần Tông xem cũng chẳng thêm xem. Như thế, việc lập tự kéo dài đến 4 năm. Kéo dài đến tháng giêng năm Vạn Lịch thứ 18, Thần Tông đến Thư Đức cung, triệu phò thần Thân Thời Hành, Hứa Quốc, Vương Thích Tước, Vương Gia Bính ở tây thất, vận hỏi việc sắc lập đông cung. Thần Tông biết ý nghĩ của phò thần, sau khi ổn định chỗ ngồi, chân chừ nói: Ta biết, không có con đích, trưởng ấu tự có trật tự. Trịnh phi cũng thỉnh tấu 3 lần, e rằng bên ngoài có người nghi ngờ. Nhưng con trưởng vẫn còn yếu, muốn đợi hấn lớn chút nữa rồi mới lập. Phò thần lập tức quỳ xuống đất nói: Hoàng trưởng tử đã 9 tuổi được giáo dục đàng hoàng, chính vào ngày hôm nay. Thần Tông lặng lẽ gật đầu.

Lần này hội kiến tại Tây thất, các phò thần dường như thoải mái hơn. Thân Thời Hành chân mày giãn ra, bước nhanh trong hành lang. Lúc đó, theo tiếng bước chân vội vã, tư lễ thái giám chạy ào đến, gọi các các lão, truyền chỉ: Đã lệnh người đi tuyên gọi hoàng tử, gặp mặt tiên sinh. Các các lão thân làm phò thần nghe lời tuyên chỉ, vui mừng khôn đổi, thấy cuộc tranh luận về gốc quốc gia chắc là có thể kết thúc, người kế vị chắc đã được định.

Thân Thời Hành và mọi người đến nội cung. Một lát sau, hoàng trưởng tử Chu Thường Lạc, hoàng tam tử Chu Thường Tuần được đưa đến, theo thái giám đến trước ngự điện, bái kiến Thần Tông. Sau đó, hoàng trưởng tử đứng bên phải ngai vàng, Thần Tông nắm tay của chàng, dường như để phò thần đứng cạnh nhìn thấy. Các phò thần chú ý rất lâu, tiến tấu rất khẩn thiết: Hoàng trưởng tử long tư phụng biểu, khí độ bất phàm, có thể kế thừa sự nhân từ của hoàng thượng. Thần Tông nghe xong rất hài lòng, vui vẻ nói, Đó là đức trạch của tổ tông, thánh mẫu ân điển, làm sao ta dám nhận. Phò thần thừa thế nói hoàng trưởng tử đã đủ lớn, nên chọn sư đọc sách. Đồng thời nói khi hoàng thượng chính vị đông cung, chỉ mới 6 tuổi, nhưng đã đọc sách, hoàng trưởng tử đọc sách khi này đã muộn. Thần Tông than thở vô cùng, nói mình đã đọc sách khi 5 tuổi. Tiếp đó, Thần Tông thuận tay chỉ hoàng tam tử, nói đó cũng đã 5 tuổi rồi, nhưng vẫn không thể rời khỏi nhũ mẫu. Nói xong, Thần Tông kéo hoàng trưởng tử đến, dẫn đến trước gối, nhìn chăm chú và vò đầu than thở rất lâu. Các phò thần cảm động bởi cảnh cha con thâm tình này, liền quỳ xuống dập đầu nói: Có viên ngọc đẹp như thế, sao không mài giữa sớm hơn, tạo thành ngọc sáng? Thần Tông gật đầu, nói rất rõ ràng, Ta biết rồi. Thân Thời Hành và mọi người cũng quỳ bái lui ra.

Cảnh cảm động lòng người tại tây thất khiến cho triều thần xúc động, bá quan triều đình hân hoan cổ

vũ, đồng thời chuẩn bị lễ sắc lập con trưởng, dường như cuộc tranh luận này đã đến hồi kết thúc. Tuy nhiên, hoa xuân tàn úa, lá thu rơi rụng, vẫn chưa có thánh chỉ sắc lập thái tử. Các đại thần từ hy vọng tràn trề đến thất vọng, tâm trạng vui vẻ cũng như hoa xuân tàn úa, lá thu rơi rụng, trong lòng chỉ còn nỗi buồn hiu vắng lặng. Sử bộ thượng thư Chu Huân, lễ bộ thượng thư Vu Thận Hành cũng không thể nhẫn nại nữa, thế là, tháng 10 năm đó, dẫn theo quần thần trình trọng dâng sớ thượng tấu, cầu xin sắc lập thái tử. Cuộc tranh luận này lại trở dậy lần nữa. Sau khi nhìn thấy tấu sớ, Thần Tông tức giận đùng đùng, hạ chỉ lấy lại bổng lộc của hai vị thượng thư Chu, Vu và các quan viên thượng tấu! Phò thần Thân Thời Hành không chịu nổi mê hoặc, lại đau đầu vì chuyện này, Thân Thời Hành thấy mình không còn mặt mũi nào đứng trong hàng ngũ các lão nên xin nghỉ hưu. Đại thần Vương Gia Bính liền ra mặt hòa giải. Thần Tông mới bớt giận, rút ra tấu sớ xin sắc lập của Trịnh Quốc Thái, nói với các phò thần, sang năm sắc lập đông cung, nếu lại có tấu chương quấy nhiễu, thì đến khi 15 tuổi mới bàn đến chuyện sắc lập!

Thánh chỉ xác định rõ ràng sang năm mới lập, các quần thần thấy có hy vọng, không ai sinh chuyện, tiến tấu quấy nhiễu nữa. Đến tháng 10 năm sau, cung đình yên tĩnh cả năm lại dậy sóng một lần nữa. Tháng 10 năm Vạn Lịch thứ 19, Công bộ chủ sự Trương Hữu Đức dẫn đầu tiến tấu, xin chuẩn bị nghi trượng đông cung. Thủ phò Thân Thời Hành lo lắng trong lòng, thứ phò Hứa Quốc than thở nói: Tiểu thần tấu thỉnh vì chuyện lập tự, chúng thần không nói một câu, có được không? Thế là cùng nhau liên minh dâng tấu, thủ phò Thân Thời Hành đứng ngay đầu danh sách. Sau khi biết tin, Thân Thời Hành lập tức viết một bảng phân trần: Thần đã nghỉ hưu, tên của thần trên danh sách, thần không hề biết. Cung nhà Minh quy định, bảng vạch tội mật của các thần chỉ có mỗi hoàng thượng được xem, xem xong giữ lại. Nhưng bảng vạch tội mật này và hòa nghị sớ không được đưa vào hậu cung với dạng văn kiện đặc biệt, mà gởi cùng với các tấu chương khác, kết quả các triều thần đều biết bảng vạch tội mật. Lễ khoa La Đại Hùng thượng tấu chỉ trích Thân Thời Hành để lấy lòng hoàng thượng, để củng cố phò vị. Võ Anh trung thư Hoàng Chính Bân cũng thượng tấu chỉ trích. Thần Tông khí huyết xung thiên, ra lệnh lôi Hoàng Chính Bân ra đánh, lột bỏ tước vị của La Đại Hùng. Thần Tông và văn võ bá quan lại chiến đấu như nước với lửa, giằng co mãi không dứt. Phò thần Vương Gia Bính lại làm người hòa giải, tấu thỉnh sang năm mới lập tự, nhưng không có kết quả.

Tháng giêng năm Vạn Lịch thứ 20, Lễ khoa đô cấp sự Lý Hiến Khả tấu thỉnh chuẩn bị dạy học cho hoàng trưởng tử. Thánh chỉ Lý Hiến Khả lột áo quan. Đại học sĩ Vương Gia Bính cầu xin. Thần Tông nổi giận, lại đưa ra thánh chỉ trước. Cấp sự Trung Vũ Chính, Thư Hùng Tư, Trần Thượng Tượng dâng sớ cầu xin, kết quả cũng bị lột bỏ áo quan hoặc giáng chức. Khoa thần Mạnh Dưỡng Hào là người cuối cùng dâng sớ, ngoài việc bị lột bỏ áo quan còn bị đánh 100 trượng, đánh đến ngất đi. Đại học sĩ Vương Gia Bính xin nghỉ hưu, Thần Tông ưng chuẩn. Sử bộ chủ sự Cố Hiến Thành, Chương Gia Trinh cho rằng Vương Gia Bính trung quân ái quốc, không nên phế chức, nên lập tức triệu về. Thần Tông nổi giận, lệnh lột áo quan của Cố Hiến Thành, Chương Gia Trinh bị điều đến Định Châu.

Cuộc tranh luận trong triều đã rất rõ ràng, Thần Tông vì yêu phi và con trai của nàng, thù ghét đối với văn võ bá quan trong triều đến cùng. Mà các bá quan trung quân ái quốc có khí tiết và phong độ, họ thà tận trung vì lễ nghĩa, quyết không nhẫn nhịn hoàng thượng vì tư hại công. Cung đình, triều đình chìm trong nỗi u ám trong trận tranh cãi. Thần Tông đa tình và Trịnh phi yêu dấu và con của nàng cũng bị quấy nhiễu. Hoàng hậu lo lắng cho quốc sự, gia sự. Vương phi và hoàng trưởng tử chẳng biết làm gì. Trịnh phi được hoàng thượng sủng ái, âm thầm lập mưu vì tiền đồ của mình và của con. Mây mù nghi ngờ bao trùm hậu cung.

Tháng giêng năm Vạn Lịch 21, phò thần Vương Thích Tước trở về triều, mật tấu Thần Tông, tấu thỉnh sắc lập đông cung, tấu chương được viết rất cung kính và khéo léo. Thần Tông trả lời nói, ông vốn có ý sắc lập vào mùa xuân năm nay, nhưng mới đây đọc “Hoàng Minh Tổ huấn”, trên đó viết lập đích không

lập thứ. Hoàng hậu vẫn còn trẻ, nếu sắc lập đông cung, hoàng hậu lại sinh nở, chẳng phải nước cho hai tự hay sao? Nay phong tam hoàng tử làm vương, mấy năm sau nếu hoàng hậu vẫn không sinh, thì mới lập sau. Vương Thích Tước liền ra sức tranh cãi nói: Năm xưa Hán Minh đế lấy con trai của cung nhân Giả thị, để Mã hoàng hậu nuôi dưỡng; Đường Huyền Tông lấy con trai của Dương Lương Hoàn, để Vương hoàng hậu nuôi dưỡng; Tống Chân Tông Lưu hoàng hậu lấy con trai của Lý Thần phi, tự nuôi dưỡng, cuối cùng đều kế thừa thiên hạ. Thần Tông mặc kệ, vẫn đưa ra thánh chỉ như lần trước.

Cuộc tranh cãi như thế kéo dài 5 năm. Tháng 5 năm Vạn Lịch 26, Sử khoa cấp sự Đối Sĩ Hoành, Toàn Thúc tri huyện Phàn Ngọc Hoành do chỉ trích “Khuê phạm đồ chí” của Lữ Càn, bị lột bỏ áo quan đày ra biên ải. Cuộc tranh cãi đến điểm chính. Lữ Khôn là Án sát sử Tây Sơn, ông biên soạn bộ “Khuê phạm đồ chí”. Trịnh Quốc Thái xem xong, thấy rất hay, nên dùng nó để lấy lòng hoàng thượng và Trịnh quý phi. Thế là, Trịnh Quốc Thái chép lại “Khuê phạm đồ chí”, thêm vào phần hậu kí, đầu tiên viết về Hán Minh Đế hoàng hậu, cuối cùng là Trịnh quý phi ngày nay. “Khuê phạm đồ chí” ra đời, không chân nhưng biết chạy, như thêm dầu vào lửa trong trận tranh cãi này. Khoa thần Đối Sĩ Hoành lập tức thượng tấu, chỉ trích Lữ Khôn lấy lòng hậu cung, trong tấu nói phạm đến Trịnh phi. Phàn Ngọc Hoành là tri huyện Toàn Thúc, cũng tham dự trong cuộc tranh luận này, thượng tấu nói: Hoàng thượng không từ bi, hoàng trường tử bất hiếu, hoàng quý phi không biết. Quả thực là trong mắt không có thánh thượng và quý phi, làm xằng làm bậy.

Trịnh quý phi cai quản hậu cung, nhiều tai mắt. Nàng biết được lời tiến tấu của hai người Đối, Phàn, nước mắt như mưa, khóc lóc trước mặt Thần Tông. Thần Tông làm sao chịu được điều đó? Lập tức hạ chỉ, trị tội hai người Đối, Phàn, lột bỏ áo quan và đày ra biên ải. Lúc này, Trịnh quý phi mới nguôi giận. Lữ Càn, Trịnh Quốc Thái cũng thờ phào nhẹ nhõm.

Tuy nhiên, đại biến cố giáng xuống vào lúc đó. Không biết từ đâu, một bộ sách không biết do ai biên soạn bí mật lan ra, chấn động kinh sư. Cuốn sách này lan vào hậu cung, hậu cung cũng chấn động vì nó, các mỹ nhân hậu cung kinh hãi ngăn người, không biết nghe theo ai. Bộ sách này tên “Ưu nguy hoàng nghị”, là câu chuyện phê đích lập thứ từ xưa đến nay. Trong sách dẫn tường tận các câu chuyện lịch sử, lại công kích Trương Dường Mông, Lưu Đạo Hưởng, Ngụy Doãn Trinh, Trịnh Thừa Ân, Đặng Quang Tác, Hồng Kỳ Đạo, Trình Thiệu, Bạch Sở Tri, Bích Hưởng, Lữ Khôn. Đích nhắm đương nhiên là Trịnh phi và con yêu của nàng.

Sau khi “Ưu nguy hoàng nghị” chấn động kinh sư, hậu cung, triều đình đương nhiên không thể yên tĩnh nữa. Thích đăng nghị ngờ cuốn sách này xuất phát từ Đối Sĩ Hoành, do Trương Vị bí mật truyền ra. Trịnh Thừa Ân đau đớn bởi ngôn từ trong cuốn sách nhắm vào mình nên lập tức phản công, nói Đối Sĩ Hoành giả tạo nguy thư, làm tổn thương người lương thiện, Phàn Ngọc Hoành điên đảo thị phi, không tôn trọng thánh thượng, ngôn từ xâm hại đến hậu cung, là hai Hoành đáng hận. Thần Tông tức giận điên cuồng bởi lời tấu của Trịnh quý phi và bè đảng Trịnh Thừa Ân của Trịnh thị, hạ chỉ xử lý và điều tra, thẩm vấn nghiêm túc. Ngự sử Triệu Chi Hàn lúc này mới tiến tấu, “Ưu nguy hoàng nghị” quả thật là do Đối Sĩ Hoành nguy tạo, kẻ chủ mưu là Trương Vị, còn có cả Từ Tác, Lưu Sở Tiên, Lưu Ứng Thu, Dương Diên Lan, Vạn Kiến Côn tham gia vào. Thần Tông lập tức hạ thánh chỉ: Bãi quan của Lễ bộ hữu thị lang Lưu Sở Tiên, Đô sát viện hữu đô ngự sử Từ Tác; giáng chức và điều Quốc Tử tế tửu Lưu Ứng Thu đi nơi khác; giáng Sử khoa tá cấp sự Dương Diên Lan, Lễ bộ chủ sự Vạn Kiến Côn làm điển sử; Trương Vị bí mật tiến cử Dương Đảo khiến đông chinh bất lợi, những tội trạng này đều bị bãi chức, mãi mãi không được ân xá.

Trong một lúc, những triều thần phản đối Trịnh phi, nói năng xâm hại đến hậu cung đều bị xử tội. Họ hoặc bị giáng chức, hoặc bị bãi chức, hoặc bị đày ra biên ải. Họ vừa không có cơ hội biện giải, cũng không thể minh oan. Vụ án “Ưu nguy hoàng nghị” này thật sự quá mơ hồ, không rõ chân tướng là thế nào, có phải đúng là do triều thần chống lại phái của Trịnh phi nguy tạo? Hay là Trịnh quý phi cố ý tung ra cuốn sách

này, mượn nó để tiêu diệt tận cùng phái phản đối, để bịt miệng công chúng, sớm kết thúc trận tranh luận này? Dù chân tướng của vụ án này thế nào, nhưng sự xuất hiện của vụ án quả thật rất có lợi cho Trịnh quý phi. Từ đó hậu cung yên tĩnh được 2 năm. Cuộc tranh cãi về người kế vị cũng chìm vào quên lãng.

Năm Vạn Lịch 28, Lễ bộ thượng thư Dư Kế Đăng tâu xin sắc lập hoàng trưởng tử trước, sau đó quán lễ đến chúc mừng, hôn lễ được cử hành. Đại học sĩ Thảm Nhất Quán cũng tâu thỉnh hoàng trưởng tử quán hôn. Năm đó, hoàng trưởng tử 18 tuổi. Nam Kinh Lễ bộ thị lang Diệp Hường Cao cũng tâu thỉnh hoàng trưởng tử hành tam lễ. Thần Tông mặc kệ không màng đến, ra lệnh dời hoàng trưởng tử vào ở trong cung Từ Khánh, đồng thời nói rõ với nội các, đã định ngày lập thái tử, không cho phép quần thần dâng tấu quấy nhiễu về chuyện này nữa. Hình bộ chủ sự Tả Diên Tán không nghe, tiếp tục tâu thỉnh sắc lập. Kết quả, Tả Diên Tán bị điều đi Quý Châu, giáng làm Bồ chính tư chiếu mặc. Đại học sĩ Thảm Nhất Quán bí mật dâng sớ với Thần Tông, cho rằng xử phạt như thế quá nặng. Thần Tông trả lời nói: Tả Diên Tán ngông cuồng, hãy đợi thêm, để thiên hạ thần dân biết tấm lòng của ta. Tiếp đó, Thần Tông giáng dụ: Hoàng trưởng tử yếu đuối, đại lễ phải đợi thêm thời gian, bá quan tạm thời đừng nên nhắc đến nữa.

Công khoa đô cấp sự Vương Đức Hoàn xem thường thánh dụ, tiếp tục can gián, kết quả, bị tống vào ngục của cấm vệ, khảo đánh bằng nghiêm hình, truy hỏi ai là kẻ chủ mưu. Anh của Trịnh quý phi là Trịnh Quốc Thái cũng không cam tâm chịu im lặng, dâng sớ thỉnh hoàng trưởng tử quán hôn trước, rồi hãy sắc lập. Khoa thần Vương Sĩ Xương lập tức phản đối. Thự lễ bộ Chu Quốc Tác lại cho rằng Trịnh Quốc Thái có ý điên đảo trật tự, phía sau chắc chắn có âm mưu. Nửa năm sau, Trịnh Quốc Thái đột ngột tâu thỉnh sắc trở quán hôn, khiến Thần Tông nổi giận, hạ lệnh tước bỏ quan phục. Lễ khoa hữu cấp sự Dương Thiên Dân, Vương Sĩ Xương cũng bị điều đi Quý Châu do tiến ngôn lập tự.

Năm Vạn Lịch 29, đại học sĩ Thảm Nhất Quán, nói tình, nói lý, trung thành và thành khẩn tiến tấu, khiến Thần Tông cảm động sâu sắc. Thần Tông nghĩ lại: Con lại sinh con, cháu lại sinh cháu, ngồi nhìn cây đâm nhiều chồi nảy nhiều lộc, chỉ vì danh lợi mà khiến cả nhà hết phúc! Bất chợt rơi lệ. Thần Tông lập tức hạ chỉ, tổ chức lễ sắc phong trong ngày gần nhất. Nhưng chẳng được bao lâu sau, Thần Tông lại lấy cớ buổi lễ vẫn chưa chuẩn bị xong, nên dời ngày sắc lập. Thảm Nhất Quán phong lại thánh chỉ, ra sức tranh đấu, nói không thể. Thế là, cuối cùng hoàng trưởng tử Chu Thường Lạc cũng được sắc lập làm hoàng tử vào ngày 15 tháng 10 năm đó. Cuộc tranh cãi về người nối ngôi dường như kết thúc tại đây.

Nhưng Trịnh quý phi vẫn còn, việc Thần Tông độc sủng Trịnh quý phi trong hậu cung vẫn còn, vụ án “Ưu nguy hoàng nghị” vẫn chưa kết thúc. Năm thứ 3 sau khi sắc lập thái tử, tức tháng 11 năm Vạn Lịch 31, kinh sư đột nhiên xuất hiện phi thư, tên “Tục ưu nguy hoàng nghị”, hơn 300 câu, nói Thần Tông chuẩn bị thay đổi thái tử, làm dao động cái gốc của quốc gia. Trong thư mắng nhiếc Trịnh quý phi thậm tệ. Chỉ trong một đêm, thư này được dán khắp cửa cung, ngõ hẻm, hậu cung thất sắc. Cuối thư đề: Sử khoa đô cấp sự trung Hạng Ứng Tường soạn, Tứ Xuyên đạo Giám sát ngự sử Kiều Ứng Giáp san định.

Phi thư này khiến triều đình thất sắc, Thần Tông nổi giận đùng đùng, ra lệnh Xưởng vệ tăng cường lục soát, nhất định phải tìm ra kẻ chủ mưu viết sách này, đồng thời lệnh Hạng Ứng Tường, Kiều Ứng Giáp hỏi tấu, nói rõ xảy ra chuyện gì! Hạng Ứng Tường, Kiều Ứng Giáp sợ hãi tiến tấu biện giải, nói đó là gian thần vu khống, trên đời làm gì có chuyện người soạn sách gian lại ký tên mình ở dưới? Thế là hai người vô sự. Vậy thì, yêu sách làm chấn động triều dã, quấy nhiễu hậu cung, rốt cuộc là hành vi của ai? Có người nói cuốn sách này xuất phát từ bọn chống đối với Thảm Nhất Quán, muốn triệt hạ ông nên mới làm thế. Có người lập tức biện bạch, nói sách này đúng là xuất phát từ bọn chống đối với Thảm Nhất Quán, muốn hãm hại thủ lĩnh của mình là Quách Chính Vực, bởi vì Quách Chính Vực đố kỵ Thảm Nhất Quán, đó là một âm mưu. Thảm Nhất Quán nghe lệnh của Trịnh quý phi, phi thư này do bọn triều thần phản đối Trịnh hay hành vi chỉ trích người khác của Trịnh quý phi? Đó vẫn còn là một câu đố. Nhưng, vụ án “Tục ưu nguy hoàng nghị” xuất hiện, không biết bao nhiêu quan viên bị bãi quan, giáng chức, tra khảo, dùng hình..., tàn nhẫn

không thể nói.

Quá trình tường tận và kết cục của vụ án này được viết rõ trong “Đế vương ngoại triều kí thực”, xin lược bỏ tại đây.

VII. Sóng gió Càn Thanh cung

Giữa thời Vạn Lịch Minh Thần Tông, do Trịnh quý phi vẫn còn, trong cung vẫn không được sống một cách yên tĩnh, vụ án lớn nổi dậy, ồn ào lạ thường. Tiếp sau vụ tranh giành người kế vị và “Ưu nguy hoàng nghị”, là vụ án Diên Kịch, vụ án Hồng Hoàn, vụ án Di Cung. Vụ án Diên Kịch xảy ra vào năm Vạn Lịch 43. Tháng 5 năm đó, Trương Sai xông vào cung Từ Khánh của thái tử Chu Thường Lạc, đánh bị thương thái giám Lý Giám, chạy đến dưới hiên trước điện, bị nội quan Hàn Bồn Dung bắt giữ, giao cho chỉ huy Chu Hùng của Đông Hoa môn. Nghiêm hình tra hỏi, hẩn nhận là do cung giám Bàng Bảo, Lưu Thành của Trịnh quý phi sai khiến. Thần Tông không muốn truy cứu, giết chết Trương Sai bêu đầu thị chúng, sau đó giết Bàng Long, Lưu Thành trong cấm cung.

Vụ án Hồng Hoàn xảy ra vào năm Vạn Lịch 48. Tháng 7 năm đó, Thần Tông qua đời, thái tử Chu Thường Lạc kế vị, tức Minh Quang Tông. Không bao lâu sau, Quang Tông bị kiết lị. Nội thị Thôi Văn Thăng của Trịnh quý phi dâng Đại Hoàng Dược, uống xong bệnh tình thêm trầm trọng, một đêm tiêu chảy đến 3,4 chục lần. Hồng Lô tự quan Lý Khả Thước dâng hai viên Hồng Hoàn, tên gọi tiên đan, kết quả, Quang Tông uống tiên đan xong chết ngay, tại vị chỉ 29 ngày. Vụ án Di Cung liên can đến Lý tuyển thị. Đó là 3 vụ án xảy ra tại triều Minh, nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc.

Đông, Tây Lý tuyển thị là hai vị tuyển thị thời Quang Tông, đều họ Lý. Khi đó, trong cung gọi họ là Đông Lý, Tây Lý. Đông Lý nhân từ, ít nói cười, đứng trên Tây Lý, nhưng không được sủng như Tây Lý. Sùng Trinh hoàng đế Chu Do Kiểm là con trai thứ 5 của Quang Tông, mẫu thân là Lưu thị chết sớm, ông còn nhỏ nên được Tây Lý nuôi dưỡng, sau này Tây Lý mang thai sinh con gái, nên giao cho Đông Lý nuôi dưỡng. Nguyên niên Thiên Khải, con trưởng Chu Do Hiệu của Quang Tông kế vị, trở thành Minh Hi Tông, Đông Lý được tiên phong làm Trang phi. Vào thời Thiên Khải, Ngụy Trung Hiền, Khách thị chuyên quyền dụng sự, đố kỵ Đông Lý thẳng thắn, hạn chế rất nhiều lễ tiết trong cung, Đông Lý oan ức, u uất mà chết.

Quang Tông kế vị khi đã 39 tuổi, rất sủng ái Tây Lý xinh đẹp. Tây Lý từng nuôi dạy con trưởng và con thứ 5 của Quang Tông, tức Hi Tông và hoàng đế Sùng Trinh sau này. Tháng 8 năm Thái Xương thứ nhất, Quang Tông kế vị, nhiễm bệnh ngay, nằm liệt giường không dậy. Quang Tông truyền dụ Lễ bộ: Tuyển thị Lý thị (Tây Lý) hầu hạ cẩn thận, sinh mẫu của hoàng trưởng tử qua đời, phụng tiên để chỉ ý, uỷ thái nuôi dạy, xem như con đẻ, công lao rất lớn, nay phong làm hoàng quý phi.

Khâm Thiên Giám phụng chỉ, chọn ngày 6 tháng 9 cử hành lễ sắc lập hoàng quý phi. Tây Lý không thỏa mãn với vị trí quý phi, nói với Quang Tông, xin tiến phong làm hoàng hậu, Quang Tông không nhận lời. Quang Tông bệnh tình nguy ngập, chủ sự Tôn Triều Túc, Từ Thế Nghi, ngự sử Trịnh Tông Châu dâng sớ xin lập tức sắc lập hoàng thái tử, đồng thời chuyển hoàng thái tử sang cung Từ Khánh. Quang Tông triệu Các bộ cửu khanh trọng thần, tuyên đến trước ngự sàng, nói với họ: Tuyển thị sinh nhiều không dưỡng, chỉ còn một con gái. Nói xong, truyền chỉ để hoàng trưởng tử Chu Do Hiếu xuất kiến. Tiếp đó, Quang Tông lại nói: Hoàng ngũ tử cũng không còn sinh mẫu, cũng do Tuyển thị dưỡng dục. Lại lệnh cho hoàng ngũ tử bước đến bái kiến. Quang Tông nói như thế, ý nghĩa đã rất rõ ràng, là để đại thần và hoàng tử biết, Tây Lý cũng giống như mẫu thân của hoàng tử, xem như hoàng hậu.

Không bao lâu sau, Quang Tông lại triệu đại thần đến Càn Thanh cung, hiểu dụ đại thần phải nhanh chóng phong Tuyển thị. Trước đó, Tây Lý đã có chỉ, phong làm hoàng quý phi chỉ đứng dưới hoàng hậu, lần tiến phong này, là làm lại thánh chỉ lần trước, chứ không phải phong làm hoàng hậu. Lễ bộ thị lang Tôn Như Du thăm dò tiến tấu, nói vẫn là ngày mùng 6 tháng 9 như Khâm Thiên Giám đã chọn. Quang Tông đồng ý.

Ngày hôm sau, Quang Tông lại triệu đại thần đến Càn Thanh cung, vẫn hiểu dụ phong Tây Lý làm hoàng quý phi. Quang Tông vừa dứt giọng, Tây Lý đứng phắt dậy, gọi lớn hoàng trưởng tử Chu Do Hiệu. Hoàng trưởng tử Chu Do Hiệu xông thẳng vào Càn Thanh cung khi nghe tiếng gọi của Tây Lý. Tây Lý chạy ào ra ngoài. Hoàng trưởng tử quỳ trước mặt Quang Tông, van xin nói, thỉnh phong Tây Lý làm hoàng hậu. Quang Tông im lặng không trả lời. Mấy ngày sau, Quang Tông qua đời. Tây Lý vẫn ở trong cung Càn Thanh, tắm cung dành cho hoàng đế, hoàng hậu. Tây Lý muốn mượn con trưởng Chu Do Hiệu của Quang Tông mới 15 tuổi để nắm triều chính, trấn giữ cung Càn Thanh, dần dần thống lĩnh hậu cung, nhưng các đại thần không đồng ý.

Cấp sự trung Dương Liên nói với các đại thần Châu Gia Mạc, Lý Nhữ Hoa: Đại sự tông xã, chính vụ cần cấp nhất là gặp được đích chủ, sau đó đưa ra ngoài cung, dời đến cung Từ Khánh. Hai người hiểu rõ, chạy đi báo với phò thần Phương Tùng Triết. Dương Liên dẫn đầu xông vào hậu cung, các thái giám ngăn cản. Dương Liên tức giận mắng: Hoàng đế triệu ta đợi ở đây, nay hoàng thượng đã không còn, hoàng tử nối ngôi vẫn còn nhỏ, các người cản trở không cho vào, muốn làm gì? Các thái giám không biết làm thế nào, đành phải nhường đường, các đại thần mới được vào.

Sau một hồi khóc lóc, các thần cầu xin bái kiến thái tử. Tây Lý giữ hoàng trưởng tử trong nội các, không thể ra ngoài. Thị tòng cũ trong Thanh cung là Vương An gạt tuyển thị, bế hoàng trưởng tử chạy ra, mọi người liền khầu đầu, tung hô vạn tuế. Hoàng trưởng tử ngẩn người, không biết đang xảy ra chuyện gì, miệng chỉ biết nói: Không dám! Không dám! Quân thần tấu thỉnh dời đến Văn Hoa điện, Vương An bế trưởng tử, Các thần đại học sĩ Lưu Nhất Cảnh đi bên trái, Huân thần Trương Duy Hiền đi bên phải, cùng tiến vào Văn Hoa điện. Nội thị Lý Tiến Trung 3 lần chạy đến, truyền mệnh lệnh của Tây Lý, triệu hoàng trưởng tử hồi cung, đồng thời trách mắng các đại thần: Các người muốn giấu thiên tử ở đây? Dương Liên tức giận mắng Lý Tiến Trung, đưa hoàng trưởng tử đăng ngôi.

Đến Văn Hoa điện, hoàng trưởng tử ngồi ngay ngắn về phía Tây, quân thần hành đại lễ bái kiến, đồng thời xin hoàng trưởng tử đăng cơ ngay. Hoàng trưởng tử không đồng ý, ra lệnh đến mồng 6 mới đăng cơ. Tiếp đó, các đại thần đưa hoàng trưởng tử vào cung Từ Khánh. Đại học sĩ Lưu Nhất Cảnh tiến tấu: Nay cung Càn Thanh chưa sạch, điện hạ tạm thời ở tại đây. Sử bộ thượng thư Châu Gia Mạc cũng nói: Nay thân thể điện hạ là thân thể gánh trọng trách của giang sơn xã tắc, không thể di động lung tung, đến cung Càn Thanh khóc lạy, hãy đợi các thần đây rồi hãy đi. Hoàng trưởng tử gật đầu đồng ý.

Khi đó, Dương Liên nói với các thái giám tùy tùng: Việc khẩn cấp bên ngoài đã có các đại thần, việc bảo vệ thánh giá phải nhờ các nội thần, trọng trách rất lớn, hãy cố gắng làm cho tốt. Vương An lập tức xin thề, nhận lời nhất định sẽ cố hết khả năng và trách nhiệm của mình, mọi người mới lui xuống. Mọi người ai nấy mặc triều phục, một mảng màu xanh ngồi chờ đợi tại giữa điện. Thiếu khanh Từ Đường Lượng, ngự sử Tả Quang Đẩu mắng Dương Liên không nên ngăn cản hôm nay kế vị, trở nên hung dữ. Dương Liên sợ hãi trong lòng, ra lệnh thủ lĩnh cấm vệ quân Lạc Tư Cung phải canh gác nghiêm ngặt trong và ngoài cửa cung.

Sử bộ thượng thư Châu Gia Mạc liên hợp với các thần cùng dâng sớ, cầu xin Tây Lý dời khỏi cung Càn Thanh, đến ở cung khác. Ngự sử Tả Quang Đẩu càng thẳng thắn hơn: Nội đình có Càn Thanh cung, cũng giống như ngoại đình có Hoàng Cực điện. Chỉ có hoàng thượng ngự thiên được ở, và cũng chỉ có hoàng hậu phối thiên được ở chung, những phi tần khác tuy được tiến ngự, nhưng khi gặp biến cố lớn, phải lập tức dời đến điện khác, không những để tránh hiềm nghi, mà còn để phân biệt tôn ti. Nay đại hành hoàng đế đã băng hà, tuyển thị lại không phải đích mẫu, cũng không phải sinh mẫu, lại ở tại chính cung, còn điện hạ lại phải ở trong Từ Khánh cung, không hợp lý lắm. Tiếp đó, Tả Quang Đẩu chỉ rõ, nói điện hạ nay đã 16 tuổi, trong có nội quan trung trực lão thành phò tá, ngoài có công cô khanh nhị, đâu có thiếu người, còn cần bú và chăm sóc như một đứa trẻ mới sinh sao? Do đó, phục thỉnh lập tức quyết đoán, nếu

mượn danh nghĩa nuôi dưỡng mà chuyên chế, vậy họa Võ Tắc Thiên sẽ không xa nữa!

Hoàng trưởng tử thấy có lý, phát thượng dụ, nói đã có thánh chỉ dời cung, chuyện sắc phong quý phi, đã nói tôn ti khó xung, để Lễ bộ bàn bạc lại. Cấp sự Trung Bạo Khiêm Trinh lại phản bác ngay nói: Đại bảo sắp đăng, trên có bách linh bảo hộ, dưới có quần thần đưa lên, cần gì phải nhờ đến đàn bà con gái! Hơn nữa nghe nói tuyển thị không hề trung thành yêu nước, ngộ nhờ lễ sắc phong được tiến hành, chuyên quyền hành sự, e rằng khó khống chế. May mà trong cung rối loạn, không ai để ý, nên lời nói này không gây ra sóng gió, mọi người chỉ quan tâm đến Càn Thanh.

Tây Lý chấp nhận âm mưu của tâm phúc Lý Tiến Trung, mời hoàng trưởng tử sống chung trong một cung với mình. Vương An giận dữ, phụng chỉ bắt Dương Liên, Tả Quang Đẩu. Dương Liên gặp Lý Tiến Trung trong cung, hỏi tuyển thị ngày nào rời khỏi cung? Lý Tiến Trung xua tay nói: Lý nương nương tức giận, nay mẫu tử chung một cung, đang truy cứu câu nói Võ thị của Tả ngự sử! Dương Liên tức giận nói: Người nói sai rồi! May mà gặp ta trước. Hoàng trưởng tử nay đã khác xưa, tuyển thị dời cung, ngày khác phong hiệu còn được, hơn nữa hoàng trưởng tử đã khôn lớn, các người không sợ sao? Lý Tiến Trung im lặng không nói lời nào.

Khoa đạo quan viên Huệ Thế Dương, Trương Bát bước ra từ cửa đông cung, thần sắc thất kinh, nói: Hôm nay tuyển thị buông rèm, hạ chỉ bắt Tả Quang Đẩu. Dương Liên lập tức phản bác nói: Không có chuyện này! Cẩm cung nhất thời sợ hãi. Không ai hiểu rõ cục diện thay đổi thế nào, hoàng thượng thân với tuyển thị đối phó với triều thần hay nghiêng về phía triều thần xa lánh tuyển thị? Ai nấy đều đầy nghi ngờ.

Vài ngày sau, tuyển thị vẫn ở trong cung Càn Thanh, ung dung thoải mái, chẳng hề có ý dời cung. Dương Liên bèn thẳng thần thượng tấu, nói tiên đế đã mất, lòng người hoang mang, mọi người đều nói tuyển thị giả vờ mượn tiếng bảo hộ, âm mưu chuyên quyền, phục thỉnh điện hạ tạm ở cung Từ Khánh, chọn cung khác cho tuyển thị, sau đó phụng giá hoàng cung; tổ tông tông xã trọng nhất, cung vi ân sủng là nhẹ; ngày mai đã là ngày đăng cơ, làm gì có chuyện thiên tử ở ngoài đông cung bao giờ! Chuyện dời cung, các thần tiến ngôn vào ngày hôm nay, điện hạ cũng nên tiến hành vào hôm nay. Dương Liên trình tấu xong, bái kiến Phương Tùng Triết. Phương Tùng Triết cho rằng không nên quá vội vàng, đến mùng 9, 12 cũng chưa muộn. Dương Liên kiên quyết nói, thiên tử không thể ở ngoài đông cung, hôm nay tuyển thị không dời cung, mai này cũng chưa chắc sẽ dời, chuyện này không thể kéo dài. Nội thị đứng bên nói: Chẳng lẽ không niệm tình sự sủng ái của tiên đế năm xưa? Dương Liên tức giận, nói quốc gia đại sự, làm sao dễ dàng nghe theo tình cảm, cả người cũng dám vô lễ đến thế! Tiếng mắng nhiếc vang khắp cấm cung điện các.

Hoàng trưởng tử phái người diu Dương Liên ra, ra lệnh Tư lễ giám thẩm tra, bắt Lý Tiến Trung, Lưu Tôn. Mời Tây Lý ra khỏi cung Càn Thanh, dời đến Nhân Thọ điện. Tây Lý dời cung đã thành, các đại thần lại không nhẫn tâm, nói thay Tây Lý vài lời. ngự sử Giả Tục Xuân tiến tấu nói: Đại đức của thiên địa hiếu sinh, chủ đức của thánh nhân xưng hiếu, tiên đế lệnh cho chư thần phò hoàng thượng làm Nghiêu Thuấn, Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu để mà thôi; nhưng, thân phụ có ái thiếp, phận làm con nên kính dưỡng cả đời, tôn ngưỡng không quên; tiên đế và Trịnh quý phi ân ái hơn 30 năm, sao điện hạ không theo tiên hoàng, rộng lượng hơn? Mọi người đều nói tuyển thị không thực đức, vẫn ôm hận cũ, đó là lẽ thường của người phụ nữ; tiên đế vẫn còn, từng nói với chúng thần về tuyển thị, bảo tuyển thị có con gái nhỏ, nhớ nhưng trọng tình, nghĩ mà rơi lệ, cô cây cũng động lòng, huống hồ là thần tử? Phục thỉnh điện hạ bảo vệ, để Lý tuyển thị được sống thiên niên. Tả Quang Đẩu cũng động lòng, nói tuyển thị dời cung xong, nên giữ lại đại thể, nên bỏ qua lỗi nhỏ, để cung được yên bình.

Hi Tông truyền dụ nội các, nói rõ nguyên ủy. Thì ra, khi Hi Tông còn nhỏ, trong cơn tức giận, Tây Lý đã làm tức chết mẫu thân Vương thị của người khi đó vẫn còn là một thị nữ, sau đó bắt Hi Tông về nuôi dưỡng. Chuyện này khiến cho Hi Tông oán hận cả đời, do đó phải truy cứu đến cùng. Khi tiên hoàng bệnh

nặng, tuyển thị lại uy hiếp Hi Tông, nhất định phải truyền phong hoàng hậu, Hi Tông bất mãn. Sau đó tạm ở tại cung Từ Khánh. Tuyển thị lập tức sai Lý Tiến Trung, Lưu Tồn, lệnh đem tấu chương văn thư hằng ngày đến để tuyển thị xem trước, sau đó mới chọn lọc lại để ngự lãm. Do đó, Hi Tông chất vấn nói: Gia pháp tổ tông vốn rất nghiêm, nhưng từ xưa đến nay không nghe nói có quy luật này? Nay phụng dưỡng tuyển thị vào cung Tuế Loan, chính là nghĩ đến sự sủng ái của tiên hoàng và sự hiếu thảo của đương kim hoàng thượng, không có gì không được. Còn về Lý Tiến Trung, Lưu Tồn, là kẻ đầu têu trong việc trộm quốc khố, sự việc can hệ đến luật pháp, chứ không phải do tuyển thị liên lụy.

Thì ra sự thật là như thế, các đại thần thờ phào nhẹ nhõm. Phò thần Phương Tùng Triết đọc xong thượng dụ, thất sắc sợ hãi, lúc này mới hiểu rõ mọi chuyện. Nhưng Phương Tùng Triết thấy nếu công bố những chuyện thâm cung với mọi người thì không thỏa đáng lắm. Thế là, Phương Tùng Triết dâng mật sớ, nói: Hoàng thượng đã nghĩ đến sự sủng ái xưa kia của tiên đế, không nên quá bạo ác, để truyền ra ngoài cung. Hi Tông mặc kệ, vẫn thân dụ tuyên bố trong ngoài. Chuyện này vừa truyền ra ngoài, Nam Kinh Ngự sử Vương Doãn Thần lập tức trách Phương Tùng Triết, nói bệ hạ dời cung xong phát ra thượng dụ, nhưng để lộ tâm ý như người thường, người làm tể tướng lại không dám ngăn cản, có dụng ý gì? Lòng của Tư Mã Chiêu, ai nấy đều biết! Phương Tùng Triết chẳng qua là muốn che giấu chuyện trong thâm cung, không ngờ lại bị chỉ trích như thế, thân làm các lão thật sự dở khóc dở cười. Hi Tông vừa kể vị, giao nhiều trọng trách cho Tư lễ thái giám Vương An. Sau đó, Ngụy Trung Hiền đảm đương chính sự, Tây Lý lại được gặp lại trời xanh. Năm Thiên Khải thứ 4, Tây Lý được phong làm Khang phi. Các vụ nghi án trong cung cầm quả thật quá nhiều.

VIII. Vận mệnh của hậu phi vong quốc

Hoàng đế Sùng Trinh là hoàng đế cuối cùng của nhà Minh. Hoàng hậu Châu thị quê ở Tô Châu, sau này dời đến Đại Hưng. Giữa những năm Thiên Khải, Lưu Chiêu phi của Thần Tông làm thái hậu, mọi việc trong cung đều do Trương hoàng hậu của Hi Tông quyết định. Theo quy định trong cung nhà Minh, tuyển đại hôn trong cung, đều là nhất hậu nhị quý. Người được tuyển phải do hoàng thái hậu lấy khăn buộc lên cánh tay, lúc đó mới chứng tỏ được trúng tuyển. Người không trúng tuyển thì được tặng ngân lượng tiền bạc để trở về.

Sùng Trinh Chu Do Kiểm là con trai thứ 5 của Quang Tông. Khi 12 tuổi, Chu Do Kiểm được phong Tín vương, 5 năm sau kế hoàng vị. Châu thị được tuyển làm vương phi khi Chu Do Kiểm còn là Tín vương. Khi đó, Trương hoàng hậu thấy Châu thị xinh đẹp trầm tĩnh, rất gầy yếu, lo rằng không thể đảm đương trọng trách, mẫu nghi thiên hạ. Lưu Chiêu phi lại nói: Nay tuy yếu, sau này tất sẽ trưởng thành, khi này mới được phong làm Tín vương phi. Tín vương kế hoàng vị, Châu thị được sắc lập làm hoàng hậu. Châu hoàng hậu là vị hoàng hậu cuối cùng của đế quốc Minh, khi Minh diệt vong, không chút do dự hi sinh vì tổ quốc, hết sức bi tráng.

Châu hoàng hậu tính tình bộc trực, cần kiệm. Sau khi chính vị lục cung, Châu hoàng hậu cất giảm chi tiêu trong cung. Trước tiên, nàng cất giảm chi dùng trong ngự thiện phòng, đích thân làm việc của người phụ nữ bình thường, quần áo tự giặt, chú trọng nội trị. Cho nên được khen ngợi trong “Cung từ”.

Châu hoàng hậu vốn quê Tô Châu, Điền quý phi đến từ Dương Châu, hai người đều mặc trang phục Giang Nam, rất được Sùng Trinh sùng ái, trong cung ùn ùn bắt chước, gọi là kiêu Tô Châu. Trang phục thì cung nữ có thể bắt chước, nhưng vẻ đẹp thì lại do trời ban, ai cũng bắt lước. Châu hoàng hậu trời sinh diễm lệ động lòng người. Nàng và Điền phi đều được trời ban cho vẻ đẹp, không cần trang điểm khi làm việc nhà, các mỹ nữ khác trong cung không thể sánh bằng.

Khi Châu hoàng hậu chưa vào cung, có một lần, bị văn sĩ Trần Nhân Tích nhìn thấy. Trần Nhân Tích kinh ngạc trước vẻ đẹp của Châu thị, nói với cha nàng: Con gái của ông đúng là quý nhân thiên hạ. Trần Nhân Tích bèn dạy Châu thị “Tư trị thông giám” và kinh sử. Do đó, Châu hoàng hậu biết nhiều đạt lễ, lại giỏi làm văn. Sùng Trinh cũng rất thích đọc sách. Bên cạnh bảo tọa trong khắp các cung thấy đều bày kín sách vở, ngồi xuống tiện tay là lấy ra đọc. Ông thường làm mọi loại văn thơ để các quần thần nhận xét, rồi ban khắp thiên hạ, các sĩ tử tranh nhau truyền đọc. Sùng Trinh có phong độ thư sinh đương nhiên sùng ái Châu hoàng hậu có tài sắc song tuyệt vô cùng, coi như hồng nhan tri kỷ.

Có thể tranh diễm tranh sủng với Châu hoàng hậu chỉ có quý phi Điền thị. Sắc đẹp của Điền thị ngang bằng với Châu hoàng hậu, nhưng lại có chút đậm nét hơn và đa tài đa nghệ hơn. Do đó, hoàng đế Sùng Trinh say mê Điền quý phi hơn. Điền quý phi đặc sủng sinh kiêu, không coi ai ra gì. Châu hoàng hậu không thể chịu đựng thói kiêu ngạo của Điền quý phi, nên giảm chi phí của Điền quý phi nhiều hơn. Sử sách ghi, ngày Tuế Nguyên năm nọ, thời tiết rất lạnh, Điền quý phi triệu kiến Châu hoàng hậu, xe đến hiên nhà. Châu hoàng hậu cố ý kéo dài thời gian, hơn nửa ngày mới ra, nhận Điền quý phi quỳ lạy. Bái xong, Châu hoàng hậu không nói một lời, mà một mình rời khỏi. Còn khi Viên quý phi đến triều bái, Châu hoàng hậu lại đón tiếp nhiệt tình, gặp nhau vui vẻ, mừng rỡ, hai người nói chuyện thân mật rất lâu, rồi mới rời khỏi.

Điền quý phi nghe tin, hận Châu hoàng hậu đến chết. Điền quý phi bị hoàng hậu kiềm chế, mình không có cách nào khác, bèn khóc lóc trước Sùng Trinh hoàng đế, kể lể oan ức. Sùng Trinh hoàng đế đương nhiên không vui, thấy hoàng hậu hơi quá đáng. Một lần, hoàng đế và hoàng hậu bàn chuyện trong

Giao Thái điện, ý kiến khác nhau, cơn thịnh nộ của Sùng Trinh nổi dậy, hoàng đế tức giận đẩy mạnh hoàng hậu, quày quả bỏ đi. Cảnh vàng lá ngọc Châu hoàng hậu thật đáng thương, làm sao chịu đựng nổi cú đẩy đó của hoàng thượng? Lập tức ngã sòng soài trên đất, đau đớn bật khóc. Từ đó về sau, hoàng hậu nằm trên giường, cự tuyệt ăn uống. Hoàng đế Sùng Trinh hối hận hành vi thô lỗ của mình, bèn phái trung sứ thường tẩm thăm chôn cho hoàng hậu, xem như là tạ tội, đồng thời hỏi thăm tình hình ăn ở của hoàng hậu. Khi đó, Châu hoàng hậu mới chấm dứt tuyệt thực, để hậu lại thân ái như xưa.

Không bao lâu sau, Điền quý phi làm hoàng đế Sùng Trinh tức giận, phải dọn đến Khải Tường cung, cả 3 tháng không được chiêu hạnh. Lúc đó Châu hoàng hậu lại không nhẫn tâm. Một hôm, Châu hoàng hậu đi ngắm hoa với hoàng đế Sùng Trinh tại Vĩnh Hòa môn. Châu hoàng hậu thấy hoàng đế Sùng Trinh vui vẻ, nên thừa cơ tiến tấu, thỉnh triệu Điền quý phi. Sùng Trinh không lên tiếng. Châu hoàng hậu bèn ra lệnh lấy xe đón Điền quý phi đến. Sùng Trinh thấy ái phi, sự nhung nhớt trở dậy, hai người lại thân ái, gần bó như keo sơn.

Trong cung êm ấm và yên tĩnh, nhưng ngoài cung lại sóng gió khôn cùng. Quân khởi nghĩa quét sạch Giang Nam, thế cục nguy cấp. Châu hoàng hậu có ý đi về phía Nam, bèn tiến ngôn nói: Thiếp vẫn còn cả nhà ở phía Nam! Sùng Trinh liền hỏi tình hình nhà cửa, Châu hoàng hậu lại úp úp mở mở. Sùng Trinh đã lo lắng cho quốc sự, ăn chay quản lý chính sự, ngày tháng lâu dần, dung nhan tiêu tụy. Châu hoàng hậu lo lắng sức khỏe của hoàng thượng, cố ý tự tay nấu vài món ăn ngon, dâng cho hoàng thượng. Vừa may nhạc mẫu của Sùng Trinh Doãn Quốc phu nhân tiến tấu, nói đêm mơ thấy sinh mẫu của Sùng Trinh, Hiếu Thuần Lưu thái hậu, Lưu thái hậu khóc lóc nói, hoàng thượng lo lắng tiêu tụy, không thể như thế mãi, cuối cùng nói: Làm hoàng đế của mọi người, ăn uống không được quá kham khổ. Sùng Trinh cảm tấu chương tiến cung, may gặp Châu hoàng hậu dâng món ăn ngon, hai người nhìn nhau mà khóc, nước mắt rơi cả trên đầu án.

Ngày 18 tháng 3 năm Sùng Trinh thứ 17, Lý Tự Thành tấn công vào Bắc Kinh. Hoàng đế Sùng Trinh vội vàng triệu thái giám Vương Thừa Ân, triệu thị thần cùng nhau nghị sự đưa ra đối sách. Hoàng đế Sùng Trinh muốn vi phục chạy trốn, nhưng không thành công, chỉ thấy trên lầu thành Dương Môn treo 3 cái đèn lồng trắng đang bay phất phơ trong gió. Văn võ bá quan và thị thần đều rời khỏi ông, vi phục xuất môn đã bị giết chết, Sùng Trinh biết ngày tận thế đã đến. Sùng Trinh trở về hậu cung, nhìn thấy Châu hoàng hậu, đau khổ nói: Đại thế đã mất, nàng là thiên hạ chi mẫu, đúng lý phải chết. Châu hoàng hậu gật đầu khóc: Thiếp hầu hạ bề hạ 18 năm, điều gì cũng nghe theo người, nay chết cùng thiên tử xã tắc, có hận chi đâu!

Châu hoàng hậu ôm thái tử, nhị vương đều đau khổ khóc lóc, để thị tòng bảo vệ họ rời khỏi cung. Sùng Trinh lệnh Châu hậu tự vẫn. Châu hoàng hậu đi vào nội thất, đóng cửa lại. Một lát sau, cung nữ ra tấu: Hoàng hậu lãnh chỉ. Châu hoàng hậu treo cổ tự tử. Hoàng hậu chết đi, hoàng đế Sùng Trinh lại lệnh cho Viên quý phi tự vẫn. Viên quý phi treo lên xà nhà, không ngờ dây thừng bị đứt, quý phi rơi xuống đất, một lát sau lại tỉnh lại. Sùng Trinh để rút kiếm chặt đầu quý phi, Viên quý phi như chiếc lá rơi, ngã trong vũng máu. Điền quý phi đã chết vào 2 năm trước. Sùng Trinh để định chặt đầu Viên quý phi, lại đâm lung tung vào các phi tần khác, người chết người bị thương vô số. Nhưng Viên quý phi mệnh lớn, cuối cùng vẫn không chết. Triều đình nhà Thanh cảm thương sự bi tráng của hoàng đế Sùng Trinh, nuôi dưỡng Viên quý phi theo đúng lễ nghĩa, để toàn lễ tiết.

Chương 21

Cuộc sống ái tình trong cung nhà Thanh

Đế quốc Mãn Thanh là vương triều tập quyền phong kiến cuối cùng của Trung Quốc.

Vương triều nhà Thanh do quý tộc Mãn Châu xây dựng từ cuộc quật khởi trong thời điểm đen tối trải qua 267 năm, lần lượt có 10 vị hoàng đế sống trong Tử Cấm thành tại Bắc Kinh, họ sống trong nhung lụa hoàng cung, cũng trải qua đủ mọi đau khổ và khó khăn của tình cảm con người, sự đau khổ trong tình yêu của họ có thể nói cũng lắm ngọt ngào và yên tĩnh.

I. Chọn lựa

Hiếu Trang Văn hoàng hậu gả cho thúc tử với thân phận thái hậu, theo tập tục của tộc Mãn, đó không phải là chuyện hiếm thấy. Tuy nhiên, chuyện này lại có ý vị sâu xa đối với người trong Tử Cấm thành vừa bước vào Trung Nguyên.

Trên thực tế, gả cho thúc tử là sự lựa chọn rất quan trọng trong đời thái hậu.

Anh hùng khai quốc nhà Thanh Nỗ Nhĩ Hạp Xích bị thương vong mạng trong lần đại chiến vào năm Thiên Mệnh 11, con trai thứ 8 của ông là Hoàng Thái Cực thừa kế vương vị, quốc hiệu Hậu Kim, niên hiệu Thiên Thông. Hậu Kim khi đó căn bản đã thôn tóm cả đông bắc ngoài Sơn Hải quan. 10 năm sau, tức năm 1636, Hậu Kim đổi tên xưng Thanh, niên hiệu là Sùng Đức, Hoàng Thái Cực trở thành Thanh Thái Tông. Thái Tông ngồi trên lưng ngựa tung hoành khắp biên cương, nam chinh bắc chiến, tạo cơ sở vững chắc cho giang sơn nhà Thanh.

Người hiền hách nhất trong triều Thái Tông là đệ đệ Đa Nhĩ Cổn của Thái Tông. Đa Nhĩ Cổn là con trai thứ 14 của Nỗ Nhĩ Hạp Xích. Ban đầu được phong làm Bối lặc. Năm Thiên Thông thứ 2, Thái Tông công phạt Sát Hạp Nhĩ Đa La, Đa Nhĩ Cổn có công phá địch, thưởng hiệu Mặc Nhĩ Căn Đại Thanh. Năm Thiên Thông thứ 3, Đa Nhĩ Cổn tiến quân từ ải Long Tinh đến biên giới nhà Minh, cùng với Bối lặc Bân Cổ Nhĩ Thái tấn công Hán Nhi Trang, đánh bại tướng nhà Minh Viên Sùng Hoán tại Quảng Cừ môn, đồng thời tiêu diệt toàn bộ viện binh ải Sơn Hải tại Kí Châu, uy danh vang dội. Năm Sùng Đức thứ nhất, Đa Nhĩ Cổn tiến phong làm Duệ thân vương, thực lực và danh vọng của ông có thể nói sánh ngang với Thái Tông Hoàng Thái Cực.

Năm Sùng Đức thứ 8, Thái Tông qua đời. Trong cung xoay quanh cuộc chiến đấu kịch liệt về việc thừa kế hoàng vị, suýt nữa đánh giết lẫn nhau, binh giới gặp nhau. Tranh đoạt quyết liệt nhất là giữa Dục thân vương Đa Nhĩ Cổn, Dục thân vương Đa Trạch, Vũ Anh quận vương A Tế Các và Trịnh thân vương Tế Nhĩ Hạp Lang, Tiêu thân vương Hào Các. Cuối cùng, đạt thành thỏa hiệp, cùng lập con trai còn nhỏ tuổi của Thái Tông là Phúc Lâm kế vị, trở thành Thuận Trị hoàng đế của nhà Thanh, tuổi mới lên 6. Triều chính do Đa Nhĩ Cổn và Tế Nhĩ Hạp Lang cùng nhau phò tá, nhưng trên thực tế, Đa Nhĩ Cổn có 2 đội bạch kỳ có thực lực hùng hậu dần dần chiếm được vị trí thống trị, dần dần độc chiếm thiên hạ, tựa như một vị hoàng đế, có thể tự do ra vào cấm cung. Cho dù lời hứa của phò thần năm xưa vẫn còn vang rõ: Người lợi dụng việc công để chiếm quyền riêng, quên đi triều đình, trời đất không tha. Trời đất là ai? Là hư không, không ai diệt được, chỉ có thực lực.

Sự tranh đấu ngoài triều từ kịch liệt đến yên lặng, cuối cùng nằm dưới sự thống trị của Đa Nhĩ Cổn. Trong cung lại do Hiếu Trang Văn thái hậu của Thái Tông nắm quyền. Hiếu Trang Văn thái hậu sinh vào mùng 8 tháng 2 năm Vạn Lịch 41 (tức ngày 28 tháng 3 năm 1613), chết vào ngày 15 tháng 2 năm Khang Hi nhà Thanh thứ 26 (tức ngày 27 tháng 1 năm 1687), thọ 75 tuổi. Hiếu Trang Văn thái hậu họ Bác Nhĩ Tế Cát Đặc, đến từ bộ lạc Khoa Nhĩ Tầm của Mông Cổ, là con gái của Bối lặc Trại Tang. Năm Thiên Mệnh thứ 10, anh trai Ngô Khắc Thiện Đài Cát đưa nàng đến Hậu Kim, gả cho con trai thứ 8 Hoàng Thái Cực của Nỗ Nhĩ Hạp Xích, khi 13 tuổi.

Hiếu Trang Văn thái hậu lần lượt sinh 3 con gái: Cố Luân Ung Mục trưởng công chúa, Cố Luân Thúc Tuệ trưởng công chúa, Cố Luân Thực Triết trưởng công chúa. Năm Sùng Đức thứ nhất, Hoàng Thái Cực đổi Hậu Kim thành Thanh, phong nàng làm Trang phi của Vĩnh Phúc cung. Hai năm sau, sinh cửu hoàng tử Phúc Lâm. Phúc Lâm kế vị dưới sự ủng hộ của Đa Nhĩ Cổn, Bác Nhĩ Tế Cát Đặc thị được tôn làm hoàng hậu, sau khi Khang Hi kế vị, Bác Nhĩ Tế Cát Đặc thị lại được tôn làm thái hoàng thái hậu, sau khi

qua đời lại được gọi là Hiếu Trang, do đó, sử gọi nàng là Hiếu Trang Văn hoàng hậu.

Hiếu Trang Văn hoàng hậu thông minh giỏi giang, tính toán rất giỏi, lại rất mưu trí. Khi Thái Tông Hoàng Thái Cực bạo bệnh qua đời, nàng đau đớn không muốn sống, muốn tự tử vì tình, nhưng nghĩ đến các con đều còn nhỏ, nên quyết chí nuôi dưỡng và bảo vệ con cái. Con trai mới 6 tuổi Phúc Lâm kế vị, nàng nhìn thấy được mối hiểm ác của việc tranh đoạt hoàng quyền trong cung đình, nên không tiếc gì cả, ra sức cố gắng bảo vệ con trai của mình và hoàng đế trẻ tuổi. Phúc Lâm là sản vật của sự chiết trung thỏa hiệp. Phúc Lâm kế vị, không thể cản trở dã tâm độc chiếm thiên hạ của Đa Nhĩ Cổn.

Phúc Lâm kế vị, quận vương A Đạt Lễ, Bối lặc Thạc Thác tiến tấu Đa Nhĩ Cổn, xin ông phế bỏ hoàng đế trẻ tuổi, tự lập hoàng đế. Tin mật tấu không chân mà chạy. Đa Nhĩ Cổn công bố mưu phản nghịch của A Đạt Lễ trước mặt mọi người, hạ lệnh xử chết hai người. Đa Nhĩ Cổn thu tóm danh vọng lẫn quyền lực, sử dụng cả ân lẫn uy, thuyết phục được Tế Nhĩ Hạp Lang cùng mình phò chính, quyết định bãi miễn những lệ chư vương, các bối lặc cùng nhau cai quản chuyện của lục bộ, quyền hành thuộc về tay phò thần. Tiếp đó, Tế Nhĩ Hạp Lang tự rút ra khỏi cuộc tranh giành quyền vị, đặc biệt ban bố một đạo thượng dụ, lệnh từ nay về sau mọi chuyện đều phải bẩm tấu với Dục thân vương Đa Nhĩ Cổn trước. Đa Nhĩ Cổn quyền nghiêng triều dã.

Tháng 4 năm Thuận Trị thứ nhất, Đa Nhĩ Cổn dẫn binh tiến vào sát Ông Hậu. Bình Tây Bá của triều Minh là Ngô Tam Quế dâng thư hàng từ ải Sơn Hải. Đa Nhĩ Cổn lập tức quyết định, ngưng ngay việc tấn công, mượn thể của Thôi Khô Lạp Xảo để tiến thẳng và làm chủ Bắc Kinh. Bắc Kinh nhanh chóng trở thành đế đô của Mãn Thanh. Hoàng đế Thuận Trị cũng từ biên cương phía bắc xa xôi tiến vào ải Sơn Hải, đến Bắc Kinh trở thành vị hoàng đế Mãn Thanh đầu tiên ngồi trên long kỷ. Sau khi Đa Nhĩ Cổn đón Thuận Trị từ Thông Châu đến, tiếp tục trấn giữ Bắc Kinh, không chế toàn bộ chính cục. Đa Nhĩ Cổn tỏ ra đặc ý, hoàng cung và thiên hạ này, trên thực tế không phải của mình sao?

Sự kiện lớn đầu tiên sau khi Hoàng đế Thuận Trị Phúc Lâm tiến vào Bắc Kinh chính là tiến phong Đa Nhĩ Cổn làm Thúc phụ nhiếp chính vương. Sau khi chính thức kế vị vào tháng 10, triệu Lễ bộ thượng thư lang Cầu, thị lang Lam Bái, khởi tâm lang Ác Hách lập bia đá, khắc tường tận công đức của Nhiếp chính vương. Một năm sau, Trịnh thân vương Tế Nhĩ Hạp Lang trình nghị chế lên Nhiếp chính vương, tựa như một bộc thần, làm gì có phong độ của một phò chính vương cùng nhau phò tá thiên hạ năm xưa? Nhiếp chính vương nghị chế đương nhiên được phê chuẩn.

Nhiếp chính vương Đa Nhĩ Cổn thế nghiêng triều dã, triều thần không ai không nể sợ. Khi Đa Nhĩ Cổn vào triều, đại thần các bộ vừa nhìn thấy vị Nhiếp chính vương chẳng khác gì thiên tử này, không ai không quỳ xuống, nghênh hầu đại giá. Đa Nhĩ Cổn đi giữa hai hàng triều thần đang quỳ phục dưới đất, thấy hào hùng vô cùng, tự đắc như cảm giác này chỉ riêng thiên tử mới có. Đa Nhĩ Cổn không thể tự đắc trong lòng, ông muốn mọi đại thần nói ra. Thế là, Đa Nhĩ Cổn chạy đến đại học sĩ Cương Lâm hỏi: Đó là trên triều, các người tại sao lại quỳ xuống nghênh đón ta? Cương Lâm run rẩy sợ hãi, ngượng ngùng Triệu Khai Tâm liền nịnh hót nói: Đại vương thân thiết với ngài vì ngài là hoàng thúc, đồng thời tôn trọng ngài vì ngài là nhiếp chính vương, thần dân làm sao không quỳ xuống nghênh đón? Tiếp đó, Triệu Khai Tâm thấy Đa Nhĩ Cổn vui vẻ, nịnh thêm nói: Hoàng thượng gọi vương làm thúc phụ nhiếp chính vương, vương làm thúc phụ của hoàng thượng, chỉ có hoàng thượng mới gọi như thế; còn về thần dân, nên thêm chữ hoàng trước thúc phụ, như thế mới có sự phân biệt trên dưới, hợp với thể chế.

Đương nhiên Đa Nhĩ Cổn nghe rất êm tai, sung sướng trong lòng. Đa Nhĩ Cổn lập tức xuống Lễ bộ bàn bạc với chúng thần. Kết quả thượng nghị không nói cũng hiểu, Đa Nhĩ Cổn được tôn làm hoàng thúc phụ nhiếp chính vương. Cuối năm đó, bình định Giang Nam, Đa Nhĩ Cổn tổng quản triều chính. Hoàng đế Thuận Trị đặc triệu: Gặp đại lễ chúc mừng triều đình, phải theo vương lễ, nếu ngày lễ không quan trọng, đừng giống với các chư vương. Đa Nhĩ Cổn nắm đại quyền trong tay, tựa như thiên tử, coi vị hoàng đế nhỏ

bé nào có ra gì? Đa Nhĩ Cỗn tự do ra vào cung cấm, kết quả tư thông với hoàng tẩu Bác Nhĩ Tế Cát Đặc thị, cuối cùng mai mối lấy về, ban bố thiên hạ, trở thành chuyện đầu tiên chấn động thiên hạ.

Bác Nhĩ Tế Cát Đặc thị khi đó tuy đã sinh 3 con gái, nhưng đang vào độ tuổi sung mãn, dáng người vẫn như thiếu nữ, làm rung động lòng người. Sắc đẹp và tài hoa của Bác Nhĩ Tế Cát Đặc thị nổi tiếng khắp nơi, điển hình nhất chính là cảm hóa được đại tướng nhà Minh Hồng Thừa Thọ đang tuyệt thực tìm cái chết, khiến ông quy thuận đại Thanh, trở thành người dẫn đường cho Mãn Thanh thuận lợi tiến quân vào ải. Bác Nhĩ Tế Cát Đặc thị lúc lấy Thái Tông, mới 20 tuổi, nay đã 30 tuổi. Bà quyết định lấy hoàng thúc Đa Nhĩ Cỗn, ban bố rõ với thiên hạ, công khai với thiên hạ chuyện riêng tư đáng lẽ nên giữ kín trong thâm cung, không phải xuất phát từ sự khao khát tình yêu, mà hoàn toàn để bảo vệ con trai còn nhỏ tuổi của mình – hoàng đế Thuận Trị.

Đa Nhĩ Cỗn cũng đang tuổi trai tráng. Ông khôi ngô, anh dũng, giỏi cưỡi ngựa bắn cung. Đa Nhĩ Cỗn thêm muốn vị hoàng tẩu trắng như ngọc, xinh đẹp mê người, được người đời gọi là đại vương phi này từ lâu. Ông thường xuyên ra vào cung, hai người nhìn nhau, truyền tình cảm cho nhau, tựa như một đôi vợ chồng. Đa Nhĩ Cỗn muốn kết thúc mối tình vụng trộm này, để vị tẩu tẩu góa bụa khi đang tuổi sung sức trở thành thê tử chính thất của mình. Muốn thế, trước tiên phải có được sự đồng ý của các đại thần, ít nhất cũng phải là sự âm thầm cho phép của họ. Đa Nhĩ Cỗn bí mật triệu tâm phúc đại thần Phạm Văn Trinh, bàn bạc mật kế. Phạm Văn Trinh cứ việc hành sự theo kế hoạch đã định.

Ngày hôm sau, bá quan lên triều. Phạm Văn Trinh đứng ra tâu rằng: Nhiếp chính vương đức cao vọng trọng, khiêm nhường tự giữ; từ sau khi vào ải, uy quyền trong tay, nhưng lại không sống như một vị đế vương, mà tận tâm phò tá hoàng đế; nhiếp chính vương xem hoàng thượng như con trai của mình, hoàng thượng cũng xem nhiếp chính vương làm phụ thân. Những lời này nghe rộn cả người. Triều thần không ai dám lên tiếng. Phạm Văn Trinh thấy không có ý kiến gì khác, nói tiếp: Nhiếp chính vương vừa dứt tang thê thiếp, hoàng thái hậu góa bụa khi đang sung mãn, nếu hoàng thượng đã xem nhiếp chính vương là phụ thân, đương nhiên không nên để phụ mẫu ở xa nhau, do đó, phục thỉnh nhiếp chính vương và thái hậu đồng cung.

Sau khi triều đình thương nghị, kết quả đương nhiên là thuận lợi thông qua, không ai dám đề ra ý kiến. Thế là Hiếu Trang Văn hoàng hậu Bác Nhĩ Tế Cát Đặc thị được gả cho hoàng thúc Đa Nhĩ Cỗn. Thậm chí cuốn “Thanh triều dã sử đại quan” ghi rằng, Đa Nhĩ Cỗn còn mượn danh nghĩa của Thuận Trị ban bố chiếu thư với thiên hạ: Hoàng thúc nhiếp chính vương nay ở góa, thân phận dung mạo của ngài là người số một ở Trung Quốc, thái hậu nguyện kết hôn với ngài.

Chuyện thái hậu kết hôn với hoàng thúc Đa Nhĩ Cỗn, giới sử học vẫn luôn tranh cãi. Có người thẳng thắn phủ nhận chuyện này. Nhưng tác giả những dòng này cho rằng, thái hậu lấy chồng là chuyện có thật, đó cũng phù hợp với truyền thống của dân tộc Mãn, còn về quy mô kết hôn thế nào, có phải ban chiếu khắp thiên hạ hay không thì còn phải đi sâu kiểm tra lại.

“Lý triều thực lục” của Triều Tiên cũng ghi lại chuyện này, nói vào tháng 2 năm Thuận Trị thứ 6, triều đình nhà Thanh phái sứ thần đến Triều Tiên đưa quốc thư. Quốc vương Lý Tông của Triều Tiên thấy trong thư ghi Đa Nhĩ Cỗn là hoàng phụ nhiếp chính vương, bèn hỏi: Trong văn thư này của nước Thanh có ghi hoàng phụ nhiếp chính vương, là thế nào? Sứ thần trả lời: Nay bỏ đi chữ thúc, chuyện vui của triều đình, và hoàng đế nhất thể. Hữu nghị chính Trịnh Thái Hòa nói: Tuy trong thư không có câu đó, dường như đã là thái thượng. Quốc vương Lý Tông cảm thán nói: Hiển nhiên là nhị đế.

“Thanh thánh tổ thực lục” ghi rằng, tháng 12 năm Khang Hi 26, Hiếu Trang Văn hoàng hậu bệnh nặng. Hiếu Trang nói với Khang Hi: Thái Tông Văn hoàng đế nằm trong quan đã lâu, không nên vì ta mà động đến ngài. Mãn Thanh rất chú trọng đến việc hợp táng đế hậu, tuy, Hiếu Trang Văn hoàng hậu thấy sau khi lấy Đa Nhĩ Cỗn, hồ thẹn với Thái Tông, nên nói không muốn đi xa, chỉ muốn chôn tại một nơi nào

đó gần gần là được. Lời nói của Hiếu Trang Văn thái hậu không hợp tình lý, nhưng Khang Hi thân làm cháu nên phải nghe theo di mệnh, đương nhiên không thể không tuân thủ nghiêm ngặt, nên để linh cữu của Hiếu Trang tại Đông Lăng. Vào thời Ung Chính, mới chôn linh cữu trong địa cung Đông Lăng.

Sau khi Hiếu Trang Văn hoàng hậu lấy Đa Nhĩ Cổn, lễ nghi, tấu chương, thỉnh chỉ của hoàng triều đều có sự thay đổi. Sau năm Thuận Trị thứ 3, quần thần dâng sớ tiến tấu, đều gọi nhiếp chính vương Đa Nhĩ Cổn là hoàng phụ, nhiếp chính vương và tự hiệu của hoàng thượng đều được ghi chung, thượng dụ cũng viết thẳng hoàng phụ nhiếp chính vương, thậm chí trong văn tự của sĩ tử cũng gọi chung là hoàng phụ, hoàng thượng. Có thể thấy khi đó mọi nhà ai nấy đều biết đến chuyện này.

Đa Nhĩ Cổn và hoàng thái hậu đồng cung không được bao lâu, lấy cớ phạm tội, giam lỏng trưởng tử của Thái Tông là Tiêu thân vương Hào Các đang thống lĩnh hoàng kì đến chết, đồng thời giành lấy ái thiếp của Hào Các, nạp làm phi tử của mình. Giờ Tuất mùng 9 tháng 12 năm Thuận Trị thứ 7, Đa Nhĩ Cổn chết đột ngột tại thành Khách Thích ngoài biên ải, tuổi 38. Sau khi Đa Nhĩ Cổn chết đi, Hoàng đế Thuận Trị ban bố chiếu thư, lệnh tang lễ như một đế vương, truy tôn Đa Nhĩ Cổn làm Tông Nghĩa hoàng đế. Hoàng đế Thuận Trị tự mình nắm triều chính, khi mới 14 tuổi.

Hoàng đế Thuận Trị nắm chính quyền không bao lâu, truy đoạt mọi phong tước của Đa Nhĩ Cổn. Hiếu Trang Văn hoàng hậu là sinh mẫu của Thuận Trị đế, sau khi đích thân nắm quyền, Hoàng đế Thuận Trị vẫn tôn nàng làm hoàng thái hậu. Tháng 2 năm Thuận Trị 13, lễ vạn thọ của thái hậu, Hoàng đế Thuận Trị đích thân làm 30 bài thơ dâng cho hoàng thái hậu. Khang Hi đế kế vị, tôn Hiếu Trang làm thái hoàng thái hậu. Đến năm Khang Hi 26, Hiếu Trang qua đời, thọ 75 tuổi.

II. Đồng phi

Mối quan hệ giữa Hoàng đế Thuận Trị và Đồng phi được lan truyền nhiều nhất từ xưa đến nay. Sử sách, tư liệu, luận văn liên quan cũng không ít.

Hoàng đế Thuận Trị rất say mê Đồng phi, họ tương thân tương ái với nhau. Đồng phi bất hạnh qua đời, Hoàng đế Thuận Trị mất đi niềm vui sống của mình. Tình yêu giữa Hoàng đế Thuận Trị và Đồng phi, rất hiếm thấy trong lịch sử xưa nay, chỉ có mối tình giữa Đường Huyền Tông và Dương quý phi là có thể so sánh. Tuy Hoàng đế Thuận Trị là hoàng đế đầu đời Thanh, hơi xa với hiện tại, nhưng chuyên chế và nền thống trị áp bức của nhà Thanh khiến cho tư liệu về Hoàng đế Thuận Trị và Đồng phi không rõ ràng và vụn vặt, không có một bộ sử sách đáng tin nào kể chi tiết hoàn chỉnh về mối tình của họ. Mọi người không thể tìm thấy sự sinh động về mối tình sinh tử, làm cảm động lòng người của hoàng đế Thuận Trị và Đồng phi rõ ràng như của Đường Huyền Tông và Dương quý phi, nhưng mọi người đều có thể tưởng tượng cho thêm phần phong phú và hoàn mỹ. Thế là, mối tình của hoàng đế Thuận Trị và Đồng phi lại chìm trong đám mây mù dày đặc. Tin truyền càng li kì, càng cảm động lòng người thì càng rời xa sự thật. Những gì gọi là sinh động, chân thật, có căn cứ dường như khiến bạn không thể không tin, tin đến nỗi bạn dần dần hoài nghi không biết Đồng phi có thật hay không? Có phải hoàng đế Thuận Trị từng tồn tại trong lịch sử? Có phải Thuận Trị và Đồng phi thật sự có mối tình này? Một câu nói, tin đồn cuối cùng khiến mọi người nghi ngờ lịch sử, nghi ngờ có phải thật sự có câu chuyện này.

Hoàng đế Thuận Trị và Đồng phi thật sự tồn tại trong lịch sử, họ yêu nhau tha thiết cũng là một sự thật lịch sử không thể nghi ngờ. Điều khiến người đời phải nghi ngờ là Đồng phi và Đồng Tiểu Uyển có phải là một người? Hoàng đế Thuận Trị có phải có quan hệ với Đồng Tiểu Uyển? Tại sao hoàng đế Thuận Trị lại xuất gia? Có phải xuất gia thật sự? Nơi chôn cất hoàng đế Thuận Trị, Hiếu lăng sao lại không có quan tài, cũng không có thi thể, trong lăng trống rỗng chẳng có gì? Khang Hi đế tại sao lại nhiều lần đưa mẫu hậu đi cúng Ngũ Đài sơn?

Cách giải thích thịnh hành nhất là vào ngày 19 tháng 8 năm Thuận Trị 17, sủng phi yêu dấu Đồng thị của Thuận Trị qua đời, tuổi mới 20. Hoàng đế Thuận Trị được hung tin này, đau khổ không muốn sống. Ông bỏ bê chính vụ, không buồn ăn uống, 5 ngày sau, đột nhiên mặc lại triều phục, triệu kiến quần thần. Thuận Trị phát một thánh dụ trong đại điện: Phụng thánh mẫu hoàng thái hậu ý chỉ, hoàng quý phi quản lý nội chính nhiều năm, hiền thực đức đại, nay nàng qua đời, đau đớn trong lòng, truy phong làm hoàng hậu, phong tên thụy là “Khảo hiền trang hòa chí đức tuyên nhân ôn huệ đoan kính hoàng hậu”, phải hành典禮, các bộ nhanh chóng bàn bạc làm cho tốt.

Thánh dụ vừa xuống, quần thần ngăn người ra. Đồng thị chẳng qua là một quý phi, hậu phi đột ngột chết đi, là chuyện thường thấy trong cung đình xưa nay, sao hoàng thượng lại phải làm long trọng như thế? Lại còn phong tên thụy sau khi mất? Huống hồ, trong triều lan truyền rất nhiều tin Đồng phi thực ra là một danh kỹ nhà Minh, tên thật là Đồng Tiểu Uyển, là sủng cơ của một trong bốn công tử cuối đời Minh là Mao Bích Cương. Đồng Tiểu Uyển bị bắt vào kinh vào những năm Hồng Quang cuối đời Minh, sau khi vào cung được thưởng họ Đồng Ngạc, rồi được sắc phong làm quý phi. Mao Bích Cương tìm kiếm tung tích của nàng, biết đại thể đã mất, không dám lên tiếng, bèn viết “Ảnh mai yêm ức ngữ”, gởi nỗi nhớ nhung. Một quý phi như thế, sao hoàng thượng lại muốn truy phong làm hoàng hậu? Các quần thần đều im lặng không nói.

Hoàng đế Thuận Trị truy phong quý phi, chẳng qua là gởi gắm nỗi nhớ nhung. Tuy nhiên, nỗi đau sâu sắc cứ dày vò ông, khiến ông ngày đêm hoảng hốt, không thể tự thoát. Thuận Trị trẻ tuổi không thể đối mặt

với điện các đã vắng đi hình bóng của người mình yêu nhất, bèn lẳng lẳng bỏ đi. Ông cạo đầu, quyết tâm rời khỏi trần tục, lên Ngũ Hành sơn tự giữ nổi cô đơn của mình.

Trên thực tế, Đồng phi và Đồng Tiểu Uyển là hai người hoàn toàn khác nhau, Hoàng đế Thuận Trị cũng không hề xuất cung lên núi Ngũ Đài sơn, cạo đầu làm tăng. Lai lịch của Đồng phi dường như có chút trắc trở, thân phận của nàng chẳng qua chỉ là một mỹ phi của hậu cung. Theo những nhà truyền giáo thường ra vào cung vào đầu đời Thanh ghi chép lại, Đồng phi vốn là thê tử của một nhà quý tộc Mãn Châu, vị quý tộc này không biết phạm tội gì, bị Thuận Trị ngược đãi đến chết. Vị quý tộc này chính là huynh đệ khác mẹ của Thuận Trị – Nhượng thân vương Bác Mục Bác Quả Nhĩ, ông chết một tháng trước khi Đồng phi vào cung. Thuận Trị ngược đãi huynh đệ mình đến chết, thế là Thuận Trị dễ dàng chiếm hữu thê tử của người ta. Theo đoạn ghi chép này suy đoán, vậy thì Thuận Trị nhìn thấy Đồng thị trong phủ của Nhượng thân vương, sắc đẹp của Đồng thị làm hoàng đế nhỏ tuổi ngất ngây, hoàng đế bày tỏ tình yêu với Đồng thị, trượng phu của Đồng thị đương nhiên tức giận mà chết. Đoạn ghi chép của người nước ngoài này đáng tin hay không, thật đáng để ta suy ngẫm. Nhưng, người nước ngoài này là nhà truyền giáo nổi tiếng đầu nhà Thanh, có quan hệ mật thiết với Thuận Trị.

Đồng phi được ghi chép khá sơ sài trong sử sách chính thống. “Thanh sử cảo” gọi nàng là Đông Ngạc thị hoặc Đông Ngạc thị, là con gái của nội đại thần Đồng Thạc. Đông Ngạc thị vào cung khi 18 tuổi, hầu hạ hoàng đế Thuận Trị, hoàng đế Thuận Trị say mê, sủng nhất hậu cung. Tháng 8 năm Thuận Trị 13, Đông Ngạc thị lập làm hiền phi, tháng 12, tiến làm hoàng quý phi, lễ sắc lập cử hành long trọng, đại xá thiên hạ. Tháng 8 năm Thuận Trị 17, Đông Ngạc thị qua đời, Thuận Trị truy phong Đông Ngạc thị làm Hiếu Hiến hoàng hậu.

Đông Ngạc là con gái thế nào? Sau khi nàng chết, Hoàng đế Thuận Trị tự tay sáng tác “Hành trạng”, viết về con người nàng. Hoàng đế Thuận Trị kể về nữ thần trong lòng mình thế này: Đông Ngạc thị trầm tĩnh, trang nhã, tuân thủ lễ nghi, rất hiếu kính với hoàng thái hậu, hầu hạ hết sức chu đáo. Nàng quan tâm chăm sóc ta rất tận tình, không hề sơ sót, lơ là. Mỗi ngày nàng sớm tối chăm sóc nơi ở cho ta, nàng tự tay xem xét việc ăn uống, trang phục cho ta. Mỗi lần ta từ ngoài cung trở về, nàng luôn đứng đón ta tại điện các, hỏi lạnh hỏi ấm. Nếu ta có chút không khỏe, nàng quan tâm nói: Bệ hạ trở về muộn quá, ngọc thể chắc là mệt lắm rồi? Rồi nhanh tay chuẩn bị ăn uống cho ta, đích thân bưng đến trước mặt ta. Ta muốn nàng ăn chung với ta, nàng luôn khéo léo từ chối. Khi tổ chức yến tiệc, ta nâng ly uống rượu quá nhiều, nàng cảnh cáo người hầu, không để ta uống quá nhiều. Nàng thường lo lắng nhiệt độ trong phòng quá cao, nửa đêm thường thức dậy kiểm tra đèn đóm. Ta phê duyệt văn kiện đến nửa đêm, nàng luôn yên lặng đứng một bên, làm bạn với ta. Tấu chương do các bộ trình lên theo lệ, ta thường không xem, để sang một bên, nàng bèn khuyên ta: Tuy việc này đã thành lệ, tại sao không thay đổi? Hoặc có đại sự khác? Làm sao bỏ qua! Ta để nàng cùng phê duyệt với ta, nàng cự tuyệt nói: thiếp không dám can dự triều chính. Khi ta phê duyệt án tử hình, cầm bút do dự, không dám định đoạt vội vàng. Thấy thế, nàng bèn hỏi ta đang phê tấu chương gì, ta nói với nàng, nàng bèn rơi lệ nói: Những người này ngu dại không biết, chẳng phải không có oan? Chỉ mong những gì có thể tha thứ được thì cứ tha thứ! Nếu đại thần bất đồng ý kiến với ta, khiến ta không vui, nàng bèn thỉnh cầu ta bình tâm hòa khí, phân tích rõ thị phi. Có khi ta không thượng triều, nàng bèn khuyên ta đừng lười biếng chính sự. Dự tiệc nhiều ngày hồi cung, ta và nàng bàn luận đại ý từng câu nói trong kinh điển, nàng hết sức vui mừng. Có khi ta quên đi một số nội dung mà ta từng nói, nàng kịp thời khuyên: Nên suy nghĩ kỹ lại. Thỉnh thoảng gặp phải bất đồng, ta quở trách nàng, ban đầu nàng nhấn mạnh mình không có lỗi, sau đó nghe xong câu chuyện Khương hậu tháo trầm, lại gấp ngay chuyện nàng có thể lý giải cũng không lý giải thêm, mà dẫn dụ ra để tự trách mình. Nàng tiết kiệm, ngày thường không màng đến vàng ngọc. Nhưng nàng lại rất chuyên tâm trong chuyện đọc sách, “Tứ thư”, “Dịch kinh” cũng đã đọc xong, lại học thư pháp, không bao lâu thì đã hết sức thành thục. Ta dạy nàng học thiền, nàng bèn tham

thiền, hết sức nghiêm túc. Khi nàng bắt đầu bệnh, mỗi lần hoàng thái hậu phái người đến vấn an, nàng luôn trả lời: An. Sau này, bệnh tình của nàng ngày càng trầm trọng. Hoàng hậu, tần phi của ta đi thăm nàng, lâm chung nàng nói: Thiếp không ở lâu trên nhân gian nữa, trong lòng rất yên tĩnh, cũng không có nỗi đau gì, chỉ là không thể báo đại ân của hoàng thái hậu và bệ hạ. Sau khi thiếp chết, bệ hạ phải tự giữ mình, chỉ là hoàng thái hậu quá đau lòng, biết làm sao đây? Nàng còn kiến nghị chur vương cứu tế dân nghèo, yêu cầu thân cận đừng vợ vét châu báu.

Đồng phi quả thật là một cô gái hiền dịu, thông minh, biết lễ. Nếu nói Thuận Trị rung động bởi khí chất của nàng ngay lần đầu tiên gặp mặt, chủ yếu là say mê mỹ sắc của nàng, vậy thì khi sống chung, sự quan tâm, chăm sóc, tận tình, dịu dàng của nàng, hồi nóng lạnh, tỉ mỉ không sai sót, tất cả sự quan tâm và tình cảm dịu dàng của nàng khiến cho Thuận Trị khắc cốt ghi tâm. Ngoài Đồng phi, trong cả đời ngắn ngủi của Thuận Trị, không có cô gái nào có thể làm được chu toàn như thế, hoàn mỹ như thế, để lại tình yêu chân thật và sự dịu dàng cho ông nhiều như thế. Do đó ông rất trân trọng, dốc hết tâm sức, tình sâu nghĩa nặng, không tiếc hiên dâng tính mạng của mình.

Thuận Trị đăng cơ năm 6 tuổi. Khi 14 tuổi, lấy hoàng hậu đầu tiên Bác Nhĩ Tế Cát Đặc thị. Hoàng hậu thông minh, xinh đẹp, nhưng thích xa xỉ, hiếu động, hoàn toàn trái ngược với Thuận Trị thích giản dị. Hoàng hậu cũng rất hay ganh ghét đố kỵ, do đó nhiều lần xung đột với Thuận Trị. Hai năm sau, Thuận Trị cố tình phế bỏ hoàng hậu này. Hoàng hậu thứ 2 cũng họ Bác Nhĩ Tế Cát Đặc. Nàng không hiểu lễ tiết, không dịu dàng thân thiết, Thuận Trị không yêu thích nàng. Thuận Trị gặp Đồng phi khi 19 tuổi, khi đó nàng thật sự là thê tử của một vị quân nhân mà người giáo sĩ nước ngoài đã viết. Phần lớn người cho rằng vị quân sĩ này chính là đệ đệ khác mẹ của Thuận Trị Bác Mục Quả Nhĩ. Thuận Trị là con trai thứ 9 của Thái Tông, Bác là con trai thứ 11. Bác Mục Quả Nhĩ chết vào mùng 3 tháng 7 năm Thuận Trị 13, tuổi mới 16. Một tháng sau, tức tháng 8, Đồng thị nhập cung được sắc phong làm hiền phi, khi 18 tuổi. Lúc đó, cũng vừa hết 27 ngày theo tập tục cúng tế người chết của tộc Mãn.

Sau khi vào cung, Đồng thị rất được Thuận Trị sủng ái, hai người gắn bó như keo sơn, không gì tả nổi. Thuận Trị muốn phế hoàng hậu thứ 2, lập Đồng thị làm hoàng hậu, nhưng gặp phải sự phản đối của thái hậu và đại thần, nên không thể thực hiện. Hai năm sau, Đồng phi sinh một con trai, hai người vui sướng tột cùng. Nhưng 3 tháng sau, hài nhi chết yểu, hai người lại chìm vào sự đau khổ tột cùng, ảnh hưởng đến cả tâm hồn lẫn thể xác. “Hành trạng” nói Đồng phi sinh Vinh thân vương vào năm Đinh Dậu, tức năm Thuận Trị 14. Theo ghi chép của nhà truyền giáo, hoàng tử sinh ra vài tuần thì đã chết yểu, không bao lâu sau, mẫu thân cũng qua đời. Trên thực tế, Đồng thị nhắm mắt xuôi tay vào 2 năm sau. Cái chết của nàng là nỗi đau bi tráng nhất, thâm nhất trong cuộc đời của Thuận Trị. Hoàng đế Thuận Trị tưởng nhớ đến tiếng nói, dung nhan của Đồng phi, 5 ngày sau không thượng triều, ngày ngày ngồi giữ linh cữu, khóc ngất nhiều lần, đến nỗi ngất đi. Đồng phi qua đời chưa đến nửa năm, Thuận Trị cũng rời khỏi nhân thế, tuổi 24.

Hoàng đế Thuận Trị nạp thê tử của người em với vai trò huynh trưởng, người thường khinh bỉ việc này, cho rằng chủ nhân một nước sao lại có những hành vi xấu xa như thế? Lại cướp đoạt vợ yêu của em trai! Chứ không hề nói Bác Mục Quả Nhĩ chết như thế nào, chỉ nói huynh trưởng tiếp nạp thê tử của em trai, đó cũng không lạ lắm, đó là một trong những tập tục của người Mãn. Sau huynh trưởng Hào Cát của Thuận Trị chết, Đa Nhĩ Cổn và A Tế Các ai nấy lấy Phúc tấn của Hào Cát, đó là lệ có từ lâu đời, đó nên xem là chuyện bình thường.

Sự tích về Đồng thị đã rõ ràng, nàng không phải là Đồng Tiểu Uyển. Đồng Tiểu Uyển là danh kỹ Thái Hòa cuối đời Minh, tiếng tăm vang dội khắp nơi, tài sắc nổi tiếng khắp sĩ lâm đương thời. Đồng Tiểu Uyển họ Đồng tên Bạch, tự Tiểu Uyển, biệt hiệu Thanh Liên. Nàng sinh vào năm Thiên Khải thứ 4, hơn 10 tuổi đã là kỹ nữ, 19 tuổi gả cho họ Mạo trong Giang Nam tứ công tử (Phương Dĩ Tri, Trần Trình Tuệ, Hầu

Phương Vực, Mạo Bích Cương). Mạo tên Nhương, chữ Bích Cương, hiệu Sào Dân, người Như Cao Giang Tô, phó công cuối đời Minh, từ quan Đài Châu. Nhà Minh diệt vong, sống ẩn cư nơi thôn dã, không làm quan triều Thanh. Trong “Ảnh mai yêm ức ngữ”, họ Mạo nói Tiểu Uyển sinh vào năm Thiên Vĩnh thứ 4, kết hôn với nàng năm 19 tuổi, chết vào loạn thế năm Thuận Trị thứ 8. Tiểu Uyển lớn hơn Thuận Trị 15 tuổi, cho dù Tiểu Uyển bị bắt vào kinh trong lúc binh loạn, đưa vào hậu cung, cũng không thể kết hôn với một đứa trẻ mới 8, 9 tuổi, đương nhiên cũng không thể bị một đứa trẻ yêu thích và sủng ái như mối tình đầu. Hơn nữa, khi đó Thuận Trị chưa chủ trì triều chính, tự mình cũng không thể làm chủ, hướng hồ những chuyện khác.

III. Tin Phật

Nói Thuận Trị xuất gia, cũng là tự suy diễn ra. Thuận Trị rất tin Phật, đích thực là sự thật. Thuận Trị chịu ảnh hưởng của hoàng thái hậu, hoàng thái hậu cũng tin phục tôn giáo, nhất là Phật pháp. Giáo sĩ truyền giáo ghi rằng, thái hậu từng bái ông làm nghĩa phụ, cho nên Thuận Trị cũng tôn xưng giáo sĩ nọ làm Mã Pháp – tương đương với cách gọi Gia gia của người Hán. Trong mấy năm, Thuận Trị đọc nhiều sách, nên biết nhiều sử sách, không gì không hiểu. Thuận Trị có hứng thú sâu sắc với Phật pháp. Năm Thuận Trị 13, hoàng đế Thuận Trị 19 tuổi, tự thân quản lý triều chính, do thân cận với nhà truyền giáo mà tin phụng Phật giáo.

Thuận Trị thường triệu kiến hai vị đại sư Ngọc Lâm Tú, Mộc Trần Văn, giữ họ trong Vạn Thiện điện, chính vụ bỏ bê, cùng tham luận Phật lý. Mỗi lần Thuận Trị triệu kiến đại sư, luôn có văn học thị thân Vương Văn Tĩnh, Ma Văn Hi đi theo, hai người này cũng tin phụng Phật giáo. Cuối xuân năm Thuận Trị 14, Thuận Trị đến Nam Uyển săn bắn, kết giao danh tăng Tính Thông tại chùa Hải Hội. Sau đó, Tính Thông thường được triệu vào hoàng cung, cùng tham thiền. Tháng 10 năm đó, Thuận Trị lại triệu kiến Tính Thông tại Vạn Thiện điện, trình trọng thưởng pháp hiệu cho ông: Minh Giác thiền sư. Thuận Trị tự làm bầm, mình tôn sùng tượng giáo, biết có tông kỉ cụ, bắt đầu từ Ham Phác. Ham Phác tức là Tính Thông.

Ngày 24 tháng giêng năm Thuận Trị 15, con trai do Đồng phi sinh qua đời. Thuận Trị hết sức đau khổ, dựng tượng Phật, triệu rất nhiều tăng đồ từ phía Nam vào cung, cao tăng nổi tiếng có Ngọc Lâm Tú. Ngọc Lâm Tú thường ra vào hậu cung. Tháng 7, tháng 10 năm Thuận Trị 17, Ngọc Lâm Tú được triệu vào cung 2 lần, hai người bàn chuyện huyền cơ tại hậu đình, trò chuyện rất hứng thú, hợp ý. Thuận Trị phong Ngọc Lâm Tú làm Đại Giác phổ tế thiền sư, thưởng áo tía, ấn vàng. Thuận Trị lại thưởng Mộc Trần Văn làm Hoằng Giác thiền sư.

Thuận Trị rất tin Phật, nhưng không xuất gia, mà chết do bệnh đậu mùa. Thuận Trị sức khỏe yếu, lại đa sầu đa cảm, chịu đựng nỗi đau con yêu chết yểu và ái phi qua đời, ông thấy tuyệt vọng với cuộc sống. Bị hai tổn thất quá lớn này, Thuận Trị cho rằng vợ con tài sản là những gì mà con người tham muốn và không bao giờ muốn bỏ ra cả. Ông đã không quan tâm gì đến tài sản, vợ con chẳng qua cũng chỉ là mây gió tan rồi hợp, chẳng liên can gì cả. Nếu không phải nhưng nhớ mỗi mình hoàng thái hậu, thì có thể đã theo hòa thượng xuất gia. Từ đó Thuận Trị xem ra thật sự có ý nghĩ sẽ xuất gia. Ông buồn bã cả ngày, u uất thành bệnh, dẫn đến nếu ngủ sớm thì cả đêm trằn trọc, càng ngủ càng không yên, trông điếm canh tur, mới mệt mỏi mà thiếp đi, bắt đầu được yên giấc. Ông tự than thở: người đã ốm như que củi, bệnh tình như thế, làm sao gượng cho lâu được. Quả nhiên Thuận Trị không gượng được bao lâu, chỉ nửa năm sau khi Đồng phi qua đời, ông cũng nhiễm bệnh đậu mùa.

Khi đó, bệnh đậu mùa là bệnh không thể chữa. Đến cuối năm Thuận Trị 17, trong cung treo cờ đánh trống, chuẩn bị đón tết Nguyên Đán. Bệnh đậu mùa của hoàng đế chấn động cả hậu cung, cũng quấy loạn không khí của ngày tết và sự an ninh trong cấm cung. Các câu đối liễn, đèn lồng đủ màu sắc, dây cờ... nhất loạt bị dẹp bỏ. Lễ bộ phụng chỉ cũng miễn đi đại lễ chúc mừng năm mới. Người trong cung cấm hoang mang, thần dân cũng đành bó tay chấp nhận. Tháng 4 tháng giêng, triều đình công bố thiên hạ hoàng đế nhiễm bệnh, truyền dụ cả nước không nên rang đậu, không nên tạt nước, không nên đốt đèn.

Thuận Trị thoi thóp thở, biết rằng không thể không sắp xếp hậu sự. Thái hậu chủ trương truyền vị cho tôn tử. Thuận Trị có tất cả 8 con trai, trưởng tử, tứ tử chết yểu, 4 con trai sau thì lại quá nhỏ, người có thể kế vị chỉ có nhị tử Phúc Toàn, tam tử Huyền Hoa. Nhị tử do Ninh phi sinh, tam tử do Đồng phi sinh, hai

người đều là thứ xuất, Thuận Trị không thiên lệch người nào cả. Cuối cùng, theo kiến nghị của Thang Nhượng Vọng, tam tử Huyền Hoa được xác định là người thừa kế, đó chính là Khang Hi hoàng đế.

Nửa đêm mùng 6 tháng giêng, Thuận Trị bệnh tình nguy cấp, vội vàng triệu Vương Hi, Ma Cát Lặc mau đến Dưỡng Tâm điện, ghi lại di chúc. Thuận Trị cho biết mình đã mắc bệnh đậu mùa, không thể khỏi bệnh, lệnh cho hai người đến trước giường chép lại di chiếu. Hai người Ma, Vương đến phòng phía tây trong Càn Thanh cung vào nửa đêm phụng chỉ viết di chiếu, rồi trình ngự lãm. Thuận Trị sửa 3 lần mới xong. Nửa đêm hôm sau, Thuận Trị chết tại Dưỡng Tâm điện. Mùng 8 tháng giêng, triều đình nhà Thanh cử hành tang lễ long trọng. Tuyên bố mọi quan viên đều đến dưới cầu Kim Thủy ngoài Thiên An Môn để quần thần tuyên đọc di chiếu, yêu cầu bá quan trở về nha môn chấp hành, đồng thời mỗi ngày phải đến ngoài cửa Càn Thanh khóc tang, liên tiếp 9 ngày. 27 ngày của tang lễ, bá quan không được về nhà.

Linh đường của Thuận Trị được bày tại Càn Thanh cung. Hai bên đông tây của đại điện treo đầy vải trắng, hai bên cửa Càn Thanh cờ phướn phát phối, đồng thời xây 2 đạo trường Thích, Đạo, tăng, đạo ngày đêm thắp hương niệm kinh. Ngày 14 tháng giêng, trong cung cử hành nghi thức “Tiểu đu chỉ”, đem đốt tất cả những gì mà Thuận Trị ngự dùng như áo bào, dây lưng, mũ niêm, đồ chơi tại bên ngoài cửa cung Càn Thanh. Hoàng thái hậu mặc áo tang đen, cung nữ đều mặc áo tang trắng, nhạc tang lễ trỗi lên. Trăm ngày sau, linh cữu của Thuận Trị được thiêu trước Thọ Hoàng điện. Tháng 5 năm sau, tro cốt của Thuận Trị và tro cốt của Đồng phi cùng nhập táng tại Tuân Hóa Hiếu lăng.

IV. Càn Long hoàng đế và Hương phi của ông

Thanh Cao Tông Càn Long hoàng đế tên Ái Tân Giác La Hoàng Lịch. Ông là con trai thứ 4 của Thanh Thế Tông Ung Chính hoàng đế, mẫu thân là Nụu Hộ Lộc thị xuất thân bản hàn. Ông khôi ngô tuấn tú, tính tình nhạy cảm. 6 tuổi thuộc lầu thư sách, nhìn qua là hiểu ngay. Ông giỏi văn, giỏi võ, giỏi cười ngửa bần tiện, 25 tuổi làm chủ thiên hạ. Càn Long tại vị 65 năm, chết khi 89 tuổi. Ông là vị hoàng đế tại vị lâu nhất trong số các đế vương Trung Quốc, cũng là hoàng đế sống thọ nhất.

Càn Long lần lượt có hơn 40 hậu phi. Trong nhóm hậu phi quá hùng hậu này, có một cô gái dân tộc Hồi, rất được Càn Long sủng ái, nàng chính là Hương phi nổi tiếng trong lịch sử. Trong sử sách, Hương phi được gọi là Dung phi, ghi chép rất sơ sài, từ ngữ không rõ ràng, chỉ nói là họ Hòa Trác, con gái của Đãi Cát Hòa Trác Lại, dân tộc Hồi, khi mới nhập cung hiệu quý nhân, dần dần trở thành phi.

Hương phi sinh ra trong một gia đình hiển hách của tộc Hòa Trác tại Tân Cương. Tộc Hòa Trác là hậu duệ của thủy tổ tộc Hồi Phái Cát Mộc Ba Nhĩ của Thế Cự Diệp Nhĩ Khương, tộc này gọi là Hòa Trác, do đó Hương phi được gọi là Hòa Trác thị. Phụ thân của nàng là thủ lĩnh vùng đất đó, là Đãi Cát thứ 29 của Hồi bộ. Sơ niên Càn Long, thủ lĩnh của Hách Thập Cát Nhĩ, Diệp Nhĩ Khương là Mã Hãn Mộc Đặc và hai con trai Đại, Tiểu Hòa Trác Mộc bị Chuẩn Cát Nhĩ xưng hùng tại biên cương phía bắc bắt giam, triều đình nhà Thanh cử binh đến sát Y Lợi, bình định được cuộc nổi dậy của Chuẩn Cát Nhĩ, giải cứu Đại, Tiểu Hòa Trác Mộc. 2 năm sau, Tiểu Hòa Trác Mộc giết chết khâm phái phó đô thống A Mẫn Đạo của nhà Thanh, chiếm cứ Nam Cương, tự xưng Ba Đồ Nhĩ Hãn, công khai phản Thanh bằng vũ khí. Đại Hòa Trác Mộc chiếm giữ Hách Thập Cát Nhĩ, cũng xưng hùng xưng bá. Đại, Tiểu Hòa Trác Mộc xưng hùng Nam Giang, những bộ lạc nào không chịu quy thuận đều bị ép buộc bằng vũ lực, chỉ biết lần lượt bỏ chạy.

Trong đội ngũ đào vong, Ngạch Sắc Doãn và cháu trai Mã Mộc Đặc, Đồ Nhĩ Đô thống lĩnh toàn tộc từ Diệp Nhĩ Khương ở Thiên Sơn Nam Lộ chạy về phía bắc đến cổ thành Y Lợi tại Thiên Sơn Bắc Lộ. Quân Thanh tiến binh Y Lợi, Ngạch Sắc Doãn, Đồ Nhĩ Đô bí mật phối hợp, tiến công Hách Thập Cát Nhĩ, Anh Cát Sa Nhĩ. Đại, Tiểu Hòa Trác Mộc nhanh chóng bị dẹp yên. Năm Càn Long 25, 5 hộ Ngạch Sắc Doãn, Mã Mộc Đặc, Đồ Nhĩ Đô, A Bốc Đô Lạt Mãn, Bạc Nhĩ Đặc có công hộ chiến và những nhân vật cấp cao trong tộc Duy tại Nam Cương của 3 hộ Trác Hòa Hoắc Tập Tư, Hòa Thập Khắc, Hạp Thập Mộc có công bình loạn đều được triệu đến Bắc Kinh, gặp mặt hoàng đế.

Càn Long đối xử nồng hậu với những người khách này, để họ ở tại Bắc Kinh, đồng thời đón người nhà của họ từ Tân Cương đến. Càn Long phong Ngạch Sắc Doãn làm Phụ Quốc công, Mã Mộc Đặc, Đồ Nhĩ Đô thụ Nhất đẳng đài cát. Ngày 15 tháng giêng năm Càn Long 25, Càn Long tổ chức đại yến tại Đồng Lạc viên lớn nhất trong Quang Minh điện, mời tất cả những người có công như Ngạch Sắc Doãn, Đồ Nhĩ Đô đến tham dự. Mồng 4 tháng 2 năm đó, mười bảy tuổi của Đồ Nhĩ Đô cũng được triệu vào cung, sắc làm Hòa quý nhân, đồng thời thưởng một lượng lớn vật phẩm như kim ốc tơ phượng, san hô triều châu... Hòa quý nhân này chính là Hương phi.

Hương phi rất may mắn, vào cung được 2 tháng, cây vải dơi từ phương nam vào trong cung đột nhiên kết trái vải khiến mọi người đều thích, hơn nữa lại có hơn 200 trái. Cung đình vui vẻ hẳn lên, mọi người vui vẻ đón nhận mỹ nhân đến từ Tây Vực nhưng lại đem tin mừng vào hậu cung này. Quý nhân đứng thứ 6 trong 8 cấp bậc hậu phi trong cung Thanh, trên quý nhân có hoàng hậu, hoàng quý phi, quý phi, phi, tần. Càn Long rất yêu mến Hòa quý nhân, năm thứ 3 sau khi nàng vào cung, tức ngày 16 tháng 5 năm Càn Long 27, hoàng thái hậu giáng chỉ, phong Hòa quý nhân là Dung tần. Anh trai nàng nguyên được phong Nhất đẳng đài cát là Đồ Nhĩ Đô cũng được truy công và tấn tước, tiến phong Phụ Quốc công.

Mùa xuân năm Càn Long 30, Càn Long nam tuần lần thứ 4. Ông dẫn theo hoàng thái hậu, hoàng hậu, Khánh phi, Dung tần, Đồ Nhĩ Đô, đại học sĩ Bác Hằng và các vương công hiển quý, đến hơn ngàn người, cùng nhau du ngoạn. Họ du ngoạn Tô Châu, Hàng Châu, thưởng thức đủ cảnh sắc của Giang Nam. Trên đường đi, Càn Long chăm sóc đặc biệt cho Dung tần, ông lần lượt ban thưởng 80 món ăn ngon hợp khẩu vị của Dung tần, trong đó bao gồm món chân vịt tắm sữa, thịt dê hầm rượu... nổi tiếng.

Dung tần hưởng tận sủng ái. Nàng không chỉ có sắc đẹp mê hồn, còn giỏi múa kiếm và bắn tên cưỡi ngựa. Sau khi vào cung, nàng vẫn mặc trang phục tộc Hồi, nét đặc sắc của cô gái Tây Vực và nét đẹp vốn có của nàng khiến Càn Long đa tình phong lưu điên đảo thần hồn. Tháng 6 năm Càn Long 33, hoàng thái hậu lại hạ ý chỉ, tấn Dung tần làm Dung phi, có thể nói địa vị cứ tăng dần. Ngoài ra còn để thợ may chuyên may triều phục, cát phục, vòng cổ, vòng tay, chuỗi hạt cho riêng nàng. Nghi thức sắc phong được cử hành vào tháng 10, chính, phó sứ là đại học sĩ Doãn Tục Thiện và nội các học sĩ Mại La Tôn. Năm đó Dung phi 35 tuổi.

Ba năm sau, Càn Long lại dẫn Dung phi và 6 vị phi tần khác, đông tuần Thái Sơn, bái yết Không miếu. Hoàng hậu Ô Lạt Na La thị qua đời vào năm Càn Long 31, Càn Long tuyên bố từ nay về sau không lập hoàng hậu. Năm Càn Long 40, hoàng quý phi lại được thưởng chết. Do đó, đến khi đó, phi tử mà Càn Long hoàng đế sủng ái nhất chính là Dung phi. Cho nên vào ngày 15 tháng giêng năm Càn Long 46 đãi tiệc trong cung, Dung phi ngồi vào vị trí đầu tiên trên đầu dãy bàn phía tây, đến tháng 12 cùng năm, khi đãi yến tại Càn Thanh cung, Dung phi lại thăng cách lên ngồi tại vị trí thứ 2 bên dãy bàn phía đông. Dung phi khi đó 48 tuổi, địa vị và sự vinh hạnh đặc biệt của nàng đã đến đỉnh điểm. Ngày 19 tháng 4 năm Càn Long 53, Dung phi rời khỏi nhân thế, thọ 59 tuổi.

Dung phi xinh đẹp động lòng người, trên người có mùi hương khác thường, mùi hương lạ này do trời ban cho, do đó mọi người gọi nàng là Hương phi. Sau khi Hương phi qua đời, nàng được an táng tại viên tẩm của hoàng quý phi Thuần Huệ. Bài vị của nàng chỉ đứng sau Thư phi. Năm Gia Khánh thứ 4, hoàng đế Càn Long qua đời, an táng tại Thanh Đông lăng Dục Lăng. Bên cạnh quan tài của Càn Long chính là Thuần Huệ hoàng quý phi và Hương phi. Viên tẩm của Hương phi ở phía tây Dục lăng, tòa nhà vắng lặng, xung quanh đều trồng đầy tùng bách. Trong viên tẩm có cửa cung, hương điện, minh lâu, bảo thành. Bảo thành hình tròn, bên trong an táng 36 phi tần của Càn Long. Các phi tần sắp xếp theo đông tây, chia thành 5 hàng, vị trí đầu tiên trong hàng thứ 2 phía đông chính là Hương phi.

Trong sự tích của Hương phi có một tình tiết về Bảo Nguyệt lâu cần phải nói rõ. “Yên Kinh Trường cổ” ghi lại rằng, Bảo Nguyệt lâu là Càn Long xây riêng cho Hương phi, bây giờ là Tân Hoa môn. Một dãy tường trước lầu, tường được lát bằng ngói lưu ly, hết sức tráng lệ. Đối diện về phía nam, có một vùng Hồi Tử doanh. Cửa bắc của con hẻm có cửa gạch bông, kết cấu, hình thức của nó giống như ngoại cảnh của Thanh Chân tự của dân tộc Hồi tại Tân Cương. Trong hẻm có dân Hồi cư trú, họ được đối đãi rất nồng hậu. Sau khi bình định Chuẩn Cát Nhĩ phản loạn, có người nói Hương phi bị bắt vào cung với vai trò là gia quyến của tù binh phản loạn, do nàng nhớ nhà, Càn Long đa tình bèn xây cho nàng tòa lầu này, thưởng tên là Bảo Nguyệt lầu. Đứng trên lầu nhìn ra xa, cuộc sống của dân tộc Hồi hiện ra rõ ràng trước mắt. Do đó Bảo Nguyệt lầu được gọi là Vọng Gia lầu. Càn Long dốc hết tâm sức, vì muốn giành được trái tim của người đẹp, không ngờ Hương phi quyết giữ trinh tiết, cố chấp không theo, Càn Long nên đau thương nàng chết. Cũng có người nói sau khi vào cung, Hương phi đổi tiết theo đế, rất được sủng ái, thường đi săn với Càn Long, cùng đến Bảo Nguyệt lầu, và để lại văn thơ tranh ảnh là chứng.

Bảo Nguyệt lầu có thật hay không?

Bảo Nguyệt lầu đích thị có tồn tại, nó nằm tại Nam Hải Tây Uyển, tại phía nam Doanh Đài, cách một cái hồ. Chỉ là, Bảo Nguyệt lầu và Hương phi không hề liên can gì với nhau.

V. Tây thái hậu

Tây thái hậu chính là Từ Hi thái hậu nổi tiếng. Câu chuyện liên quan đến Tây thái hậu, sử sách, truyền hình, phim ảnh đều đã phản ánh rất nhiều, dường như lạm phát thành nạn, tại đây chỉ nói sơ lược. Tây thái hậu được gọi là Na La thị, do tổ tiên sống tại Diệp Hách, nên thường được gọi là Diệp Hách Na La thị. Na La thị là người Lam Kì, Mãn Châu. Phụ thân Huệ Chính, từng làm đạo viên Quảng Thái đạo, Huy Ninh trì, An Huy. Năm Hàm Phong thứ nhất, Na La thị 17 tuổi, tuyển vào hậu cung, phong Ý quý nhân. 4 năm sau tấn phong Ý tần. 2 năm sau, sinh hoàng trưởng tử Tái Hưởng, tiến phong Ý phi, năm sau tấn phong Ý quý phi. Khi đó, Na La thị đứng thứ 2 trong cung, địa vị chỉ sau hoàng hậu Nữu Cô Lộc thị.

Hàm Phong đế hết sức sủng ái Na La thị. Na La thị ra vào điện các xử lý chính vụ, giúp đỡ Hàm Phong sức khỏe yếu ớt giải quyết chính sự, tham dự chính sự. 3 năm sau tức năm Hàm Phong thứ 10, Na La thị theo Hàm Phong đế chạy đến Nhiệt Hà. Trước khi rời kinh, Na La thị ra sức ngăn cản, Hàm Phong rất tức giận, tình cảm của hai người bắt đầu rạn nứt. Khả năng quyết đoán và trí nhớ kinh người của Na La thị dần dần được phát huy, thể hiện dã tâm chính trị. Ngoài kinh ngạc, khâm phục, Hàm Phong ngày càng tức giận về việc Na La thị tham dự triều chính. Sau khi đến Nhiệt Hà, phụ bật đại thần Tiêu Thuận tiến tấu, ra sức khuyên Hàm Phong hãy lập thái tử rồi giết chết sinh mẫu của thái tử như Hán Vũ đế, loại bỏ Na La thị để trừ hậu họa. Hàm Phong không nhẫn tâm, cứ do dự không quyết. Nhưng chuyện này lại khiến cho Na La thị kinh sợ, hoảng hốt ngày đêm, sợ rằng một ngày nào đó tai họa bất trắc sẽ giáng xuống đầu.

Tháng 7 năm Hàm Phong 11, Hàm Phong đế bất hạnh bệnh chết. Thái tử Tái Hưởng kế vị, trở thành Thanh Mục Tông, niên hiệu Đồng Trị. Đồng Trị đế tôn chính cung hoàng hậu Nữu Cổ Lộc thị của Hàm Phong là mẫu hậu hoàng thái hậu, tôn mẹ đẻ Na La thị làm thánh mẫu hoàng thái hậu. Trở về hoàng cung Bắc Kinh, lưỡng cung hoàng hậu gia huy hiệu Từ An, Từ Hi. Từ An hoàng thái hậu Nữu Cô Lộc thị ở tại Trung Tuý cung. Trung Tuý cung ở phía đông hậu cung, là cung đầu tiên trong lúc cung phía đông, nam giáp với Thừa Càn cung, bắc giáp với Ngự hoa viên, do đó Từ An cung được gọi là Đông thái hậu. Từ Hi Na La thị sống tại Trữ Tú cung. Trữ Tú cung ở phía tây hậu cung, đối diện với Trung Tuý cung, cho nên Từ Hi Na La thị được gọi là Tây thái hậu. Cũng có người nói khi Na La thị chịu tang tại Nhiệt Hà, ở tại Tây Noãn các tại hành cung Nhiệt Hà, nên được gọi Tây thái hậu.

Di mệnh của Hàm Phong trước khi chết, Di thân vương Tái Viên, Trịnh thân vương Đoan Hoa, hợp sức với Đại học sĩ Hộ bộ thượng thư Tiêu Thuận, Ngự tiền đại thần Cảnh Thọ và Quân cơ đại thần Mục Âm, Ưông Nguyên, Đổ Hàn, Tiêu Hựu Doanh, 8 người làm Tán nhượng chính vụ đại thần, tổng nhiếp triều chính, đưa hoàng thái tử 6 tuổi Tái Hưởng kế vị. Từ Hi Tây thái hậu Na La thị khi đó chỉ 27 tuổi. Nàng không cam chịu bị người khác sắp đặt, nhất là không thể chịu đựng 8 vị phò thần tổng nhiếp triều chính. Trên thực tế, quyền hành của 8 vị đại phò thần này tập trung trong tay của Tiêu Thuận, mà Tiêu Thuận lại luôn đối đầu với Na La thị, như có mối thù truyền kiếp.

Trước tiên, Từ Hi Tây thái hậu sách động Đông thái hậu Nữu Cô Lộc thị đứng sang bên mình, chống đối với 8 vị đại phò thần. Tiếp đó, bí mật liên lạc với đệ đệ thứ 6 của Hàm Phong là Cung thân vương Dịch Tổ đang ở tại Bắc Kinh xử lý công việc với bọn người Tây. Mấy ngày sau, dưới sự đồng ý ngầm của đại sứ các nước, Dịch Tổ lấy danh nghĩa chạy tang, chạy ngay đến Nhiệt Hà bí mật lập mưu với Tây thái hậu Na La thị. Sau đó, Dịch Tổ trở về Bắc Kinh, bắt tay vào việc ngay. Ngự sử Đồng Nguyên Thuận tiến tấu nịnh hót, tấu thỉnh lưỡng cung hoàng thái hậu nắm quyền xử lý triều chính. Lưỡng thái hậu triệu kiến Tái Viên và các phò thần cùng nhau bàn bạc, Tái Viên lấy lý do bốn triều chưa hề có việc hoàng thái hậu buông rèm nhiếp chính, ra sức phản bác. Tây thái hậu Na La thị gấp chỉ vào, giữ lại không phát, dẫn đến sự tranh luận

kịch liệt.

Một tháng sau, Tây thái hậu Na La thị lệnh cho 5 đại thần như Tiêu Thuận hộ tống linh cữu của Hàm Phong về kinh, bản thân và con nhỏ Tái Hường và Tái Viên đi đường tắt về cung trước. Na La thị vào cung lập tức triệu Cung thân vương Dịch Tổ. Ngày hôm sau, hạ lệnh bắt giam 3 người Tái Viên, Đoan Hoa, Tiêu Thuận. Ngày thứ 3, phong Dịch Tổ làm Nghị chính vương, đi lại tự do trong sở Quân cơ. Tiếp đó, xử chết Tiêu Thuận, lệnh Đoan Hoa, Tái Viên tự vẫn; cách chức, sung quân bọn Cảnh Thọ 5 người. Ngày 11 tháng 11, lưỡng cung thái hậu cử hành đại lễ đăng cơ cho Tái Hường tại Thái Hòa điện, đổi niên hiệu là Đồng Trị, năm sau xem là Nguyên niên Đồng Trị. Ngày 2 tháng 12, lưỡng cung thái hậu tuyên bố buông rèm nhiếp chính.

Các đại thần làm lễ buông rèm nhiếp chính. Đồng Trị đế và lưỡng cung thái hậu đến Dưỡng Tâm điện, Tây thái hậu thống trị Trung Quốc 48 năm bắt đầu từ hôm đó. Khi đó, buông rèm nhiếp chính ban dụ thiên hạ rằng: Buông rèm không phải là thú vui, chỉ vì ngày nay có quá nhiều chuyện khó khăn, các đại thần không thể bẩm trình tất cả, là vì công bằng vô tư. Đợi khi hoàng đế đã thành tài, sẽ lập tức trả lại quyền chính. Từ đó về sau, mỗi ngày lưỡng cung hoàng thái hậu triệu Nghị Chính vương và Quân cơ đại thần vào cung nghị sự. Tất cả tấu chương trong ngoài, lưỡng thái hậu xem qua, các đại thần soạn chỉ, ngày hôm sau tiến trình, quyết định xong đóng ngọc ấn nhỏ của Đồng Đạo đường, thực hiện theo chiếu chỉ.

Tây thái hậu luôn thể hiện tài hoa chính trị siêu việt trong quá trình khống chế quyền vị. Để đạt được mục đích buông rèm nhiếp chính, bà xúi giục đại thần Châu Bồi Tổ và những người khác liên minh thượng tấu khuyên nhủ, nêu ví dụ Hiếu Trang Văn hoàng hậu, mẫu thân của Thuận Trị, nói khi đó (Năm Sùng Đức thứ 8) tuy Hiếu Trang Văn hoàng hậu không buông rèm, nhưng lại nghe chính. Sau đó lấy danh nghĩa của Đồng Trị đế ban chiếu phủ định di mệnh, đồng thời hiểu dụ Nam thư phòng, Thượng thư phòng, Hàn lâm viện tìm kiếm tất cả những sự kiện buông rèm nhiếp chính từ xưa đến nay và biên soạn thành sách, thưởng tên “Trị bình gia giám”, ban hành rộng rãi. Sau khi Đông Noãn các Dưỡng Tâm điện cùng nhau nghe chính, Đông thái hậu nhân hậu có thừa, không quyết đoán, không biết mưu lược chính trị, Tây thái hậu nghe chính, trên thực tế quyền hành tập trung trong tay Tây thái hậu.

Tây thái hậu độc giữ quyền hành, ham muốn vô cùng, làm mưa làm gió. Năm Đồng Trị 12, Đồng Trị 18 tuổi, theo chiếu thư buông rèm đã viết, thì Tây thái hậu phải trả quyền. Không còn cách nào khác, đành phải tuyên bố hạ rèm, nhưng trên thực tế, vẫn thao túng đại quyền, quyết định chính sự. Đồng Trị đế bị mẫu hậu cản trở, không thể tự quyết định, thực hiện hoài bão của mình, hết sức đau khổ buồn rầu, ông xuất cung du chơi, tìm kiếm kích thích mới, dâm lạc với kỹ nữ, kết quả, nhiễm bệnh giang mai (Đồng Trị đế chết do bệnh đậu mùa hay giang mai, vẫn là đề tài tranh luận, đến giờ vẫn chưa xong), tháng 12 năm sau chết tại Đông Noãn các Dưỡng Tâm điện. Tây thái hậu lập con trai Tái Hoạt của muội phu Thuận Hiến thân vương Dịch Hoàn làm hoàng đế, là Thanh Đức Tông Quang Tự hoàng đế, khi mới 4 tuổi. Tây thái hậu lại buông rèm nhiếp chính lần nữa.

Sau khi củng cố quyền vị, một Tây thái hậu đang tuổi sung sức, đương nhiên không chịu nổi sự cô quạnh, nên nảy ý dâm dục, tầm hoan hưởng lạc bằng trăm phương ngàn kế. Cầm cung thăm thăm, Tây thái hậu tầm hoan trong cung như thế nào, người ngoài không ai hay biết. Nhưng trong dấu vết lịch sử, chúng ta vẫn hiểu được đôi chút.

Đối tượng dâm loạn của Tây thái hậu chỉ là hoạn quan. Thủ lĩnh hoạn quan là An Đức Hải và Lý Liên Anh lần lượt đắc sủng. Sử sách ghi lại rằng, An Đức Hải giỏi nịnh hót, cầu hoan với Tây thái hậu góa bụa bằng thân hình mềm mại. Tây thái hậu sủng ái vô cùng, dẫn đến luôn lắng nghe lời nói của hắn, hoan tình chẳng khác gì phu thê. Đồng Trị hoàng đế trẻ tuổi hết sức tức giận đối với mối quan hệ quá thân mật giữa mẫu thân và hoạn quan An Đức Hải, hận đến tận xương tủy. Đồng Trị đế thường đi tìm Đông thái hậu nhân từ từng dưỡng dục mình, kể hết tâm trạng u buồn. Đông thái hậu thông cảm với hoàng đế trẻ tuổi,

cũng hết sức bất mãn với hành vi dâm loạn của Tây thái hậu, bà cho rằng, dâm loạn như thế chẳng khác gì Võ Tắc Thiên thứ 2? Mai này mất đi, còn mặt mũi nào gặp lại Hàm Phong hoàng đế dưới cửu tuyền!

Cung nhà Thanh nghiêm cấm thái giám xuất cung, tuy nhiên, An Đức Hải được Tây thái hậu sủng ái đến mức hư hỏng lại coi thường lệnh cấm, cầu xin Tây thái hậu ưng chuẩn cho hắn xuất cung làm việc. Tây thái hậu đương nhiên đồng ý lời thỉnh cầu của tình nhân yêu mến của mình, cho hắn xuất cung. An Đức Hải dẫn theo ban nhạc, treo long kì, tựa như một thiên tử đi tuần. Nghe theo kiến nghị của Đông thái hậu, Đồng Trị để bí mật ra lệnh cho Sơn Đông tuần phủ Đinh Bảo Trinh, nếu phát hiện An Đức Hải làm việc phạm pháp tại Sơn Đông, lập tức bắt giữ. An Đức Hải hống hách tiến vào Sơn Đông, ngồi trên hai chiếc thuyền Thái Bình, trên thuyền treo đầy cờ long phụng, dẫn theo rất nhiều nam thanh nữ tú và ca kỹ. Hôm sinh nhật, An Đức Hải càng quên đi tất cả, bày ra long y, lệnh cho nam nữ tùy tùng tham bái. Sau khi tìm hiểu rõ ràng tình hình, Đinh Bảo Trinh bắt giết An Đức Hải, đồng thời treo xác 3 ngày, để mọi người nhìn xem vị thái giám mà đương kim thái hậu tâm hoan là thế nào. Sau đó, Đinh Bảo Trinh lâu lắm mới báo với Tây thái hậu. Lại có người nói, do Đinh Bảo Trinh trình tấu hàng loạt hành vi phạm pháp của An Đức Hải, Tây thái hậu không còn cách nào khác, đành phải nén đau ra lệnh cho Đinh Bảo Trinh xử hắn theo pháp luật.

Lý Liên Anh ngoại hiệu Bì Tiêu Lý, do cuộc sống ép buộc, theo bọn phản loạn, bị bắt vào ngục, sau khi ra ngục làm nghề vá giày. Sau này, bạn thân Thẩm Lan Ngọc thấy hắn đáng thương, đưa hắn vào hoàng cung, làm một thái giám thấp nhất. Tây thái hậu rất thích cái đẹp. Khi đó, kinh thành thịnh hành một kiểu tóc mới, Tây thái hậu để thái giám hầu hạ chải đầu bới kiểu tóc mới cho mình, nhưng các thái giám có chải thế nào, cũng không thể làm Tây thái hậu hài lòng. Lý Liên Anh được Thẩm Lan Ngọc báo cho chuyện này, nên tìm tòi cách chải bới. Sau này, qua sự tiến cử của Thẩm Lan Ngọc, Lý Liên Anh đến bới thử cho Từ Hi, quả thật ra tay bắt phàm, Tây thái hậu hết sức thích thú, Lý Liên Anh đắc sủng từ đó.

Lý Liên Anh thông minh nhanh nhạy, làm việc nhanh nhẹn, biết quan sát sắc mặt mà nói năng, hầu hạ Tây thái hậu tận tình tỉ mỉ. Sau khi được hạnh, càng cẩn thận tỉ mỉ hơn, không hề kiêu ngạo, không dám ngông cuồng. Tây thái hậu ngày càng yêu mến Lý Liên Anh, mấy năm liền sủng không thể tả, hình bóng không rời. Tây thái hậu thường ngồi xem hát với Lý Liên Anh, phàm những gì Lý Liên Anh thích ăn, Tây thái hậu để lại cho hắn nhiều hơn tại ngự thiện phòng. Sinh nhật lần thứ 40 của Lý Liên Anh, Tây thái hậu thưởng cho hắn một lượng lớn vật quý hiếm, lụa là, ngự tự chúc phúc thọ. Do Tây thái hậu sủng ái, nên Quân cơ đại thần và phong cương đại sử cũng lần lượt dâng quà mừng thọ, nịnh hót tên Lý tiểu tử từng làm phản tặc, vá giày này. Chế độ đãi ngộ như thế của Lý Liên Anh không phải thái giám nào cũng được hưởng.

Sử sách ghi rằng, mối quan hệ quá mật thiết giữa An Đức Hải, Lý Liên Anh và Tây thái hậu là có thật và đáng tin. Có sử sách ghi lại câu chuyện hoang dâm vô độ của Tây thái hậu, việc này có thật hay không, thật sự không thể biết được. Nghe nói, Tây thái hậu thích ăn quả trứng gà nóng. Sáng sớm mỗi ngày, trong cung cử người đem 20 lượng bạc đến cửa cung mua 4 quả, để người làm thuê trong nhà hàng Kim Hoa đưa vào hậu cung. Nhà hàng Kim Hoa có một người làm thuê họ Sử, làn da trắng trẻo, khôi ngô tuấn tú. Họ Sử dần dần quen thân với Lý Liên Anh, thường lén lút đến hậu cung, tìm Lý Liên Anh đi chơi. Một hôm, Tây hoàng hậu phát hiện bên cạnh Lý Liên Anh có một chàng trai tuấn tú, hỏi đó là ai? Lý Liên Anh rất sợ hãi, đưa người ngoài vào cung vi phạm nghiêm trọng cung cấm, nhưng không thể giấu giếm, đành bẩm báo sự thật. Tây thái hậu được báo, không những không tức giận, ngược lại rất vui mừng, giữ họ Sử trong cung, hoan dâm ngày đêm. Một năm sau, sinh Quang Tự hoàng đế. Sống góa bụa mà sinh con thì không thể nuôi dưỡng trong cung. Tây thái hậu bèn lệnh cho muội phu Thuần thân vương nhận làm con, nuôi dưỡng như con đẻ, đồng thời giết họ Sử diệt khẩu. Do đó, mọi người đoán rằng, sau khi Đồng Trị qua đời, Tây thái hậu không lập đời sau của Đồng Trị, ngược lại lập đệ đệ của Đồng Trị, lập tử không lập đệ là thường quy

của cung Thanh, Tây thái hậu vi phạm thường quy, chắc chắn có nguyên nhân của bà, vì Quang Tự là con trai ruột của bà.

Mùa xuân năm Quang Tự thứ 8, một người họ Bạch bán đồ cổ xuất hiện tại Lưu Ly Xưởng. Họ Bạch qua giới thiệu của Lý Liên Anh, đưa vào hậu cung, được Tây thái hậu sủng hạnh. Tây thái hậu và họ Bạch dâm loạn, không bao lâu thì thấy người không được khỏe lắm. Đông thái hậu phái người trinh sát, được biết Tây thái hậu mang thai. Đông thái hậu hết sức tức giận, triệu Lễ bộ đại thần đến, dò hỏi lễ nghi phế hậu. Lễ bộ đại thần hoang mang không biết làm gì, quỳ phục xuống: Chuyện này không thể, xin thái hậu bảo trọng thân thể! Đêm đó, Đông thái hậu đột tử, là do sau khi Tây thái hậu biết được cuộc nói chuyện bí mật giữa Đông thái hậu và Lễ bộ đại thần, phái người đưa rượu thuốc, Đông thái hậu uống xong thì bất hạnh chết ngay.

Đông thái hậu chết vào năm Quang Tự thứ 7, đột tử, chết không rõ nguyên nhân. Sau khi Đông thái hậu qua đời, Tây thái hậu càng mặc sức làm cản. Năm Quang Tự 12, Quang Tự 16 tuổi, Tây thái hậu tuyên bố tháng giêng sang năm sẽ trao trả quyền hành. Năm Quang Tự 15, Quang Tự đích thân nắm quyền. Năm Quang Tự 24, Tây thái hậu phát động chính biến năm Mậu Tuất, giam lỏng Quang Tự tại Doanh Đài, đồng thời lấy danh nghĩa Quang Tự ban bố chiếu thư: Thái hậu huân chính. Tây thái hậu buông rèm lần thứ 3, cho đến năm Quang Tự thứ 34, bà đột nhiên qua đời.

Năm Quang Tự thứ 34, vương triều nhà Thanh gặp cơn sóng gió. Tây thái hậu quá mệt mỏi, sức cùng lực kiệt. Tháng 6 năm đó, Tây thái hậu bắt đầu thấy khó chịu trong người, đến tháng 10 xuất hiện tiêu chảy. Mùng 10 tháng 10 Tây thái hậu mừng sinh nhật lần thứ 74 tại Tây Uyển. 10 ngày sau, Quang Tự đế ôm hận mà chết tại Doanh Đài Hàm Nguyên điện. Tây thái hậu lập con trai cùng cha khác mẹ của Quang Tự Thuần thân vương Tải Phong là Phổ Nghi mới 3 tuổi làm hoàng đế. Ngày hôm sau, bà chưa kịp trao huân thị cho tân nhiệm Nhiếp chính vương Tải Phong, thì đã từ biệt cõi đời, từ đó chấm dứt sự thống trị kéo dài 48 năm của bà. Quy mô tang lễ của bà như một hoàng đế, 16 chữ vi hiệu được lưu giữ toàn bộ, thụy là “Hiếu khâm từ hi đoan hựu khang di chiêu dụ trang thành thọ cung khâm hiển sùng hi phối thiên hưng thánh hiển hoàng hậu”. Gọi tắt là Hiếu Khâm Hiển hoàng hậu. Chôn tại lăng Đông Phổ Đà Dụ.

VI. Sự đau khổ của Quang Tự hoàng đế

Tái Diễm là con trai của đệ đệ Thuần Hiền thân vương Dịch Hoàn của Văn Tông, là từng đệ của Mục Tông. Giờ Dậu ngày 12 tháng 1 năm 1875, Mục Tông Đồng Trị hoàng đế nhiễm bệnh qua đời. Lưỡng thái hậu triệu kiến hơn 20 vị vương công đại thần Dịch Tông, Dịch Tổ, Dịch Hoàn, Lý Hồng Tào, Từ Đông... tại Tây Noon các Dưỡng Tâm điện. Trước tiên, Tây hoàng hậu hỏi: Từ nay về sau buông rèm như thế nào? Một vị quân cơ đại thần trả lời: Tông xã rất trọng, xin chọn hiền lập vị, sau đó hãy buông rèm chấp chính. Tây thái hậu giả vờ trầm ngâm, từ tốn nói: Văn Tông không có con thứ, nay gặp đại biến, nếu thừa tự lớn khôn, thật sự không thể, nhưng có thể chọn con nhỏ có tư chất giáo dục để kế vị.

Vậy chọn ai? Văn Tông là con trai thứ 4 của Đạo Quang. Đạo Quang có tổng cộng 9 con trai. Nhị tử Dịch Cang, tam tử Dịch Tế chết yểu. Trưởng tử Dịch Vĩ, ngũ tử Dịch Tông, lục tử Dịch Tổ, thất tử Dịch Hoàn, bát tử Dịch Hợp, cửu tử Dịch Huệ đều có con trai. Trưởng tử Dịch Vĩ khi đó đã có cháu nội. Sau khi Văn Tông chết, người được chọn thừa kế hoàng vị theo lẽ rơi vào các con Dịch Vĩ, Dịch Tông, trong đó người lý tưởng nhất là trưởng tôn Phổ Luân của Dịch Vĩ. Tuy nhiên, nếu Phổ Luân kế vị, Tây thái hậu từ hoàng thái hậu thăng làm thái hoàng thái hậu, không thể buông rèm, và cũng không thể khống chế triều chính. Do đó, qua nhiều lần cân nhắc, Tây thái hậu chọn trưởng tử vừa mới 4 tuổi Tái Diễm của Dịch Hoàn kế vị. Tái Diễm và hoàng đế Đồng Trị cùng vai, Tây thái hậu vẫn là hoàng thái hậu; mẫu thân Diệp Hách Na La thị của Tái Diễm là đích phúc tấn của Thuần vương, lại là muội muội của Tây thái hậu; Tây thái hậu biết Tái Diễm trẻ tuổi tính tình nhu nhược, dễ bề khống chế. Thế là, Tái Diễm kế vị, trở thành hoàng đế Quang Tự.

Hoàng đế Quang Tự kế vị khi còn quá nhỏ, không biết gì cả. Khi Quang Tự kế vị, còn nhỏ hơn Đồng Trị 2 tuổi, nhưng nhỏ tuổi dễ giáo dục không phải là nguyên nhân chính nâng đỡ của Tây thái hậu, bởi vì, Đồng Trị kế vị khi 6 tuổi vẫn luôn tiếp nhận sự giáo dục như mong muốn của Tây thái hậu, nhưng kết quả cuối cùng lại là, hoàng đế Đồng Trị có tính cách quật cường, độc đoán chuyên hành. Tây thái hậu nhìn thấy sự nhu nhược của Quang Tự, nghĩ rằng chắc chắn có thể tạo ra một hoàng đế Quang Tự dịu dàng đôn hậu, cần cù học hỏi chính vụ và nghe theo lệnh của thái hậu. Sự việc sau này chứng minh, sự phán đoán của Tây thái hậu hoàn toàn chính xác.

Quang Tự tiếp nhận nền giáo dục nghiêm khắc trong cung, sư phó tại cung Dục Khánh là Thường Thuộc Ông Đồng Hòa và Thọ Châu Tôn Văn Chính. Hai người đức cao vọng trọng, cũng là một Nho Tông. Quang Tự trẻ tuổi nhưng trưởng thành sớm, không thích chơi đùa, chăm chỉ học hành. Ông Đồng Hòa từng là sư phó nhiều năm của hoàng đế Đồng Trị, cho đến năm 16 tuổi đích thân nắm chính quyền, hoàng đế Đồng Trị vẫn là một học trò nhìn thấy sách vở là sợ hãi, văn lý không thông. Còn hoàng đế Quang Tự thì hoàn toàn khác, không chỉ nghiêm túc tiếp nhận nền giáo dục phức tạp lễ chế của cung đình, còn rất có lòng nhẫn nại, nghiêm khắc tuân thủ chế độ lễ nghi khô khan của cung đình. Rõ ràng, hoàng đế Đồng Trị tính cách quật cường, không muốn tiếp nhận bất cứ nền giáo dục mang tính cưỡng chế, còn Quang Tự hoàn toàn khác, tính tình nhu nhược dễ dàng bị uy quyền, quy chế kiểm soát. Do đó, hoàng đế Quang Tự dù đã trưởng thành nhưng vẫn hoàn toàn nghe theo chỉ đạo của người khác, gặp chuyện không hề dám chống đối với Tây thái hậu. Hôn nhân đại sự của ông dù không muốn nhưng chỉ đành nghe theo sự sắp đặt của Tây thái hậu, chấp nhận sự thật, cùng lắm chỉ là sự đối kháng tiêu cực. Bi kịch của hoàng đế Quang Tự chính là ở chỗ đó, cũng là nguyên nhân mà không bị một Tây thái hậu ham mê quyền lực thống trị Trung Quốc trong 34 năm xử tội chết. Tây thái hậu kết thúc sinh mệnh của Quang Tự trước khi lâm chung. Cả đời của Quang Tự chỉ là một sự xếp đặt của Tây thái hậu, là bộ mặt giả của vương triều Đại

Thanh, thật sự là quá đau khổ.

Đại hôn của hoàng đế Quang Tự tiến hành vào tháng giêng năm Quang Tự thứ 15. Năm đó, Quang Tự 18 tuổi. Hoàng hậu Diệp Hách Na La thị là cháu gái của Tây thái hậu, con gái của bảo đệ Phó đô thống Quế Tường của Tây thái hậu. Đồng thời, hai con gái của thị lang Trường Thuật cũng được chọn vào, sắc phong làm Cẩm tần, Trân tần, 5 năm sau tiến vị làm phi. Đại hôn của Quang Tự được cử hành vào tháng giêng năm Quang Tự 15, nhưng hoạt động tuyển hôn lại bắt đầu từ năm Quang Tự 13.

Mùa đông năm Quang Tự 13, Tây thái hậu quyết định tuyển hậu cho Quang Tự. Tây thái hậu đích thân trấn giữ Bảo Hòa điện, triệu kiến con gái của các đại thần chuẩn bị tham dự tuyển chọn. Có 5 người trúng tuyển: Người đầu tiên là con gái Diệp Hách Na La thị của Phó đô thống Quế Tường; người thứ hai và thứ ba là hai con gái của Giang Nam tuần phủ Đức Hưng; tiếp đến là hai con gái của Lễ bộ tả thị lang Trường Tự. Khi đó, Tây thái hậu ngồi, hoàng đế Quang Tự đứng hầu, Vinh Thọ Cố Luân công chúa và phúc tấn, mệnh phụ xếp hàng phía sau. Chiếc bàn nhỏ trước ghế đặt một mảnh ngọc như ý, hai đôi hầu bao thêu hoa sen. Đó là vật chứng khi được chọn.

Theo quán lệ của cung nhà Thanh, phạm là trúng tuyển hoàng hậu, tức được nhận một mảnh ngọc như ý; trúng tuyển phi tử, thì được tặng một đôi hầu bao thêu hoa sen. Tây thái hậu ngồi phía sau bàn chỉ vào một hàng mỹ nữ nói với Quang Tự: Ai được trúng tuyển, người tự quyết định, người hợp ý sẽ được ban như ý. Nói xong, Tây thái hậu đưa ngọc như ý cho Quang Tự. Quang Tự cung kính nói: Chuyện lớn thế này, do phụ hoàng làm chủ, từ thần không dám tự định. Tây thái hậu kiên quyết buộc Quang Tự tự chọn. Quang Tự không còn cách nào khác, đành phải tay cầm như ý, quan sát kỹ 5 vị mỹ nhân trước mặt. Hai con gái của Đức Hưng xinh như tiên nữ, đứng bên ngọc đỉnh, như hạc giữa đám gà. Quang Tự yêu thích họ, chuẩn bị đưa ngọc như ý. Khi đó, bỗng một tiếng gọi giật từ phía sau: Hoàng đế! Đó chính là giọng của Tây thái hậu.

Quang Tự kinh ngạc quay đầu lại, hiểu ý của thái hậu, liền đưa ngọc như ý trong tay cho cháu gái Diệp Hách Na La thị của thái hậu. Hoàng hậu được xác định như thế đấy. Phi tần thì sao? Tây thái hậu vừa nhìn đã biết Quang Tự yêu thích 2 con gái của Đức Hưng, nếu để hai con gái của Đức Hưng làm phi tần, Quang Tự sẽ ngày đêm say mê họ, chẳng phải sẽ xuất hiện nỗi lo tranh sủng? Do đó, hai con gái của Đức Hưng vừa không thể làm chủ trung cung, đương nhiên cũng không thể tuyển vào làm phi tần, hai đôi hầu bao rơi vào tay của 2 con gái của Trường Tự.

Cung nhà Thanh rất tôn sùng hoàng đế kết hôn khi 18 tuổi. Tuy nhiên, năm hoàng đế Quang Tự 18 tuổi, tai biến liên miên, Tây thái hậu và Khâm thiên giám quan viên đều cho rằng không đại cát. Cho nên, Quang Tự kết hôn đích thật vào năm 19 tuổi, tức kéo dài đến mùa xuân năm sau. Hoàng đế Quang Tự không hài lòng lắm đối với Diệp Hách Na La thị được chọn làm hoàng hậu, đương nhiên u buồn không vui trước hôn sự này. Diệp Hách Na La thị tướng mạo bình thường, Quang Tự đã không thích lắm từ khi nàng vào cung làm bạn thân của Quang Tự khi còn nhỏ. Nhưng hôn sự do Tây thái hậu làm chủ, ngoài việc tuân mệnh, Quang Tự còn có thể làm gì chứ? Quang Tự đau khổ vô cùng, chỉ đành chấp nhận.

Ngày đại hôn ngày một đến gần. Quang Tự u buồn nặng nề. Ngoài cung gió lạnh thổi vi vu. Cung Càn Thanh đột nhiên bị cháy lớn, ngọn lửa nuốt chửng lầu môn, thiêu huỷ rất nhiều đồ trang sức cho buổi đại hôn. Tây thái hậu hạ lệnh lập tức sửa lại. Qua trận cháy lớn đó, hoàng đế Quang Tự càng tuyệt vọng, ông chỉ hận mình không để ngọn lửa đó thiêu huỷ cả mình và cung thất đó.

Ngày đại hôn cuối cùng cũng đến. Hôm đó, ánh nắng chói chang, đội ngũ đón thân khổng lồ rước Diệp Hách Na La thị vào hậu cung một theo nghi lễ hết sức long trọng, đưa đến Đông Noãn các của cung Khôn Ninh động phòng. Khôn Ninh cung là chính cung của hoàng hậu đời Minh, đời Thanh cũng chọn làm chính cung của hoàng hậu, nhưng hoàng hậu ngày thường không sống ở đó. Đông Noãn các của Khôn Ninh cung là nơi động phòng khi hoàng đế nhà Thanh tiến hành đại hôn. Đại hôn của Khang Hi, Đồng Trị,

Quang Tụ của nhà Thanh, động phòng luôn chọn nơi này. Kết cấu của cung Khôn Ninh hơi đặc biệt, cửa chính có một gian hướng đông, cửa sổ song đứng, Minh gian và 3 mặt tây, nam, bắc của phần phía tây trong điện là giường lò hình tròn. Kết cấu này chính là kiến trúc theo phong tục của dân tộc Mãn Châu, trong cung long trọng cử hành tế lễ tại đây.

Nơi động phòng tại Đông Ngõa các là nơi đặc biệt. Toàn bộ những bức tường trong phòng đều sơn màu đỏ, trên tường được dán hai chữ song hi bằng vàng rất lớn. Trong phòng treo đèn lồng hình chữ hi. Trên tường cửa phòng một bức đối liễn treo dài tận xuống đất. Từ cửa chính vào Đông Ngõa các, sừng sững một bản gỗ chữ song hi màu vàng rất lớn, nó được gọi là mở cửa thấy hi. Phía bắc đặt giường hi long phụng, trên giường treo màn ngũ sắc, trên đó vẽ tranh của hàng trăm đứa trẻ sống động như thật. Giường hi được đắp lên tấm chăn long phụng màu đỏ rất dày. Hoàng đế và hoàng hậu trải qua 3 ngày động phòng hoa chúc tại đây.

Tuy nhiên, tất cả những thứ này đều không tạo hứng thú cho hoàng đế Quang Tụ. Quang Tụ 19 tuổi nhìn thấy hoàng hậu lớn hơn mình 2 tuổi mà chán ngán. Ánh sáng tươi đẹp và không khí náo nhiệt long trọng càng tăng thêm nỗi buồn của Quang Tụ. Quang Tụ nhu nhược tuy không thể trút giận, nhưng chàng có thể chống đối hôn sự này một cách tiêu cực, có thể biến nơi động phòng ấm cúng này thành lãnh cung lạnh lẽo. Thái hậu có thể lo hết chuyện tuyển lập hoàng hậu, thái hậu cũng có thể tự lo hết chuyện sắc lập phi tần, nhưng chuyện tình cảm thì sao? Thái hậu không thể ép người đi an ủi, đi chăm sóc, lên giường ngủ chứ? Thế là, đêm động phòng, hoàng đế Quang Tụ lạnh lùng như băng, sau đó vừa không chiêu hạnh hoàng hậu, cũng không lệnh cho hoàng hậu hầu hạ, hoàng hậu chỉ đành nuốt nước mắt thờ dài, trải qua một đêm rồi lại một đêm dài cô quạnh trong nước mắt đầm đìa.

Nơi động phòng lạnh lẽo khiến người than thở, hoàng hậu nước mắt như mưa, hoàng đế Quang Tụ không đau khổ vô cùng hay sao? “Quốc văn bị trình” viết: Đức Tông (Quang Tụ) do Phan đệ nên được thừa kế ngôi vị, Hiếu Khâm (Tây thái hậu) thiên vị nhà mẹ, lập con gái của huynh trưởng Quế Tường làm hoàng hậu. Hoàng hậu lớn hơn Đức Tông 2 tuổi, dung mạo tầm thường. Hai con gái của Trường Tụ vào cung làm quý phi cùng một lúc. Trân phi giỏi đánh cờ, Đức Tông rất sủng ái, không hòa thuận với hoàng hậu. Hai phi nhiều lần bị Hiếu Khâm quở trách, nói với hoàng thượng, hoàng thượng cũng không dám lên tiếng. Thế là, giữa mẹ con, phu thê xuất hiện kHoang cách. Cho nên có người nói, nhà Thanh diệt vong, có nguyên nhân của nó, nhất là bên ngoài có sự tranh giành giữa cái cũ và cái mới, sự tranh đấu giữa hòa hoãn và chiến tranh, bên trong lại xuất hiện vợ chồng rạn nứt, mẫu tử rạn nứt, có 4 điểm này, Mãn Thanh tất nhiên bị diệt vong.

Hết